BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MINH TRÂM

CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ
MÃ SỐ: 9.38.01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các thông tin nêu trong luận án là trung thực. Các trích dẫn trong luận án đều được chú thích đầy đủ và chính xác. Các kết quả nghiên cứu chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Minh Trâm

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Tên viết tắt
1.	BLHS	Bộ luật hình sự
2.	BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
3.	CTTP	Cấu thành tội phạm
4.	CQTHTT	Cơ quan tiến hành tố tụng
5.	HĐTP	Hội đồng thẩm phán
6.	HSST	Hình sự sơ thẩm
7.	HSPT	Hình sự phúc thẩm
8.	QĐHP	Quyết định hình phạt
9.	TAND	Tòa án nhân dân
10.	TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
11.	TNHS	Trách nhiệm hình sự
12.	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
13.	VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
14.	VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
15.	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC, BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

1. Danh mục các Phụ lục

Phụ lục 01: Bảng thống kê số lượng các điều luật quy định tình tiết phạm tội nhiều lần, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 1985.

Phụ lục 02: Bảng thống kê số lượng các điều luật quy định tình tiết phạm tội nhiều lần, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 1999.

Phụ lục 03: Bảng thống kê số lượng các điều luật quy định tình tiết phạm tội nhiều lần, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 2015.

Phụ lục 04: Bảng thống kê các điều luật quy định dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này ... chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* là dấu hiệu định tội trong BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015.

Phụ lục 05: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong 500 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 6/2022 trong phạm vi cả nước.

Phụ lục 06: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong 500 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 6/2022 trong phạm vi cả nước.

Phụ lục 07: Tổng hợp 500 bản án hình sự áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 48 BLHS năm 1999 và Điều 52 BLHS năm 2015 từ năm 2016 cho đến tháng 6/2022 trong phạm vi cả nước.

Phụ lục 08: Tổng hợp 200 bản án hình sự áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm từ năm 2016 cho đến tháng 6/2022 trong phạm vi cả nước.

2. Danh mục các biểu đồ

Biểu đồ 1: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong 500 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022

Biểu đồ 2: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong 200 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022

Biểu đồ 3: Thực tiễn áp dụng đồng thời các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong 200 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022.

Biểu đồ 4: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong từng chương của BLHS năm 2015 trong 200 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....1

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN..... 8

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ NHIỀU TỘI PHẠM VÀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM 24

1.1. Lý luận về nhiều tội phạm.....24

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nhiều tội phạm..... 24

1.1.2. Các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm.....29

1.1.2.1. Phạm nhiều tội..... 31

1.1.2.2. Phạm tội nhiều lần..... 34

1.1.2.3. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.....37

1.1.2.4. Tái phạm tội.....41

1.1.3. Phân biệt nhiều tội phạm với các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm..... 44

1.1.4. Mối liên hệ giữa nhiều tội phạm và trách nhiệm hình sự..... 47

1.2. Lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm.....48

1.2.1. Khái niệm của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm.....48

1.2.2. Đặc điểm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm 54

1.2.3. Nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm.....57

1.2.4. Ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm.....65

1.2.4.1. Ý nghĩa pháp lý..... 65

1.2.4.2. Ý nghĩa Chính trị - xã hội.....68

Kết luận chương 1.....71

CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM..... 72

2.1. Khái quát lịch sử quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam..... 72

2.1.1. Quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985..... 72

2.1.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm.....78

2.1.3. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 83

2.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 89

2.2.1. Phạm nhiều tội..... 89

2.2.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.....92

2.2.3. Phạm tội 02 lần trở lên.....95

2.2.4. Tái phạm tội.....99

2.2.5. Phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm..... 107

2.3. Những bất cập, hạn chế trong quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm 110

Kết luận chương 2.....118

CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM..... 119

3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm.....119

3.1.1. Kết quả khảo sát thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 119

3.1.2. Những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 125

3.1.2.1. Những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 125

3.1.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc..... 146

3.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 149

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 149

3.2.1.1. Phạm nhiều tội..... 150

3.2.1.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp..... 153

3.2.1.3. Phạm tội 02 lần trở lên..... 161

3.2.1.4. Tái phạm tội..... 167

3.2.2. **Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm..... 170**

Kết luận chương 3..... 175

KẾT LUẬN..... 176

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC LUẬN ÁN

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tại Văn kiện Nghị Quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra một trong những nhiệm vụ, định hướng phát triển đất nước, đó là: "*Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước….Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội*".[1] Để thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm thì việc hoàn thiện các quy định pháp luật, trong đó có các quy định của pháp luật hình sự là rất cần thiết.

Hiện nay, ở nước ta, tình hình tội phạm xảy ra ngày càng nghiêm trọng và phức tạp. Một chủ thể có thể thực hiện nhiều tội phạm khác nhau hoặc cùng một hành vi phạm tội nhưng được thực hiện lặp đi lặp lại nhiều lần với phương thức thực hiện chuyên nghiệp và tinh vi hơn, gây thiệt hại không chỉ một khách thể mà còn có thể gây thiệt hại cho nhiều khách thể khác nhau được Luật hình sự bảo vệ. Điều này đòi hỏi khi Tòa án QĐHP đối với người bị kết tội cần thực hiện việc phân hoá TNHS đối với trường hợp phạm một tội một lần hoặc phạm một tội nhưng nhiều lần khác nhau hoặc nhiều tội phạm khác nhau sẽ dựa vào những căn cứ khác nhau.

Theo quy định của BLHS năm 2015[2] khi QĐHP, ngoài việc căn cứ vào các quy định của BLHS, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, Tòa án còn phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng TNHS và tình tiết giảm nhẹ TNHS.[3] Tuy nhiên, trong trường hợp một người thực hiện nhiều tội phạm thì việc nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi Tòa án QĐHP cũng có nhiều dấu hiệu đặc trưng và khác biệt so với QĐHP trong trường hợp một tội phạm. Việc nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan nhiều tội phạm sẽ đáp ứng được yêu cầu về mặt lý luận và thực tiễn như sau:

Về mặt lý luận, hiện nay mặc dù một số thuật ngữ như phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần (phạm tội 02 lần trở lên), phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái

[1] Văn kiện Nghị Quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam.
[2] BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
[3] Điều 50 BLHS năm 2015.

phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đã được ghi nhận từ sớm trong BLHS năm 1985,[4] BLHS năm 1999[5] và BLHS năm 2015[6] nhưng chế định nhiều tội phạm vẫn chưa được ghi nhận chính thức bằng một quy phạm pháp luật riêng trong các BLHS này. Do đó, một số vấn đề lý luận liên quan đến nhiều tội phạm vẫn chưa được làm sáng tỏ và thống nhất. Điều này làm cho việc nghiên cứu một số các quy định liên quan đến nhiều tội phạm gặp nhiều khó khăn, trong đó có vấn đề các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Xét từ góc độ pháp lý, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm không chỉ đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt mà còn là dấu hiệu định tội hoặc tình tiết tăng nặng TNHS định khung hình phạt của một số các tội phạm cụ thể. Do đó, việc hoàn thiện về mặt lý luận các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan nhiều tội phạm như: khái niệm, đặc điểm của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm; nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan nhiều tội phạm như thế nào khi QĐHP hoặc những tình tiết nào là các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm hoặc trường hợp lý giải việc đối với các tội phạm nào thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan nhiều tội phạm được coi là dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt…là rất quan trọng và là cơ sở lý luận cho hoạt động lập pháp cũng như áp dụng pháp luật hình sự.

Về mặt thực tiễn, khi vấn đề nhiều tội phạm chưa được ghi nhận chính thức trong BLHS dẫn đến hệ quả thực tiễn xét xử các Toà án còn lúng túng, chưa áp dụng thống nhất và đúng đắn các quy định của BLHS trong việc xác định các hình thức của nhiều tội phạm (như phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm) trong các vụ án hình sự cụ thể. Điều này dẫn đến việc định tội danh và QĐHP không được đồng nhất và chính xác, không đảm bảo nguyên tắc công bằng trong pháp luật hình sự Việt Nam. Mặt khác, khi một người thực hiện nhiều tội phạm thì căn cứ QĐHP trong trường hợp nhiều tội phạm rõ ràng khác so với trường hợp phạm một tội. Do đó, việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là cơ sở thực tiễn cho hoạt động lập pháp hình sự và có ý nghĩa quan trọng về định tội và QĐHP trong thực tiễn xét xử.

[4] BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992 và 1997).
[5] BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).
[6] "Phạm nhiều tội" được đề cập trong tên gọi của điều luật "Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội" (Điều 41 BLHS năm 1985, Điều 50 BLHS năm 1999 và Điều 55 BLHS năm 2015). "Phạm tội nhiều lần" được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS chung (điểm i khoản 1 Điều 39 BLHS năm 1985, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015) và là tình tiết định khung hình phạt trong một số tội danh trong Phần các tội phạm cụ thể của các Bộ luật này.

Trong khoa học pháp lý hình sự hiện nay cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS. Tuy nhiên những công trình nghiên cứu này chỉ dừng ở việc đưa ra khái niệm, nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS ở mức độ khái quát; mà chưa giải quyết được các vấn đề như: xác định mối quan hệ giữa nhiều tội phạm và TNHS hoặc chưa có công trình nghiên cứu nào kết hợp giữa việc nghiên cứu các cơ sở lý luận nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS cũng như chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được biểu hiện như thế nào trong BLHS,…

Do đó, xuất phát từ yêu cầu của lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả cho rằng việc nghiên cứu nhằm tạo nhận thức thống nhất về mặt lý luận, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn để từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh đất nước ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp. Chính vì lẽ đó, tác giả chọn đề tài: ***"Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam"*** cho luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam"* nhằm đạt được những mục đích sau đây:

Trên cơ sở làm rõ được cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam; chỉ ra được những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong các quy định của BLHS năm 2015 và trong thực tiễn áp dụng về vấn đề này; từ đó, đề xuất kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và các giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định đó.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án đưa ra nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm;

- Nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm;

- Nghiên cứu tham khảo quy định của pháp luật hình sự một số nước về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm;

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm;

- Đưa ra một số đề xuất hoàn thiện và giải pháp bảo đảm áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*" là những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng liên quan đến nhiều tội phạm, thực tiễn áp dụng các tình tiết này tại Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án tiến sĩ "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*" được giới hạn như sau:

- Về nội dung: tác giả tiếp cận nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm dưới ba vai trò: là dấu hiệu định tội, là dấu hiệu định khung hình phạt và là các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Từ góc độ tiếp cận này, phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung vào 04 (bốn) tình tiết nêu sau: phạm nhiều tội, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và các trường hợp tái phạm tội.

- Về thời gian khảo sát thực tiễn áp dụng pháp luật: Luận án nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm của Tòa án các cấp trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 06/2022 tại Việt Nam.

- Về không gian khảo sát thực tiễn áp dụng pháp luật: phạm vi toàn quốc.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Cở sở phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về Nhà

nước và pháp luật, về pháp luật trong Nhà nước pháp quyền XHCN và về vấn đề cải cách tư pháp.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích và nhiệm vụ nêu trên, luận án này sử dụng các phương pháp nghiên cứu điển hình như sau:

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học được sử dụng để hệ thống hóa, phân tích các công trình nghiên cứu đã được công bố trước đó nhằm tiếp thu các kiến thức, các thành tựu mà các nhà khoa học đã đạt được về vấn đề nghiên cứu và đưa ra các quan điểm khoa học của tác giả.

- Phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu so sánh quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau; từ đó đánh giá ưu điểm và hạn chế của BLHS Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng như đánh giá tính kế thừa trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Ngoài ra, phương pháp này được dùng để so sánh một số quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm làm cơ sở cho các kiến nghị hoàn thiện trong luận án.

- Phương pháp thống kê được sử dụng trong nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong phạm vi toàn quốc.

- Phương pháp nghiên cứu án điển hình được sử dụng để phân tích các vấn đề thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong một số vụ án hình sự cụ thể.

- Công cụ tư duy phân tích và tổng hợp được sử dụng xuyên suốt trong luận án để nhận thức từ chi tiết đến khái quát vấn đề được nghiên cứu.

5. Điểm mới của Luận án

Đây là công trình đầu tiên ở cấp độ một luận án tiến sĩ nghiên cứu khá toàn diện, hệ thống về một nhóm các tình tiết tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam. Đó là các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Cụ thể, Luận án có các điểm mới nêu sau:

Thứ nhất, Luận án là công trình khoa học đầu tiên phân tích một cách tổng thể và toàn diện về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Thứ hai, Luận án đã xây dựng được những vấn đề lý luận về nhiều tội phạm, có ý nghĩa quan trọng trong khoa học pháp lý hình sự và thực tiễn xét xử như khái niệm, đặc điểm và các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm. Trên nền tảng đó, Luận án đã đưa ra được một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc áp dụng các tình tiết này khi quyết định hình phạt.

Thứ ba, Luận án phân tích có hệ thống và toàn diện vai trò của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm trong Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể trong các Bộ luật hình sự với ba vai trò khác nhau: là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có giá trị trong một khung hình phạt, là các dấu hiệu định tội và các dấu hiệu định khung hình phạt.

Thứ tư, luận án đánh giá công phu thực trạng áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm ở Việt Nam hiện nay trên cả hai phương diện pháp luật và thực hiện pháp luật. Từ đó, luận án đã chỉ rõ những hạn chế, bất cập và nhận diện những nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này trong quy định và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Thứ năm, luận án đề xuất các kiến nghị hoàn thiện và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam. Trong đó, luận án tập trung đưa ra các kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm đồng thời đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp để đảm bảo tính hiệu quả khi áp dụng các tình tiết này.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận: Những kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện vấn đề lý luận về tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, giúp cho các nhà nghiên cứu có góc nhìn toàn diện hơn, đầy đủ hơn về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và công tác áp dụng quy định về các tình tiết này của BLHS Việt Nam năm 2015.

Luận án cũng góp một phần nhỏ làm nguồn tư liệu để làm tài liệu tham khảo, giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Về mặt thực tiễn: Luận án đã góp một phần làm rõ thực trạng áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong thời gian qua, những ưu điểm

đạt được, những vướng mắc và khó khăn, tìm ra những nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Luận án là tài liệu tham khảo cho các nhà hoạt động thực tiễn trong áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể phục vụ cho việc đánh giá một cách toàn diện và khoa học về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, làm căn cứ cho việc đề xuất các nội dung hoàn thiện về các tình tiết tăng nặng TNHS và nâng cao chất lượng áp dụng, đáp ứng yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài Lời cam đoan, Danh mục từ viết tắt, Danh mục phụ lục và biểu đồ, Mục lục, Phần mở đầu, Tổng quan về vấn đề nghiên cứu của Luận án, Kết luận, Các công trình khoa học đã công bố liên quan đến nội dung của Luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án gồm 03 chương như sau:

Chương 1. Lý luận về nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Chương 2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Chương 3. Thực tiễn và giải pháp bảo đảm áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Trên thế giới, hiện nay có nhiều công trình khoa học nghiên cứu có nội dung liên quan đến vấn đề các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, chẳng hạn như các vấn đề: các tình tiết tăng nặng TNHS ảnh hưởng đến việc QĐHP trong một bản án hình sự, các dấu hiệu nhận biết người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm khác nhau, QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội hoặc các tình tiết tăng nặng TNHS được xác định và biểu hiện như thế nào trong một tội danh cụ thể nào đó, … Những vấn đề nghiên cứu này có quan hệ mật thiết với vấn đề các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Các tài liệu này có thể phân thành các nhóm vấn đề sau:

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS.

- Luận án tiến sỹ của tác giả Донец Сергей Петрович (Dones Sergey Petrovich) về đề tài: "*Смягчающие и отягчающие обстоятельства в уголовном праве (правовая природа, классификация, проблемы учета) (Những tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trong luật hình sự (bản chất pháp lý, phân loại và các vấn đề nghiên cứu)*"[7] và Luận án tiến sỹ của tác giả Мясников Олег Алексеевич (Myasnikov Oleg Alekseyevich) về đề tài: "*Смягчающие и отягчающие наказание обстоятельства в российском уголовном праве" (Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng hình phạt trong luật hình sự Nga).*[8] Trong các luận án này đã đề cập đến các vấn đề về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS Liên Bang Nga như: lịch sử hình thành và quá trình phát triển các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS; khái niệm, đặc điểm và vai trò của các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Bên cạnh đó, các tác giả nêu ra một số bất cập từ quy định của BLHS Liên Bang Nga về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS và đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các tình tiết này trong BLHS Liên Bang Nga.

Ngoài ra, còn có một số bài viết đăng trên tạp chí nước ngoài bàn về một số nội dung liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS như:

---

[7] Донец Сергей Петрович (2003), *Смягчающие и отягчающие обстоятельства в уголовном праве (правовая природа, классификация, проблемы учета),* Кандидатская диссертация юриспруденция, Казань, Россия.

[8] Мясников Олег Алексеевич (2001), *Смягчающие и отягчающие наказание обстоятельства в российском уголовном праве,* Кандидатская диссертация юриспруденция, Москва, Россия.

- Bài viết "*The Impact of Aggravating and Mitigating Factor on the Sentence Severity of Sex Offenders: An Exploration and Comparison of Differences Between Offending Groups*" *(Sự tác động của tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với tội phạm tình dục: Nghiên cứu và so sánh sự khác nhau giữa các nhóm tội phạm này*) của tác giả Joanna Amirault and Eric Beauregard.[9] Trong bài viết này, tác giả phân tích sự tác động và ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS trong việc QĐHP của các nhóm tội phạm về tình dục tại Canada.

- Bài viết của Luật sư Stacy Barret trong bài báo "*Aggravating Factors in Criminal Sentences*" *(Các tình tiết tăng nặng TNHS trong chế tài hình sự*) trên trang CriminalDefenseLawyer.[10] Trong bài viết này tác giả đánh giá sự tác động và ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng TNHS khi QĐHP trong các bản án hình sự.

- Bài viết "*Aggravating and Mitigating Factors: The Paradox of Today's Arbitrary and Mandatory Capital Punishment Scheme*" *(Tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ: Nghịch lý của sự độc đoán, chuyên quyền thời nay và các nguyên tắc áp dụng án tử hình*) của tác giả Jeffrey L. Kirchmeier.[11] Và bài viết "*The Especially Heinous Aggravating Circumstance in Capital Cases -The Standardless Standard*" *(Sự tàn khốc của các tình tiết tăng nặng trong các vụ án tử hình: Một tiêu chuẩn "phi chuẩn"*) của Richard A. Rosen.[12] Cả hai bài viết này đánh giá sự ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng TNHS trong một bản án hình sự có áp dụng hình phạt tử hình một số bang ở Mỹ. Họ cho rằng một hành vi phạm tội nếu có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS thì khả năng bị áp dụng hình phạt tử hình cao hơn so với các trường hợp không chịu sự tác động của các tình tiết tăng nặng TNHS.

---

[9] Joanna Amirault and Eric Beauregard (2014), *The Impact of Aggravating and Mitigating Factor on the Sentence Severity of Sex Offenders: An Exploration and Comparison of Differences Between Offending Groups,* Criminal Justice Policy Review 2014, Vol 25 (I), No. 78-104. [https://www.researchgate.net/publication/287785703_The_Impact_of_Aggravating_and_Mitigating_Factors_on_the_Sentence_Severity_of_Sex_Offenders_An_Exploration_and_Comparison_of_Differences_Between_Offending_Groups], (truy cập ngày 12/11/2021).

[10] Stacy Barrett, "Aggravating Factors in Criminal Sentences", [https://www.criminaldefenselawyer.com/resources/aggravating-factors-in-criminal-sentences.html] (truy cập ngày 20/11/2021).

[11] Jeffrey L. Kirchmeier *(1998), Aggravating and Mitigating Factors: The Paradox of Today's Arbitrary and Mandatory Capital Punishment Scheme,* Constitutional Law Commons and the Criminal Procedure Commons, Vol.6, No.345. [https://scholarship.law.wm.edu/cgi/viewcontent.cgi?referer=https://www.google.com/&httpsredir=1&article=1443&context=wmborj], (truy cập ngày 20/11/2021).

[12] Richard A. Rosen (2015)*, The Especially Heinous Aggravating Circumstance in Capital Cases -The Standardless Standard*, North Carolina Law Review. [https://scholarship.law.unc.edu/cgi/viewcontent.cgi?referer=https://www.google.com/&httpsredir=1&article=3044&context=nclr], (truy cập ngày 20/11/2021).

- Bài viết "*Aggravating and Mitigating Sentencing Factors at the ICTR - An Exploratory Analysis*" *(Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ được áp dụng ở ICTR – Phân tích nghiên cứu*) của tác giả William R. Pruitt vào năm 2014.[13] Bài viết này phân tích cách áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS ở Tòa án Hình sự Quốc tế Rwanda (ICTR). Theo tác giả, Tòa án Hình sự Quốc tế Rwanda (ICTR) đã hoạt động gần hai thập kỷ nay và đã kết án hơn sáu mươi bị cáo nhưng các quy tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS rất mơ hồ và khó xác định. Do đó, thông qua nghiên cứu này, tác giả đề xuất cần thiết lập một tiêu chuẩn chung về cách áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS ở Tòa án Hình sự Quốc tế Rwanda (ICTR), làm căn cứ cho các tòa án quốc tế trong tương lai khi tuyên án các bị cáo về tội ác đặc biệt nghiêm trọng nhất.

Như vậy, hầu hết các công trình nghiên cứu nêu trên tập trung nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS khi QĐHP, …. hoặc một số công trình nghiên cứu sự tác động các tình tiết tăng nặng TNHS trong nhóm tội phạm cụ thể nào đó. Mặc dù các công trình nghiên cứu này chỉ nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS theo pháp luật của đất nước sở tại của tác giả bài viết nhưng các kết quả nghiên cứu cũng giúp tác giả có cách nhìn khách quan hơn khi đánh giá sự tác động ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng TNHS khi QĐHP. Ngoài ra, khi nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS, các công trình này mới chỉ dừng ở mức độ khái quát các tình tiết tăng nặng TNHS ở đất nước sở tại của tác giả bài viết mà chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra một số nền tảng lý luận chung về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm hoặc đánh giá quy định của BLHS Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chế định nhiều tội phạm.

Hiện nay, hầu hết các công trình nghiên cứu nước ngoài tiếp cận chế định nhiều tội phạm khi nghiên cứu thông qua các hình thức biểu hiện của chế định nhiều tội phạm như: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần, tái phạm… Các công trình này chủ yếu tập trung nghiên cứu các nội dung như khái niệm, đặc điểm, vai trò của các hình thức biểu hiện của chế định nhiều tội phạm hoặc một số bài viết bàn về cách áp dụng các tình tiết này trong nhóm tội phạm cụ thể nào đó. Một số các công trình nghiên cứu đó là:

[13] William R. Pruitt (2014), *Aggravating and Mitigating Sentencing Factors at the ICTR - An Exploratory Analysis*, International Criminal Law, Vol.14, No.148-176.

- Luận án Tiến sĩ luật của tác giả Dosaeva Glera Suleimanovna về đề tài: "*Множественности преступлений*" *(Nhiều tội phạm*) vào năm 2017.[14] Trong Luận án này, tác giả tập trung phân tích quá trình hình thành và phát triển của vấn đề nhiều tội phạm từ thời kỳ Liên Xô. Từ quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự thời kỳ Liên Xô kết hợp với quy định trong BLHS Liên Bang Nga và thông qua việc thống kê, phân tích về tình hình thực hiện nhiều tội phạm của người phạm tội tại Liên Bang Nga, tác giả đưa ra khái niệm, các dấu hiệu pháp lý cơ bản của nhiều tội phạm cũng như cho rằng hành vi phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm thường để lại hậu quả pháp lý cao hơn so với trường hợp phạm một tội. Chính vì vậy, tác giả cho rằng, pháp luật hình sự Liên Bang Nga cần phải được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng việc đấu tranh phòng, chống các hành vi trong trường hợp nhiều tội phạm.

- Công trình nghiên cứu khoa học của tác giả A.B. Shnitenkov về đề tài: "*Множественность преступлений в уголовном праве" (Phạm nhiều tội trong pháp luật hình sự)* vào năm 2014.*[15]* Trong công trình nghiên cứu này, tác giả đưa ra khái niệm, đặc điểm và các dấu hiệu pháp lý của phạm nhiều tội theo quy định của pháp luật hình sự Liên Bang Nga. Ngoài ra, tác giả tập trung phân tích các bước tổng hợp hình phạt khi QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội và phân biệt phạm nhiều tội và các trường hợp tái phạm tội.

- Cuốn sách "*More Than One Offense: Sentencing Multiple Crimes*" *(Nhiều hơn một hành vi phạm tội: Kết án nhiều tội phạm*) của tác giả Jesper Ryberg được xuất bản tại Mỹ vào năm 2017.[16] Cuốn sách này cho rằng hầu hết mọi người đều nghĩ rằng người phạm tội chỉ bị kết án một tội duy nhất. Tuy nhiên, theo tác giả trên thực tế, gần một nửa số người phạm tội bị kết án nhiều hơn một tội. Và khi tỷ lệ người phạm tội nhiều lần cao đặt ra một số thách thức về mặt lý luận và thực tiễn đối với hệ thống tư pháp hình sự. Cuốn sách đã giải quyết các vấn đề như tỷ lệ thiệt hại của các tội đã gây ra như thế nào, khoảng thời gian giữa các tội đã thực hiện và mối quan hệ giữa các lý luận về việc đối xử, trừng phạt đối với người tái phạm và phạm tội nhiều lần. Từ đó, tác giả đưa ra một số phương án nhằm hoàn thiện các vấn đề về QĐHP trong trường hợp có nhiều hành vi phạm tội xảy ra.

---

[14] Dosaeva Glera Suleimanovna (2017), *МНОЖЕСТВЕННОСТИ ПРЕСТУПЛЕНИЙ, доктора юридических наук, Российский государственный университет правосудия,* No.21. (Dosaeva Glera Suleimanovna (2017), *Multiple Crimes*, Doctor of Law, Russian State University of Justice, No.21).

[15] A.B. Shnitenkov (2014), *Множественность преступлений в уголовном праве*, Оренбургский институт, Московский государственный юридическийуниверситет имени О.Е. Кутафина.

[16] Jesper Ryberg (2017), *More Than One Offense: Sentencing Multiple Crimes*, Oxford, USA.

- Cuốn sách "*Professional Criminality: Past and Present*" *(Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp: Quá khứ và Hiện tại)* của tác giả A.Gurov[17] bàn về các dấu hiệu pháp lý của hình thức phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Cuốn sách này tác giả không chỉ phân tích quá trình hình thành và phát triển tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp mà thông qua việc phân tích các vụ việc thực tế, tác giả đưa ra các dấu hiệu pháp lý để nhận diện tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

- Bài viết *"Recidivism Revisited" (Tái phạm lặp lại*) của tác giả Richard M Ariessohn.[18] Bài viết này tác giả đề cập một số vấn đề về tái phạm, nguyên nhân của hành vi tái phạm và đưa ra các giải pháp hoàn thiện các quy định về tái phạm.

Ngoài ra, còn có một số tài liệu khác cũng có các nội dung liên quan đến nhiều tội phạm như: "*Criminology, tutorial*" của tác giả A. Zelinskiy được xuất bản bởi nhà xuất bản Rubikon ở vùng Kharkiv vào năm 2000,[19] "*Crimonology, textbook*" của tác giả A. Dolgovaya được xuất bản bởi nhà xuất bản Ifram-M tại Moscow vào năm 1999,[20] "*Criminology" của tác giả* A. Zelinskiy vào năm 2000,[21] bài viết của tác giả Oirat Nurashovich Rakhimberlin về đề tài: "*The Issues of the Professional Crime Prevention in the Republic of Kazakhstan"* (Những vấn đề về Phòng ngừa tội phạm chuyên nghiệp ở Cộng hoà Kazahstan) trong tạp chí Advanced Research in Law and Economics,[22] bài viết của tác giả R. Scott về đề tài: "*Reducing recidivism via college-in-prison: Thoughts on data collection, methology, and the question of purpose"* Giảm tái phạm tội thông qua Giáo dục trong tù: Những suy nghĩ về thu thập dữ liệu, phương pháp đo lường và câu hỏi về mục đích) *trong tạp chí* Series Critical Education,[23]…

Sau khi nghiên cứu các công trình nghiên cứu nước ngoài về nhiều tội phạm, tác giả nhận thấy rằng hiện nay vấn đề nhiều tội phạm cũng là vấn đề được nhiều nhà khoa học pháp lý ở nước ngoài quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả chỉ nghiên cứu nhiều tội phạm thông qua việc nghiên cứu các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm như: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần, tái phạm… Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu các công trình này cũng góp phần giúp cho tác giả đánh giá khái quát được các dấu hiệu đặc trưng của nhiều tội phạm

[17] A. Gurov (1990), *Professional Criminality: Past and Present*, Moscow, No.40-41.
[18] Richard M Ariessohn (1981), *Recidivism Revisited*, Juvenile & Family Court Journal.
[19]A. Zelinskiy (2000), *Criminology, tutorial*, NXB Rubikon, No.180.
[20] A. Dolgovaya (1999), *Crimonology, textbook*, NXB. Ifram-M tại Moscow, No.620.
[21] A. Zelinskiy (2000), *Criminology*, Kharkiv: Rubikon, No.180.
[22] Oirat Nurashovich Rakhimberlin (2015), *The Issues of the Professional Crime Prevention in the Republic of Kazakhstan*, Journal of Advanced Research in Law and Economics (Volume VI, Summer), No.353.
[23] R. Scott (2018), *Reducing recidivism via college-in-prison: Thoughts on data collection, methology, and the question of purpose,* Series Critical Education, Vol. 9, No.18.

theo cách nhìn của nhà khoa học pháp lý nước ngoài; từ đó giúp cho tác giả xây dựng được nền tảng lý luận về nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Tóm tại, tổng quan về tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy hiện nay các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một vấn đề chưa được quan tâm nghiên cứu toàn diện: hầu hết các công trình chỉ tập trung nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS hoặc nghiên cứu về nhiều tội phạm và chủ yếu đánh giá phạm vi tác động trên lãnh thổ nước sở tại của các tác giả bài viết. Các kết quả nghiên cứu đạt được trong các công trình nghiên cứu nước ngoài cũng góp phần giúp cho tác giả xây dựng và đánh giá toàn diện về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm tại Việt Nam.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Các tình tiết tăng nặng TNHS là một vấn đề được đề cập phổ biến hầu hết trong tất cả các giáo trình luật hình sự của các cơ sở đào tạo luật và trong một số công trình nghiên cứu khoa học luật hình sự ở Việt Nam như các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, sách chuyên khảo, các bài viết trên tạp chí khoa học pháp lý,….Tuy nhiên, số lượng các công trình ở Việt Nam nghiên cứu trực tiếp đến đề tài "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*" hiện nay không có. Qua khảo sát, tác giả nhận thấy hầu hết các công trình nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung nghiên cứu hai nội dung chính: *một là*, nhóm các công trình nghiên cứu trực tiếp về các tình tiết tăng nặng TNHS hoặc các công trình nghiên cứu một số nội dung liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS; *hai là*, nhóm các công trình nghiên cứu trực tiếp đến chế định nhiều tội phạm hoặc nhóm các công trình nghiên cứu về các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm. Tác giả trình bày một số công trình nghiên cứu điển hình sau đây:

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS

- Về giáo trình gồm có*: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập 1, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2012 do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên); *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần Chung*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, năm 2012 do TS. Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên); *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần Chung,* Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2007 do PGS.TSKH Lê Cảm (Chủ biên); *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần Chung),* Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế, năm 2002 do PGS.TS Võ Khánh Vinh (Chủ biên), Các giáo trình nêu trên đều nghiên cứu một số vấn đề lý luận của các

tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS Việt Nam như khái niệm, đặc điểm, vai trò các tình tiết tăng nặng TNHS. Tuy nhiên hầu hết các công trình nghiên cứu này chỉ dừng mức độ khái quát về các tình tiết tăng nặng TNHS với vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 hoặc Điều 52 BLHS năm 2015, mà không tập trung phân tích chuyên sâu các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Mặt khác, các công trình này chỉ tập trung nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS với vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 mà chưa phân tích làm rõ vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định tội hoặc khung hình phạt trong một số tội danh trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015. Ngoài ra, các công trình này cũng không phân tích được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xét xử khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng, để từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

- Về sách chuyên khảo:

+ Sách chuyên khảo "*Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*" của Đinh Văn Quế, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2009. Cuốn sách này tác giả phân tích làm rõ nội dung một số các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS; thông qua đó đưa ra một số vướng mắc về nội dung quy định các tình tiết này khi áp dụng trong thực tiễn xét xử; từ đó tác giả đưa ra một số các kiến nghị hoàn thiện quy định về các tình tiết này.

+ Sách *"Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự"* của tác giả Đinh Văn Quế, NXB. Chính trị quốc gia, năm 2000. Cuốn sách này tác giả phân tích một số vấn đề lý luận của các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS theo quy định của BLHS năm 1999; tác giả đưa ra một số vướng mắc và đề xuất phương án hoàn thiện quy định của BLHS năm 1999 về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.

+ Cuốn sách *"Trách nhiệm hình sự và hình phạt"* của Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, năm 2001. Cuốn sách này đưa ra một số vấn đề lý luận về TNHS và hình phạt theo quy định của BLHS năm 1999, trong đó có đề cập một số nội dung liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS năm 1999.

- Về luận án, luận văn:

+ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "*Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong công tác xét xử của Tòa án và một số kiến nghị*" do tập thể tác giả của Ths. Đinh Văn Quế làm chủ nhiệm đề tài vào năm 2009. Đề tài này phân tích một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS theo quy định BLHS năm 1999; phân tích thực tiễn áp dụng các tình tiết này và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện quy định của các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 1999.

+ Luận án Tiến sĩ luật học (2019), *"Các tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Phan Thị Thu Lê. Luận án tập trung nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS dưới vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015 như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, nguyên tắc áp dụng, lịch sử hình thành các tình tiết tăng nặng TNHS; ngoài ra tác giả còn đưa ra một số vướng mắc, bất cập khi áp dụng các tình tiết này thông qua việc phân tích các vụ án thực tế; từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

+ Luận văn thạc sĩ Luật học (2006), "*Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm trong Luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Vũ Văn Phong. Luận văn này tập trung nghiên cứu về mặt lý luận nội dung các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định BLHS năm 1999: khái niệm, đặc điểm, bản chất pháp lý, các nguyên tắc áp dụng và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS; từ đó đưa ra một số đề xuất và kiến nghị để hoàn thiện các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999.

+ Luận văn thạc sĩ Luật học (2017), "*Một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm trong Luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Trần Thành Nam. Luận văn này tập trung nghiên cứu về mặt lý luận nội dung các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định BLHS năm 1999, BLHS năm 2015; khảo sát thực tiễn áp dụng tập trung vào các tình tiết: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện một số các tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

+ Luận văn thạc sĩ Luật học (2011), "*Các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội*" của tác giả Trần Mạnh Toàn. Luận văn này đưa ra một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định BLHS năm 1999 áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội; phân tích thực trạng áp dụng

các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội tại một số địa phương; từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

+ Ngoài ra còn có một số luận án tiến sĩ luật học, luận văn thạc sĩ luật học nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS, chẳng hạn như: Luận án tiến sĩ luật học "*Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*" (năm 1994) của tác giả Võ Khánh Vinh; Luận án tiến sĩ luật học "*Phân hóa TNHS trong Luật hình sự Việt Nam*" (năm 2008) của tác giả Cao Thị Oanh; Luận án tiến sĩ luật học "*Phạm tội có tổ chức trong Luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống tội phạm*" (năm 2002) của tác giả Nguyễn Trung Thành; Luận văn thạc sĩ luật học "*Phạm tội 02 lần trở lên theo Luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống tội phạm*" (năm 2020) của tác giả Bùi Công Bằng; Luận văn thạc sĩ luật học "*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội có tính chất chuyên nghiệptrong Luật hình sự Việt Nam*" (năm 2012) của tác giả Tạ Thị Ngân;…

- Ngoài ra có rất nhiều bài viết khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS, điển hình các bài viết như sau: Bùi Kiến Quốc, *Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS trong BLHS Việt Nam*, Tạp chí Luật học số 06/2000; Phạm Hồng Hải, *Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định của BLHS năm 1999*, Tạp chí TAND số 2/2001; Dương Tuyết Miên, *Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS theo BLHS năm 1999*, Tạp chí TAND số 1/2003; Trịnh Tiến Việt, *Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS trong BLHS 1999 và một số kiến nghị*, Tạp chí TANDsố 13/2004; Nguyễn Hải Dũng, *Về việc áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, phạm tội đối với nhiều người trong một số tội phạm của BLHS năm 1999*, Tạp chí Kiểm sát số 2/2005;…

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu về nhiều tội phạm

- Về sách chuyên khảo:

+ Sách chuyên khảo *"Chế định nhiều tội phạm – những vấn đề lý luận và thực tiễn*" (năm 2003) của tác giả Lê Văn Đệ. Đây là cuốn sách nghiên cứu khá đầy đủ các vấn đề liên quan đến chế định nhiều tội phạm như: khái niệm, các dấu hiệu pháp lý, các hình thức biểu hiện của chế định nhiều tội phạm. Ngoài ra, công trình này còn nghiên cứu các vấn đề về định tội danh trong trường hợp nhiều tội phạm cũng như vấn đề QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội như thế nào.

+ Sách chuyên khảo *"Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*" (năm 2005) của tác giả TSKH.PGS Lê Cảm. Cuốn sách này ngoài

việc nghiên cứu một số vấn đề về tội phạm trong khoa luật hình sự thì công trình này tác giả còn đưa ra một số nội dung liên quan đến chế định đa tội phạm.

+ Sách chuyên khảo *"Lý luận định tội danh"* của tác giả GS.TS Võ Khánh Vinh, NXB Khoa học xã hội, năm 2013. Cuốn sách này tác giả đưa ra các cơ sở lý luận về định tội danh (khái niệm, ý nghĩa, cơ sở pháp lý của việc định tội danh) và các bước định tội đanh trong các trường hợp luật định (định tội danh dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm, định tội danh trong trường hợp đồng phạm, định tội danh hành vi phạm tội chưa hoàn thành…) và trong cuốn sách này tác giả có đề cập đến hoạt động định tội danh trong trường hợp có nhiều tội phạm.

- Về luận án, luận văn:

+ Luận văn thạc sĩ luật học (2015), "*Phạm nhiều tội trong pháp luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Lê Thị Thúy. Công trình này phân tích một số vấn đề lý luận về phạm nhiều tội (khái niệm, bản chất pháp lý, đặc điểm), khái quát quá trình lịch sử của tình tiết phạm nhiều tội từ năm 1945 đến 1999; tác giả phân tích thực tiễn áp dụng tình tiết phạm nhiều tội và kiến nghị hoàn thiện BLHS năm 1999 về phạm nhiều tội.

+ Luận văn thạc sĩ luật học (2007), "*Định tội đanh trong trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam – từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai*" của tác giả Đào Thị Kiều Vân. Công trình này tác giả đưa ra một số vấn đề lý luận về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội (khái niệm, các trường hợp phạm nhiều tội,…); tác giả phân tích thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội tại tỉnh Đồng Nai, từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện phạm nhiều tội trong BLHS năm 1999.

+ Luận văn thạc sĩ luật học (2012), "*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội nhiều lần theo Luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Thị Bảo Tâm. Luận văn này tập trung nghiên cứu hình thức phạm tội nhiều lần trong BLHS năm 1999: khái niệm, đặc điểm cơ bản của phạm tội nhiều lần, lịch sử phát triển quy định phạm tội nhiều lần, thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần và đưa ra các nội dung hoàn thiện tình tiết phạm tội nhiều lần trong BLHS năm 1999.

- Ngoài ra một số bài viết khoa học trên các tạp chí chuyên ngành luật nghiên cứu chế định đa tội phạm hoặc các hình thức biểu hiện của chế định đa tội phạm như sau: TSKH.PGS Lê Cảm, *Chế định đa (nhiều) tội phạm và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 6/2001; Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Các trường hợp phạm nhiều tội trong luật hình sự*, Tạp chí Luật

học số 1/2001; Nông Trường Sinh (2007), *Về áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần*, Tạp chí Kiểm sát số 21/2007; Phạm Ngọc Thiệu (2007), *Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị đưa ra xét xử cùng một lần*, Tạp chí TAND số 24/2007; Vũ Thành Long (2006), *Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*, Tạp chí TAND số 20/2006…

Tóm tại, tổng quan về tình hình nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm ở Việt Nam cho thấy:

- Khoa học pháp lý hình sự ở Việt Nam chưa xây dựng một cách đầy đủ nền tảng lý luận về nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Hầu hết các công trình nghiên cứu chỉ tiếp cận các tình tiết tăng nặng TNHS dưới góc độ là các tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị ảnh hưởng trong một khung hình phạt mà không đánh giá toàn diện vai trò của các tình tiết này.

- Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay đang nghiên cứu tách rời giữa vấn đề nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS mà chưa có sự kết hợp nghiên cứu mối liên hệ giữa nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS trong pháp luật hình sự Việt Nam.

2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Sau khi khảo sát các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài liên quan đến đề tài "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*", tác giả đánh giá tổng quan về các công trình nghiên cứu như sau:

Thứ nhất đối với các công trình nghiên cứu nước ngoài: các công trình nước ngoài tiếp cận nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS ở nhiều góc độ khác nhau: một là nghiên cứu một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS chung có giá trị trong một khung hình phạt (như khái niệm, đặc điểm, vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS); hai là nghiên cứu sự tác động, ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng TNHS trong việc QĐHP đối với hành vi phạm tội cụ thể nào đó. Đây chính là cơ sở khoa học để tác giả tham khảo khi nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Tuy nhiên, cho đến nay rất ít công trình nghiên cứu nước ngoài nào tập trung nghiên cứu chuyên sâu về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm hoặc cũng chưa có một công trình khoa học nào ở nước ngoài nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS theo Luật hình sự Việt Nam đặc biệt là các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Thứ hai đối với các công trình nghiên cứu ở Việt Nam: các vấn đề liên quan đến đề tài "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm theo Luật hình sự Việt Nam*" đã được một số công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu ở Việt Nam chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS dưới vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS chung theo quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 hoặc Điều 52 BLHS năm 2015. Các công trình tập trung vào các nội dung như: khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS… Mặt khác, một số công trình chỉ nghiên cứu về vấn đề nhiều tội phạm trong các BLHS năm 1985 đến BLHS năm 2015 (như khái niệm, dấu hiệu pháp lý của nhiều tội phạm, các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm, …). Những công trình nghiên cứu này vẫn còn có một số điểm hạn chế nêu sau:

Một là, hầu hết các công trình chưa phân tích các tình tiết tăng nặng TNHS hiện diện trong quy định tại Điều 39 BLHS năm 1985, Điều 48 BLHS năm 1999 hoặc Điều 52 BLHS năm 2015 dưới góc độ là các dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt. Ngoài ra, hầu hết các công trình đã đề cập chưa nghiên cứu, đánh giá các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong quy định tại Phần các tội phạm cụ thể của BLHS. Hoặc nếu có công trình nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS dưới góc độ là các dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt thì chỉ mang tính sơ lược và khái quát trong một số tội danh. Các công trình đã nêu chưa giải quyết thấu đáo cơ sở lý luận cũng như cơ sở thực tiễn để lý giải tại sao việc một tình tiết tăng nặng TNHS được sử dụng là dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt.

Hai là, hiện nay ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu các cơ sở lý luận của nhiều tội phạm theo quy định của BLHS. Tuy nhiên những công trình này chỉ dừng ở mức độ nghiên cứu nhiều tội phạm như một chế định riêng cần được quy định trong BLHS, mà chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu vấn đề nhiều tội phạm với vấn đề xác định TNHS.

Ba là, hầu hết nội dung nghiên cứu của các công trình ở Việt Nam hoặc là nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong BLHS Việt Nam, hoặc là nghiên cứu về nhiều tội phạm trong BLHS, mà chưa có một công trình nghiên cứu nào kết hợp giữa các tình tiết tăng nặng TNHS và chế định nhiều tội phạm. Đây cũng chính là tính mới của đề tài này mà tác giả định hướng nghiên cứu so với các công trình nghiên cứu đã được công bố.

Bốn là, các công trình trên chưa nghiên cứu hoặc nghiên cứu chưa sâu một số tình tiết tăng nặng TNHS với vai trò là dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS thì có những vướng mắc, bất cập gì về mặt nội dung lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật của các tình tiết này khi áp dụng trong từng nhóm tội phạm cụ thể có tính chất, đặc trưng khác nhau được quy định trong BLHS.

Từ nội dung phân tích nêu trên, tác giả có thể kết luận rằng trong khoa học pháp lý hình sự đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu về "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*". Vì vậy, việc nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam trong bối cảnh hiện nay rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong khoa học và thực tiễn xét xử các vụ án hình sự, góp phần hoàn thiện các quy định của BLHS hiện hành và định hướng xây dựng BLHS trong tương lai.

3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

3.1.1. Câu hỏi nghiên cứu

Từ việc đánh giá tình hình nghiên cứu nêu trên và những hạn chế còn tồn tại về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam, tác giả đặt ra câu hỏi nghiên cứu trọng tâm: *"Lý luận, luật thực định và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có những hạn chế gì và cần hoàn thiện như thế nào?*".

Để giải đáp câu hỏi trọng tâm này, tác giả xây dựng các câu hỏi nghiên cứu như sau:

- Hiện nay về mặt lý luận, trong khoa học pháp luật hình sự Việt Nam có nhiều quan điểm khác nhau về nhiều tội phạm như khái niệm, đặc điểm và các hình thức của nhiều tội phạm. Vậy khái niệm nhiều tội phạm được hiểu như thế nào? Đặc điểm, hình thức của nhiều tội phạm là gì?

- Các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam dựa trên cơ sở lý luận như thế nào?

- Từ các vấn đề lý luận về nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được hiểu như thế nào?

Đặc điểm, vai trò và các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm?

- Luật hình sự Việt Nam hiện nay quy định như thế nào về nhiều tội phạm?

- Luật hình sự Việt Nam hiện nay quy định như thế nào về mối quan hệ giữa vấn đề nhiều tội phạm với việc xác định TNHS trong Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của BLHS?

- Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam có những vướng mắc, bất cập gì?

- Cần sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 như thế nào về vấn đề xác định TNHS liên quan đến nhiều tội phạm?

3.1.2. Lý thuyết nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý thuyết sau:

- Các tư tưởng, học thuyết, lý luận về nhà nước và pháp luật nói chung, về luật hình sự nói riêng.

- Các nguyên tắc chi phối khi quy định và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Quy định của các văn bản pháp luật liên quan của Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Các thành tựu đã được nghiên cứu trước đây về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm của các tác giả trong và ngoài nước.

Từ những cơ sở lý thuyết nêu trên, luận án sẽ phân tích các quy định của BLHS Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, tìm ra những điểm vướng mắc, bất cập khi áp dụng các tình tiết này; từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS năm 2015.

3.1.3. Các giả thuyết nghiên cứu

Luận án *"Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan nhiều tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam"* được nghiên cứu dựa trên giả thuyết: *"Lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chưa được quan tâm nghiên cứu một cách toàn diện. Một số quy định của BLHS năm 2015 về các tình*

tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm không còn phù hợp với cơ sở lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và yêu cầu của thực tiễn nên cần phải được sửa đổi, bổ sung". Giả thuyết trên được tác giả xây dựng trên cơ sở các giả thuyết nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, hiện nay trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam đã có những nghiên cứu nhất định về nhiều tội phạm như: khái niệm, các hình thức của nhiều tội phạm, ... Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu về nhiều tội phạm còn hạn chế và các vấn đề liên quan đến nhiều tội phạm vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau và chưa được thống nhất.

Thứ hai, trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam đã có những nghiên cứu nhất định về các tình tiết tăng nặng TNHS, nghiên cứu về chế định nhiều tội phạm. Tuy nhiên, các nghiên cứu về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như: khái niệm, đặc điểm, vai trò và các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chưa được nghiên cứu thỏa đáng.

Thứ ba, về cơ bản các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm đã được quy định từ rất sớm trong BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015. Tuy nhiên cho đến nay, vấn đề nhiều tội phạm vẫn chưa được ghi nhận chính thức và hoàn thiện trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Thứ tư, mặc dù hiện nay các hình thức của nhiều tội phạm không chỉ được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS chung trong Phần chung trong các BLHS mà còn được quy định là dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt trong Phần các tội phạm cụ thể của các BLHS này. Mặc dù khi quyết định hình phạt và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS này đối với người phạm tội thì với các vai trò khác nhau sẽ ảnh hưởng đến mức độ chịu TNHS của người phạm tội là khác nhau nhưng các quy định của BLHS vẫn chưa đồng bộ, chưa thống nhất đối với từng nhóm tội phạm trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS.

Thứ năm, thực tiễn cho thấy các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm theo quy định của Luật hình sự Việt Nam được áp dụng không thống nhất cả về nội dung của các tình tiết và vai trò của các tình tiết đối với từng tội danh cụ thể.

Thứ sáu, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn tác giả giả thuyết rằng quy định của Luật hình sự Việt Nam hiện nay về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm vẫn còn chưa hoàn thiện và cần được bổ sung các vấn đề sau đây:

- Luật hình sự Việt Nam cần hoàn thiện các vấn đề pháp lý liên quan đến chế định nhiều tội phạm trong BLHS năm 2015.

- Luật hình sự Việt Nam cần hoàn thiện các vấn đề pháp lý về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Cần sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 về vấn đề xác định TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Luật hình sự Việt Nam cần thay đổi, bổ sung các quy định liên quan khác của BLHS năm 2015 khi những quy định này không đảm bảo nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Cần xây dựng và phát triển các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

3.1.4. Dự kiến kết quả nghiên cứu

Dựa vào cơ sở lý thuyết được mô tả nêu trên, tác giả dự kiến các kết quả nghiên cứu của luận án như sau:

- Hệ thống hóa và bổ sung các vấn đề lý luận về chế định nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu lý luận và phân tích quy định của BLHS Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của BLHS; nêu ra những vướng mắc, bất cập trong quy định của BLHS khi các áp dụng các tình tiết này trong thực tiễn.

- Đưa ra một số các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

- Luận án được sử dụng là tài liệu để nghiên cứu, giảng dạy môn Luật hình sự.

PHẦN NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ NHIỀU TỘI PHẠM VÀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM

1.1. Lý luận về nhiều tội phạm

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nhiều tội phạm

Thực tiễn xét xử cho thấy, một người không chỉ thực hiện một tội phạm mà còn có thể thực hiện nhiều tội phạm khác nhau, xâm phạm đến nhiều nhóm quan hệ xã hội khác nhau hoặc nhiều lần xâm phạm đến cùng một nhóm quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ. Do đó, khi một người thực hiện nhiều tội phạm thì thông thường gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn cũng như thể hiện nhân thân của người phạm tội trong tình trạng xấu hơn so với trường hợp phạm một tội và đương nhiên người phạm tội phải gánh chịu hậu quả pháp lý nghiêm khắc hơn. Từ khi ban hành BLHS năm 1985 cho đến nay thì vấn đề nhiều tội phạm vẫn chưa được quan tâm một cách toàn diện, do đó các BLHS vẫn chưa đưa ra định nghĩa về "nhiều tội phạm". Điều này dẫn đến thực tiễn xét xử gặp nhiều khó khăn khi xác định các hình thức của nhiều tội phạm, chẳng hạn như trong trường hợp chủ thể thực hiện nhiều hành vi phạm tội, trường hợp nào chỉ phạm vào một tội được quy định trong các khoản khác nhau của cùng một điều luật hoặc trường hợp nào phạm vào các điều luật khác nhau trong Phần các tội phạm của BLHS … Mặc dù khái nhiệm "nhiều tội phạm" chưa được ghi nhận chính thức bằng một quy phạm pháp luật riêng biệt nhưng vấn đề nhiều tội phạm là sự kiện pháp lý khách quan, vì vậy khái niệm này vẫn đang được các nhà khoa học pháp lý hình sự trong nước và ngoài nước quan tâm nghiên cứu, tác giả khái quát một số quan điểm như sau.

Khoa học pháp lý hình sự Việt Nam hiện nay có các quan điểm khác nhau về nhiều tội phạm, cụ thể là:

Tác giả Võ Khánh Vinh cho rằng: "*Nhiều tội phạm được hiểu là việc một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội chứa đựng hai cấu thành tội phạm độc lập trở lên*".[24] Quan điểm này tác giả đã đưa ra được các đặc trưng cơ bản của nhiều tội phạm là trường hợp người phạm tội thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội trong cùng một khoảng thời gian hoặc vào các khoảng thời gian khác nhau nhưng những hành vi nguy hiểm này phải thỏa mãn dấu

[24] Trường ĐH Huế - Trung tâm đào tạo từ xa (2009), GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần Chung*, NXB Công an nhân nhân dân, tr.328.

hiệu từ hai CTTP độc lập trở lên. Tuy nhiên, quan điểm này chỉ đưa ra các đặc điểm trong hành vi của nhiều tội phạm mà chưa mô tả các đặc điểm pháp lý, các rào cản pháp lý của các hành vi phạm tội này. Chẳng hạn như người phạm tội thực hiện nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn dấu hiệu của hai CTTP độc lập nhưng một trong hai tội phạm này không còn án tích hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS thì có được xem là nhiều tội phạm hay không thì định nghĩa này chưa mô tả hết các dấu hiệu đặc trưng của nhiều tội phạm.

Tác giả Lê Văn Đệ cho rằng: "*Nhiều tội phạm là trường hợp một người phạm từ hai tội trở lên, không phụ thuộc vào người đó đã bị xét xử về các tội đã phạm hay chưa; các tội này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS và không có những trở ngại về mặt tố tụng hình sự để khởi tố vụ án hình sự*".[25] Quan điểm này đã đưa ra đặc điểm của nhiều tội phạm rõ ràng và cụ thể hơn so với quan điểm thứ nhất, cụ thể là tác giả cho rằng nhiều tội phạm bao gồm hai đặc điểm cơ bản nêu sau: một là số lượng hành vi phạm tội là người phạm tội phải thực hiện từ hai tội phạm trở lên; hai là tính chất của hành vi phạm tội thì các hành vi phạm tội này không phụ thuộc vào việc đã từng bị xét xử hay chưa nhưng phải đảm bảo chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS cũng như không có bất kỳ những trở ngại về mặt tố tụng hình sự để khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, quan điểm này chưa mô tả cụ thể tính chất của các loại tội phạm mà người phạm tội thực hiện trong trường hợp nhiều tội phạm là các loại tội phạm khác nhau hoặc cùng một tội phạm. Trong khi vấn đề này là một trong những căn cứ để xác định các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm là bao gồm các hình thức phạm tội nào.

Tác giả Lê Cảm cho rằng: "*Đa tội phạm (nhiều tội phạm) là một chế định độc lập của luật hình sự Việt Nam bao gồm các dạng (trường hợp) như phạm tội nhiều lần, phạm nhiều tội, tái phạm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, mà trong những điều kiện như nhau các dạng này thường cho thấy tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn của tội phạm được thực hiện, cũng như của nhân thân người phạm tội*".[26] Ngược lại với hai quan điểm nêu trên thì quan điểm này tác giả không đưa ra khái niệm về nhiều tội phạm nhưng lại đưa ra bốn hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm bao gồm: phạm tội nhiều lần, phạm nhiều tội, tái phạm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệpvà cho rằng trong trường hợp nhiều tội phạm thì hành vi phạm tội sẽ thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với trường hợp phạm tội thông thường. Mặc dù cách định nghĩa này chưa mô tả các đặc điểm cơ bản của nhiều tội phạm nhưng thông qua các trường hợp nhiều tội phạm mà tác giả đã liệt

---

[25] Lê Văn Đệ (2003), *Chế định nhiều tội phạm – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, tr.19.
[26] Lê Cảm (2001), "Chế định đa (nhiều) tội phạm và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 6, tr.2.

kê nêu trên thì cho thấy rằng đặc điểm cơ bản của nhiều tội phạm là người phạm tội có thể thực hiện từ hai tội phạm trở lên hoặc thực hiện một tội phạm nhưng từ hai lần trở lên. Tuy nhiên, cách liệt kê các hình thức của định nghĩa này chưa mô tả rõ nét các dấu hiệu của nhiều tội phạm và lý giải tại sao nhiều tội phạm lại bao gồm các hình thức phạm tội này.

Đây là ba quan điểm điển hình về nhiều tội phạm trong khoa học pháp lý hình sự ở Việt Nam hiện nay. Về cơ bản các quan điểm này đều cho rằng nhiều tội phạm là trường hợp phạm tội có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với trường hợp thực hiện một tội phạm và thể hiện yếu tố nhân thân xấu của người phạm tội và cần được ghi nhận là một chế định độc lập trong pháp luật hình sự Việt Nam. Thông qua định nghĩa về nhiều tội phạm thì các quan điểm nêu trên đã dần đưa ra các đặc điểm của nhiều tội phạm và thống nhất cho rằng dấu hiệu đặc trưng nhất của nhiều tội phạm là trường hợp người phạm tội thực hiện từ 02 (hai) tội phạm trở lên. Tuy nhiên vì các quan điểm này chưa xác định rõ tính chất của từng loại tội phạm thực hiện là cùng một loại tội phạm hay bao gồm các loại tội phạm khác nhau nên các quan điểm này còn chưa thống nhất với nhau về các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm cũng như chưa mô tả đầy đủ các rào cản pháp lý (nếu có) của các hành vi phạm tội mà người phạm tội thực hiện.

Khi nghiên cứu quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự ở nước ngoài thì tác giả nhận thấy rằng về mặt thuật ngữ sử dụng thì nhiều tội phạm được sử dụng với tên gọi tiếng Anh là "*multiple crimes*" nhưng về mặt nội dung các quan điểm có cách tiếp cận nghiên cứu và đưa ra định nghĩa là khác nhau. Theo tác giả V.P Malkôv – một trong những người đặt nền móng đầu tiên về nhiều tội phạm trong khoa học luật hình sự Liên Xô trước đây thì tác giả không đưa ra khái niệm về nhiều tội phạm mà chỉ đưa ra các hình thức của nhiều tội phạm, cụ thể là tác giả cho rằng: nhiều tội phạm bao gồm phạm tội lặp lại và phạm nhiều tội trừu trượng, cụ thể bao gồm hai trường hợp: một là những hành vi có sự lặp lại mà những hành vi này không gắn liền với sự kết tội về một hành vi đã thực hiện trước đó; hai là những hành vi lặp đi lặp lại nhưng trong số những hành vi này đã từng bị kết án và tái phạm sau khi chấp hành xong bản án về tội đã phạm trước đó.[27] Phát triển kết quả nghiên cứu của V.P Malkôv và các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự của Liên Bang Nga thì tác giả Dosaeva Glera Suleimanovna cho rằng không có một phương pháp tiếp cận nào để đưa ra một khái niệm tổng thể và nhất quán về nhiều tội phạm

[27] V.P Malkôv (1982), *Tính đa dạng của nhiều tội phạm và các hình thức của nó trong luật hình sự Liên Xô*, NXB Đại học Kazan, No.174.
V.P Malkôv (2006), *Nhiều tội phạm: định nghĩa, phân loại và ý nghĩa pháp lý*, NXB Đại học Kazan, No.140.

và tác giả cho rằng để đưa ra khái niệm chính xác nhất về nhiều tội phạm thì trước tiên phải đưa ra các trường hợp của nhiều tội phạm. Cụ thể tác giả cho rằng nhiều tội phạm có thể bao gồm các trường hợp nêu sau: thứ nhất, người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm TNHS về tất cả các hành vi này trong cùng một lần kết án; thứ hai là sau khi bị kết án nhưng người phạm tội vẫn tiếp tục phạm một hoặc nhiều tội mới và những tội phạm này có thể cùng loại hoặc khác loại với các tội phạm trước đây mà người phạm tội đã thực hiện.[28] Ngoài ra, khi tìm hiểu về cách định nghĩa về nhiều tội phạm của khu vực Châu Âu thì các quan điểm cho rằng nhiều tội phạm là trường hợp người phạm tội ít nhất hai tội trong cùng một lần xét xử, những tội phạm này có thể cùng một loại tội phạm hoặc khác loại tội phạm mà do cùng một người thực hiện[29] hoặc là trường hợp người thực hiện ít nhất là hai tội phạm trở lên, những loại tội phạm này có thể cùng loại tội phạm hoặc là các tội phạm khác nhau, nhưng phải trong cùng một lần xét xử.[30] Như vậy, mặc dù có cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau nhưng hầu như quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự ở nước ngoài đều xem dấu hiệu người phạm tội thực hiện từ hai tội phạm trở lên là dấu hiệu đặc trưng của nhiều tội phạm. Theo các quan điểm này thì những hành vi phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm có thể được thực hiện sau khi người phạm tội đã bị kết án hoặc trước khi bị kết án nhưng các quan điểm này lại không đưa ra điều kiện các hành vi phạm tội này chưa được xóa án tích hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Tác giả cho rằng chưa hợp lý, bởi vì có nhiều trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội mới ngay sau khi được xóa án tích đối với tội phạm cũ được thực hiện trước đây hoặc ngay sau khi hết thời hiệu truy cứu TNHS đối với tội đã phạm trước đây, thì trong trường hợp này cũng không được xem là nhiều tội phạm. Do đó, ngoài dấu hiệu người phạm tội thực hiện từ hai tội phạm trở lên thì dấu hiệu tất cả những tội phạm này chưa được xóa án tích hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS cũng là dấu hiệu đặc trưng của nhiều tội phạm.

Từ quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý Việt Nam và nước ngoài, tác giả cho rằng để đưa ra khái niệm về nhiều tội phạm thì cần đưa ra các dấu hiệu đặc trưng của nhiều tội phạm, cụ thể sau đây:

---

[28] Dosaeva Glera Suleimanovna (2017), *Multiple Crimes*, Doctor of Law, Russian State University of Justice, No.21.
[29] Austin Lovegrove (2004), *Sentencing the mutiple offender: Judicial Practice anh Legal Principle*, Australian Institute of Criminology, No.14.
[30] Jakub Drápal (2021), *Sentencing multiple conviction offenders*, Faculty of Law, Charles University [https://journals.sagepub.com/doi/abs/10.1177/1477370821996903], (truy cập ngày 20/11/2021).

Thứ nhất, nhiều tội phạm là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cấu thành từ hai tội phạm độc lập trở lên. Điều này có nghĩa rằng, trong trường hợp nhiều tội phạm thì người phạm tội có thể thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng những hành vi này phải thỏa mãn dấu hiệu từ hai CTTP độc lập trở lên được quy định trong BLHS. Hành vi nguy hiểm trong nhiều tội phạm được thực hiện một lần hoặc lặp đi lặp lại nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định hoặc trong các khoảng thời gian khác nhau nhưng phải thỏa mãn dấu hiệu của hai CTTP độc lập. CTTP độc lập có nghĩa là trong từng hành vi nguy hiểm xã hội của người phạm tội thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của một CTTP. Đây cũng là dấu hiệu đặc trưng của nhiều tội phạm để phân biệt với các hình thức phạm tội đơn nhất phức tạp (tội kéo dài, tội liên tục, tội ghép). Ví dụ như: trong trường hợp tội liên tục là tội phạm mà hành vi khách quan có tính liên tục, bao gồm nhiều hành vi cùng loại xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng xâm hại một quan hệ xã hội và cùng bị chi phối bởi một ý định phạm tội cụ thể, thống nhất.[31] Do đó, trong tội liên tục thì tội phạm được hình thành từ một loạt các hành vi phạm tội giống nhau và cùng một mục đích chung và trong tổng thể các loại hành vi đó thì chỉ thỏa mãn dấu hiệu của một CTTP nên đây không phải là nhiều tội phạm.

Thứ hai, những hành vi phạm tội trong nhiều tội phạm không phụ thuộc vào việc đã bị đưa ra xét xử hay chưa nhưng phải đảm bảo điều kiện là những hành vi phạm tội này nếu đã bị kết án thì chưa được xóa án tích và nếu chưa bị kết án thì vẫn chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Án tích là hậu quả pháp lý của việc bị kết án và áp dụng hình phạt. Án tích tồn tại trong suốt thời gian người bị kết án chấp hành bản án và trong một khoảng thời gian nhất định sau khi chấp hành xong bản án. Việc xóa án tích có nghĩa là xóa đi hậu quả sau cùng của việc phạm tội.[32] Do đó, trong trường hợp hành vi của người phạm tội thỏa mãn hai CTTP độc lập nhưng một trong hai tội phạm này đã bị kết án và xóa án tích hoặc không có án tích thì về bản chất vết tích của việc thực hiện hành vi phạm tội này không còn và được coi là chưa từng bị kết án. Hoặc trường hợp một trong hai tội phạm của người phạm tội không có án tích thì về nguyên tắc hành vi phạm tội này không được tính để xác định TNHS đối với người phạm tội. Do đó, khi xác định TNHS đối với người phạm tội thì đối với hành vi này thì không được tính là một tội phạm cho nên trong trường hợp này cũng không tồn tại nhiều tội phạm. Ngoài ra, trường hợp hành vi phạm tội

[31] Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh (2015), Trần Thị Quang Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần Chung*, NXB Hồng Đức, tr.120.

[32] Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.415 cho rằng: *"Án tích tồn tại trong suốt thời gian người bị kết án chấp hành bản án và trong một khoảng thời gian nhất định sau khi chấp hành xong bản án. Việc xóa án tích có nghĩa là xóa đi hậu quả sau cùng của việc phạm tội"*.

trong nhiều tội phạm chưa bị kết án thì phải còn thời hiệu truy cứu TNHS, bởi vì thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.[33] Do đó, nếu trường hợp hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu TNHS thì về nguyên tắc CQTHTT không được quyền truy cứu TNHS đối với hành vi phạm tội này. Như vậy, chỉ riêng dấu hiệu hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn hai CTTP độc lập trở lên sẽ chưa thể hiện đầy đủ đặc trưng của nhiều tội phạm mà những hành vi phạm tội trong nhiều tội phạm không phụ thuộc vào việc đã bị đưa ra xét xử hay chưa nhưng phải đảm bảo điều kiện là những hành vi phạm tội này nếu đã bị kết án thì chưa được xóa án tích và nếu chưa bị kết án thì vẫn chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS.

Từ nội dung phân tích nêu trên, tác giả đưa ra khái niệm về nhiều tội phạm như sau: *"Nhiều tội phạm là trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội cấu thành từ hai tội phạm độc lập trở lên và những tội phạm này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS hoặc trong trường hợp đã bị kết án thì chưa được xóa án tích."*.

1.1.2. Các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm

Hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm là cách thức tổ chức, cơ cấu của nhiều tội phạm.[34] Khi chủ thể thực hiện một tội phạm thì cách thức tổ chức thực hiện tội phạm đã đa dạng và phức tạp. Do đó, khi chủ thể thực hiện nhiều tội phạm thì cách thức tổ chức thực hiện tội phạm lại càng phức tạp và khó xác định hơn. Đó là lý do mà hiện nay khi đưa ra các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm còn có nhiều quan điểm khác nhau. Tác giả đưa ra 2 nhóm quan điểm điển hình như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: nhiều tội phạm chỉ bao gồm ba hình thức biểu hiện, đó là: phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần và tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Quan điểm này cho rằng phạm tội có tính chất chuyên nghiệpkhông phải là một hình thức riêng biệt của nhiều tội phạm mà là một dạng đặc biệt của hình thức phạm tội nhiều lần.[35]

Quan điểm thứ hai cho rằng: nhiều tội phạm có bốn hình thức biểu hiện là phạm nhiều tội; phạm tội nhiều lần; tái phạm, tái phạm nguy hiểm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.[36] Ngược với nhóm quan điểm thứ nhất thì nhóm quan

[33] Xem Điều 27 BLHS năm 2015.
[34] Lê Văn Đệ (2003), tlđd (chú thích số 25), tr.32.
[35] Trường ĐH Huế - Trung tâm đào tạo từ xa (2009), GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên), tlđd (chú thích số 24), tr.209.
[36] Lê Cảm (2001), tlđd (chú thích số 26), tr.2-5.

điểm này cho rằng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không phải là một hình thức của phạm tội nhiều lần mà là một hình thức phạm tội riêng của nhiều tội phạm.

Từ nội dung tác giả nghiên cứu về khái niệm và đặc điểm của nhiều tội phạm nêu trên, tác giả cho rằng cả hai nhóm quan điểm nêu trên không hợp lý hoàn toàn. Bởi vì, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích; đồng thời, người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.[37] Trong khi đó, phạm tội nhiều lần là trường hợp người phạm tội có từ hai lần trở lên phạm cùng một loại tội phạm, trong đó mỗi lần đều đã đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, nay các lần phạm tội đó được xét xử trong cùng một lần.[38] Do đó, trường hợp một người cố ý phạm tội từ 05 lần về cùng một tội phạm nhưng trong số các lần phạm tội này chỉ có một lần chưa bị truy cứu TNHS và người phạm tội lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính thì trong trong trường hợp này mặc dù người phạm tội có 05 lần phạm tội nhưng không thỏa mãn các dấu hiệu của phạm tội nhiều lần vì trong số các lần phạm tội này chỉ có một lần người phạm tội chưa bị truy cứu TNHS. Do đó, tác giả cho rằng tùy trường hợp cụ thể mà phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được xem là một dạng đặc biệt của phạm tội nhiều lần. Ngoài ra, đối với quan điểm thứ hai, tác giả cho rằng nếu chỉ đưa tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm là một trong các hình thức của nhiều tội phạm thì sẽ không bao quát hết được các trường hợp tái phạm tội xảy ra trong thực tiễn xét xử. Bởi vì, thực tiễn xét xử cho thấy nhiều trường hợp người phạm tội đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới hoặc trong một số trường hợp người phạm tội đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới nhưng không thuộc các trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm thì cũng xem là nhiều tội phạm. Do đó, tái phạm và tái phạm nguy hiểm không phải là hai hình thức duy nhất của hành vi tái phạm tội.

Dựa vào khái niệm, các đặc điểm của nhiều tội phạm tại mục 1.1.1, tác giả cho rằng để bao quát hết các hình thức của nhiều tội phạm cần căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội trong hai trường hợp như sau:

---

[37] Xem Mục 5.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

[38] Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh (2015), Trần Thị Quang Vinh (chủ biên), tlđd (chú thích số 31), tr.336.

Thứ nhất, tất cả các hành vi phạm tội của người phạm tội thực hiện đều chưa bị kết án và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Trường hợp này nhiều tội phạm xuất hiện khi người phạm tội thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn dấu hiệu từ hai CTTP độc lập trở lên và những tội phạm này chưa bị kết án và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, nay được đưa ra xét xử trong cùng một lần, bao gồm các hình thức: phạm nhiều tội, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần.

Thứ hai, trong số các hành vi phạm tội của người phạm tội thực hiện thì có hành vi phạm tội đã bị kết án thì nhưng chưa được xóa án tích kết án. Trường hợp này nhiều tội phạm xuất hiện khi người phạm tội thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn dấu hiệu từ hai CTTP độc lập trở lên và những tội phạm đã bị kết án thì chưa được xóa án tích, bao gồm các hình thức: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và các trường hợp tái phạm tội (bao gồm tái phạm, tái phạm nguy hiểm và các trường hợp người phạm tội đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới nhưng không thuộc trường hợp tái phạm và tái phạm nguy hiểm).

Từ nội dung phân tích nêu trên, tác giả cho rằng nhiều tội phạm bao gồm các hình thức nêu sau:

- Phạm nhiều tội.
- Phạm tội nhiều lần (phạm tội 02 lần trở lên).
- Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.
- Các trường hợp tái phạm tội.

1.1.2.1. Phạm nhiều tội

Phạm nhiều tội với tư cách là một trong các hình thức của nhiều tội phạm nhưng hiện nay khái niệm phạm nhiều tội vẫn chưa được ghi nhận chính thức bằng một quy phạm pháp luật riêng trong BLHS. Mặc dù phạm nhiều tội đã được quan tâm và đề cập từ BLHS năm 1985 cho đến BLHS năm 2015 nhưng chỉ được quy định dưới tên điều luật về QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội[39] và tất cả những BLHS này đều chưa đưa ra khái niệm phạm nhiều tội. Mặc dù vậy, hình thức phạm nhiều tội hiện nay được rất nhiều nhà khoa học pháp lý trong nước và ngoài nước quan tâm nghiên cứu và đưa ra định nghĩa, tác giả khái quát như sau:

---

[39] Xem Điều 41 BLHS năm 1985, Điều 50 BLHS năm 1999 và Điều 55 BLHS năm 2015.

Trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam, khái niệm phạm nhiều tội hiện nay có các quan điểm khác như sau:

Tiến sĩ Lê Văn Đệ cho rằng: "*Phạm nhiều tội là trường hợp một người phạm nhiều tội được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc cùng một điều luật của BLHS và trong thời gian phạm những tội ấy họ chưa bị xét xử và bị kết án một tội nào trong số các tội ấy"*.[40]

Tại Giáo trình Luật hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội: "*Phạm nhiều tội là trường hợp có nhiều hành vi phạm tội hoặc chỉ có một hành vi phạm tội nhưng đã thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm khác nhau và bị đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó*".[41]

Tiến sĩ Hoàng Quảng Lực cho rằng: "*Phạm nhiều tội là trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi, mà mỗi hành vi cấu thành một tội phạm độc lập, thông thường các tội phạm này được quy định ở các điều luật khác nhau hoặc chỉ thực hiện một hành vi mà hành vi đó cấu thành nhiều tội phạm khác nhau*".[42]

Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học đã xây dựng khái niệm phạm nhiều tội như sau: "*Chủ thể có nhiều hành vi phạm tội độc lập hoặc chỉ có một hành vi mà hành vi thực hiện đó thỏa mãn các cấu thành tội phạm khác nhau thì phạm nhiều tội*".[43]

Các quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự Việt Nam nêu trên đã khá thống nhất đưa ra các đặc điểm của phạm nhiều tội là trường hợp người phạm tội phạm từ hai tội phạm trở lên; những tội này chưa bị truy cứu TNHS và được đưa ra xét xử một lần. Tuy nhiên các quan điểm còn chưa đồng nhất nội dung là phạm nhiều tội chỉ tồn tại trong các điều luật khác nhau hoặc có thể trong cùng một điều luật của BLHS. Tác giả cho rằng trong nhiều trường hợp khi thực hiện hai hành vi phạm tội trở lên và những hành vi này thỏa mãn dấu hiệu của hai tội phạm trở lên và những tội phạm này được quy định trong cùng một điều luật của BLHS thì vẫn bị xem là nhiều tội phạm. Vì hiện nay trong BLHS năm 2015, kỹ thuật lập pháp có trường hợp một điều luật chứa đựng các dấu hiệu của một tội phạm[44] nhưng cũng có trường hợp chứa đựng dấu hiệu pháp lý của hai tội phạm khác nhau trong cùng một

[40] Lê Văn Đệ (2003), tlđd (chú thích số 25), tr.49.
[41] Trường ĐH Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Tập 1)*, Nguyễn Ngọc Hòa, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.285.
[42] Theo Hoàng Quảng Lực (2019), "Bảo đảm công bằng trong chính sách hình sự đối với trường hợp phạm nhiều tội hoặc phạm tội nhiều lần", *Tạp chí Kiểm sát,* số 4, tr.41.
[43] Trường ĐH Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, NXB Công an nhân dân, tr.45.
[44] Ví dụ như Điều 123, Điều 168 BLHS năm 2015.

điều luật.[45] Do đó, theo tác giả mặc dù trong cùng một điều luật nhưng điều luật này chứa từ dấu hiệu pháp lý của hai tội phạm trở lên thì vẫn tồn tại phạm nhiều tội.

Trong khoa học pháp lý hình sự nước ngoài thì phạm nhiều tội được định nghĩa với nhiều quan điểm khác nhau, cụ thể là:

Tác giả Tomas Girdenis cho rằng phạm nhiều tội là trường hợp người phạm tội từ hai hoặc nhiều tội trở lên nhưng người phạm tội phải bị đưa ra xét xử và kết án một lần và phạm nhiều tội được xây dựng dựa trên 02 thuộc tính cơ bản: một là người phạm tội bị khởi tố vì nhiều tội danh; hai là những tội này được thực hiện trước khi bị kết án.[46] Ngoài ra, trong công trình nghiên cứu này, tác giả đưa ra quan điểm không đồng ý khi định nghĩa phạm nhiều tội là phạm hai hoặc nhiều tội trở lên, bất kể người phạm tội có bị kết án trước đó hay chưa. Như vậy theo tác giả Tomas Girdenis thì những hành vi phạm tội của người phạm tội phải bị đưa ra xét xử và kết án trong cùng một lần là dấu hiệu cơ bản của phạm nhiều tội.

Tác giả A. B. Shnitenkov cho rằng phạm nhiều tội là trường hợp một người có đủ năng lực TNHS thực hiện hai hay nhiều hành vi phạm tội có dấu hiệu của nhiều cấu thành khác nhau. Và theo tác giả, phạm nhiều tội được xác định bởi các yếu tố sau: một là, một người thực hiện thực hiện một số hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS được xem là tội phạm, hai là mỗi hành vi phạm tội chứa đựng các dấu hiệu pháp lý của một cấu thành độc lập.[47] Quan điểm này thì nhấn mạnh hành vi phạm tội của người phạm tội phải thỏa mãn các dấu hiệu của các CTTP khác nhau được quy định trong BLHS là dấu hiệu cơ bản của phạm nhiều tội. Tác giả cho rằng chưa hợp lý, bởi vì có trường hợp người phạm tội phạm tội mới ngay sau khi được xóa án tích hoặc ngay sau khi hết thời hiệu truy cứu TNHS đối với các tội phạm cũ đã thực hiện trước đây, thì trong trường hợp này cũng không được xem là phạm nhiều tội. Do đó, theo tác giả, ngoài dấu hiệu chủ thể thực hiện từ hai tội phạm trở lên thì dấu hiệu tất cả những tội phạm này chưa được xóa án tích hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS và phải cùng bị đưa ra kết án trong một lần cũng là dấu hiệu đặc trưng của phạm nhiều tội.

Từ phân tích các quan điểm nêu trên, tác giả cho rằng để làm rõ khái niệm "phạm nhiều tội" chúng ta cần phải làm rõ hai khái niệm "phạm tội" và "nhiều". Trong đó, "phạm tội" được hiểu là những hành vi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của

[45] Ví dụ như Điều 190, Điều 191 BLHS năm 2015.
[46] Tomas Girdenis (2009), *The Concept of Multiple Offenses: Theoretical and Practical Problems*, Đại học Mykolas Romeris, Khoa Luật - Bộ môn Luật Hình sự.
[https://ojs.mruni.eu/ojs/societal-studies/article/view/1385] (truy cập ngày 10/11/2021).
[47]A.B. Shnitenkov (2014), *Множественность преступленийв уголовном праве*, Оренбургский институт, Московский государственный юридическийуниверситет имени О.Е. Кутафина, No.5.

một hoặc nhiều CTTP được quy định trong BLHS; từ "nhiều" được hiểu là từ hai lần trở lên. Do đó, theo tác giả: *"Phạm nhiều tội là trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội thỏa mãn cấu thành tội phạm của hai tội phạm trở lên được quy định trong Bộ luật hình sự và được đưa ra xét xử cùng một lần trong một vụ án"*. Từ định nghĩa này, phạm nhiều tội có các đặc điểm nêu sau:

Một là, người phạm tội thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên hoặc một hành vi phạm tội nhưng phải thỏa mãn từ hai CTTP độc lập trở lên. Dấu hiệu đầu tiên của phạm nhiều tội là người phạm tội phải phạm từ hai tội phạm tội trở lên, người phạm tội có thể thực hiện nhiều hành vi phạm tội độc lập hoặc chỉ thực hiện một hành vi phạm tội nhưng phải thỏa mãn hai CTTP trở lên được quy định trong BLHS. Các CTTP này có thể được quy định trong các điều luật khác nhau quy định về các tội phạm khác nhau của BLHS hoặc trong cùng một điều luật mà điều luật này quy định nhiều tội phạm khác nhau của BLHS (ví dụ như Điều 304 BLHS năm 2015 về Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).

Hai là, các tội phạm trong phạm nhiều tội chưa từng bị đưa ra xét xử, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS và các tội phạm này cùng bị đưa ra xét xử một lần. Trường hợp người thực hiện hai tội phạm nhưng một trong hai tội phạm này đã bị đưa ra xét xử trong một bản án có hiệu lực pháp luật thì không xem là phạm nhiều tội, mà có thể là các trường hợp tái phạm tội của người phạm tội.

1.1.2.2. Phạm tội nhiều lần

Phạm tội nhiều lần là một trong các hình thức của nhiều tội phạm, nó không chỉ đóng vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS mà còn là các dấu hiệu định khung hình phạt trong một số tội danh tại Phần các tội phạm của BLHS. Trong pháp luật hình sự Việt Nam, phạm tội nhiều lần được quy định với các tên gọi khác nhau. Cụ thể, theo quy định của pháp luật hình sự trước năm 1985, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, hình thức này được gọi là "phạm tội nhiều lần".[48] Còn theo quy định của BLHS năm 2015, nhà làm luật đã thay thuật ngữ "phạm tội nhiều lần" bằng thuật ngữ "phạm tội 02 lần trở lên".[49] Do đó, nếu xét về bản chất thì hình thức "phạm tội nhiều lần" và "phạm tội 02 lần trở lên" là giống nhau về mặt nội dung và chỉ khác nhau về cách dùng từ. Mặc dù BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đều quy định phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng TNHS nhưng cho đến nay chưa có một văn bản pháp luật nào đưa ra khái niệm cụ thể về

[48] Điểm h khoản 1 Điều 39 BLHS năm 1985, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.
[49] Điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

tình tiết này. Do đó hiện nay trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam thì phạm tội nhiều lần vẫn còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: *"Phạm tội nhiều lần với tư cách là một loại nhiều tội phạm được hiểu là trường hợp một người phạm tội từ hai lần trở lên. Các tội phạm do người đó thực hiện có thể là giống nhau hoặc cũng có thể là các tội phạm khác nhau (cùng loại hoặc không cùng loại)"*.[50]

Quan điểm thứ hai cho rằng: *"Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên như hai lần trộm cắp, hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ba lần chứa mại dâm, bốn lần tham ô... và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành một tội phạm độc lập nhưng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án"*.[51]

Quan điểm thứ ba cho rằng: *"Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của điều luật) tương ứng trong phần riêng BLHS, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu TNHS và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử"*.[52]

Quan điểm thứ tư cho rằng: *"Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên đối với cùng một tội phạm"*.[53]

Quan điểm thứ năm cho rằng: *"Phạm tội 02 lần trở lên là trường hợp phạm tội mà trước đó người phạm tội đã phạm tội này ít nhất là một lần và chưa bị xét xử"*.[54]

Quan điểm thứ sáu cho rằng: *"Phạm tội 02 lần trở lên là trường hợp người phạm tội có từ hai lần trở lên phạm cùng một loại tội, trong đó mỗi lần đều đã có đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, nay các lần phạm tội đó được xét xử trong cùng một lần"*.[55]

Như vậy, có thể thấy, trong khoa học pháp lý thế nào là phạm tội nhiều lần vẫn chưa có sự thống nhất và tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau. Tác giả không đồng ý với năm quan điểm đầu tiên vì nhóm quan điểm này khi đưa ra định nghĩa về phạm tội nhiều lần chưa mô tả đầy đủ các dấu hiệu của nó, cụ thể là: có quan điểm cho rằng dấu hiệu phạm tội nhiều lần đối với cùng một tội phạm là dấu hiệu cơ bản của

[50] Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2002), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần Chung)*, NXB Công an nhân dân, tr.335.
[51] Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 (Phần Chung)*, NXB TP.HCM, tr.293.
[52] Lê Văn Cảm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.390.
[53] Phạm Văn Beo (2009), *Luật Hình sự Việt Nam - Quyển 1 (Phần Chung)*, NXB Chính trị Quốc gia, tr.415.
[54] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần Chung),* Nguyễn Ngọc Hòa, NXB.Công an nhân dân, tr.312.
[55] Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.327.

tình tiết này nhưng cũng có quan điểm cho rằng dấu hiệu tất cả các lần phạm tội phải bị xét xử cùng một lần là dấu hiệu bắt buộc của tình tiết này. Tác giả cho rằng là chưa phù hợp, vì ngoài dấu hiệu số lần phạm tội từ 02 lần trở lên thì dấu hiệu các lần phạm tội của người phạm tội phải bị xét xử cùng một lần cũng là dấu hiệu cơ bản của tình tiết phạm tội nhiều lần. Do đó, tác giả đồng tình với cách hiểu của quan điểm thứ sáu vì quan điểm này đã mô tả đầy đủ các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của phạm tội nhiều lần: số lượng hành vi phạm tội, tính chất của từng hành vi phạm tội, …nên tác giả cho rằng: "*Phạm tội nhiều lần là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên cùng một loại tội, trong đó mỗi hành vi đều đã có đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS và các hành vi phạm tội đó được xét xử trong cùng một lần*".

Từ khái niệm trên, có thể xác định các đặc điểm của phạm tội nhiều lần như sau:

Thứ nhất, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên.

Thứ hai, hành vi nguy hiểm cho xã hội trong từng lần thực hiện tội phạm thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của một CTTP cụ thể được quy định trong BLHS.

Thứ ba, các tội phạm được thực hiện phải cùng một loại tội phạm với nhau. Người phạm tội 02 lần trở lên phải thực hiện từ hai lần trở lên hành vi nguy hiểm cho xã hội, mỗi lần thực hiện hành vi phải thỏa mãn các dấu hiệu của một CTTP độc lập và các hành vi này cùng thực hiện một loại tội phạm. Các hành vi phạm tội trong phạm tội 02 lần trở lên có thể cùng một CTTP (cùng là CTTP cơ bản hoặc CTTP tăng nặng hoặc CTTP giảm nhẹ) nhưng cũng có thể thuộc các CTTP khác nhau của cùng một tội phạm. Như tác giả phân tích các dấu hiệu của phạm nhiều tội nêu trên thì hiện nay trong BLHS năm 2015, kỹ thuật lập pháp có trường hợp một điều luật chứa đựng các dấu hiệu của một tội phạm nhưng cũng có trường hợp chứa đựng dấu hiệu pháp lý của hai tội phạm khác nhau trong cùng một điều luật. Do đó, hành vi của người phạm tội trong trường hợp phạm tội 02 lần trở lên có thể tồn tại trong cùng một điều luật hoặc trong các điều luật khác nhau nhưng phải đảm bảo điều kiện các hành vi phạm tội này là cùng một loại tội phạm.

Thứ tư, các hành vi phạm tội trong phạm tội 02 lần trở lên chưa bị truy cứu TNHS và phải còn thời hiệu truy cứu TNHS nay các hành vi phạm tội này bị đưa ra xét xử cùng một lần.

Như vậy, để đánh giá và xác định đúng phạm tội nhiều lần thì cần xác định những hành vi phạm tội của người phạm tội phải thỏa mãn đầy đủ cả bốn đặc điểm

nêu trên, cả về số lần phạm tội và tính chất của từng hành vi phạm tội. Trường hợp các hành vi phạm tội không thỏa mãn đầy đủ một trong bốn đặc điểm nêu trên thì đây không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần.

1.1.2.3. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

Mặc dù phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định trong BLHS từ khi ban hành BLHS năm 1985 cho đến nay, nó không chỉ được quy định với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS mà còn được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của một số tội danh trong các BLHS. Tuy nhiên, khái niệm của tình tiết này vẫn chưa được quy định chính thức trong các BLHS mà nó chỉ được đề cập trong các văn bản hướng dẫn của TANDTC khi áp dụng tình tiết này trong hoạt động xét xử. Cụ thể tại mục 5.1 của Nghị quyết số 01 thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích; đồng thời, người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.[56] Ngoài hướng dẫn của Nghị quyết số 01, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp còn được hướng dẫn tại điểm 3 Điều 5 Nghị quyết số 03 hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS năm 2015 về tội rửa tiền, theo đó tình tiết "*có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 324 BLHS là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi rửa tiền từ 05 lần trở lên (không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích) và người phạm tội lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc rửa tiền làm nguồn thu nhập*".[57] Tuy nhiên, do nội dung hướng dẫn tại Nghị quyết số 01 và Nghị quyết số 03 không hoàn toàn giống nhau, nên trong khoa học luật hình sự Việt Nam vẫn còn có một số quan điểm khác nhau về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, cụ thể:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm, không phân biệt đã bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích, đồng thời người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính"*.[58]

[56] Xem Mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.
[57] Xem điểm 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS năm 2015.
[58] Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.333.

Quan điểm thứ hai cho rằng: *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một dạng của chế định đa tội phạm. Theo đó, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một dạng của phạm tội nhiều lần, có tính chất liên tục và nhằm mục đích vụ lợi hay làm giàu bất chính mà hoạt động phạm tội đã trở thành hệ thống và tạo nên nguồn thu nhập cơ bản hoặc nguồn sống chủ yếu của người phạm tội".*[59]

Quan điểm thứ ba cho rằng: *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là phạm tội có tính chất liên tiếp từ năm lần trở lên, chuyên lấy việc phạm tội làm nghề sống và lấy tài sản, kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính*".[60]

Quan điểm thứ tư cho rằng: *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp người phạm tội chuyên lấy việc phạm tội làm nghề sống chính hoặc tạo ra nguồn thu nhập chính. Mức độ tăng nặng của tình tiết phụ thuộc vào mức độ chuyên nghiệp, thời gian hoạt động phạm tội, mức độ thu nhập bằng con đường phạm tội".*[61]

Như vậy, hầu hết các quan điểm trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam đều cho rằng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp người phạm tội lấy các khoản lợi thu được từ các lần phạm tội để làm nguồn thu nhập phục vụ cho cuộc sống của người phạm tội. Tuy nhiên, các quan điểm nêu trên chưa đồng nhất với nhau về việc xác định số lần phạm tội trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp: có quan điểm cho rằng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp phải từ 05 lần trở lên, có quan điểm cho rằng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là hành vi phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần (có thể hai lần, ba lần, bốn lần, … tùy thuộc vào tính chất của từng loại tội phạm được thực hiện). Ngoài ra, phần lớn các quan điểm trên còn nhận định cho rằng người phạm tội trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp phải xem việc phạm tội là "nghề sinh sống" và lấy các khoản thu được từ các lần phạm tội làm "nguồn sống chính". Tác giả không đồng ý với nội dung này, bởi vì thực tiễn cho thấy trong nhiều trường hợp người phạm tội có công việc làm ổn định, có nguồn thu nhập chính nhưng vẫn thực hiện nhiều hành vi phạm tội mang tính chuyên nghiệp về cùng một tội phạm hoặc trong một số trường hợp không xem việc phạm tội là phương tiện để kiếm sống mà chỉ có nhu cầu làm tăng thu nhập nên phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần để phục vụ thêm cho nhu cầu sống của bản thân. Cho nên, theo tác giả việc xác định dấu hiệu "nghề sinh sống" hoặc "nguồn sống chính" trong mọi

[59] Lê Cảm (2001), tlđd (chú thích số 26), tr.6.
[60] Nguyễn Thị Thanh Thủy (2004), *Nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, tr.152.
[61] Uông Chu Lưu (chủ biên) (2008), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.15.

trường hợp khi áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không phù hợp và khó xác định trong thực tiễn xét xử.

Nghiên cứu một số quan điểm của các nhà khoa học pháp lý hình sự nước ngoài thì hiện nay phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng được quan tâm và định nghĩa ở nhiều góc độ khác nhau, cụ thể là:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: "*Hoạt động tội phạm chuyên nghiệp là hoạt động bất hợp pháp của người có kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp và công cụ tương ứng, người coi hoạt động này là nghề cơ bản và là nguồn thu nhập tiền chính hoặc phụ*".[62]

Quan điểm thứ hai cho rằng: "*Phạm tội chuyên nghiệp được xem như là một nghề vi phạm pháp luật, là nguồn cung cấp phương kế cho tội phạm; nó đòi hỏi kiến thức và kỹ năng cần thiết để đạt được mục tiêu cuối cùng; nó tạo ra những mối quan hệ nhất định với tư tưởng chống đối xã hội; nó xác định việc phạm tội là công việc ổn định (đáp ứng đủ các yếu tố giống như các nghề thông thường). Tính chuyên nghiệp trong việc phạm tội tạo cơ hội cho việc chuẩn bị, phạm tội và che đậy dấu vết để tránh trách nhiệm hình sự, có thu nhập ổn định*".[63]

Quan điểm thứ ba cho rằng: "*Người phạm tội chuyên nghiệp là một người đã nhiều lần phạm tội, sử dụng kiến thức và kỹ năng đặc biệt, để tạo ra nguồn thu nhập chính hoặc phụ*".[64]

Nhìn chung quan điểm của các nhà khoa học pháp lý hình sự nước ngoài thì cho rằng đặc điểm nổi bật của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là người phạm tội đã sử dụng các kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp thực hiện tội phạm một cách chuyên nghiệp. Ngoài ra, để xác định tính "chuyên nghiệp" trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì các quan điểm này còn cho rằng người phạm tội xem việc phạm tội như một nghề cơ bản để kiếm các nguồn thu nhập phục vụ cho bản thân cũng như cho rằng số lần phạm tội của người phạm tội sẽ không đánh giá một cách đầy đủ là người phạm tội có tính chuyên nghiệp hay không.

Từ các nội dung nêu trên, theo tác giả, để đưa ra khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chính xác và đầy đủ thì cần phải làm rõ bản chất của cụm từ "có tính chất chuyên nghiệp" trong tên gọi của tình tiết này. Theo từ điển tiếng Việt thì "*chuyên nghiệp là chuyên một nghề làm ăn nhất định và có học hành về nghề*

[62] A. Zelinskiy (2000), *Criminology*, Kharkiv: Rubikon, No.180.
[63] A. Dolgovaya (1999), *Criminology*, Publishing house NORMA-INFRA-M, Moscow, No.620.
[64] Oirat Nurashovich Rakhimberlin (2015), *The Issues of the Professional Crime Prevention in the Republic of Kazakhstan*, Journal of Advanced Research in Law and Economics (Volume VI, Summer), No.353.

nghiệp đó".[65] Tuy nhiên, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội và phải gánh chịu hậu quả pháp lý là TNHS nên không thể đồng nhất cách hiểu "chuyên nghiệp" nêu trên trong tội phạm giống như là một nghề nghiệp bình thường của xã hội. Theo tác giả, bản chất của cụm từ "có tính chất chuyên nghiệp" đối với hành vi phạm tội được thể hiện ở chỗ hành vi phạm tội này được lặp đi lặp lại nhiều lần mà người phạm tội đã sử dụng những kỹ năng, phương pháp nhất định trong các lần thực hiện tội phạm và lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập. Do đó, theo tác giả để làm rõ khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cần làm sáng tỏ các nội dung sau:

Thứ nhất, tội phạm được lặp đi lặp lại nhiều lần được hiểu như thế nào? Tội phạm được thực hiện bao nhiêu lần thì được coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp? Như tác giả phân tích nêu trên thì hiện nay vấn đề này còn nhiều quan điểm khác nhau: có quan điểm cho rằng phạm tội từ 02 lần trở lên thì được xem là lặp đi lặp lại nhiều lần, hoặc có quan điểm cho rằng phải từ 05 lần phạm tội trở lên thì mới được xem là lặp đi lặp lại nhiều lần. Tác giả cho rằng phạm tội 02 lần trở lên không thể xem là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được, bởi vì quy định này sẽ dẫn đến trùng lặp với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên và với 02 lần phạm tội thì không thể đánh giá hành vi của người phạm tội là "chuyên nghiệp" hay "không chuyên nghiệp". Còn trường hợp khi cho phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là phải phạm tội từ 05 lần trở lên cũng không phù hợp, bởi vì nếu quy định như thế này chủ yếu để phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên và thực tiễn xét xử hầu hết chỉ quan tâm đến số lần phạm tội để kết luận có phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hay không mà không quan tâm đến các dấu hiệu khác của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó theo tác giả, tội phạm được lặp đi lặp lại nhiều lần được hiểu là hành vi phạm tội đã được thực hiện nhiều lần, lặp đi lặp lại trong một khoảng thời gian nhất định, không phụ thuộc các hành vi phạm tội này đã bị xét xử hay chưa mà chỉ cần những hành vi phạm tội này chưa được xóa án tích hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, cùng gây thiệt hại cho một khách thể trực tiếp hoặc khách thể có cùng tính chất được Luật hình sự bảo vệ.

Thứ hai, người phạm tội lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập được hiểu như thế nào? Hiện nay có hai cách hiểu khác nhau về dấu hiệu này: một là người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính; hai là, người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nguồn sống chính. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy rằng trong nhiều trường

---

[65] Viện Ngôn ngữ học (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB.Từ điển Bách khoa - Hà Nội, tr.259.

hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần nhưng không xem việc phạm tội là một nghề để kiếm sống mà chỉ nhằm mục đích có thu nhập để đáp ứng các nhu cầu của người phạm tội. Xuất phát từ bản chất "có tính chất chuyên nghiệp" là hành vi phạm tội được lặp đi lặp lại nhiều lần nên tác giả cho rằng không nên xem việc phạm tội trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một nghề kiếm sống mà chỉ cần xác định người phạm tội lấy việc phạm tội để tạo ra các nguồn thu nhập cho bản thân phục vụ các nhu cầu của người phạm tội, nguồn thu nhập này có thể là nguồn thu nhập chủ yếu hoặc nguồn thu nhập thứ yếu chỉ giúp làm tăng thu nhập cho người phạm tội.

Từ các nội dung phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm như sau: *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp hành vi phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần trong một khoản thời gian nhất định, những hành vi phạm tội này chưa được xóa án tích hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, cùng xâm hại đến một hoặc nhiều khách thể có cùng tính chất và người phạm tội lấy các lần phạm tội làm nguồn thu nhập cho bản thân".*

1.1.2.4. Tái phạm tội

Các trường hợp tái phạm tội là một trong các hình thức của nhiều tội phạm, nó không chỉ đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt một số tội danh mà còn là tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố nhân thân người phạm tội hoặc dấu hiệu định tội trong một số tội phạm cụ thể. Mặc dù hiện nay các hình thức của tái phạm tội được áp dụng rất phổ biến trong thực tiễn xét xử nhưng về mặt lý luận thì khái niệm về tái phạm tội vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau cụ thể là:

Theo GS. TS. Nguyễn Xuân Yêm trong cuốn sách "*Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*" cho rằng nếu dưới góc độ tội phạm học thì: "*Tái phạm tội là sự phạm tội trở lại của kẻ phạm tội đã mãn hạn tù hoặc thi hành xong hình phạt*".[66] Theo quan điểm này cho rằng tái phạm chỉ đặt ra trong trường hợp thỏa mãn hai điều kiện là: 1) trước đó người phạm tội đã từng phạm tội, đã bị kết án và theo bản án này họ phải chịu hình phạt; 2) lần thực hiện hành vi phạm tội mới xảy ra khi người phạm tội đã chấp hành xong hình phạt trong bản án nêu trên. Do đó, nếu căn cứ vào định nghĩa này thì trường hợp người phạm tội được miễn hình phạt hoặc chưa chấp hành hình phạt hoặc chấp hành chưa xong hình phạt trong bản án có hiệu lực pháp luật mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới thì không xem là tái phạm. Tác giả cho rằng chưa hợp lý khi thu hẹp phạm vi tái phạm, bởi vì trong trường hợp

[66] Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an Nhân dân, tr.683.

người phạm tội chưa chấp hành hình phạt hoặc chấp hành chưa xong hình phạt trong bản án kết tội thì về bản chất thì người này đã bị xem là người phạm tội và đã từng thực hiện hành vi phạm tội này cho đến khi được xóa án tích đối với bản án này. Do đó, theo tác giả quan điểm này chưa bao quát hết các trường hợp bị xem là tái phạm khi thực hiện hành vi phạm tội mới.

Theo TS. Lê Văn Đệ trong cuốn sách "*Chế định nhiều tội phạm – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*" thì tái phạm được hiểu là trường hợp phạm tội sau khi đã bị xử phạt và chưa được xoá án tích về tội đã phạm trước đó.[67] Theo quan điểm này thì cho rằng việc người phạm tội chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa xong hình phạt trong bản án đã bị kết tội không là điều kiện quyết định để xác định tái phạm mà phải căn cứ vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới người phạm tội đã được xóa án tích đối với các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó hay không. Tác giả đồng ý với quan điểm này, bởi vì bản chất tái phạm tội là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội lặp đi lặp lại, có nghĩa là người này đã từng thực hiện hành vi phạm tội, đã bị kết án, cảnh báo về việc phạm tội, nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, căn cứ để xác định là người phạm tội có từng thực hiện hành vi phạm tội hay không phải dựa vào án tích của người phạm tội đối với các hành vi phạm tội trước đó. Chính vì vậy, tác giả cho rằng việc người phạm tội bị kết án về tội phạm, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới là điều kiện then chốt thể hiện bản chất của tái phạm tội.

Nghiên cứu một số quan điểm của các nhà khoa học pháp lý hình sự nước ngoài thì tái phạm (tên gọi Tiếng Anh: *Recidivism*) được định nghĩa như sau:

Tác giả Michael D. Maltz trong cuốn sách "*Recidivism*" (Tái phạm tội) cho rằng: "*Tái phạm trong tư pháp hình sự có thể được định nghĩa là việc một cá nhân quay lại thực hiện hành vi phạm tội sau khi người đó đã bị kết án về hành vi phạm tội trước đó, bị trừng phạt và đã được cải tạo*".[68]

Tác giả R.Scott trong bài viết "*Reducing recidivism via college-in-prison: Thoughts on data collection, methology, and the question of purpose" (Giảm tái phạm thông qua giáo dục trong tù: các suy nghĩ về việc thu thập dữ liệu, phương pháp và đặt câu hỏi về mục đích)* cho rằng: "*Sự tái phạm là thước đo cho những bản*

[67] Lê Văn Đệ (2003), tlđd (chú thích số 25), tr.69.
[68] Michael D. Maltz (2001), *Recidivism*, Acedemic Press Inc, Orlando, Florida. No.11.

án hợp pháp cho sự quay trở lại, hoặc tái phát sinh hành vi phạm tội từ những trường hợp đã bị kết án về những tội mới hoặc sự vi phạm điều kiện quản chế/ tạm tha".[69]

Tác giả Sebuggwawo trong luận án "*Community service and recidivism: A study of the legal and institutional framework in Kampala district*" *(Phục vụ cộng đồng và tái phạm: Một nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý và thể chế ở huyện Kampala)* thì cho rằng: "*Tái phạm còn được coi là sự sa ngã, lại mắc phải hoặc lại quay về với hành vi cư xử trái pháp luật trước đó*".[70]

Hoặc trong công trình nghiên cứu của tác giả McKean and Randsford: "*Current strategies for reducing recidivism" (Các chiến lược để giảm tái phạm)* cho rằng: "*Tái phạm thường được hiểu thông thường là sự quay trở về những hành vi trái pháp luật trước đó và được xác định khi một người đã từng phải đi tù phải quay lại nhà tù vì tội mới*".[71]

Như vậy, khi đưa ra định nghĩa về "tái phạm tội", hầu hết các quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự ở nước ngoài đều cho rằng hành vi quay trở lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới khi người phạm tội đã từng bị kết án là dấu hiệu cơ bản của tái phạm tội mà không đề cập đến vấn đề những hành vi đã từng thực hiện và bị kết án của người phạm tội đã được xóa án tích hay chưa. Như tác giả phân tích trên, thì việc không lấy điều kiện "đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích" của người phạm tội đối với những lần đã thực hiện hành vi phạm tội trước đó làm điều kiện cơ bản khi xác định tái phạm là chưa phù hợp. Bởi vì, trường hợp nếu người phạm tội đã được xóa án tích đối với các lần thực hiện hành vi phạm tội trước đó mà thực hiện hành vi phạm tội mới thì tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới, người phạm tội được xem là phạm tội lần đầu nên không thể xem là tái phạm tội. Tuy nhiên, cách nhìn nhận này trái với nguyên tắc nhân đạo, mục đích giáo dục và tư pháp phục hồi của luật hình sự.

Tóm lại, theo tác giả, các trường hợp tái phạm tội là hành vi phạm tội lại lần nữa của người đã từng bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, để đưa ra một khái niệm về tái phạm tội chính xác nhất thì trong khái niệm phải chứa đựng bản chất pháp lý và những điều kiện đặc trưng của tái phạm tội, cụ thể là:

---

[69] R. Scott (2018), *Reducing recidivism via college-in-prison: Thoughts on data collection, methology, and the question of purpose,* Series Critical Education, Vol. 9, No.18.

[70] Sebuggwawo (2010), *Community service and recidivism: A study of the legal and institutional framework in Kampala district,* Master's Thesis, Uganda: Makerere University.

[71] McKean and Randsford (2004), *Current strategies for reducing recidivism*, Centre for Impact Research, Chicago Community Organizing Capacity Building Initiative.

+ *Thứ nhất*, người phạm tội là người đã từng bị kết án về ít nhất một tội phạm theo quy định của pháp luật và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật;

+ *Thứ hai*, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội mới sau khi bản án của những hành vi phạm tội cũ đã có hiệu lực pháp luật;

+ *Thứ ba*, bản án kết tội đối với hành vi phạm tội cũ vẫn chưa được xóa án tích vào thời điểm người phạm tội thực hiện tội phạm mới.

Từ nội dung phân tích trên, tác giả có thể đưa ra khái niệm các trường hợp tái phạm tội như sau: *"Tái phạm tội là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm mới trong thời gian chưa được xóa án tích về tội phạm mà người đó đã bị kết án trước đó"*. Từ định nghĩa này cho thấy, tái phạm tội không chỉ bao gồm tái phạm, tái phạm nguy hiểm hoặc tái phạm đặc biệt nguy hiểm mà còn bao gồm các trường hợp người phạm tội đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới nhưng không thuộc các trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm hoặc tái phạm đặc biệt nguy hiểm.

1.1.3. Phân biệt nhiều tội phạm với các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm

Trong thực tiễn xét xử nhận thấy rằng mỗi một tội phạm, người phạm tội thực hiện một hành vi khách quan tại một thời điểm nhất định nhưng cũng có trường hợp hành vi khách quan được thực hiện ở dạng cấu trúc đặc biệt, bao gồm tội kéo dài, tội liên tục, tội ghép. Tuy nhiên, hiện nay một số hình thức của các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm có những dấu hiệu rất dễ nhầm lẫn với các dấu hiệu của nhiều tội phạm. Do đó, để đảm bảo tính chính xác khi định tội danh và QĐHP thì cần phân biệt ranh giới giữa nhiều tội phạm và các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm. Cụ thể như sau:

Tội kéo dài là tội phạm có hành vi khách quan diễn ra không gián đoạn trong một khoảng thời gian dài.[72] Hành vi khách quan trong tội kéo dài được thực hiện một lần có thể bằng hành động hoặc không hành động, hành vi kéo dài trong một khoản thời gian nhất định và hành vi kéo dài cho đến khi người phạm tội bị bắt giữ. Trong trường hợp này, về bản chất hành vi phạm tội kéo dài từ lúc bắt đầu được thực hiện và thường chỉ kết thúc khi tội phạm bị phát hiện bắt giữ hoặc người phạm tội chủ động kết thúc việc phạm tội đó. Ví dụ: Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng (Điều 304 BLHS năm 2015) bắt đầu từ khi người phạm tội có hành vi cất giữ vũ khí quân dụng mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đến

[72] Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.121.

khi bị phát hiện hoặc họ tự ra đầu thú. Như vậy, sự khác nhau cơ bản của tội kéo dài và nhiều tội phạm thể hiện ở chỗ: tội kéo dài thì người phạm tội chỉ thực hiện một hành vi phạm tội nhưng mang tính chất kéo dài và hành vi này cấu thành một tội phạm duy nhất, còn nhiều tội phạm thì hành vi của người phạm tội thực hiện thỏa mãn dấu hiệu của từ hai tội phạm độc lập trở lên.

Tội liên tục là tội phạm mà hành vi khách quan có tính liên tục, bao gồm nhiều hành vi cùng loại xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng xâm hại một quan hệ xã hội và cùng bị chi phối bởi một ý định phạm tội cụ thể, thống nhất.[73] Nói cách khác, phạm tội liên tục là trường hợp người phạm tội thực hiện liên tục nhiều hành động phạm tội cùng tính chất đối với cùng một đối tượng và vì vậy cấu thành một tội phạm. Ví dụ: Tội bức tử (Điều 130 BLHS năm 2015) người phạm tội đã có hành vi thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình dẫn đến việc người đó tự sát. Hành vi ức hiếp, ngược đãi phải xảy ra liên tục, thường xuyên thì mới cấu thành tội bức tử. Hoặc trường hợp tội đầu cơ (Điều 196 BLHS năm 2015), hành vi "mua vét" hàng hóa - mua số lượng lớn hàng hóa, có thể mua một lần hoặc nhiều lần với số lượng hàng hóa nào đó vượt quá nhiều lần nhu cầu tiêu dùng của gia đình, nhu cầu dự trữ của nghề nghiệp trong điều kiện hàng hóa khan hiếm, … đồng thời việc mua vét này có căn cứ chứng minh nhằm bán lại để thu lợi bất chính. Nhìn chung, trong trường hợp tội liên tục và nhiều tội phạm thì người phạm tội đều thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên nhưng đối với tội liên tục thì các hành vi phạm tội này chỉ cấu thành một tội phạm cụ thể, còn trường hợp nhiều tội phạm thì các hành vi phạm tội cấu thành hai tội phạm độc lập với nhau. Đây chính là sự khác biệt giữa phạm tội liên tục và nhiều tội phạm.

Tội ghép là loại tội phạm mà hành vi khách quan được hình thành từ nhiều hành vi khác nhau, xảy ra đồng thời, xâm phạm các khách thể khác nhau.[74] Nói cách khác, tội ghép có thể được hiểu là trường hợp phạm tội bao gồm hai hành vi phạm tội trở lên, nhưng vì sự thống nhất bên trong của các hành vi đó nên chỉ cấu thành một tội phạm. Ví dụ: Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169 BLHS năm 2015). Tội danh này bao gồm hai hành vi phạm tội, xâm hại đến hai khách thể khác nhau đó là quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ nhân thân. Tuy nhiên, về mặt chủ quan, mục đích của người phạm tội là chỉ nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên chỉ cấu thành tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169 BLHS năm 2015). Mỗi hành vi phạm tội trong tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169 BLHS năm

[73] Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.120.
[74] Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.120.

2015) có thể được đánh giá như một tội phạm độc lập, nhưng vì sự thống nhất bên trong (mục đích chiếm đoạt tài sản) của chúng mà các hành vi đó hợp lại thành cấu thành một tội phạm chứ không phải nhiều tội phạm. Như vậy, có thể thấy đó các hành vi phạm tội trong tội ghép xảy ra cùng nhau tại một thời điểm, mặc dù từng hành vi phạm tội có thể được đánh giá như một tội phạm độc lập, xâm hại những khách thể khác nhau nhưng vì sự thống nhất bên trong của các hành vi phạm tội này mà chỉ được quy định thành một tội phạm trong BLHS và chỉ bị xét xử cùng một tội được quy định trong BLHS. Trong khi đó trường hợp nhiều tội phạm, mặc dù người phạm tội thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên nhưng những hành vi này không có tính thống nhất bên trong và xâm hại đến các khách thể khác nhau hoặc xâm hại đến cùng một khách thể nhưng nhiều lần khác nhau.

Từ khái niệm và đặc điểm của nhiều tội phạm và các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm nêu trên, tác giả đưa ra một số tiêu chí để phân biệt giữa nhiều tội phạm và các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm như sau:

Thứ nhất, về khách thể bị xâm hại: thông thường nhiều tội phạm thường gây thiệt hại từ hai khách thể trở lên (ví dụ A phạm tội giết người và tội cướp tài sản và hai tội phạm này bị đưa ra xét xử cùng một lần, đây là trường hợp phạm nhiều tội) hoặc một khách thể nhưng bị xâm hại từ hai lần trở lên (ví dụ A nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của B và mỗi lần phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, đây là trường hợp phạm tội 02 lần trở lên); còn các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm chủ yếu chỉ gây thiệt hại cho một khách thể duy nhất trong một lần duy nhất (trừ trường hợp đối với tội ghép). Do đó, nếu xét về số lượng khách thể bị xâm hại thì nhiều tội phạm thường gây thiệt hại cho số khách thể nhiều hơn so với các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm.

Thứ hai, về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do mỗi hành vi trong nhiều tội phạm bao giờ cũng cấu thành một tội phạm độc lập, còn trong các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm thì mỗi hành vi thường chưa đủ cấu thành một tội phạm độc lập. Vì vậy, đối với nhiều tội phạm thì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thường cao hơn so với các hình thức một tội phạm phức tạp.

Thứ ba, về thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Vì nhiều tội phạm gây thiệt hại cho nhiều khách thể hơn nên nhiều tội phạm thường gây hậu quả nghiêm trọng hơn so với các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm.

Thứ tư, về nhân thân người phạm tội: đối với trường hợp nhiều tội phạm thì nhân thân người phạm tội thường nguy hiểm hơn, thái độ chống đối xã hội cao hơn; trường hợp các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm thì nhân thân người phạm tội thường ít nguy hiểm hơn.

Thứ năm, về mức độ chịu TNHS. Đối với nhiều tội phạm thì mức độ chịu TNHS thường nghiêm khắc hơn, còn đối với các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm thì mức độ chịu TNHS thường ít nghiêm khắc hơn.

1.1.4. Mối liên hệ giữa nhiều tội phạm và trách nhiệm hình sự

TNHS là một dạng của trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý của việc phạm tội thể hiện ở trách nhiệm của người phạm tội trước Nhà nước phải chịu những tác động pháp lý bất lợi được quy định trong BLHS do Tòa án áp dụng theo một trình tự nhất định.[75] Ở góc độ pháp lý thì cơ sở của việc xác định TNHS đối với người phạm tội là hành vi được BLHS quy định là tội phạm bao gồm: những hành vi phạm tội thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của một CTTP cụ thể được quy định trong BLHS; những hành vi phạm tội có đủ dấu hiệu luật định về trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và những hành vi phạm tội có đủ dấu hiệu luật định về hành vi phạm tội của các loại người đồng phạm.[76] Do đó, mức độ chịu TNHS của người phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm sẽ phụ thuộc vào mức độ thực hiện hành vi phạm tội của người phạm tội trong các trường hợp nêu trên, hay nói cách khác là việc xác định TNHS đối với người phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà người phạm tội đã thực hiện. Nhiều tội phạm là trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn dấu hiệu từ hai cấu thành tội phạm độc lập trở lên và những tội phạm này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS hoặc trong trường hợp đã bị kết án thì chưa được xóa án tích. Do đó, trong trường hợp nhiều tội phạm thì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng tăng lên đáng kể so với trường hợp phạm một tội trong một lần, cụ thể như sau:

Tính nguy hiểm của nhiều tội phạm thể hiện ở số lượng hành vi phạm tội: bản chất của tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trong khi đó nhiều tội phạm là trường hợp người phạm tội thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên. Do đó, nếu một tội phạm đã nguy hiểm cho xã hội thì trường hợp thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên thì tính nguy hiểm càng tăng lên đáng kể.

---

[75] Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.250.
[76] Trần Thị Quang Vinh (2002), *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, tr.16.

Tính nguy hiểm của nhiều tội phạm thể hiện ở số lượng khách thể bị tội phạm xâm hại. Nếu như một tội phạm chỉ gây thiệt hại cho một khách thể được Luật hình sự bảo vệ thì trường hợp nhiều tội phạm sẽ gây thiệt hại cho nhiều khách thể khác nhau hoặc gây thiệt hại cho một khách thể nhưng từ hai lần trở lên. Do đó, số lượng khách thể bị tội phạm xâm hại trong nhiều tội phạm cũng thể hiện tính nguy hiểm tăng lên đáng kể so với trường hợp phạm tội thông thường.

Tính nguy hiểm của nhiều tội phạm còn thể hiện ở khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội. Trong các hình thức của nhiều tội phạm thì hình thức tái phạm là hình thức thể hiện khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội. Trong trường hợp tái phạm, người phạm tội đã bị áp dụng các biện pháp xử lý TNHS nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên thể hiện khả năng khó cải tạo, giáo dục so với trường hợp phạm một tội.

Từ nội dung nêu trên, rõ ràng trong trường hợp nhiều tội phạm đã thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn đáng kể so với trường hợp phạm một tội. Vì khi xác định TNHS áp dụng đối với người phạm tội phải đảm bảo mức độ chịu TNHS tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã thực hiện. Do đó, khi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm tăng lên đáng kể thì hậu quả pháp lý là mức độ chịu TNHS cũng tăng lên so với trường hợp phạm một tội. Như vậy, có thể thấy giữa nhiều tội phạm và TNHS có mối liên hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau, mức độ chịu TNHS sẽ phụ thuộc vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm.

1.2. Lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

1.2.1. Khái niệm của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Để đưa ra khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì tác giả nghiên cứu làm rõ nội dung khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS. Từ khái niệm về các tình tiết tăng nặng TNHS theo góc độ tác giả đã tiếp cận kết hợp cùng khái niệm, đặc điểm của nhiều tội phạm được nghiên cứu tại mục 1.1, tác giả đưa ra khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Theo quy định của BLHS, khi QĐHP, Tòa án ngoài việc căn cứ theo quy định của BLHS thì Tòa án còn căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng

nặng và giảm nhẹ TNHS.[77] Vì vậy việc nghiên cứu làm rõ khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS góp phần to lớn cho hoạt động xét xử của Tòa án. Hiện nay, trong văn bản pháp luật hình sự Việt Nam, khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS vẫn chưa được ghi nhận chính thức bằng một quy phạm pháp luật hình sự. Do đó, trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam hiện nay vẫn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS, cụ thể như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: "*Tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết không có ý nghĩa về mặt định tội, định khung hình phạt mà chỉ có ý nghĩa làm tăng mức độ TNHS trong phạm vi một khung hình phạt nhất định"*.[78]

Quan điểm thứ hai cho rằng: "*Tình tiết tăng nặng TNHS là tình tiết làm cho mức độ nguy hiểm của trường hợp phạm tội cụ thể của một loại tội phạm tăng lên so với trường hợp bình thường và do đó được coi là căn cứ để tăng nặng TNHS đối với trường hợp phạm tội đó*".[79]

Quan điểm thứ ba cho rằng: "*Các tình tiết tăng nặng TNHS có ảnh hưởng tới mức độ nguy hiểm của một tội phạm trong các trường hợp cụ thể khác nhau và có ý nghĩa khi QĐHP vì chúng làm tăng lên mức hình phạt cần áp dụng đối với tội phạm đã thực hiện trong giới hạn khung hình phạt mà luật hình sự quy định với tội phạm đó*".[80]

Quan điểm thứ tư cho rằng: *"Những tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết làm cho một hành vi phạm tội hoặc người phạm tội tăng lên mức độ nguy hiểm cho xã hội để từ đó cần áp dụng hình phạt nặng hơn trong phạm vi một khung hình phạt đã được xác định"*.[81]

Quan điểm thứ năm cho rằng: "*Các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết được quy định trong BLHS phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng có ý nghĩa trong việc QĐHP, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt*".[82]

---

[77] Xem khoản 1 Điều 50 BLHS năm 2015.
[78] Trường Đại học Luật TP.HCM (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung),* NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr.307-308.
[79] Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (1999), *Thuật ngữ Luật hình sự-Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, NXB Công an nhân dân, tr.41.
[80] Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu pháp luật hình sự Việt Nam,* NXB TP. Hồ Chí Minh, tr.23.
[81] Đỗ Ngọc Quang (1995), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, tr.80.
[82] Dương Tuyết Miên (2003), "Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự năm 1999", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 1, tr.19.

Quan điểm thứ sáu cho rằng: "*Tình tiết tăng nặng TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết tăng nặng chung và là một căn cứ để Tòa án QĐHP đối với người phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong vụ án hình sự có tình tiết này*".[83]

Nhìn chung các quan điểm nêu trên đều cho rằng các tình tiết tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án QĐHP đối với người phạm tội và được hiểu ở hai góc nghĩa khác nhau: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng thì các quan điểm cho rằng các tình tiết tăng nặng TNHS là các tình tiết làm thay đổi mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Điều này có nghĩa là, trong một vụ án hình sự nếu có sự xuất hiện các tình tiết tăng nặng TNHS này sẽ làm thay đổi mức độ chịu TNHS đối với chủ thể thực hiện tội phạm: có thể từ không phạm tội trở thành phạm tội hoặc thay đổi mức độ chịu TNHS trong một khung hình phạt hoặc trong các điều luật khác nhau được quy định trong BLHS. Do đó, nếu theo cách hiểu này thì các tình tiết tăng nặng TNHS bao sẽ bao gồm: các tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò là dấu hiệu định tội, các tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.[84] Theo nghĩa hẹp thì các quan điểm cho rằng các tình tiết tăng nặng TNHS chỉ có giá trị là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Nghiên cứu quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự nước ngoài, khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS cũng tồn tại nhiều cách định nghĩa khác nhau, tác giả đưa ra một số quan điểm như sau:

Từ điển pháp luật WEX của Trường Luật Cornell Law School cho rằng: "*Tình tiết tăng nặng là những tình tiết gia tăng mức độ nghiêm trọng hoặc TNHS của một hành động phạm tội. Thông thường, sự xuất hiện của tình tiết tăng nặng sẽ dẫn tới một hình phạt nặng hơn cho một tội phạm đã bị kết tội. Một số tình tiết tăng nặng được thừa nhận chung bao gồm tội ác tày trời, thiếu ăn năn hối hận và có tiền án về tội khác. Việc thừa nhận các tình tiết tăng nặng cụ thể khác nhau tùy theo thẩm quyền*".[85]

---

[83] Trịnh Tiến Việt (2006), "Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: một số vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Nghề luật*, số 4, tr.23-30.

[84] Cách gọi này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015: "2. *Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng*".

[85] Từ điển pháp luật WEX của trường Luật Cornell Law School, [https://www.law.cornell.edu/wex/aggravating_circumstances], (truy cập ngày 13/11/2021).

Từ điển luật Black's Law Dictionary, được biên soạn bởi Henry Campbell Black cho rằng: "*Sự tăng nặng là bất kì tình huống nào việc tham gia thực hiện tội phạm hoặc tra tấn làm tăng tính tội lỗi hoặc mức độ nghiêm trọng hoặc làm tăng một cách nghiêm trọng hậu quả gây ra, mà việc đó vượt quá các yếu tố cấu thành tội phạm thông thường*".[86]

Theo Luật sư Stacy Barrett cho rằng: "*Các tình tiết tăng nặng của bản án bao gồm các tình tiết làm tăng mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tính dễ bị tổn thương của nạn nhân và tiểu sử của họ*".[87]

Hoặc định nghĩa: "*Các tình tiết tăng nặng là những tình tiết có liên quan làm tăng mức độ nghiêm trọng hoặc trách nhiệm pháp lý hình sự của hành vi phạm tội. Các yếu tố tăng nặng được hỗ trợ bởi bằng chứng trong quá trình xét xử, sẽ dẫn đến việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất cho một tội phạm. Hội thẩm xem xét các tình tiết tăng nặng khi quyết định mức án cho bị cáo phạm tội. Một số yếu tố cấu thành tình tiết tăng nặng là thiếu ăn năn hối lỗi, mức độ nguy hiểm đối với nạn nhân, phạm tội trước mặt trẻ em và tái phạm*".[88]

Hoặc định nghĩa: "*Tình tiết tăng nặng đề cập đến các yếu tố làm tăng mức độ nghiêm trọng hoặc mức độ nặng nhất của hành vi phạm tội. Thông thường, sự hiện diện của một tình tiết tăng nặng sẽ dẫn đến một hình phạt khắc nghiệt hơn đối với tội phạm bị kết án*".[89]

Các quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự nước ngoài đều cho rằng các tình tiết tăng nặng TNHS thể hiện mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nó không chỉ là các tình tiết tăng nặng TNHS ảnh hưởng đến mức độ chịu TNHS của người phạm tội trong một khung hình phạt của một tội danh cụ thể mà còn được hiểu ở nghĩa rộng hơn, ở chỗ những tình tiết này làm thay đổi tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Do đó, theo quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự nước ngoài thì tiếp cận các tình tiết tăng nặng TNHS với ba vai trò khác nhau: các tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò là dấu hiệu định tội, các tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt và các

---

[86] Henry Campbell Black, *Từ điển luật Black's Law Dictionary (tái bản lần thứ 6)*, West Publishing. [https://en.wikipedia.org/wiki/Aggravation_(law)], [https://en.wikipedia.org/wiki/Black's_Law_Dictionary], (truy cập ngày 20/11/2021).

[87] Stacy Barrett, "Aggravating Factors in Criminal Sentences", [https://www.criminaldefenselawyer.com /resources/aggravating-factors-in-criminal-sentences.html], (truy cập ngày 20/11/2021).

[88] "Aggravating Factor Law and legal Definition", [https://definitions.uslegal.com/a/aggravating-factor], (truy cập ngày 20/11/2021).

[89] "Aggravating Circumstances", [https://www.law.cornell.edu/wex/aggravating_circumstances], (truy cập ngày 20/11/2021).

tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt.

Trong lĩnh vực hình sự, "*tình tiết hình sự có thể được hiểu là những biểu hiện của tội phạm bao gồm những biểu hiện của hành vi phạm tội, những điều kiện, đặc điểm của người phạm tội, những hoàn cảnh, tình huống có ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm và qua đó phản ánh tính nguy hiểm của tội phạm, TNHS của người phạm tội, phản ánh quan điểm của Nhà nước ta về tội phạm cũng như chính sách hình sự của Nhà nước*".[90] Như vậy, tình tiết hình sự là tất cả các tình tiết liên quan đến vụ án hình sự mà hành vi phạm tội đã thực hiện, nó có thể bao gồm các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội đã thực hiện; các tình tiết liên quan đến đặc điểm, nhân thân người phạm tội; các tình tiết liên quan hoàn cảnh, địa điểm, phương tiện, công cụ,…phạm tội; các tình tiết khác liên quan đến vụ án hình sự thể hiện tính nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như thể hiện chính sách xử lý tội phạm của Nhà nước đối với hành vi phạm tội.

Căn cứ vào ý nghĩa pháp lý của các tình tiết hình sự thì tình tiết hình sự bao gồm các tình tiết hình sự đóng vai trò là dấu hiệu định tội, là dấu hiệu định khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS. Trong đó:

- Dấu hiệu định tội là các những tình tiết của vụ án hình sự phù hợp và thỏa mãn với các dấu hiệu định tội của một tội danh cụ thể được quy định trong BLHS. Dựa vào các tình tiết này mà CQTHTT xác định được chủ thể thực hiện hành vi có phạm tội không, nếu có phạm tội thì phạm tội gì.

- Dấu hiệu định khung hình phạt là những tình tiết của vụ án hình sự phù hợp và thỏa mãn các dấu hiệu định khung hình phạt của CTTP tăng nặng hoặc CTTP giảm nhẹ của một tội cụ thể trong BLHS. Những tình tiết này đã làm thay đổi tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như làm thay đổi khung chế tài áp dụng cho chủ thể thực hiện tội phạm.

- Tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS là các tình tiết của vụ án hình sự phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một khung hình phạt của một tội danh cụ thể và là một trong các căn cứ để Tòa án xem xét khi QĐHP cho chủ thể tội phạm.

[90] Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.116.

Theo Từ điển Tiếng Việt của NXB Bách khoa Hà Nội, thuật ngữ "*tăng nặng có nghĩa là tăng thêm trọng lượng, làm trầm trọng thêm vấn đề*".[91] Như vậy, tình tiết tăng nặng TNHS được hiểu là các tình tiết trong vụ án hình sự có ý nghĩa trong việc làm tăng TNHS đối với chủ thể tội phạm. Đó có thể là: 1/ các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội như tình tiết thuộc diễn biến của việc thực hiện tội phạm (điều kiện phạm tội, đối tượng phạm tội, phương tiện và công cụ phạm tội, …), các tình tiết thuộc về sự kiện phạm tội; hoặc 2/ các tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội (phạm tội lần đầu hay là tái phạm, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính hay chưa
,…) dù không thể hiện thể hiện tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhưng thể hiện nhu cầu khách quan áp dụng biện pháp TNHS nghiêm khắc hơn để đạt được mục đích giáo dục, phòng ngừa đối với người phạm tội. Những tình tiết nguy hiểm này đã làm tăng thêm mức độ chịu TNHS đối với người phạm tội, điều này có thể được hiểu ở nghĩa rộng hơn, đó là người phạm tội từ không phạm tội trở thành tội phạm hoặc từ khung hình phạt trong CTTP cơ bản chuyển thành khung hình phạt trong CTTP tăng nặng hoặc mức hình phạt thay đổi nặng hơn trong cùng một khung hình phạt. Theo phân tích này thì tình tiết tăng nặng TNHS theo nghĩa rộng sẽ bao gồm: tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định tội, tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt, trong đó:

- Tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định tội là các những tình tiết, biểu hiện của tội phạm phù hợp với các dấu hiệu định tội của một tội danh cụ thể được quy định trong BLHS. Đây là các tình tiết làm tăng lên đáng kể tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, khi xuất hiện các tình tiết này thì tính nguy hiểm có thể thay đổi từ không phạm tội trở thành tội phạm hoặc từ tội nhẹ thành tội nặng.

- Tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định khung hình phạt là những tình tiết, biểu hiện của tội phạm phù hợp và thỏa mãn các dấu hiệu định khung hình phạt trong CTTP tăng nặng hoặc CTTP giảm nhẹ của một tội cụ thể trong BLHS. Khi quy định các dấu hiệu của một tội phạm, nhà làm luật bên cạnh việc quy định các dấu hiệu mà tính xác định tội phạm (dấu hiệu định tội) trong CTTP cơ bản thì còn quy định thêm các dấu hiệu khác mà tính nguy hiểm cao hơn hoặc thấp hơn so với các dấu hiệu định tội trong CTTP cơ bản. Đó là những dấu hiệu định khung hình phạt. Hành vi phạm tội nếu thỏa mãn các dấu hiệu định tội trong CTTP cơ bản mà còn thỏa mãn các dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng và giảm nhẹ thì hành vi phạm tội sẽ chuyển từ khung hình phạt trong CTTP cơ bản sang khung hình phạt của CTTP tăng nặng hoặc CTTP giảm nhẹ.

[91] Hoàng Phê (2000), Từ điển Tiếng Việt, NXB Bách khoa Hà Nội, tr.105.

- Tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt là các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một khung hình phạt của một tội danh cụ thể. So về mức độ tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội thì các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt nhỏ hơn so với mức độ nguy hiểm của tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định tội và tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định khung hình phạt.

Dù thực tế hiện nay tồn tại hai cách hiểu khác nhau về các tình tiết tăng nặng TNHS, nhưng tác giả cho rằng các tình tiết tăng nặng TNHS không chỉ ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà còn đánh giá được tính nguy hiểm của người phạm tội và kéo theo đó nó tác động đến nhu cầu áp dụng các biện pháp giáo dục cải tạo người phạm tội cũng như việc áp dụng các nguyên tắc chủ đạo trong luật hình sự. Do đó, trong luận án này, tác giả tiếp cận khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS theo cách hiểu nghĩa rộng - nghĩa là, các tình tiết tăng nặng TNHS không chỉ đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 mà còn đóng vai trò là dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung hình phạt. Khi Tòa án QĐHP và áp dụng các tình tiết này đối với người phạm tội sẽ làm thay đổi TNHS đối với người phạm tội theo ba mức độ: là tội phạm hoặc tội nặng hơn, khung hình phạt cao hơn hoặc mức hình phạt nặng hơn. Từ các nội dung phân tích nêu trên, đồng thời căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự có liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS, theo tác giả: *"Các tình tiết tăng nặng TNHS là các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với người phạm tội, không chỉ có ý nghĩa trong việc lượng hình mà còn có ý nghĩa trong việc định tội và định khung hình phạt"*.

Từ cách định nghĩa về các tình tiết tăng nặng TNHS nêu trên kết hợp với khái niệm chế định nhiều tội phạm được nghiên cứu tại mục 1.1.1, tác giả đưa ra khái niệm về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như sau: "*Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội trong trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã cấu thành từ hai tội phạm độc lập trở lên và những tội phạm này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS hoặc trong trường hợp đã bị kết án thì chưa được xóa án tích. Những tình tiết này có ý nghĩa trong việc định tội, định khung hình phạt và quyết định hình phạt trong một khung hình phạt"*.

1.2.2. Đặc điểm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng là một trong các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung nhưng có dấu hiệu đặc trưng riêng khi người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm. Do đó, ngoài các đặc điểm của các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm còn có các đặc điểm riêng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, với vai trò là một trong các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có các đặc điểm như sau:

- Các tình tiết tăng nặng TNHS làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, có nghĩa là các tình tiết này sẽ làm thay đổi tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội theo hướng nghiêm trọng hơn so với hành vi phạm tội mà không bị áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS. Với các vai trò khác nhau (dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt) thì các tình tiết tăng nặng TNHS sẽ làm thay đổi tính nguy hiểm xã hội của hành vi phạm tội là khác nhau.
- Các tình tiết tăng nặng TNHS phải được quy định rõ ràng, cụ thể trong BLHS và khi QĐHP, Tòa án chỉ được sử dụng các tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS để áp dụng cho người phạm tội mà không được sử dụng các tình tiết khác là tình tiết tăng nặng TNHS. Đây cũng là đặc điểm khác biệt của các tình tiết tăng nặng TNHS so với các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Đặc điểm này được xây dựng xuất phát nguyên tắc nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội và đều nhằm mục đích tránh làm xấu đi tình trạng của người phạm tội cũng như thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội của Nhà nước.
- Các tình tiết tăng nặng TNHS của tội phạm nào thì chỉ áp dụng cho tội phạm đó, các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc nhân thân của người phạm tội nào thì áp dụng cho người phạm tội ấy. Nhằm mục đích đánh giá đúng tính nguy hiểm của từng hành vi phạm tội thì khi QĐHP, các tình tiết tăng nặng TNHS của hành vi phạm tội nào thì áp dụng cho tội phạm đó, tránh trường hợp áp dụng chồng chéo, nhầm lẫn cho hầu hết các tội phạm mà người phạm tội thực hiện trong trường hợp phạm nhiều tội.
- Các tình tiết tăng nặng TNHS phản ánh tình hình đấu tranh, phòng và chống tội phạm trong từng thời kỳ của xã hội. Ở góc độ lập pháp, các tình tiết tăng nặng TNHS phải đảm bảo tính nghiêm minh, xử lý được hành vi phạm tội. Do đó trong một số trường hợp, trong từng thời kỳ khác nhau thì vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS sẽ thay đổi cho phù hợp: có thể từ tình tiết tăng nặng TNHS trong một

khung hình phạt thành dấu hiệu định khung hình phạt hoặc từ dấu hiệu định khung hình phạt trở thành dấu hiệu định tội.

- Một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Xuất phát từ bản chất của tình tiết tăng nặng TNHS khi có sự xuất hiện các tình tiết này thì làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội và kéo theo đó các biện pháp cưỡng chế áp dụng cho người phạm tội cũng tăng lên. Do đó, một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần khi xem xét mức độ chịu TNHS của người phạm tội trong vụ án, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta. Trong trường hợp một tình tiết tăng nặng TNHS vừa là dấu hiệu định tội vừa là dấu hiệu định khung hình phạt vừa là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt thì chỉ được áp dụng một lần đối với người phạm tội và cụ thể được áp dụng ưu tiên theo trình tự: các tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định tội → các tình tiết tăng nặng TNHS là dấu hiệu định khung hình phạt → các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS khi đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt hoặc dấu hiệu định khung hình phạt thì các tình tiết này chỉ có tác động giới hạn trong một khung hình phạt. Mặc dù người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt hoặc dấu hiệu định khung hình phạt thì cũng chỉ bị áp dụng mức hình phạt trong khung hình phạt áp dụng cho người phạm tội. Ví dụ như một người thực hiện hành vi cướp tài sản tại điểm b khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 với tình tiết định khung hình phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt áp dụng cho người này vẫn phải nằm trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015.

Thứ hai, vì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là trường hợp đặc biệt của các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung nên ngoài các đặc điểm nêu trên thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có các đặc điểm riêng như sau:

- Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ áp dụng trong trong trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội cấu thành từ hai tội phạm độc lập trở lên và những tội phạm này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS hoặc trong trường hợp đã bị kết án thì chưa được xóa án tích. Như vậy, khác với các tình tiết tăng nặng TNHS khác (như phạm tội có tính chất côn đồ, phạm tội vì động cơ đê hèn, …) áp dụng trong

trường hợp người phạm tội thực hiện một tội phạm thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ áp dụng trong trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm. Do đó, so với các tình tiết tăng nặng TNHS trong trường hợp một tội phạm thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn do gây thiệt hại cho nhiều khách thể hơn hoặc gây thiệt hại cho một khách thể nhưng từ hai lần trở lên. Do đó, khi bị áp dụng các tình tiết này thì mức hình phạt áp dụng cho người phạm tội cũng cao hơn so với trường hợp một tội phạm. Đây cũng là đặc điểm riêng đặc thù của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khác so với các tình tiết tăng nặng TNHS còn lại.

- Căn cứ vào khái niệm các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng như các hình thức của nhiều tội phạm mà tác giả phân tích tại các mục nêu trên thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm bao gồm các tình tiết nêu sau: phạm nhiều tội, phạm tội 02 lần trở lên, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và các trường hợp tái phạm tội khác. Như vậy, khi người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm thì khi QĐHP đối với người phạm tội, tùy từng trường hợp cụ thể Tòa án có thể áp dụng các tình tiết như phạm nhiều tội, phạm tội 02 lần trở lên, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, các trường hợp tái phạm tội là tình tiết tăng nặng TNHS với các vai trò dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt đối với người phạm tội.

1.2.3. Nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm không chỉ đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 mà còn giữ vai trò là dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 2015. Tuy nhiên nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng và các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung chưa được quy định đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015. Do đó, để tránh tình trạng áp dụng chồng chéo giữa các vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì trong phần nội dung này tác giả cố gắng đưa ra các cách thức áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và được xem là nguyên tắc. Những nguyên tắc được xây dựng dựa trên tinh thần của các nguyên tắc chung của pháp luật hình sự Việt Nam như: nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc pháp

chế, nguyên tắc thu hút, … cũng như dựa vào những đặc điểm có tính khác biệt và đặc thù của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm mà tác giả phân tích tại mục 1.2.2. Cụ thể bao gồm các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Một tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ được áp dụng một lần trong một vụ án hình sự.

Khi Tòa án QĐHP và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cho người phạm tội thì sẽ làm mức độ chịu TNHS của người phạm tội tăng lên đáng kể. Do đó, xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc thu hút trong pháp luật hình sự Việt Nam cũng như đặc điểm của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nhằm mục đích tránh đưa người phạm tội vào tình trạng xấu hơn thì về nguyên tắc trong quá trình QĐHP một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần để xác định TNHS cho người phạm tội. Cụ thể là:

- *Những tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đã là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt khi quyết định hình phạt.*

Một trong các bước của quá trình QĐHP đối với người phạm tội là CQTHTT phải xác định hành vi đã thực hiện có phải là tội phạm hay không, nếu có thì là tội phạm gì theo quy định của BLHS. Do đó, khi QĐHP trong một vụ án hình sự mà áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì việc đầu tiên cơ quan áp dụng pháp luật phải xác định tình tiết nào đóng vai trò là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Trong đó, vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt chỉ được xét đến sau khi đã xác định được tội danh của hành vi phạm tội và vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt chỉ được xét đến sau khi đã xác định được tội danh và khung hình phạt cụ thể của hành vi phạm tội. Trong đó:

- Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đóng vai trò là dấu hiệu định tội là các tình tiết làm thay đổi tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm theo hướng tăng lên một cách đáng kể, sự tăng thêm đó làm cho tội phạm thay đổi về tính chất và mức độ nguy hiểm,[92] được quy định trong CTTP cơ bản trong BLHS năm 2015. Có thể hiểu trong vụ án hình sự nếu hành vi phạm tội thỏa mãn các dấu hiệu của CTTP cơ bản được quy định trong BLHS thì dựa vào đó mà cơ quan có thẩm quyền xác định được hành vi phạm tội này có phạm tội hay không

[92] Trần Thị Thùy Trang (2015), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.26.

phạm tội. Điều này sẽ làm thay đổi tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và dẫn đến hậu quả pháp lý là mức độ chịu TNHS của người phạm tội sẽ tăng lên đáng kể so với trường hợp hành vi không phải là tội phạm. Trong trường hợp tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được sử dụng làm dấu hiệu định tội để xác định tội danh đối với người phạm tội thì không được áp dụng tình tiết này là hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Ví dụ như khi hiện nay dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm"* được quy định là dấu hiệu định tội của một số tội như: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175 BLHS năm 2015), Tội quảng cáo gian dối (Điều 197 BLHS năm 2015), Tội đánh bạc (Điều 321 BLHS năm 2015), … Do đó, trong trường hợp đã sử dụng dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm"* làm dấu hiệu định tội để xác định tội phạm đối với người tội phạm thì không được áp dụng các dấu hiệu để áp dụng thêm tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt là các tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội phù hợp với một khung hình phạt nhất định, tính nguy hiểm đối với hành vi của người phạm tội tăng lên một mức nhất định và không vượt quá *"giới hạn"* của tội phạm đó. Trong cùng một tội phạm, pháp luật quy định các khung hình phạt khác nhau và mỗi khung hình phạt có các dấu hiệu định khung hình phạt khác nhau và việc áp dụng các là cơ sở xác định khung hình phạt nặng hơn so với khung cơ bản sẽ được áp dụng. Do đó, khi các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt thì người phạm tội phải gánh chịu hình phạt cao hơn ở khung hình phạt cao hơn so với khung hình phạt ở CTTP cơ bản, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nhưng không được vượt quá giới hạn của một khung hình phạt trong cùng một tội danh cụ thể do luật định. Tuy nhiên, trong trường hợp các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được áp dụng với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt thì khi QĐHP tình tiết này không được xem là dấu hiệu định tội hoặc các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội nữa. Ví dụ: Trần Thị Mỹ H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Võ Thị Thảo N số tiền 31.130.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tại Điều 173 BLHS năm 2015. Mặc dù tài sản mà bị cáo trộm cắp là 31.130.000 đồng nhưng bị

cáo đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới nên phải chịu "tái phạm nguy hiểm". Tại bản án số 15/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 TAND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đã tuyên bị cáo Trần Thị Mỹ H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015. Trong trường hợp này, tình tiết "tái phạm nguy hiểm" được sử dụng là đối với bị cáo Trần Thị Mỹ H nên khi QĐHP Tòa án không áp dụng thêm tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với bị cáo.

Vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong từng tội phạm cụ thể là không giống nhau. Trong một số trường hợp, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt của tội danh này nhưng không được quy định đối với các tội danh khác. Do đó, đối với tội danh này thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có thể được áp dụng với vai trò là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt nhưng đối với các tội danh khác thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ được áp dụng với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Ví dụ như: tình tiết "tái phạm nguy hiểm"là dấu hiệu định khung hình phạt của nhiều tội phạm như: Tội hiếp dâm (điểm i khoản 2 Điều 141 BLHS năm 2015), Tội cưỡng dâm (điểm g khoản 2 Điều 143 BLHS năm 2015), Tội cướp tài sản (điểm h khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015), Tội trộm cắp tài sản (điểm g khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015), … nên khi QĐHP các tội danh này thì tình tiết "tái phạm nguy hiểm" được áp dụng với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt và không được áp dụng thêm tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội. Hoặc tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" đã được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tại các tội: Tội mua bán người (điểm a khoản 3 Điều 150 BLHS năm 2015), Tội cướp tài sản (điểm b khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015), Tội cưỡng đoạt tài sản (điểm b khoản 2 Điều 170 BLHS năm 2015), … thì khi QĐHP Tòa án không được tiếp tục sử dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" với vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Như vậy, như nội dung tác giả phân tích nêu trên và căn cứ vào khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 thì việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng cần ưu tiên thứ tự vai trò áp dụng như sau: dấu hiệu định tội → dấu hiệu định khung hình phạt → tình tiết tăng tặng TNHS trong một khung hình phạt. Nhà làm luật ghi nhận nguyên tắc

này nhằm tránh tình trạng áp dụng chồng chéo: chỉ với một tình tiết mà được áp dụng với nhiều vai trò: vừa là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt vừa là tình tiết tăng nặng TNHS và cũng nhằm đảm bảo nguyên tắc một tình tiết tăng nặng TNHS thì chỉ được áp dụng một lần khi QĐHP đối với người phạm tội. Nhằm đảm bảo đạt được mục đích của hình phạt là hướng đến giáo dục, cải tạo người phạm tội thì phải áp dụng nguyên tắc này khi QĐHP, khi đó hình phạt áp dụng mới tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

- *Trường hợp hành vi của người phạm tội thỏa mãn đồng thời nhiều tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm mà các tình tiết này có các đặc điểm trùng lặp nhau thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nào thể hiện đầy đủ dấu hiệu hành vi của người phạm tội.*

Trong quá trình xác định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm áp dụng cho người phạm tội thì trong nhiều trường hợp hành vi phạm tội của người phạm tội thỏa mãn nhiều tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm mà các tình tiết này trong một số trường hợp sẽ xuất hiện những miền trùng lắp với nhau thì khi QĐHP đối với người phạm tội, Tòa án chỉ nên áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nào thể hiện đầy đủ và rõ nét bản chất hành vi của người phạm tội. Nguyên tắc được xây dựng dựa trên nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cũng như nguyên tắc thu hút trong pháp luật hình sự Việt Nam nên trong trường hợp các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chứa đựng các dấu hiệu trùng lặp nhau thì Tòa án không được áp dụng đồng thời các tình tiết này đối với người phạm tội mà chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nào chứa đựng các dấu hiệu của các tình tiết tăng nặng TNHS còn lại, hay nói cách khác dựa trên tinh thần của nguyên tắc thu hút thì trường hợp này Tòa án chỉ được áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS có các dấu hiệu thu hút các tình tiết tăng nặng TNHS còn lại. Ngoài ra, nguyên tắc này cũng được hình thành xuất phát từ nguyên tắc một tình tiết không được áp dụng hai lần đối với người phạm tội khi QĐHP, sẽ làm cho tình trạng của người phạm tội trở nên xấu hơn khi bị áp dụng hình phạt. Ví dụ như: A thực hiện 05 lần hành vi trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015, trong đó có 03 lần phạm tội đã bị kết án trong một bản án có hiệu lực pháp luật và chưa được xóa án tích, 02 lần phạm tội chưa bị xét xử, ngoài ra người phạm tội xem việc phạm tội như một phương tiện kiếm sống và lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập cho bản thân. Như vậy trong tình huống này, hành vi của A vừa thỏa mãn dấu hiệu của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên vừa thỏa mãn dấu hiệu của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tuy nhiên, dấu hiệu của tình tiết phạm tội có

tính chất chuyên nghiệp thể hiện đầy đủ rõ nét hành vi của người phạm tội và tình tiết này đã bao gồm các dấu hiệu của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì khi QĐHP Tòa án chỉ nên áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với vai trò là được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội mà không áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Ngoài ra, trong một số trường hợp hành vi của người phạm tội đồng thời thỏa mãn dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt của một tội phạm cụ thể và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì những dấu hiệu nào đã sử dụng làm dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt thì không được sử dụng để áp dụng thêm tình tiết tăng nặng TNHS đối với người tội phạm.

- *Đối với các quy định mang tính chất nhân đạo trong pháp luật hình sự Việt Nam như: án treo, miễn TNHS, miễn hình phạt, QĐHP dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, ... thì không được áp dụng phương pháp đối trừ giữa tình tiết tăng nặng TNHS và tình tiết giảm nhẹ TNHS.*

Hiện nay theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 thì mới chỉ quy định một tình tiết tăng nặng TNHS đã là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng TNHS. Và cho đến nay không có quy định cấm một tình tiết tăng nặng được áp dụng hai lần. Điều này dẫn đến thực tiễn xét xử cũng đang còn tranh luận về vấn đề này. Tại Điều 65 BLHS năm 2015 quy định: *"Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo ...."*. Tuy nhiên, tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng án treo quy định rằng: người bị xử phạt tù phải *"Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1*

Điều 51 của Bộ luật Hình sự.[93] Như vậy, trong trường hợp này, các tình tiết tăng nặng TNHS đã được áp dụng hai lần: một lần được sử dụng như là một căn cứ quyết định hình phạt để quyết định hình phạt không quá 03 năm tù; một lần được áp dụng để đối trừ với các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tác giả cho rằng, thực tiễn xét xử áp dụng theo hướng dẫn này sẽ trái với bản chất, ý nghĩa của tình tiết tăng nặng TNHS nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng. Do đó, trong trường hợp QĐHP mà áp dụng các quy định mà tính chất nhân đạo trong pháp luật hình sự Việt Nam cần tuân thủ theo nguyên tắc một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần trong vụ án hình sự.

Nguyên tắc 2: Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt thì chỉ làm tăng mức hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt.

Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 là các tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi phạm tội trong một khung hình phạt cụ thể.[94] Đây là các tình tiết làm tăng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với xã hội nhưng không được vượt quá giới hạn của khung hình phạt đang được xem xét. Một điều luật quy định một khung hình phạt có mức tối thiểu và mức tối đa và tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng tội phạm mà QĐHP. Khi QĐHP, Tòa án xác định người phạm tội ở khung hình phạt nào thì dù hành vi phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS thì hình phạt áp dụng cho người phạm tội cũng không vượt mức cao nhất của khung hình phạt đang xem xét. Điều này đảm bảo hình phạt được xem xét toàn diện, đầy đủ, nghiêm minh, phù hợp mục đích của hình phạt và tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Ví dụ như: A phạm Tội hiếp dâm thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 141 BLHS năm 2015 có khung hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm tù. Như vậy, cho dù A có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 thì Tòa án cũng không được xử phạt bị cáo trên 07 năm tù.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 thì các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng TNHS. Khi những tình tiết đã đóng vai trò là

[93] Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo.
[94] Phan Thị Thu Lê (2019), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật Hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tr.34.

dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt thì không được xem là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Vai trò của tình tiết trong từng tội phạm cụ thể là khác nhau, có thể trong tội phạm này tình tiết đóng vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt, nhưng trong tội phạm khác tình tiết này lại đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc dấu hiệu định tội. Những tình tiết đóng vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt sẽ làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, không làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Trường hợp những tình tiết làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ không được xem xét là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 mà được xem là dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung hình phạt. Chính vì vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt chỉ được cân nhắc, xem xét sau khi đã định tội danh và định khung hình phạt cho hành vi phạm tội. Điều này phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, tình tiết tăng nặng TNHS không được áp dụng hai lần trở lên trong mọi trường hợp và với nguyên tắc tình tiết tăng nặng TNHS không được dùng làm căn cứ loại trừ việc áp dụng các chế định nhân đạo của pháp luật hình sự.[95]

Nguyên tắc 3: Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, người phạm tội có thể có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS. Do đó, CQTHTT cần xác định đúng và đủ các tình tiết tăng nặng TNHS trước khi QĐHP. Trong nhiều trường hợp, có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS cùng thuộc về một người phạm tội, trong đó tình tiết chỉ có ý nghĩa tăng nặng với tội danh này thì lại xác định và áp dụng với tội danh kia hoặc áp dụng cả hai tình tiết tăng nặng TNHS cho hai tội danh mà người đó cùng phạm phải. Vì vậy, khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS cần xác định chính xác các tình tiết tăng nặng TNHS và tình tiết tăng nặng TNHS của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng với hành vi phạm tội đó. Ví dụ như: A phạm hai tội "Tội đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 và tội "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" theo khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015. Trong đó, với "Tội đánh bạc" A có tình tiết tăng nặng TNHS là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, còn với tội "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" thì A bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Như vậy, đối với mỗi tội danh thì A

[95] Phan Thị Thu Lê (2019), tlđd (chú thích số 92), tr.40.

bị áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS khác nhau. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử vẫn có trường hợp Hội đồng xét xử ghi nhận cả hai tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên áp dụng cho cả hai tội danh nêu trên. Điều này dẫn đến hệ quả không đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho từng hành vi phạm tội và QĐHP sẽ không phù hợp với từng hành vi phạm tội. Do đó, một trong những nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là phải đánh giá và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS thật chính xác, tình tiết tăng nặng TNHS của tội nào thì chỉ áp dụng đối với tội danh đó. Ngoài ra, trong bản án cũng cần nêu rõ tình tiết tăng nặng TNHS nào áp dụng với tội danh nào, nhằm tránh tình trạng áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS của tội danh này sang tội danh khác và ngược lại.

1.2.4. Ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm không chỉ đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 mà nó còn mang vai trò là dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt một số tội danh trong BLHS năm 2015. Do đó, việc nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm không chỉ mang ý nghĩa pháp lý mà còn mang cả ý nghĩa chính trị xã hội, cụ thể như sau:

1.2.4.1. Ý nghĩa pháp lý

Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lý, bởi vì giải quyết TNHS là một trong những vấn đề then chốt của vụ án hình sự, khi giải quyết cần xem xét và cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Để đảm bảo sự tương xứng giữa tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm với mức độ TNHS, các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đã được sử dụng như những phương tiện cần thiết cho hoạt động phân hóa TNHS trong luật và cá thể hóa TNHS trong quá trình áp dụng. Nhờ vậy mà công bằng trong xử lý tội phạm càng triệt để. Dưới góc độ pháp lý, quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS năm 2015 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở các khía cạnh sau:

- *Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một trong những căn cứ xác định TNHS.*

Để có một phán quyết cuối cùng thỏa đáng và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Tòa án phải căn cứ vào các tình tiết trên thực tế trong vụ án để xác định

dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Đây là những căn cứ đầu tiên, quan trọng và mang tính nền tảng trong vụ án hình sự góp phần bảo đảm cho sự vận dụng những căn cứ còn lại một cách chính xác và phán quyết ban hành có tính hợp lý, hình phạt áp dụng cho người phạm tội sẽ tương xứng với tính nguy hiểm của từng hành vi phạm tội cụ thể. Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một trong những căn cứ xác định TNHS đầu tiên của vụ án hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm và loại tội phạm để xác định được tình tiết mang vai trò nào trong vụ án, với thứ tự ưu tiên áp dụng là dấu hiệu định tội – dấu hiệu định khung hình phạt – tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Và những tình tiết đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015. Mỗi vai trò đều có ý nghĩa quan trọng trong việc QĐHP, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi đóng vai trò là dấu hiệu định tội giúp Tòa án xác định được chủ thể đó phạm tội cụ thể, mức độ và tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đó; khi đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt giúp xác định được khung hình phạt cụ thể nào tương xứng với hành vi nguy hiểm cho xã hội; khi đóng vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS góp phần hoàn thiện hình phạt được đưa ra. Vì vậy, khi QĐHP Tòa án phải thận trọng, linh hoạt, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phân biệt và áp dụng chính xác các tình tiết thuộc dấu hiệu định tội, các tình tiết thuộc dấu hiệu định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt.

- *Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS năm 2015 có ý nghĩa là một phương tiện phân hóa TNHS.*

Một trong những đặc điểm của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là mang giá trị tăng nặng TNHS, mức độ tăng nặng TNHS khác nhau dưới sự ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng liên quan đến nhiều tội phạm trong quá trình giải quyết và thực hiện TNHS. Khi QĐHP, tính nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội luôn tỷ lệ thuận với mức độ nghiêm khắc của TNHS. Vì vậy, Tòa án cần phân biệt chính xác TNHS trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Các tình tiết tăng nặng TNHS là không giống nhau trong một tội phạm cụ thể, có tình tiết có ý nghĩa tăng nặng hơn nhưng cũng có tình tiết chỉ tăng nặng một phần TNHS của người phạm tội. Vì vậy, việc hiểu và áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng TNHS khi xác định TNHS là cơ sở để phân hóa TNHS và là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính cá thể hóa hình phạt. Phân hóa TNHS là "*sự phân chia TNHS thành các nhóm*

khác nhau dựa trên những tiêu chí nhất định để đạt được mục đích mà chủ thể tiến hành phân hóa đặt ra. Hay có thể hiểu phân hóa TNHS chính là mức độ phản ứng của Nhà nước đối với các nhóm tội, loại tội phạm khác nhau và từng tội phạm cụ thể. Đó chính là việc phân chia hậu quả pháp lý hình sự cho từng hành vi phạm tội theo mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm".[96] Phân hóa TNHS là nguyên tắc xuyên suốt trong pháp luật hình sự, thể hiện qua việc quy định TNHS khác nhau đối với các trường hợp phạm tội khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cụ thể, là nguyên tắc tạo ra cơ sở nền tảng để có thể tiến hành cá thể hóa TNHS và ngược lại. Trong thực tiễn, hành vi phạm tội rất đa dạng, phong phú, xảy ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, xâm phạm đến các quan hệ xã hội với nhiều loại tội phạm khác nhau, ở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Do đó, đòi hỏi phải có những cách thức xử lý khác nhau tương xứng với hành vi phạm tội để bảo vệ các quan hệ xã hội, giáo dục người phạm tội. Căn cứ quan trọng được cân nhắc trong mọi trường hợp phân hóa TNHS trước hết là tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Hành vi có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội càng cao thì TNHS càng cao, đòi hỏi sự can thiệp, bảo vệ của Nhà nước thông qua quy định về TNHS, một trong số đó là các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Do đó, Tòa án cần dựa vào các tình tiết trên thực tế của vụ án để phân hóa TNHS một cách chính xác.

- *Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cá thể hoá TNHS.*

Với ý nghĩa là một căn cứ QĐHP, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được sử dụng để cá thể hóa TNHS đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể, sao cho quyết định cuối cùng phản ánh chính xác nhất sự tương xứng giữa TNHS với tội phạm được thực hiện. Cá thể hóa TNHS là "*làm cho hình phạt được tuyên phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân người phạm tội cũng như hoàn cảnh của họ* ",[97] việc cá thể hóa TNHS là một trong những cơ sở cho việc xác định mức độ TNHS đối với người phạm tội. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản được thể hiện xuyên suốt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Trên thực tiễn, hành vi phạm tội không giống nhau điều này đòi hỏi phải xác định TNHS cụ thể với từng tội phạm cụ thể dựa trên tính nguy hiểm cho xã hội và nhân thân người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể để đáp ứng được yêu cầu bảo vệ các quan hệ xã hội.

---

[96] Thái Thị Minh Ý (2005), *Phân hóa TNHS trong chế định tội phạm*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật, Trường Đại học Luật TP. HCM, tr.4.
[97] Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr.28.

Do đó, để đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa TNHS, TNHS mà người phạm tội phải gánh chịu phải tương xứng với mức độ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mỗi tội phạm khác nhau sẽ được áp dụng các chế tài xử phạt khác nhau. Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khác nhau về giá trị tăng nặng trong từng tội phạm cụ thể. Việc phân biệt các tình tiết là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa quan trọng trong việc cá thể hóa TNHS. Có những tình tiết có giá trị định tội, định khung hình phạt nhưng có những tình tiết có ý nghĩa tăng nặng một phần nào TNHS đối với người phạm tội. Điều này đòi hỏi khi QĐHP Tòa án phải suy xét về mọi khía cạnh, cân nhắc ở nhiều góc độ và đánh giá ý nghĩa, vai trò của mỗi tình tiết một cách khách quan nhất, vừa biểu hiện sự tôn trọng vừa đảm bảo nguyên tắc tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm, đúng người đúng tội. Mỗi tội phạm xảy ra trên thực tế luôn được thực hiện bởi các cá nhân cụ thể với những đặc điểm không giống nhau và còn tùy thuộc vào hành vi, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội, hậu quả của hành vi mà người phạm tội phải gánh chịu những hình phạt khác nhau và hình phạt là cụ thể hóa đến từng người phạm tội. Những tình tiết tăng nặng TNHS riêng biệt thực tế trong vụ án có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà người phạm tội đã gây ra và các tình tiết này ảnh hưởng đến TNHS của người phạm tội, để đảm bảo rằng việc truy cứu TNHS là *"đúng người, đúng tội"* thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đóng vai trò rất quan trọng.

1.2.4.2. Ý nghĩa Chính trị - xã hội

Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội trong lĩnh vực hình sự. Công bằng xã hội được thể hiện trong việc áp dụng pháp luật như nhau, "*mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội*" (điểm b khoản 1 Điều 3 BLHS năm 2015). Trên thực tiễn các loại tội phạm được thực hiện bởi những cá nhân cụ thể với những đặc điểm khác biệt về nhân thân (trình độ văn hóa, hoàn cảnh gia đình, thái độ đối với pháp luật, đối với lợi ích xã hội), với sự khác nhau về mức độ thực hiện tội phạm, về hình thức thực hiện tội phạm, mức độ thiệt hại xảy ra trên thực tế. Những tình tiết này ở mức độ nhất định có ảnh hưởng đến TNHS của người phạm tội, cho phép đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, từ đó xác định được TNHS và hình phạt đối với người phạm tội. Vì vậy, không cân nhắc chúng trong giải quyết TNHS sẽ không đảm bảo công bằng đối

với người phạm tội.[98] Khả năng biểu đạt đầy đủ và toàn diện những biểu hiện riêng biệt của từng trường hợp phạm tội cụ thể, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như công cụ phản ánh sâu sắc tính chất, mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể, tạo tiền đề cho quyết định công bằng về TNHS. Để đảm bảo rằng phán quyết cuối cùng phải tương xứng với hành vi mà người phạm tội đã thực hiện, QĐHP đúng pháp luật, công bằng và hợp lý với từng người phạm tội cụ thể. Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa đường lối, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước về tội phạm và TNHS. Một trong những nội dung quan trọng của chính sách đối với tội phạm và tổ chức đấu tranh phòng chống tội phạm được ghi nhận tại Điều 3 BLHS năm 2015 thể hiện ở những nét sau:

- Chính sách hình sự là chính sách xử lý trên nguyên tắc "nghiêm trị" kết hợp "khoan hồng". Đối với các đối tượng có dấu hiệu tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, chính sách "nghiêm trị" sẽ được thể hiện đối với người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. "Khoan hồng" đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra. Việc quy định như vậy, khuyến khích người phạm tội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành người công dân tốt.
- Chính sách phân hóa TNHS trong luật và cá thể hóa TNHS trong áp dụng pháp luật. Quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS trở thành phương tiện cần thiết để thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước. Nội dung nghiêm trị của chính sách về tội phạm và TNHS thể hiện ở việc áp dụng trong phòng chống tội phạm. Khi xác định TNHS đối với người phạm tội, đảm bảo hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, hướng tới mục đích giáo dục, khuyến khích người phạm tội cải tạo, sửa chửa lỗi lầm một cách tích cực để trở thành người lương thiện có ích cho xã hội và góp phần bảo vệ công lý, xây dựng niềm tin trong xã hội. Việc Tòa án áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm một các phù hợp đúng đắn có sức thuyết phục, từ đó xây dựng niềm tin tưởng vào chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

---

[98] Trần Thị Quang Vinh (2002), tlđd (chú thích số 76), tr.33.

- Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS có tác dụng thống nhất việc vận dụng đường lối xét xử trong cả nước, hạn chế việc áp dụng tùy tiện các tình tiết này nhằm đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực hình sự. Mặt khác, khi quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và việc vận dụng trong việc xác định TNHS, từ đó Nhà nước cho mọi công dân thấy rõ rằng trường hợp nào cần "nghiêm trị", trường hợp nào được "khoan hồng", điều này tác động tích cực trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Như vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một trong những nội dung quan trọng của pháp luật hình sự. Việc nghiên cứu vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS này có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận, thực tiễn cũng như mặt pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết vụ án hình sự.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chế định nhiều tội phạm là một chế định phức tạp trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam. Việc nghiên cứu lý luận về nhiều tội phạm không chỉ tạo nền tảng cho việc hoàn thiện các vấn đề pháp lý về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm mà còn các vấn đề pháp lý khác. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu của luận án trong chương 1 tác giả đã giải quyết được các vấn đề nêu sau:

- Nghiên cứu khái quát một số vấn đề lý luận về nhiều tội phạm như khái niệm về nhiều tội phạm, các dấu hiệu pháp lý của nhiều tội phạm và các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm; phân biệt các hình thức của nhiều tội phạm và các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan; phân tích mối liên hệ giữa nhiều tội phạm và TNHS theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.
- Trên nền tảng lý luận về nhiều tội phạm, tác giả đưa ra một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như: khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng như đưa ra một số ý nghĩa lý luận và thực tiễn của các tình tiết tăng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Kết quả nghiên cứu trong chương 1 chính là nền tảng lý luận và là cơ sở để tác giả tiếp tục nghiên cứu, phân tích quy định và thực tiễn áp dụng của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và đưa ra các đề xuất hoàn thiện các tình tiết này.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM

2.1. Khái quát lịch sử quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam

2.1.1. Quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Ngay sau khi Cách mạng tháng tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã quan tâm đặc biệt đến công tác xây dựng hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật hình sự, nhằm góp phần bảo vệ trật tự, trị an xã hội, bảo vệ chính quyền nhân dân. Trong giai đoạn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành nhiều văn bản pháp quy làm cơ sở để truy cứu TNHS đối với nhiều loại tội phạm khác nhau, chẳng hạn như *"Pháp lệnh trừng trị các tội phản Cách mạng"* (ngày 30/10/1967); *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản Xã hội chủ nghĩa"*, *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân"* (ngày 21/10/1970) và các bản tổng kết thực tiễn xét xử hàng năm của TANDTC,…Các văn bản này cho thấy hệ thống pháp luật hình sự ở nước ta thời kỳ này tương đối đầy đủ và đã thể hiện tính có hệ thống, tính khoa học. Đi theo đó, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm ngay từ giai đoạn đầu tiên đã dần được quan tâm và quy định trong các văn bản pháp luật ở giai đoạn này, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tình tiết phạm nhiều tội.

Trong giai đoạn này, vấn đề phạm nhiều tội chưa được xây dựng là chế định độc lập, vẫn chưa có định nghĩa chính thức về khái niệm phạm nhiều tội trong khi thực tiễn xét xử các vụ án hình sự trong thời kì này đã gặp không ít các trường hợp phạm nhiều tội. Giai đoạn này, tình tiết phạm nhiều tội được quy định trong các đạo luật hình sự đơn hành, các văn bản hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ và TANDTC. Chẳng hạn như: *"Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng"* Ngày 30/10/1967; *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa"* và *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản công dân"* ngày 21/10/1970; *"Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép"* ngày 30/6/1982; Thông tư 556/Ttg ngày 24/12/1958 của Thủ tướng Chính phủ *"Báo cáo tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong công tác xét xử về hình sự"* ngày 16/01/1976 của TANDTC… Đến năm 1964, lần đầu tiên Tòa án đã có những hướng dẫn cụ thể liên

quan đến việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Tại *"Bản tổng kết công tác và các chuyên đề xét xử năm 1964"*, TANDTC đã hướng dẫn như sau: "*Đối với trường hợp bị can có nhiều hành vi phạm pháp hoặc có một hành vi phạm pháp nhưng phạm nhiều tội, khi xét xử, nói chung trong những trường hợp thấy cần thiết và có thể Tòa án nên phân tích và kết luận rõ ràng đối với từng hành vi phạm tội và quyết định hình phạt cụ thể cho từng hành vi rồi quyết định hình phạt chung bắt bị can phải chấp hành. Nhưng cũng cần chú ý rằng, đối với những trường hợp tuy bị can có nhiều hành vi và mỗi hành vi cũng cấu thành một tội phạm hình sự, nhưng thấy việc xét xử về nhiều tội là không cần thiết, thì không máy móc phải xử phạt hết các tội mà xử tổng hợp nhiều tội".* Nhìn chung trong giai đoạn này những quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết phạm nhiều tội chưa được đề cập và quan tâm nhiều và do chưa có quy định trong một văn bản luật cụ thể nên thực tiễn xét xử không có sự thống nhất trong một thời gian dài khi áp dụng tình tiết phạm nhiều tội.

Thứ hai, tình tiết phạm tội nhiều lần.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất nước thống nhất vẫn còn tồn tại hai hệ thống pháp luật khác nhau ở hai miền Nam, Bắc. Những năm đầu đất nước thống nhất, pháp luật hình sự đã bắt đầu đề cập đến tình tiết phạm tội nhiều lần với ý nghĩa là một trong những trường hợp cần xử lý nghiêm khắc. Cụ thể tại *"Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ"* ngày 20/05/1981 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định:

"Điều 5: Những trường hợp cần xử nặng.

Người nhận hối lộ, đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù đến 15 năm:

b) Phạm tội hối lộ nhiều lần, "[99]

Những quy định của pháp luật hình sự về tình tiết "phạm tội nhiều lần" trong giai đoạn này được đề cập đến chưa nhiều, chỉ mang tính chất là một tình tiết tăng nặng hình phạt cần áp dụng đối với người phạm tội.

Thứ ba, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội. Trong đó đã đề cập vấn đề xử lý các phần tử lưu manh chuyên nghiệp: "*Nay quy định việc tập trung để giáo dục cải tạo những phần tử dưới đây, từ 18 tuổi trở lên, có hành động nguy hại cho xã hội, đã được giáo dục nhiều lần mà không*

[99] "Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ" ngày 20/05/1981 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

chịu hối cải, nhưng xét không cần đưa ra TAND xử phạt: a) Những phần tử phản cách mạng ngoan cố có hành động, phương hại đến an ninh chung. b) Những phần tử lưu manh chuyên nghiệp.[100] Để các địa phương áp dụng thống nhất pháp luật, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Thông tư số 121-CP ngày 09/8/1961 hướng dẫn Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội. Tại điểm b phần II Thông tư này quy định việc xác định thế nào là phần tử lưu manh chuyên nghiệp và đường lối xử lý, cụ thể như sau:

"1 - Những tên cầm đầu lưu manh và những tên chuyên sống bằng nghề dự trữ và tiêu thụ những thứ trộm cắp của người khác đã qua nhiều lần giáo dục cải tạo mà vẫn không chịu sửa chữa;

2 - Những tên lưu manh trộm cắp đã tái phạm nhiều lần và không có nghề nghiệp, hoặc chỉ có nghề ngụy trang chuyên sống bằng trộm cắp, lừa đảo và những tên chủ chứa bọn gái điếm hiện đang hoạt động;

3 - Những tên tuy có nghề nghiệp nhưng quen thói trộm cắp, đã nhiều lần được nhân dân phê bình, giáo dục hoặc chính quyền cảnh cáo mà vẫn không chịu sửa chữa;

4 - Những tên luôn luôn phá rối trật tự trị an, có hành động côn đồ, ngang ngược, không tôn trọng pháp luật Nhà nước, qua nhiều lần giáo dục và chính quyền cảnh cáo vẫn không chịu sửa chữa;

5- Những tên đã bị quản chế nhưng ngoan cố không chịu cải tạo, tuân theo kỷ luật quản chế;

6 - Những tên lưu manh chuyên nghiệp đã hết hạn tù nhưng chưa chịu cải tạo.

Đối với các đối tượng sau đây thì không dùng biện pháp đưa đi tập trung giáo dục cải tạo mà phải dùng các biện pháp trừng trị hoặc các biện pháp hành chính khác thích hợp với từng đối tượng:

1- Những phần tử phản cách mạng và lưu manh chuyên nghiệp cần trừng trị thì phải đưa ra TAND xét xử;

2- Những phần tử phản cách mạng và lưu manh chuyên nghiệp đang hoạt động ngấm ngầm mà Công an đang theo dõi thì phải tiếp tục công tác điều tra để tìm ra toàn bộ âm mưu, tổ chức và hoạt động của chúng;

[100] Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành động nguy hại cho xã hội.

3- *Những phần tử phản cách mạng và lưu manh chuyên nghiệp có tội nhẹ có thể để cải tạo ở địa phương được thì phải dựa vào nhân dân, vào các đoàn thể quần chúng, vào các hợp tác xã mà tiến hành giáo dục, cải tạo hoặc quản chế ở địa phương".*[101]

Nghị quyết số 49-NQ/TVQH ngày 20/6/1961 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã quy định về đường lối xử lý các phần tử lưu manh chuyên nghiệp, đây cũng là nền móng cho việc quy định hình thức xử lý các hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự sau này. Cụ thể như sau:

Điều 3*"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN"* và Điều 2 *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân"* ngày 21/10/1970 đã quy định đường lối xử lý hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp: *"Nguyên tắc trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa là nghiêm trị bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn tái phạm, bọn phạm tội có tổ chức"*. Các Pháp lệnh này cùng quy định *"ngoài những hình phạt đã ghi ở mỗi điều, trong trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, thì có thể bị phạt quản chế, cư trú bắt buộc ở một số địa phương từ 1 năm đến 5 năm".*[102] Đồng thời, lần đầu tiên hai pháp lệnh *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN"* và *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân"* quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trong các tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, tội lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản.

Qua nghiên cứu, có thể thấy việc quy định, hướng dẫn kịp thời tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong thời kỳ này giúp kịp thời trấn áp, trừng trị những người phạm tội lưu manh chuyên nghiệp và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tuy nhiên, pháp luật cũng chưa ghi nhận định nghĩa pháp lý về tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, cũng như chưa đưa ra được một tiêu chí rõ ràng nào để xác định trường hợp nào là "lưu manh chuyên nghiệp". Điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật của các Tòa án thiếu thống nhất, gặp nhiều khó khăn trong việc xét xử và bỏ lọt nhiều trường hợp phạm tội nguy hiểm "có tính chất chuyên nghiệp".

Thứ tư, các trường hợp tái phạm tội.

---

[101] Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, tập 1, NXB Pháp lý, Hà Nội.
[102] "Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa" ngày 21/10/1970 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trong thời kỳ này, một trong các hình thức của tái phạm tội là tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt lần đầu tiền tại Điều 4 *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN"* ngày 21/10/1970 về tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa như sau: "*1. Kẻ nào dùng bạo lực để chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm. 2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây: a) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm.... thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình"*. Cũng trong Pháp lệnh này, tại Điều 22 quy định riêng về tái phạm với tư cách là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt: *"Kẻ nào phạm những tội quy định ở Chương II mà tội phạm thuộc vào một hoặc nhiều trường hợp sau đây thì bị xử nặng: ...5.Tái phạm hoặc người phạm tội là phần tử xấu* ".[103] Ngoài ra, tại *"Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân"* ngày 21/10/1970 cũng có những quy định về TNHS và hình phạt đối với những người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm với nội dung tương tự.

Để thống nhất nhận thức hai Pháp lệnh nêu trên, Liên bộ TANDTC, VKSNDTC và Bộ công an đã soạn thảo dự thảo Thông tư ngày 16/3/1973. Trong đó có đưa ra khái niệm tái phạm, tái phạm nguy hiểm như sau:

"Tái phạm được hiểu là: những kẻ mà tội phạm bị kết án trước kia và tội phạm sau này thuộc cùng một loại xâm phạm tài sản và cùng loại lỗi cố ý hoặc vô ý, chứ không nhất thiết phải cùng một tội.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp trước đã bị xử án về một tội nghiêm trọng sau cũng phạm một tội nghiêm trọng hoặc trước đã bị xử án về tội không nghiêm trọng nay phạm vào một tội nghiêm trọng".

Như vậy, khái niệm tái phạm trong thời kỳ này được xây dựng căn cứ vào các dấu hiệu: loại tội phạm, hình thức lỗi và án tích của người phạm tội. Còn khái niệm tái phạm nguy hiểm ngoài các dấu hiệu chung, còn có các dấu hiệu về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Ngoài ra, tại *"Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép"* năm 1982 quy định về các trường hợp cần xử nặng, trong đó có tình tiết tái phạm: *"Điều 9. Những trường hợp nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng cần xử nặng: 1. Những trường hợp nghiêm trọng là: a) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm..."*.[104] Điều

[103] Pháp lệnh số 149/LCT ngày 21/10/1970 về việc "Trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa " của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
[104] Hội đồng Nhà nước (1982), Pháp lệnh số 07/LCT/HĐNN7 về trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu hàng giả, kinh doanh trái phép, Hà Nội.

này cho thấy rằng, trong giai đoạn này tái phạm, tái phạm nguy hiểm được xem là một trong các hình thức phạm tội thể hiện tính nguy hiểm cao nên cần được xử lý nghiêm minh.

❖ *Quyết định hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án.*

Một trong các biểu hiệu của tái phạm tội trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1945 cho đến trước khi có BLHS năm 1985 là quy định về trường hợp người phạm tội có nhiều bản án. Trong giai đoạn này, trường hợp người phạm tội có nhiều bản án chưa được quy định trong các văn bản pháp luật mà mới chỉ được đề cập đến trong các Sắc luật, các bản báo cáo tổng kết công tác của ngành tòa án và các công văn của TANDTC hướng dẫn các Tòa án địa phương trong việc xét xử. Cụ thể được quy định trong Báo cáo tổng kết công tác của TANDTC năm 1964 đã nêu ra hai trường hợp như sau:

"1. Trường hợp bị cáo đang chấp hành hình phạt tù (chưa hết thời hạn) lại bị đưa ra xét xử về một tội phạm khác mà y phạm phải trước khi hoặc trong khi bị phạt tù. Đối với trường hợp này, trừ khi bị can bị xử tử hình hoặc tù chung thân, chúng ta cũng có hai cách giải quyết:

a) Nếu tội phạm xảy ra từ trước nay mới phát hiện và mới đưa ra xét xử, thì sau khi tuyên hình phạt cho tội mới đưa ra xét xử, trên cơ sở hình phạt đã tuyên trong bản án trước và hình phạt mới tuyên, Tòa án nên quyết định theo chủ trương xét xử tổng hợp nói trên, một hình phạt tổng hợp bắt bị can phải chấp hành tiếp.

b) Nếu là tội xảy ra trong thời gian đang ở tù thì sau khi tuyên phạt cho tội mới, trên cơ sở phần còn lại của hình phạt cũ và hình phạt mới, Tòa án quyết định một hình phạt bắt bị can phải chấp hành tiếp, không tính thời gian đã chấp hành hình phạt cũ vào đó…."[105]

Tuy nhiên, quy định này mới sơ khai nên còn tồn tại nhiều hạn chế khi chưa bao quát hết các trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Để khắc phục những hạn chế này thì Trong Công văn số 612/NCPL ngày 14/9/1973 của TANDTC về việc hướng dẫn viết các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, chế định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được hướng dẫn đầy đủ hơn các báo cáo tổng kết trước đó.[106]

[105] Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội, tr.141-142.
[106] Tòa án nhân dân tối cao (1973), Công văn số 612/NCPL ngày 14/7/1973 hướng dẫn các Tòa án địa phương về việc viết các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, Hà Nội.

Như vậy, nhìn chung các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi BLHS năm 1985 ra đời mặc dù bước đầu đã được ghi nhận và quy định trong các văn bản pháp luật nhưng vẫn còn sơ khai và chưa phản ánh đầy đủ vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi QĐHP cho nên thực tiễn vẫn còn tồn tại vướng mắc, bất cập khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đối với người phạm tội.

2.1.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

BLHS mới đã được Quốc hội khóa VII nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 27/6/1985 có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Việc ban hành BLHS năm 1985 là một bước tiến lớn trong hoạt động lập pháp của nước ta, nó đã kế thừa và phát triển Luật hình sự của nước ta từ giai đoạn trước đến nay. Do đây là kết quả của quá trình pháp điển hóa các văn bản luật hình sự ở giai đoạn trước đó nên các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng được quy định trong BLHS năm 1985 không có nhiều sự thay đổi so với các quy định trước đó.

Thứ nhất, tình tiết phạm nhiều tội.

Trong BLHS năm 1985 không đưa ra khái niệm về phạm nhiều tội mà chỉ quy định nguyên tắc trong trường hợp QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội: *"Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó quyết định hình phạt chung cho các tội. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt mà luật quy định đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên".*[107]

Trong BLHS năm 1985, phạm nhiều tội chỉ được quy định với vai trò duy nhất là dấu hiệu định khung hình phạt, có giá trị làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội từ khung hình phạt của CTTP cơ bản sang khung hình phạt của CTTP tăng nặng tại điểm e khoản 1 Điều 101 BLHS năm 1985 với dấu hiệu định khung hình phạt là *"Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác".* Ngoài vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt thì phạm nhiều tội không được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại Điều 39 BLHS năm 1985 cũng như là dấu hiệu định tội trong các tội phạm cụ thể.

Thứ hai, tình tiết phạm tội nhiều lần.

---

[107] Xem Điều 41 BLHS năm 1985.

Trong BLHS năm 1985 thì tình tiết phạm tội nhiều lần được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt tại điểm h khoản 1 Điều 39 BLHS năm 1985 và là dấu hiệu định khung hình phạt trong 06 điều luật[108] trong chương 1, chương 7, chương 9, chương 11 tại Phần các tội phạm của BLHS năm 1985. Tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật của BLHS năm 1985 ngày 10/05/1997 thì tình tiết phạm tội nhiều lần được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt ở các tội phạm cụ thể đã tăng từ 06 tội phạm lên đến 32 tội phạm.[109] Mặc dù, tình tiết phạm tội nhiều lần được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 1985 nhưng định nghĩa về tình tiết này vẫn chưa được quy định chính thức. Tuy nhiên, thời điểm này vẫn có một số văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, chẳng hạn như:

Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT ngày 02/01/1998 của TANDTC - VKSNDTC - Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 đã đưa ra khái niệm phạm tội nhiều lần đối với một số tội phạm như: Đối với tội phạm về ma túy thì tại điểm b khoản 3 Phần II Phần B của Thông tư quy định: "*Tình tiết "phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 2 Điều 185b, khoản 2 Điều 185c, khoản 2 điều 185d, khoản 2 Điều 185e, khoản 2 Điều 185g, khoản 2 Điều 185h, khoản 2 Điều 185i, khoản 2 Điều 185k, khoản 2 Điều 185m, khoản 2 Điều 185n được hiểu là đã có tất cả từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần sản xuất trái phép chất ma túy trở lên, hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên...) mà mỗi lần phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành quy định tại khoản 1 Điều luật tương ứng; đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS. Trong trường hợp này người phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS. Trong trường hợp này người phạm tội phải chịu TNHS về tổng số lượng chất ma túy của các lần cộng lại, nếu Điều luật có quy định về số lượng chất ma túy được định khung hình phạt"*. Đối với tội phạm hiếp dâm, cưỡng dâm thì tại điểm c khoản 1 Phần III Phần B của Thông tư quy định: *"Tình tiết "phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 3 Điều 112a, khoản 3 Điều 113a, khoản 2 Điều 114, khoản 2 Điều 201, khoản 2 Điều 137 được hiểu là đã có tất cả từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần hiếp dâm trở lên, hai lần cưỡng dâm trở lên...) và mỗi lần phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành quy định tại khoản 1 Điều luật tương ứng, đồng thời trong các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS.",...*

[108] Khoản 2 Điều 88; điểm đ khoản 2 Điều 97; khoản 2 Điều 170; điểm đ khoản 2 Điều 226; Điểm đ khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 2 Điều 272 BLHS năm 1985.
[109] Xem Phụ lục số 01.

Như vậy, nhìn chung tình tiết phạm tội nhiều lần được BLHS năm 1985 quy định là một trong các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt và là dấu hiệu định khung hình phạt trong một số tội phạm cụ thể. Việc ghi nhận quy định về tình tiết phạm tội nhiều lần nói trên góp phần thêm căn cứ pháp lý quan trọng cho Tòa án quyết định mức hình phạt. Tuy nhiên, văn bản hướng dẫn về tình tiết này vẫn còn hạn chế và chưa đầy đủ. Với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt thì phạm tội nhiều lần chỉ được hướng dẫn ở một số tội danh cụ thể nhưng thiếu tính hệ thống ở các văn bản hướng dẫn, từ đó dẫn đến các CQTHTT áp dụng không thống nhất tình tiết này.

Thứ ba, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

BLHS năm 1985 chưa quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng TNHS. Tại phần các tội phạm, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt trong 01 tội phạm.[110] Tuy nhiên qua thực tiễn xét xử, có một số tội phạm, người phạm tội đã lấy việc phạm tội làm nguồn thu nhập chính cho bản thân, nhất là đối với các tội phạm kinh tế như các tội làm hàng giả, buôn bán hàng giả; các tội xâm phạm sở hữu như các tội trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản,… Những hành vi này cần phải trừng trị nghiêm khắc để phòng ngừa tội phạm, nhưng BLHS năm 1985 chưa có quy định về tình tiết này. Tuy nhiên, theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật của BLHS năm 1985 đã bổ sung thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt tăng từ 01 điều luật lên đến 18 điều luật,[111] tức có 17 điều luật[112] được bổ sung thêm dấu hiệu định khung hình phạt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Ngoài ra, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, cũng đã có những hướng dẫn, kết luận thống nhất trong nội bộ ngành. Tại bản kết luận của Chánh án TANDTC tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1991 diễn ra từ ngày 07 đến ngày 10/01/1992 cũng đã giải thích thế nào là phạm tội có "tính chuyên nghiệp"[113] và cũng khẳng định lại đây là một khái niệm rộng hơn khái niệm "lưu manh chuyên nghiệp".

[110] Điểm a khoản Điều 149 BLHS năm 1985 (xem phụ lục số 01).
[111] Xem phụ lục số 01.
[112] Điểm a khoản 2 Điều 96a; điểm a khoản 2 Điều 97; Điểm a khoản 2 Điều 129; Điểm a khoản 2 Điều 131; Điểm a khoản 2 Điều 132; Điểm a khoản 2 Điều 134; Điểm a khoản 2 Điều 149; Điểm a khoản 2 Điều 151; Điểm a khoản 2 Điều 152; Điểm b khoản 2 Điều 153; Điểm a khoản 2 Điều 154; Điểm a khoản 2 Điều 155; Điểm a khoản 2 Điều 157; Điểm a khoản 2 Điều 165; Điểm a khoản 2 Điều 166; Điểm b khoản 2 Điều 167; Điểm a khoản 2 Điều 201 BLHS năm 1985 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 28/12/1989.
[113] Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, tập 1, NXB Pháp lý, Hà Nội.

Như vậy, trong BLHS năm 1985 thì tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chưa được ghi nhận là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại phần chung của BLHS năm 1985; tình tiết này chỉ được ghi nhận là dấu hiệu định khung hình phạt trong một số tội phạm cụ thể. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng trong áp dụng BLHS vào thực tiễn xét xử các vụ án hình sự.

Thứ tư, các trường hợp tái phạm tội.

Trong các hình thức của tái phạm tội thì BLHS năm 1985 đã ghi nhận hai hình thức: tái phạm và tái phạm nguy hiểm trong BLHS và lần đầu tiên pháp luật hình sự Việt Nam quy định một trong các dấu hiệu của tái phạm tội là *"đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* là một trong các điều kiện để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm và được quy định chính thức tại Điều 40 BLHS năm 1985, cụ thể là:

"Điều 40: Tái phạm, tái phạm nguy hiểm:

1. Những trường hợp sau đây thì coi là tái phạm:

a) Đã bị phạt tù vì tội do cố ý, chưa được xoá án mà lại phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc tội ít nghiêm trọng do cố ý;

b) Đã bị phạt tù về tội nghiêm trọng do vô ý, chưa được xoá án mà lại phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc tội do cố ý.

2. Những trường hợp sau đây thì coi là tái phạm nguy hiểm:

a) Đã bị phạt tù về tội nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án mà lại phạm tội nghiêm trọng do cố ý;

b) *Đã tái phạm, chưa được xoá án mà lại phạm tội ít nghiêm trọng do cố ý hoặc tội nghiêm trọng".*

Xét về vai trò thì BLHS năm 1985 đã quy định hai hình thức tái phạm và tái phạm nguy hiểm đóng vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt tại điểm h khoản 1 Điều 39 và là dấu hiệu định khung hình phạt trong 37 điều luật.[114] Ngoài ra, theo quy định của BLHS năm 1985 thì dấu hiệu *"đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* không được quy định là dấu hiệu định tội để xác định hành vi phạm tội trong CTTP cơ bản của các tội phạm cụ thể.[115]

---

[114] Xem phụ lục số 01.
[115] Xem phụ lục số 04.

❖ *Quyết định hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án.*

Theo BLHS năm 1985, tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án được quy định tại Điều 42 bao gồm hai trường hợp như sau:

"+ Trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt mà luật quy định đối với tôi nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên;

+ Trường hợp một người đang chấp hành bản án mà lại phạm một tội mới. Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó cộng với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước thành hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất mà luật quy định cho loại hình phạt đã tuyên".[116]

Về cơ bản, mặc dù quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án tại Điều 42 BLHS năm 1985 đã có sự tiến bộ hơn so với các văn bản trước giai đoạn này nhưng quy định này cũng thể hiện một số bất cập trong quá trình áp dụng vào thực tiễn xét xử. Chẳng hạn như có thể thấy rằng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1985 quy định mức hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt mà luật quy định đối với tội nặng nhất. Do đó, trong thực tiễn xét xử, trong một số trường hợp mức hình phạt cuối cùng mà Tòa án áp dụng cho người phạm tội không tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Chính vì vậy, để đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xét xử, góp phần có hiệu quả hơn trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 ngày 28/12/1989 đã sửa đổi khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1985 cho phù hợp với tình hình xét xử. Như vậy có thể thấy ở giai đoạn này, mặc dù quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án là một trong các hình thức biểu hiện của tái phạm tội nhưng BLHS năm 2015 không quy định trường hợp này với vai trò là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt hoặc là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt mà chỉ ghi nhận đây là một trong các trường hợp ảnh hưởng đến việc quyết định mức hình phạt cuối cùng áp dụng đối với người phạm tội. Tuy nhiên, quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án tại Điều 42 BLHS năm 1985 cũng chưa được hoàn thiện về kỹ thuật lập pháp và thực tiễn áp dụng.

---

[116] Xem Điều 42 BLHS năm 1985.

Như vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong BLHS năm 1985 bước đầu đã được quy định, phản ánh một cách khá toàn diện tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, phù hợp với tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước trong giai đoạn này. Bên cạnh được quy định trong BLHS thì các tình tiết này cũng được hướng dẫn trong các văn bản hướng dẫn, tuy nhiên các văn bản hướng dẫn còn thiếu tính hệ thống và một số nội dung hướng dẫn còn chưa phù hợp. Do những nguyên nhân này dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật khi giải quyết những vụ án liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

2.1.3. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

BLHS năm 1999 đã ra đời trên cơ sở kế thừa, phát triển hệ thống pháp luật hình sự nước ta trước đó những kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn phòng, chống tội phạm và thực tiễn xét xử. Trong BLHS năm 1999, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng có những thay đổi nêu sau:

Thứ nhất, tình tiết phạm nhiều tội.

So với BLHS năm 1985 thì mặc dù BLHS năm 1999 quy định đầy đủ việc QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội[117] nhưng BLHS năm 1999 vẫn chưa có chương riêng quy định về trường hợp phạm nhiều tội, cũng chưa đưa ra khái niệm pháp lý phạm nhiều tội. Về vai trò của tình tiết phạm nhiều tội thì BLHS năm 1999 giống như BLHS năm 1985 chỉ quy định tình tiết phạm nhiều tội là dấu hiệu định khung hình phạt của 01 tội duy nhất là tội giết người tại điểm e khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, điều kiện áp dụng áp dụng tình tiết này có sự khác nhau từ loại tội phạm thực hiện, cụ thể là từ tình tiết *"giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác"* (điểm e khoản 1 Điều 101 BLHS năm 1985) sang tình tiết *"giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng"* (điểm e khoản 1 Điều 101 BLHS năm 1985). Như vậy, so với BLHS năm 1985 thì BLHS năm 1999 vẫn chưa quy định khái niệm thống nhất về phạm nhiều tội nên dẫn đến thực tiễn xét xử các cơ quan áp dụng pháp luật có sự nhận thức chưa đồng nhất về tình tiết này. Mặc dù, BLHS năm 1999 chỉ quy định vai trò dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết phạm nhiều tội và không có sự thay đổi về vai trò của tình tiết này so

[117] Xem Điều 50 và Điều 75 BLHS năm 1999.

với các giai đoạn trước nhưng nội dung quy định đã rõ ràng và chi tiết. Đây cũng là điểm tiến bộ khi quy định tình tiết phạm nhiều tội trong BLHS năm 1999.

Thứ hai, tình tiết phạm tội nhiều lần.

BLHS năm 1999 quy định tình tiết phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Ngoài ra trong BLHS năm 1999 tình tiết phạm tội nhiều lần còn được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt 47 điều luật trong 08 chương ở phần các tội phạm cụ thể.[118] So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã bổ sung thêm nhiều điều luật mới quy định phạm tội nhiều lần là dấu hiệu định khung hình phạt ví dụ như các tội: Tội hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có, tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi; Tội vi phạm quy định về sử dụng lao động trẻ em; Tội xâm phạm quyền sở hữu; Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp… Sau khi BLHS năm 1999 ban hành thì có một số văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần trong một số tội phạm cụ thể. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy với tính chất phạm tội khác nhau nên việc áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần này vào các trường hợp cụ thể là không giống nhau, tùy theo các tội phạm khác nhau thì nội dung hướng dẫn khác nhau, ví dụ như:

Đối với tội lưu hành tiền giả, theo mục 11 Phần I Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC về việc giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ thì: "*Cần phải lấy tổng số lượng tiền giả của tất cả các lần phạm tội cộng lại để truy cứu TNHS. Nếu trong các lần phạm tội đó có trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu TNHS thì không xem xét TNHS đối với trường hợp đó (không cộng số lượng tiền giả của lần phạm tội đó). Nếu có hai lần phạm tội lưu hành tiền giả trở lên thì ngoài việc cộng số lượng tiền giả của các lần phạm tội để làm căn cứ truy cứu TNHS, còn phải áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999*".[119]

Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999 thì: "*đối với người nhiều lần làm hoặc tàng trữ hoặc vận chuyển hoặc lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả thì cần phải lấy tổng số lượng tiền giả của tất cả các lần phạm tội cộng lại để xem xét TNHS đối với họ; nếu trong các lần phạm tội đó có trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu TNHS thì không xem xét TNHS đối với trường hợp đó (không cộng số lượng tiền giả của lần phạm tội đó); nếu có hai lần phạm tội làm*

[118] Xem phục lục số 02.
[119] Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC về việc giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ.

hoặc tàng trữ hoặc vận chuyển hoặc lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trở lên thì ngoài việc cộng số lượng tiền giả của các lần phạm tội để xem xét TNHS đối với họ, còn phải áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần".[120]

Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT ngày 24/12/2007 của Bộ công an, VKSNDTC, TANDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII - các tội phạm về ma tuý thì tình tiết "phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 2 các điều 193, 194, 195, 196, 197, 198, 200 và 201 của BLHS năm 1999 được hiểu là: *"đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần sản xuất trái phép chất ma túy trở lên, hai lần... trữ trái phép chất ma túy trở lên, hai lần bán trái phép chất ma túy trở lên.) mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 điều luật tương ứng, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS".*[121]

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT- BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền thì tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 BLHS được hướng dẫn như sau: "*là trường hợp rửa tiền từ hai lần trở lên và trong các lần đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS".*[122]

Như vậy, rõ ràng tình tiết phạm tội nhiều lần không chỉ được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 mà còn được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt một số tội phạm cụ thể nhưng BLHS năm 1999 vẫn chưa đưa ra khái niệm về tình tiết này. Điều này dẫn thực tiễn áp dụng gặp nhiều vướng mắc, bất cập. Ngoài ra, tình tiết này chỉ mới được hướng dẫn ở một số tội phạm cụ thể nhất định, còn nhiều tội phạm mặc dù quy định tình tiết phạm tội nhiều lần là dấu hiệu định khung hình phạt nhưng vẫn chưa có văn bản hướng dẫn đối với các tội danh này.

Thứ ba, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

---

[120] Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.

[121] Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 giữa Bộ Công an, VKSNDTC, TANDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999.

[122] Xem khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền.

BLHS năm 1999 đã chính thức quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm b khoản 2 Điều 48 BLHS năm 1999 và là dấu hiệu định khung hình phạt của 18 tội phạm.[123] Tình tiết này được quy định là chủ yếu tập trung trong các chương XIV, chương XVI, chương XIX của BLHS năm 1999. Việc quy định như vậy xuất phát từ đặc thù loại tội phạm cũng như tính chất của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Ngoài ra, trong giai đoạn này, khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, theo đó: "*Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp khi có đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích; b) Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính*".[124] Như vậy, so với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã có những bước tiến rõ rệt khi đã mở rộng phạm vi trấn áp về hình sự đối với những hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, đã bổ sung thêm tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt ở Phần chung, và quy định tình tiết này là dấu hiệu định khung hình phạt của 18 tội phạm ở Phần các tội phạm cụ thể. Việc mở rộng phạm vi trấn áp về hình sự đối với hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là phù hợp, đáp ứng yêu cầu về thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, vẫn chưa có khái niệm được ghi nhận chính thức trong BLHS năm 1999 về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng không được hướng dẫn một cách thống nhất, hệ thống trong các văn bản hướng dẫn. Điều này thể hiện sự thiếu thống nhất, đồng bộ trong hệ thống các văn bản pháp luật. Do đó mà công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này vẫn chỉ đạt những kết quả nhất định, chưa đủ sức trấn áp, răn đe, giáo dục người phạm tội.

Thứ tư, các trường hợp tái phạm tội.

Cũng giống như BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã ghi nhận hai hình thức: tái phạm và tái phạm nguy hiểm trong BLHS và quy định một trong các dấu hiệu của tái phạm tội là *"đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* là một trong các điều kiện để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm áp dụng đối với người phạm tội và được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48

[123] Xem phụ lục số 02.

[124] Xem mục 5.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

BLHS năm 1999. Ngoài ra tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm còn được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 59 tội phạm[125] trong 08 chương ở Phần các tội phạm cụ thể. Việc quy định như trên xuất phát từ tính chất của tội phạm cũng như đặc trưng của tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm". Về khái niệm tái phạm và tái phạm nguy hiểm thì Điều 49 BLHS năm 1999 có quy định khác so với BLHS 1985, cụ thể là: đối với khái niệm tái phạm: tại BLHS năm 1985 quy định "đã bị phạt tù về tội do cố ý"; còn tại BLHS năm 1999 chỉ quy định "đã bị kết án" và không phân biệt người phạm tội có bị phạt tù hay không, phạm tội do lỗi cố ý hoặc vô ý. Tại BLHS năm 1985 quy định "lại phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc tội ít nghiêm trọng do cố ý"; còn tại BLHS năm 1999 quy định "lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý". Vậy, trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng do vô ý thì không bị coi là tái phạm. Đối với khái niệm tái phạm nguy hiểm thì cả BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 đều không quy định "đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới" thì có coi đó là trường hợp tái phạm nguy hiểm hay không? Đây cũng là một trong những vướng mắc trong thực tiễn xét xử, khi một vụ án hình sự xuất hiện "tái phạm nguy hiểm", chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới" thì các CQTHTT sẽ gặp khó khăn trong vấn đề xác định tình tiết này.

Bên cạnh đó, khác với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã quy định dấu hiệu người phạm tội *"đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* là một trong các dấu hiệu thuộc nhân thân người phạm tội làm dấu hiệu định tội của một số tội phạm cụ thể trong 46 điều luật tại BLHS năm 1999.[126] Trong khi đó, BLHS năm 1985 không quy định dấu hiệu *"đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* là dấu hiệu định tội trong CTTP cơ bản. Điều này, đánh dấu bước ngoặt lần đầu tiên trong pháp luật hình sự Việt Nam sử dụng dấu hiệu thuộc nhân thân người phạm tội làm dấu hiệu định tội.

❖ *Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án.*

Bước vào thập niên 90, hoàn cảnh kinh tế - xã hội nước ta có nhiều thay đổi lớn. Sự thay đổi đó khiến cho BLHS năm 1985 bộc lộ nhiều hạn chế cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp. BLHS năm 1999 ra đời thay thế cho BLHS năm 1985 là một tất yếu khách quan. BLHS năm 1999 đã có nhiều quy định thể hiện sự thay đổi về chính sách hình sự của Nhà nước ta và cũng thể hiện được sự tiến bộ về mặt kỹ thuật lập pháp. Đối với các trường hợp tái phạm tội, thì hiện nay BLHS năm 1999

[125] Xem phụ lục số 02.
[126] Xem phụ lục số 04.

ngoài quy định tái phạm và tái phạm nguy hiểm thì BLHS năm 1999 còn quy định 01 điều luật với tên gọi là "tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án" – là một trong các điều luật thể hiện các dấu hiệu của tái phạm tội với nhiều sự thay đổi tiến bộ hơn so với giai đoạn trước. Cụ thể, tại Điều 51 BLHS năm 1999 quy định 03 trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án như sau:[127]

+ Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án đó. Cụ thể, trong trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định của Bộ luật này. (khoản 1 Điều 51 BLHS năm 1999).

+ Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà phạm một tội mới và Tòa án đưa ra xét xử. Cụ thể, khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết dịnh hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bán án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định của Điều 50 của Bộ luật này (khoản 2 Điều 51 BLHS năm 1999).

+ Trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của bản án chưa được tổng hợp. Cụ thể, trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (khoản 3 Điều 51 BLHS năm 1999).

Như vậy, có thể thấy rằng về mặt nội dung quy định thì tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án tại Điều 51 BLHS năm 1999 có nhiều sự thay đổi, tiến bộ hơn so với Điều 42 BLHS năm 1985 ví dụ như BLHS năm 1999 đã quy định mức hình phạt tối đa của tù có thời hạn được tăng lên là 30 năm, mức tối đa của cải tạo không giam giữ được tăng lên là 3 năm. Sự thay đổi này phần nào đó đã đáp ứng được nhu cầu áp dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử.

Tóm lại, việc nghiên cứu khái quát lịch sử hình thành và phát triển của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm qua các thời kỳ từ năm 1945 cho đến khi ban hành BLHS năm 1999, tác giả nhận thấy rằng các tình tiết này đã được quy định và ghi nhận từ những giai đoạn đầu tiên khi xây dựng hệ thống pháp

[127] Xem Điều 51 BLHS năm 1999.

luật hình sự Việt Nam và phát triển qua các thời kỳ có tính kế thừa, có tính chọn lọc và khắc phục được một số hạn chế, sai lầm so với những quy định trước đó. Tuy nhiên, nhìn chung thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong các thời kỳ nêu trên không được hướng dẫn một cách thống nhất, có hệ thống trong các văn bản dưới luật, thể hiện sự thiếu thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật hình sự Việt Nam cũng như trong giai đoạn này các tình tiết tăng nặng TNHS chưa được quy định đầy đủ với các vai trò khi QĐHP. Do đó, việc phát triển các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một yêu cầu khách quan nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

2.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

2.2.1. Phạm nhiều tội

Hiện nay trong BLHS năm 2015 không có quy định chương riêng hoặc điều luật riêng về phạm nhiều tội mà hiện nay chỉ có hai điều luật quy định vấn đề liên quan đến phạm nhiều tội, đó là Điều 55 - Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (áp dụng đối với người từ đủ 18 trở lên) và Điều 103 - Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội).

Theo Điều 55 BLHS năm 2015 - Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (áp dụng đối với người từ đủ 18 trở lên) thì quy định rõ đối với trường hợp phạm nhiều tội như sau:

Đối với hình phạt chính:

+ Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt qua 3 năm đối với hình phạt Cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt Tù có thời hạn.

+ Nếu hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi hình phạt tù có thời hạn để tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

+ Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân.

+ Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình.

+ Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng thành hình phạt chung.

+ Trục xuất không tổng hợp cùng các hình phạt khác.[128]

Như vậy, đối với hình phạt chính, nếu trong khung hình phạt nhà làm luật quy định có nhiều loại hình phạt khác nhau thì QĐHP mà Tòa án lựa chọn một loạt hình phạt và quyết định mức hình phạt trong phạm vi giới hạn tối thiểu và tối đa của khung hình phạt đối với loại hình phạt đó để áp dụng đối với người phạm tội. Đối với một số loại hình phạt không quy định thời hạn như cảnh cáo, trục xuất, tù chung thân hoặc tử hình thì QĐHP thực chất chỉ là việc lựa chọn hình phạt và không có bước ấn định mức hình phạt cụ thể áp dụng đối với người phạm tội.

Đối với hình phạt bổ sung:

+ Các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do BLHS này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

+ Các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

Như vậy, đối với hình phạt bổ sung, việc quyết định hình phạt được thực hiện tương tự như hình phạt chính, tức là Tòa án lựa chọn loại và quyết định mức hình phạt trong phạm vi cho phép của khung hình phạt để áp dụng kèm theo hình phạt chính nhằm mục đích bổ sung cho hình phạt chính, mở rộng khả năng pháp lý cho Tòa án có thể lựa chọn hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và đặc điểm nhân thân người phạm tội.

Theo quy định tại Điều 103 BLHS năm 2015 - Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội) thì do xuất phát từ những đặc thù tâm sinh lý lứa tuổi của người dưới 18 tuổi phạm tội và từ nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam, nên khi QĐHP đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội có một số dấu hiệu đặc thù, cụ thể là:

Thứ nhất, khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định về giới hạn tổng hợp hình phạt khi các tội mà người dưới 18 tuổi thực hiện đều nằm trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc đều nằm trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: *"Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng*

[128] Xem Điều 55 BLHS năm 2015.

không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội".

Thứ hai, khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định về việc tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, mà có tội được thực hiện khi họ chưa đủ 16 tuổi và có tội được thực hiện sau khi họ đã đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt được chia thành hai trường hợp:

- Trường hợp 1: nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015, tức tối đa là 12 năm tù.

- Trường hợp 2: Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015, tức tối đa là 18 năm tù.

Thứ ba, khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định về tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện khi họ chưa đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt cũng được chia thành hai trường hợp:

- Trường hợp 1: nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015.

- Trường hợp 2: nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.

Xét vai trò của tình tiết phạm nhiều tội thì mặc dù tình tiết phạm nhiều tội là một trong các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, nhưng trong BLHS năm 2015 chỉ sử dụng tình tiết này là dấu hiệu định khung hình phạt tại 04 điều cụ thể là: điểm e khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015: *"Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng";* điểm b khoản 2 Điều 340 BLHS năm 2015 *"Sử dụng giấy tờ,*

tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng"; điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015 *"Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm"*; điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS năm 2015 *"Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng";* điểm b khoản 3 Điều 359 BLHS năm 2015 "*Để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng"*; Điểm b khoản 4 Điều 359 BLHS năm 2015 *"Để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"*. Như vậy, khi so sánh vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết phạm nhiều tội thì dấu hiệu định khung hình phạt này được ghi nhận từ BLHS năm 1985 và được hoàn thiện dần trong BLHS năm 2015, cụ thể là tăng số lượng điều luật có quy định dấu hiệu phạm nhiều tội là dấu hiệu định khung hình phạt từ 01 điều luật thành 04 điều luật. Như vậy, mặc dù có sự thay đổi khi quy định phạm nhiều tội là dấu hiệu định khung hình phạt nhưng không đáng kể và BLHS năm 2015 cũng không quy định phổ biến vai trò này của phạm nhiều tội. Ngoài vai trò dấu hiệu định khung hình phạt thì BLHS năm 2015 không quy định phạm nhiều tội là dấu hiệu định tội hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 khi áp dụng đối với người phạm tội.

2.2.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

BLHS năm 2015 không quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định tội trong Phần các tội phạm, mà chỉ quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Cụ thể là:

- Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 36 điều luật của 07 chương trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015:[129]

+ Chương XIV quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người: 05 điều luật.

+ Chương XVI quy định về các tội xâm phạm sở hữu: 07 điều luật .

+ Chương XVIII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: 11 điều luật.

+ Chương XX quy định về các tội phạm về ma túy: 01 điều luật.

[129] Xem phụ lục số 03.

+ Chương XXI quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng: 08 điều luật.

+ Chương XXII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính: 03 điều luật.

+ Chương XXIII quy định về các tội phạm về chức vụ: 01 điều luật.

Ngoài ra, trong từng chương thì tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng không được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt ở tất cả các tội danh. Ví dụ: chương XVI quy định 13 tội xâm phạm sở hữu, nhưng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chỉ được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt trong 7 tội. Theo tác giả, nguyên nhân này là do xuất phát từ bản chất của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là thể hiện tính chuyên nghiệp trong từng hành vi phạm tội của người phạm tội, tính chất khách thể bị xâm hại cũng như dựa vào động cơ phạm tội (người phạm tội lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống để tạo nguồn thu nhập cho bản thân) mà BLHS quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt hay không? Ví dụ như đối với tội chiếm giữ trái phép tài sản tại Điều 176 BLHS năm 2015 không quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt. Bởi vì, đối với tội phạm này, người phạm tội ít có khả năng phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần và lấy việc chiếm giữ trái phép tài sản làm nghề sinh sống cũng như lấy các khoản thu được từ những lần chiếm giữ trái phép tài sản làm nguồn sống chính nên BLHS năm 2015 không quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt tại Điều 176 BLHS năm 2015.

Mặc dù hiện nay hành vi phạm tội được thực hiện với hình thức phạm tội có tính chất chuyên nghiệp ngày càng nhiều nhưng BLHS năm 2015 quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt trong Phần các tội phạm còn chưa phổ biến. Chẳng hạn như, tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp về bản chất có tính nguy hiểm cao hơn so với tình tiết tình tiết phạm tội 02 lần trở lên nhưng BLHS lại quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt phổ biến hơn trong các tội phạm cụ thể. Do đó, trong trường hợp một người cố ý thực hiện tội phạm nhiều lần thỏa mãn các dấu hiệu của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên nhưng cũng thỏa mãn các dấu hiệu của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhưng vì BLHS không quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với tội danh này nên không thể áp dụng cho người phạm tội. Điều này sẽ dẫn đến hậu quả không đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thỏa

mãn các dấu hiệu của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng như hạn chế vai trò dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nói riêng và tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói chung.

Hiện nay, chỉ có hai văn bản hướng dẫn áp dụng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, đó là Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP.[130] Trong đó, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn rằng để áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, ngoài số lần phạm tội từ 05 lần trở lên, người phạm tội rửa tiền lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội rửa tiền làm nguồn sống chính.[131] Còn theo hướng dẫn tại điểm 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS năm 2015 về tội rửa tiền thì: *"3. Có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 324 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi rửa tiền từ 05 lần trở lên (không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích) và người phạm tội lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc rửa tiền làm nguồn thu nhập*". Theo tác giả với nội dung trên thì Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn phạm tội có tính chất chuyên nghiệp phù hợp hơn so với Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP. Bởi vì, thực tiễn xét xử rất khó chứng minh hoặc cách tiếp cận chứng minh không thống nhất nhau là như thế nào "lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống" và như thế nào "lấy kết quả phạm tội làm nguồn sống chính". Bởi vì có nhiều trường hợp mặc dù người phạm tội cố ý thực hiện tội phạm từ 05 lần trở lên về cùng một tội nhưng người phạm tội đã có nghề nghiệp ổn định, có nguồn thu nhập chính nuôi bản thân, việc phạm tội chỉ mong muốn kiếm thêm thu nhập để phục vụ cho nhu cầu của mình. Do đó trong trường hợp, nếu chỉ dựa vào dấu hiệu "nghề sinh sống", "nguồn sống chính" để xác định tính chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thì không thể hiện đúng bản chất của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Như vậy, mặc dù BLHS năm 2015 quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt và là dấu hiệu định khung hình phạt trong một số tội phạm cụ thể nhưng Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP chỉ hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với tội rửa tiền quy định tại Điều 324 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP đã hết

[130] Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS năm 2015.
[131] Xem mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

hiệu lực thi hành và cho đến nay vẫn chưa có văn bản thay thế. Điều này dẫn đến thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau và áp dụng không thống nhất.

2.2.3. Phạm tội 02 lần trở lên

Cũng giống như tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì mặc dù tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đã được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt từ BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 nhưng cho đến nay, cả ba BLHS vẫn chưa ghi nhận chính thức khái niệm của tình tiết này. Về mặt thuật ngữ sử dụng thì đến BLHS năm 2015, tình tiết *"phạm tội nhiều lần"* được đổi thành *"phạm tội 02 lần trở lên"*, mặc dù tên gọi đã được thay đổi nhưng bản chất tình tiết này không có có gì thay đổi. Vì các BLHS chưa quy định chính thức khái niệm "phạm tội 02 lần trở lên" nên hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm của tình tiết này và hầu hết các quan điểm đều cho rằng: "*Phạm tội 02 lần trở lên là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội từ hai lần trở lên cùng một loại tội phạm, trong đó mỗi lần đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS và nay các lần phạm tội này được đưa ra xét xử trong cùng một lần".*[132] Ngoài ra, để áp dụng tình tiết này thì thực tiễn xét xử phải dựa vào các văn bản hướng dẫn, cụ thể một số văn bản sau:

Tại tiểu mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần" đối với tội chứa mại dâm quy định tại Điều 254 BLHS năm 1999:

"4.1. Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần" đối với người chứa mại dâm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Chứa mại dâm (không phân biệt tại một địa điểm hay tại các địa điểm khác nhau) một đôi hoặc nhiều đôi mua bán dâm khác nhau từ hai lần trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau (không phân biệt thời gian dài hay ngắn);

b. Chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian;

c. Chứa mại dâm một người mua bán dâm với hai người trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau".[133]

---

[132] Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.336.

[133] Mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

Tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC- TANDTC- BTP hướng dẫn áp dụng như sau: *"Tình tiết "phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 2 các điều 193, 194, 195, 196, 197, 198, 200 và 201 của BLHS được hiểu là đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần sản xuất trái phép chất ma túy trở lên, hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên, hai lần bán trái phép chất ma túy trở lên…) mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 điều luật tương ứng, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHSvà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự".*[134]

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của BLHS: *"Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm e khoản 2 Điều 150 và điểm e khoản 2 Điều 151 của BLHS là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội mua bán người hoặc mua bán người dưới 16 tuổi từ 02 lần trở lên nhưng đều chưa bị truy cứu TNHSvà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự".*[135]

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ quy định: *"Tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại khoản 2 các điều 353, 354, 355, 356, 357, 358, 361, 364, 365 và 366 của BLHS là trường hợp người phạm tội đã thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điều này từ 02 lần trở lên và mỗi hành vi đều cấu thành tội phạm, nhưng đều chưa bị truy cứu TNHSvà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự".*[136]

Như vậy, mặc dù tình tiết phạm tội 02 lần trở lên chưa được đưa ra khái niệm chính thức trong BLHS năm 2015 nhưng các văn bản hướng dẫn áp dụng và thực tiễn xét xử đều thống nhất cho rằng: "*Phạm tội 02 lần trở lên là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội từ hai lần trở lên cùng một loại tội phạm, trong đó mỗi lần đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS và nay các lần phạm tội này được đưa ra xét xử trong cùng một lần".*[137]

---

[134] Xem tại tiểu mục 2.3 Phần I của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP.

[135] Khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của BLHS năm 2015.

[136] Điều 4 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2022 Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của BLHS năm trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

[137] Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), tlđd (chú thích số 31), tr.336.

Theo quy định của BLHS năm 2015 thì tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Cụ thể là:

Với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt thì phạm tội 02 lần trở lên được BLHS năm 2015 quy định trong 82 điều luật trong 12 chương tại Phần các tội phạm của BLHS năm 2015,[138] cụ thể là:

+ Chương XIV quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người: 15 điều luật.

+ Chương XV quy định về các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân: 06 điều luật.

+ Chương XVI quy định về các tội xâm phạm sở hữu: 01 điều luật.

+ Chương XVII quy định về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình: 01 điều luật.

+ Chương XVIII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: 12 điều luật.

+ Chương XIX quy định về các tội phạm về môi trường: 02 điều luật.

+ Chương XX quy định về các tội phạm về ma túy: 12 điều luật.

+ Chương XXI quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng: 07 điều luật.

+ Chương XXII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính: 07 điều luật.

+ Chương XXIII quy định về các tội phạm về chức vụ: 10 điều luật.

+ Chương XXIV quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp: 08 điều luật.

+ Chương XXV quy định về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu: 01 điều luật.

Qua nghiên cứu thì phạm tội 02 lần trở lên không được BLHS năm 2015 quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 2 chương: chương XIII quy định về các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia và chương XXVI quy định về các tội phá hoại

[138] Xem phụ lục số 03.

hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Nhìn chung phạm tội 02 lần trở lên được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt ở hầu hết các chương trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 (chiếm 12/14 chương), trong đó chương XIV quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; chương XVIII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chương XX quy định về các tội phạm về ma túy được quy định phổ biến nhất. Ngoài ra, khi phạm tội 02 lần trở lên được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt thì tình tiết này trong từng chương cũng không được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của hầu hết các tội danh trong chương đó. Ví dụ: đối với chương XIV quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người thì phạm tội 02 lần trở lên được quy định trong 15 điều luật trong tổng số 34 điều luật tại chương này. Với tính nguy hiểm của các tội phạm là khác nhau nên chương này chỉ có 15 điều luật được quy định có phạm tội 02 lần trở lên. Việc quy định như vậy xuất phát từ tính chất khách thể của tội phạm xâm hại cũng như khả năng phạm tội nhiều lần của người phạm tội nên hầu hết các tội phạm xâm phạm đến tính mạng thì phạm tội 02 lần trở lên không được BLHS năm 2015 quy định là dấu hiệu định khung hình phạt.

Mặc dù tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 82 điều luật, nhưng đến nay chỉ tồn tại một số văn bản hướng dẫn về tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với một số tội như các tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả; tội chứa mại dâm; tội rửa tiền; tội mua bán người; tội mua bán người dưới 16 tuổi; các tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ; các tội phạm về ma túy,….Hầu hết các tội danh còn lại mặc dù phạm tội 02 lần trở lên đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt của những tội danh này nhưng chưa có văn bản hướng dẫn. Trong khi đó, đối với từng loại tội phạm khác nhau thì vấn đề xác định "01 lần phạm tội" trong tình tiết phạm tội 02 lần trở lên của người phạm tội khác nhau nên việc chưa có văn bản hướng dẫn rõ ràng cũng là nguyên nhân dẫn đến thực tiễn xét xử gặp nhiều khó khăn và áp dụng không thống nhất đối với tình tiết này.

Cũng giống như tình tiết tăng nặng TNHS khác, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 thì tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Tuy nhiên, do tình tiết này được quy định độc lập với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cho nên thực tiễn áp dụng gặp nhiều vướng mắc khi áp dụng tình tiết này trong trường hợp đã áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Ví dụ, người phạm tội

trộm cắp 6 lần, mỗi lần cấu thành tội phạm độc lập và lấy việc trộm cắp làm nguồn thu nhập thường xuyên. Vấn đề đặt ra là trong trường hợp này, ngoài việc áp dụng tình tiết định khung hình phạt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015) thì có được phép áp dụng thêm tính tiết tăng nặng TNHS phạm tội 2 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS) hay không. Đây là vấn đề mà không chỉ trong lý luận cũng như thực tiễn đang có các ý kiến khác nhau.

2.2.4. Tái phạm tội

Như tác giả phân tích thì một trong các dấu hiệu cơ bản của các trường hợp tái phạm tội là người phạm tội "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới". Cũng giống như BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 đã sử dụng dấu hiệu người phạm tội "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" làm điều kiện để xác định tái phạm và tái phạm nguy hiểm. Như vậy, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm là hình thức duy nhất được ghi nhận chính thức bằng một quy định độc lập trong các BLHS, cụ thể là tại Điều 40 BLHS năm 1985, Điều 49 BLHS năm 1999 và Điều 53 BLHS năm 2015.

Theo quy định tại Điều 40 BLHS năm 1985 thì tái phạm bao gồm hai loại: tái phạm và tái phạm nguy hiểm. Trong đó, tái phạm là trường hợp người phạm tội đã bị phạt tù vì tội do cố ý, chưa được xoá án mà lại phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc tội ít nghiêm trọng do cố ý; hoặc đã bị phạt tù về tội nghiêm trọng do vô ý, chưa được xoá án mà lại phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc tội do cố ý. Còn tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội đã bị phạt tù về tội nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án mà lại phạm tội nghiêm trọng do cố ý; hoặc đã tái phạm, chưa được xoá án mà lại phạm tội ít nghiêm trọng do cố ý hoặc tội nghiêm trọng.[139] Như vậy, mặc dù BLHS năm 1985 lần đầu quy định tái phạm, tái phạm nguy hiểm trong một điều luật riêng nhưng nội dung quy định cũng đã có nhiều điểm tiến bộ như: việc quy định các hình thức lỗi của người phạm tội là một trong các dấu hiệu để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm; BLHS năm 1985 đã cá thể hóa TNHS khi quy định thêm hình thức tái phạm nguy hiểm – một loại tái phạm có mức độ nguy hiểm cao hơn làm căn cứ để xác định TNHS đối với người phạm tội. Tuy nhiên, BLHS năm 1985 vẫn còn có một số điểm chưa phù hợp khi quy định tái phạm, tái phạm nguy hiểm như: quy định hình thức phạm tội do lỗi vô ý nghiêm trọng để xem xét vấn đề tái phạm là chưa phù hợp hoặc một số thuật ngữ sử dụng gây khó hiểu trong thực tiễn xét xử như: "xóa án", "đã bị phạt tù", …

[139] Xem Điều 40 BLHS năm 1985.

Rút kinh nghiệm từ các đóng góp ý kiến trong thực tiễn xét xử, tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" đã được quy định hoàn thiện hơn trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 cả về thuật ngữ sử dụng và điều kiện khi xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Cụ thể tại Điều 53 BLHS năm 2015 tái phạm, tái phạm nguy hiểm được định nghĩa như sau:

"*Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm*

1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b) *Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý*".[140]

Theo quy định khoản 1 Điều 53 BLHS năm 2015, người phạm tội được xem là tái phạm khi thực hiện hành vi phạm tội khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau: *một là*, trước khi thực hiện hành vi phạm tội mới người phạm tội đã bị kết án trước đó về bất cứ tội nào, không phụ thuộc vào loại tội phạm và hình thức lỗi; *hai là*, người phạm tội chưa được xóa án tích tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới; *ba là,* người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội mới là tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng hình thức lỗi là vô ý. Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 53 BLHS năm 2015 thì trường hợp người phạm tội bị kết án và chưa được xóa án tích mà phạm tội mới với hình thức lỗi là cố ý thì không phụ thuộc vào loại tội phạm mới là loại gì (tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng) thì vẫn xem là tái phạm. Trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội mới nhưng với hình thức lỗi là vô ý thì chỉ xem là tái phạm khi người phạm tội thực hiện loại tội phạm phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng thì không xem là tái phạm.

Theo quy định khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015 thì tái phạm nguy nhiểm nếu người phạm tội thuộc một trong hai trường hợp sau: một là, người phạm tội đã từng

[140] Xem Điều 53 BLHS năm 2015.

bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng được thực hiện với lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; hai là, người phạm tội đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới do lỗi cố ý. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015 thì tình tiết tái phạm nguy hiểm không chỉ quy định trường hợp người phạm tội đã tái phạm chưa được xóa án tích lại thực hiện tội phạm mới với lỗi cố ý, không phụ thuộc loại tội phạm gì mà còn quy định trường hợp người phạm tội đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện tội phạm mới với cùng một loại tội là tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý. Như vậy, nhìn chung tác giả nhận thấy rằng BLHS năm 2015 quy định các trường hợp được xem là tái phạm, tái phạm nguy hiểm đều áp dụng cho cả tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý và vô ý và được áp dụng cho tất cả các loại tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Khác với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên thì BLHS năm 2015 quy định các dấu hiệu "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" với đầy đủ các vai trò là dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Trong đó, dấu hiệu "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" được quy định là dấu hiệu định tội của một số tội phạm cụ thể và dấu hiệu này được sử dụng để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm áp dụng với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt.

Với vai trò dấu hiệu định tội thì hiện nay BLHS năm 2015 quy định *"đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* là dấu hiệu định tội của 64 điều luật trong 08 chương từ chương XVI đến chương XXIV trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015, thông qua việc quy định dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" trong các CTTP cơ bản của các tội phạm. Cụ thể là:[141]

+ Chương XVI quy định về các tội xâm phạm sở hữu: 06 điều luật.

+ Chương XVIII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: 18 điều luật.

+ Chương XIX quy định về các tội phạm về môi trường: 05 điều luật.

[141] Xem phụ lục số 04.

+ Chương XX quy định về các tội phạm về ma túy: 07 điều luật.

+ Chương XXI quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng: 20 điều luật.

+ Chương XXII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính: 06 điều luật.

+ Chương XXIII quy định về các tội phạm về chức vụ: 03 điều luật.

+ Chương XXIV quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp: 01 điều luật.

Ngoài ra, qua nghiên cứu dấu hiệu *"đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* không được BLHS năm 2015 quy định là dấu hiệu định tội tại 06 chương trong tổng số 14 chương trong Phần các tội phạm bao gồm: chương XIII quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia; chương IV quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; chương XV quy định về các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; chương XVII quy định về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; chương XXV quy định về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; chương XXVI quy định về các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Nhìn chung, dấu hiệu *"đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* được quy định là dấu hiệu định tội trong phần lớn các chương trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 (chiếm 8/14 chương). Trong đó, chương XVIII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chương XXI quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng chiếm phần lớn các tội phạm sử dụng dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" làm dấu hiệu định tội. Trong số 66 điều luật sử dụng dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" làm dấu hiệu định tội thì 30 điều luật sử dụng dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" là dấu hiệu định tội nếu hành vi phạm tội không thỏa mãn định lượng tối thiểu được quy định trong CTTP cơ bản.[142] Còn lại 36 điều luật thì dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS,*

[142] Điều 172, 173, 174, 175, 177, 178, 188, 189, 190, 191, 192, 195, 200, 202, 217a, 232, 234, 235, 245, 247, 249, 250, 252, 253, 254, 259, 321, 353, 354, 355 BLHS năm 2015.

chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" là dấu hiệu định tội độc lập mà không phụ thuộc vào định lượng mà CTTP quy định.[143] Như vậy, đối với những tội có quy định định lượng là dấu hiệu định tội thì trong trường hợp chưa đủ định lượng để truy cứu TNHS thì BLHS năm 2015 quy định bổ sung thêm dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" để truy cứu TNHS nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm. Những trường hợp còn lại mặc dù người phạm tội đã bị kết án về những hành vi phạm tội này, chưa được xóa án tích thì người phạm tội có khả năng dễ dàng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên BLHS năm 2015 quy định dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" làm dấu hiệu định tội.

Khi dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới"* đóng vai trò là dấu hiệu định tội thì khi áp dụng còn được hướng dẫn trong một số văn bản như sau:

Mục 7 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn:

7.3. Khi áp dụng tình tiết "đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm", cần phân biệt:

a. Trường hợp các tiền án của bị cáo đã được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm "đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" thì các tiền án đó không được tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo.

b. Trường hợp các tiền án của bị cáo không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm "đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" vì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì các tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm".[144]

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" quy định:

"Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" quy định tại khoản 1 các điều 353, 354 và 355 của BLHS là trước đó người phạm tội đã bị kết án trong 01 lần về một hoặc nhiều tội

[143] Điều 197, 198, 199, 201, 209, 227, 228, 242, 243, 244, 266, 268, 274, 275, 276, 278, 286, 287, 293, 294, 296, 297, 306, 315, 316, 318, 320, 322, 326, 332, 340, 343, 344, 345, 346, 388 BLHS năm 2015.
[144] Xem Mục 7 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

quy định tại Mục 1 Chương XXIII của BLHS, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện một trong những hành vi được liệt kê tại khoản 1 của một trong các điều 353, 354 và 355 của BLHS. Trường hợp ngoài tiền án nêu trên, người phạm tội còn có tiền án khác thì tiền án này được sử dụng để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm, trừ trường hợp các tiền án đều đã được sử dụng để xác định dấu hiệu định tội trong các lần kết án trước đó".[145]

Như vậy, hầu như các văn bản hướng dẫn áp dụng dấu hiệu *"đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* là dấu hiệu định tội đều cho rằng những tiền án của người phạm tội đã được dùng làm căn cứ định tội danh thì tiền án này không được dùng làm căn cứ để xác định thêm tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" là hoặc tình tiết tăng nặng TNHS đối với người phạm tội. Hướng dẫn này đã đảm bảo nguyên tắc một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần đối với người phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015.

Tuy nhiên, theo tác giả phân tích như trên tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" đóng vai trò là dấu hiệu định tội trong 08 chương của Phần các tội phạm của BLHS năm 2015, nhưng văn bản hướng dẫn áp dụng đối với tình tiết này hầu hết tập trung vào Chương XX quy định các tội phạm về ma túy và Chương XXIII quy định các tội phạm về chức vụ, những chương còn lại vẫn chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng dẫn đến thực tiễn áp dụng còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, hiện nay BLHS quy định dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội…. được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" là dấu hiệu định tội không phổ biến trong các tội phạm cụ thể, đặc biệt là đối với các tội phạm có khả năng tái phạm cao. Đây là vấn đề mà BLHS cần phải được sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện vai trò dấu hiệu định tội của tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm".

BLHS năm 2015 quy định tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" là dấu hiệu định khung hình phạt của 102 điều luật trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015. Trong đó, tình tiết "tái phạm" được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 01 điều luật duy nhất là tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 265 BLHS năm 2015) và tình tiết "tái phạm nguy hiểm" là của 101 điều luật, cụ thể là:[146]

+ Chương XIV quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người: 13 điều luật.

---

[145] Xem khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

[146] Xem Phụ lục số 03.

+ Chương XVI quy định về các tội xâm phạm sở hữu: 10 điều luật.

+ Chương XVII quy định về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình: 01 điều luật.

+ Chương XVIII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: 22 điều luật.

+ Chương XIX quy định về các tội phạm về môi trường: 06 điều luật.

+ Chương XX quy định về các tội phạm về ma túy: 13 điều luật.

+ Chương XXI quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng: 28 điều luật.

+ Chương XXII quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính: 07 điều luật.

+ Chương XXIII quy định về các tội phạm về chức vụ: 01 điều luật.

+ Chương XXIV quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp: 01 điều luật.

Như vậy, so với các tình tiết khác của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm được BLHS năm 2015 quy định là dấu hiệu định khung hình phạt phổ biến và nhiều nhất trong Phần các tội phạm của BLHS (chiếm 10/14 chương). Trong đó, chỉ có 1 điều luật quy định tình tiết tái phạm là dấu hiệu định khung hình phạt, còn lại là hầu hết quy định tình tiết tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt. Tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" là tình tiết thể hiện tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, là những trường hợp mà người phạm tội có khả năng tái phạm cao, xem thường luật pháp, khó cải tạo và giáo dục, đặc biệt là người phạm tội tái phạm nguy hiểm. Do đó mà BLHS năm 2015 quy định tình tiết tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt phần lớn các tội phạm trong BLHS để xử lý nghiêm khắc hơn, bảo đảm giáo dục, phòng ngừa hiệu quả đối với những người phạm tội này.

Theo quy định tại Điều 53 BLHS năm 2015 thì tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm được áp dụng cho cả tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý và vô ý. Tuy nhiên trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 thì các dấu hiệu của tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm được quy định là dấu hiệu định tội, chỉ được áp dụng đối với tội phạm cố ý. Do đó, nên chăng cần phải sửa đổi, bổ sung Điều 53 BLHS năm 2015 về tái phạm, tái phạm nguy hiểm cho thống nhất.

❖ *Quyết đình hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án*

Sau 15 năm áp dụng, BLHS năm 1999 nói chung và các quy định về tổng hợp hình phạt nói riêng bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế không đáp ứng được các yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. BLHS năm 2015 ra đời đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử lập pháp của Việt Nam. Các quy định của Bộ luật này nói chung và các quy định về tổng hợp hình phạt nói riêng đã được sửa đổi bổ sung tương đối cơ bản và đầy đủ hơn so với BLHS năm 1999. Cụ thể, theo Điều 56 BLHS năm 2015 thì tổng hợp hình phạt của nhiều bản án có ba trường hợp như sau:

+ *Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội phạm trước khi có bản án này*. Theo khoản 1 Điều 56 BLHS năm 2015, trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án QĐHP đối với tội đang xét xử sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của bộ luật này. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung. Có thể hiểu rằng, trong trường hợp này, Tòa án QĐHP cho tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp với bản án trước theo quy định của Điều 55 BLHS năm 2015 thành hình phạt chung.

+ *Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử.* Theo khoản 2 Điều 56 BLHS năm 2015, khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó cộng với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 bộ luật này. Trường hợp này có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước đó nên việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp này có tính nghiêm khắc hơn, mang tính răn đe cao hơn so với trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước đó.

Nhìn chung so với quy định tại Điều 51 BLHS năm 1999 thì Điều 56 BLHS năm 2015 quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đã có nhiều ưu điểm hơn, đáp ứng được phần nào đó yêu cầu áp dụng pháp luật vào thực tiễn xét xử. Tuy nhiên, vấn đề này cũng chưa thật hoàn thiện nên thực tiễn áp dụng còn gặp phải những vướng mắc, đòi hỏi có sự sửa đổi bổ sung và hoàn thiện.

Tóm lại, từ việc phân tích các quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như trên, tác giả nhận thấy rằng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được BLHS năm 2015 quy định hầu hết với các vai trò: là dấu hiệu định tội, là dấu hiệu định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt và trong đó các dấu hiệu của tái phạm tội, cụ thể là dấu hiệu "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" được BLHS năm 2015 quy định phổ biến với các vai trò nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay, một số quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm vẫn còn gặp nhiều bất cập và chưa phù hợp như khái niệm của các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên, … và một số dấu hiệu định tội và định khung hình phạt của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm còn chưa hoàn thiện trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015. Do đó, thiết nghĩ cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cho phù hợp với lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết này.

2.2.5. Phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm

❖ *Phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên.*

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên đều là trường hợp mà người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cùng một tội phạm. Tuy nhiên, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên có một số đặc điểm khác nhau như sau:

Thứ nhất, về số lần phạm tội: phạm tội 02 lần trở lên là người phạm tội từ 02 lần trở lên về cùng một tội được quy định trong BLHS, các lần phạm tội chưa bị truy cứu TNHS và nay được đưa ra xét xử cùng một lần. Trong khi đó phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì người phạm tội phải thực hiện hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội được quy định trong BLHS hoặc các điều luật khác nhau nhưng có cùng một khách thể loại bị xâm hại, những lần phạm tội này không phụ thuộc đã bị xét xử hay chưa bị xét xử. Như vậy, nếu xét về số lần phạm tội thì phạm tội 02 lần trở lên có phạm vi điều chỉnh rộng hơn so với phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Thứ hai, về mục đích, động cơ của các lần phạm tội: trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì người phạm tội lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn sống chính; trong khi đó, tình

tiết phạm tội 02 lần trở lên không quy định động cơ, mục đích của người phạm tội trong các lần phạm tội.

Thứ ba, về lỗi của các tội phạm được thực hiện: vì người phạm tội có mục đích phạm tội rõ ràng nên các tội phạm trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thực hiện tội phạm chỉ với hình thức lỗi cố ý; trong khi đó, người bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên có thể thực hiện tội phạm với hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý.

Như vậy, rõ ràng nếu xét về số lần phạm tội và tính chất của hành vi phạm tội thì tác giả cho rằng trong một số trường hợp nhất định thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một hình thức đặc biệt tình tiết phạm tội 02 lần trở lên và nó có tính nguy hiểm cao hơn so với phạm tội 02 lần trở lên. Chẳng hạn như trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện tội phạm mà thỏa mãn các dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và những lần thực hiện tội phạm chưa bị truy cứu TNHS hoặc trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện tội phạm mà thỏa mãn các dấu hiệu phạm tội 02 lần trở lên và người phạm tội lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn sống chính thì trong trường hợp này các dấu hiệu của phạm tội 02 lần trở lên sẽ bao trùm luôn các dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó, khi áp dụng các tình tiết này cần phải phân định rõ ràng để tránh trường hợp một tình tiết tăng nặng TNHS bị áp dụng hai lần đối với người phạm tội khi QĐHP.

❖ *Phân biệt phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.*

Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đều có điểm giống nhau là thể hiện nhân thân xấu của người phạm tội, cụ thể là người phạm tội đã từng bị kết án về hành vi phạm tội, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới. Tuy nhiên, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm có các điểm khác nhau như sau:

Thứ nhất, về số lần phạm tội: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì người phạm tội phải thực hiện hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên (không phụ thuộc các hành vi phạm tội này đã bị truy cứu TNHS hoặc chưa bị truy cứu TNHS), trong khi đó tái phạm, tái phạm nguy hiểm thì người phạm tội chỉ từ 02 lần phạm tội trở lên, trong đó bắt buộc phải có lần phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích.

Thứ hai, về loại tội phạm mà người phạm tội thực hiện: tội phạm mà người phạm tội thực hiện trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là cùng một tội phạm

và được quy định trong một điều luật của BLHS, còn các tội phạm mà người phạm tội thực hiện trong tái phạm, tái phạm nguy hiểm không bắt buộc phải cùng một tội phạm, có thể là các tội phạm khác nhau được quy định trong các điều luật khác nhau của BLHS. Và ngoài ra, các tội phạm được thực hiện trong tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm có thể được thực hiện với hình thức lỗi cố ý và lỗi vô ý, trong khi đó các tội phạm được thực hiện trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chỉ được thực hiện với hình thức lỗi cố ý.

Thứ ba, về mục đích và động cơ phạm tội: người phạm tội trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống và lấy các khoản thu được từ những lần phạm tội làm nguồn sống cho bản thân; trong khi đó, người phạm tội trong tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm có thể có bất kỳ động cơ, mục đích phạm tội nào.

Từ các điểm khác nhau nêu trên, tác giả nhận thấy rằng, trong trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm từ 05 lần trở lên, trong đó có những lần người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà thỏa mãn các dấu hiệu phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì trong trường hợp này tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm sẽ bao hàm luôn phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Và ngược lại, trong trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm từ 05 lần trở lên trong đó có những lần người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà thỏa mãn các dấu hiệu tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm và người phạm tội lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống, lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn sống cho bản thân thì trường hợp này tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm cũng sẽ bao gồm luôn các dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó, trong một số trường hợp nhất định thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một hình thức đặc biệt của tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm.

❖ *Phân biệt phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.*

Phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm chỉ có một đặc điểm giống nhau là phạm tội từ 02 lần trở lên nhưng có các đặc điểm khác nhau nêu sau:

Thứ nhất, về số lần phạm tội: mặc dù phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm thì phải thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên nhưng các lần phạm tội trong phạm tội 02 lần trở lên đều chưa bị truy cứu TNHS và được đưa ra xét xử cùng một lần, trong khi đó các lần phạm tội trong tái phạm hoặc tái phạm

nguy hiểm thì có lần người phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng người phạm tội tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, về loại tội phạm thực hiện: tội phạm mà người phạm tội thực hiện trong phạm tội 02 lần trở lên là cùng một tội phạm và được quy định trong một điều luật của BLHS, còn các tội phạm mà người phạm tội thực hiện trong tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm không bắt buộc phải cùng một tội phạm, có thể là các tội phạm khác nhau được quy định trong các điều luật khác nhau của BLHS.

Như vậy, xét về nội dung thì phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm mặc dù đều thực hiện tội phạm từ 02 lần trở lên nhưng bản chất nội dung của hai tình tiết này là hoàn toàn khác nhau, trong đó tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm thể hiện tính nguy hiểm cao hơn so với phạm tội 02 lần trở lên vì người phạm tội tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đã từng bị kết án, mặc dù chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện người phạm tội khó cải tạo, giáo dục, liều lĩnh hơn khi thực hiện hành vi phạm tội.

Từ các nội dung so sánh nêu trên, tác giả nhận thấy rằng trong số các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có tính nguy hiểm cao hơn so với tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm và phạm tội 02 lần trở lên. Vì vậy mà vị trí pháp lý của tình phạm tội có tính chất chuyên nghiệp tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 được sắp xếp đưa lên trước so với "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" và "phạm tội 02 lần trở lên".[147] Ngoài ra, trong một số trường hợp nhất định thì tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một trường hợp đặc biệt của tái phạm và tái phạm nguy hiểm và phạm tội 02 lần trở lên. Chính vì vậy, khi áp dụng đồng thời các 03 tình tiết này cho người phạm tội thì cần phải có sự phân định rõ ràng nội dung của các tình tiết này để không vi phạm nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như tác giả phân tích trong chương 1.

2.3. Những bất cập, hạn chế trong quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Mặc dù những quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đã khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 và có được những ưu điểm nhất định nhưng vẫn còn những hạn chế, bất cập. Theo tác giả, những hạn chế, bất cập chủ yếu thể hiện ở các điểm sau đây:

---

[147] Tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, còn tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên", "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

- BLHS năm 2015 và các BLHS trước đó mặc dù đã ghi nhận và quy định các hình thức của nhiều tội phạm từ rất lâu nhưng những vấn đề về nhiều tội phạm vẫn chưa được quy định chính thức trong BLHS. Điều này dẫn đến hệ quả là thực tiễn định tội và QĐHP trong trường hợp nhiều tội phạm không được áp dụng thống nhất. Nguyên nhân của hạn chế này có thể do các nhà lập pháp chưa đánh giá hết tính nguy hiểm, vai trò và tầm quan trọng trong trường hợp nhiều tội phạm so với trường hợp phạm một tội.

- Vì những hạn chế trong quy định về nhiều tội phạm của BLHS năm 2015 nên các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan nhiều tội phạm chưa được hoàn thiện. Hiện nay, số lượng các tình tiết tăng nặng TNHS được liệt kê tại khoản 1 Điều 52 nhưng nguyên tắc áp dụng các tình tiết này chỉ được quy định đơn giản tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015. Mặt khác, hiện nay các tình tiết tăng nặng TNHS không chỉ giữ vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 52 mà còn được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 nhưng nguyên tắc áp dụng các vai trò này chưa được xây dựng đầy đủ trong BLHS năm 2015. Điều này làm cho thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung không thống nhất nhau.

- Mặc dù về nguyên tắc một tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ được sử dụng một lần trong một vụ án hình sự nhưng hiện nay vẫn còn tồn tại một số văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam mặc nhiên sử dụng 02 lần hoặc nhiều lần các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi QĐHP đối với người phạm tội.

- BLHS năm 2015 đã dần quy định các hình thức của nhiều tội phạm trong BLHS nhưng nội dung quy định của các hình thức này còn chưa hoàn thiện cả về khái niệm cũng như vai trò của các tình tiết này, nên việc áp dụng các quy định này vẫn còn nhiều vướng mắc, thiếu thống nhất. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với tình tiết phạm nhiều tội.

Mặc dù so với quy định của BLHS năm 2015 quy định QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội đã có nhiều ưu điểm nổi bật so với BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 nhưng khi QĐHP đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp phạm nhiều tội theo quy định tại Điều 103 BLHS năm 2015 thì vẫn còn một số điểm hạn chế như sau:

- *Một là*, Điều 103 BLHS năm 2015 sử dụng thuật ngữ "*phạm nhiều tội*" nhưng lại không mô tả như thế nào là "*phạm nhiều tội*". Cụ thể tại khoản 1 Điều

103 BLHS năm 2015 chỉ mô tả được một dấu hiệu duy nhất về hình thức "*phạm nhiều tội*", đó là dấu hiệu "*khi xét xử cùng một lần*". Điều này dẫn đến việc không thống nhất khi xác định các trường hợp phạm nhiều tội đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015 sử dụng thuật ngữ "*người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội*" nên không phân biệt trường hợp phạm nhiều tội nhưng có tội được thực hiện trước hoặc sau 16 tuổi hoặc 18 tuổi.

- *Hai là*, khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 chưa quy định rõ về độ tuổi của người chưa thành niên phạm tội khi sử dụng cụm từ *"sau khi đủ 16 tuổi"* vì BLHS năm 2015 chia người chưa thành niên phạm tội thành hai nhóm tuổi với hai đường lối xử lý khác nhau là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Vì thế, khi khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định *"sau khi đủ 16 tuổi"* có thể nhầm lẫn với trường hợp là một người phạm tội sau khi đủ 16 tuổi trở lên mà không bị khống chế mức tối đa là phải *"dưới 18 tuổi"*.

- *Ba là*, tại khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 sử dụng cụm từ "*có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi"* nên sẽ bao hàm luôn nội dung quy định tại khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 nên rất dễ gây nhầm lẫn khi áp dụng quy định này. Ngoài ra, quy định điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 chưa quy định rõ mức hình phạt cao nhất được áp dụng trong mỗi trường hợp phạm tội là như thế nào. Cụ thể, điểm a khoản 3 Điều 103 BLLHS năm 2015 sử dụng cụm từ "*thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này",* quy định này được hiểu là không được vượt quá mức nào vì tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định hai mức phạt tối đa được áp dụng đối với hai nhóm tuổi khác nhau là 18 năm tù đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và 12 năm tù đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Như vậy, điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 103 là không vượt quá mức cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015 (tức là 18 năm tù) hay là tùy theo nhóm tuổi để xác định.

Thứ hai, đối với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Hiện nay, mặc dù tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 và dấu hiệu định khung hình phạt trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 nhưng khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vẫn chưa được quy định chính thức trong BLHS năm 2015 mà chỉ được hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, như tác giả phân tích nêu trên thì Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP

đã hết hiệu lực thi hành nhưng trên thực tiễn áp dụng vẫn áp dụng tinh thần của văn bản này và gặp một số vướng mắc như:

- Về khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp: tại mục 5.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP quy định thì người phạm tội phải cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm, không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích. Tuy nhiên nếu hướng dẫn như thế này thì cụm từ "*từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm*" sẽ được hiểu là năm lần trở lên của cùng một tội phạm được quy định trong một điều luật, ví dụ như 05 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, năm lần thực hiện hành vi cướp tài sản. Như vậy, trường hợp người phạm tội thực hiện năm lần trở lên đối với các tội phạm khác nhau nhưng có cùng tính chất, cùng khách thể loại thì có được xem là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hay không? Ngoài ra, tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP để xác định "tính chất chuyên nghiệp" thì ngoài dấu hiệu về số lần phạm tội thì còn phải xác định dấu hiệu người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc xác định người phạm tội lấy các lần phạm tội làm "nghề sinh sống" và kết quả phạm tội làm "nguồn sống chính" là rất khó chứng minh. Bởi vì, thực tế có nhiều trường hợp người phạm tội không có nghề nghiệp ổn định mặc dù thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội cùng loại nhưng không lấy kết quả phạm tội làm nguồn sống chính như người phạm tội được cha mẹ nuôi dưỡng, chu cấp hoặc việc phạm tội là do sở thích, do được bạn bè rủ rê, … hoặc còn có trường hợp mặc dù người phạm tội có nghề nghiệp ổn định và có nguồn thu nhập chính để nuôi bản thân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội để có thêm nguồn thu nhập phục vụ cho bản thân.

- BLHS năm 2015 quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt chưa phù hợp trong một số tội phạm cụ thể và không tương xứng với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Mặc dù tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một hình thức đặc biệt của phạm tội 02 lần trở lên và có tính nguy hiểm cao hơn nhưng BLHS năm 2015 quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt trong các tội phạm cụ thể với số lượng ít hơn so với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên,[148] tác giả cho rằng là chưa phù hợp. Hiện nay, BLHS năm 2015 quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt của 82 điều luật trong 12 chương của BLHS năm 2015,

[148] Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt của 36 điều luật trong 7 chương của BLHS, trong khi đó tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt của 82 điều luật trong 12 chương của BLHS (Xem phụ lục 03).

bao gồm các tội phạm mà người phạm tội có khả năng lấy các khoản lợi ích thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập (ví dụ như Điều 188, Điều 189 BLHS năm 2015 …) và các tội phạm mà người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội không phải vì nguồn thu nhập (ví dụ như Điều 236, Điều 238 BLHS năm 2015 …). Trong trường hợp người phạm tội 02 lần trở lên nhưng cũng thỏa mãn các dấu hiệu của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì nếu BLHS năm 2015 không quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt thì chỉ áp dụng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS, điều này sẽ làm hạn chế vai trò dấu hiệu định khung hình phạt của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng như không đánh giá đúng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội.

- BLHS năm 2015 quy định dấu hiệu "vụ lợi" là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt của 13 điều luật,[149] trong đó chỉ có tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS năm 2015) có quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với tội này. Tuy nhiên, tác giả cho rằng dấu hiệu "vụ lợi" là một trong các dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp – là người phạm tội lấy các khoản thu lợi được từ việc phạm tội để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Do đó, trường hợp BLHS năm 2015 có quy định dấu hiệu "vụ lợi" là dấu hiệu định tội của một tội danh cụ thể nào đó nhưng khi QĐHP đối với tội danh này lại áp dụng thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đảm bảo nguyên tắc những dấu hiệu nào của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được sử dụng là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được sử dụng là tình tiết tăng nặng TNHS đối với người phạm tội nữa. Để đảm bảo quyền lợi cho người phạm tội thì bất cập này của BLHS năm 2015 cần phải được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Thứ ba, đối với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên.

- Xuất phát từ nguyên nhân phạm tội 02 lần trở lên chưa được quy định khái niệm chính thức trong BLHS năm 2015 dẫn đến hiện nay khi áp dụng tình tiết này, thực tiễn xét xử có nhiều cách hiểu khác nhau về phạm tội 02 lần trở lên. Mặc dù quan điểm phổ biến hiện nay đều cho rằng *"Phạm tội nhiều lần (phạm tội 02 lần trở lên) là trường hợp người phạm tội có từ 02 lần trở lên phạm cùng một loại tội, trong đó mỗi lần đều đã có đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, nay các lần phạm tội đó được xét xử trong cùng một lần"*

[149] Điều 162, 177, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230, 348, 356, 357, 359 BLHS năm 2015.

nhưng cụm từ “từ 02 lần trở lên” này được hiểu là mỗi lần phạm tội có thể bất cứ khoản nào của một điều luật của một tội hay là mỗi lần phạm tội đều phải thuộc một khung hình phạt bị Tòa án áp dụng. Ví dụ như, A đã thực hiện hai lần hành vi trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015), trong có lần thứ nhất hành vi trộm cắp thỏa mãn CTTP tại khoản 1 Điều 173 và lần thứ hai hành vi trộm cắp thỏa mãn CTTP tại khoản 2 Điều 173. Vậy trong trường hợp này, khi A bị truy cứu TNHS tại khoản 2 Điều 173 thì có bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với A hay không? Đây là một trong những vướng mắc phổ biến về tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong thực tiễn xét xử. Do đó, BLHS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung kịp thời để các CQTHTT áp dụng và nhận thức thống nhất về tình tiết này.

- Hiện nay mặc dù BLHS năm 2015 không quy định trực tiếp các dấu hiệu của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định tội nhưng một số văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết này đối với các tội phạm cụ thể thì quy định nếu trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội của cùng một tội mà mỗi lần chưa đủ định lượng truy cứu TNHS thì được cộng định lượng tất cả các lần phạm tội để định tội đối với người phạm tội. Tuy nhiên các văn bản này lại cho phép áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS đối với người phạm tội. Tác giả cho rằng việc hướng dẫn nêu trên là chưa hợp lý và vi phạm nguyên tắc áp dụng của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Ngoài ra, trong thực tiễn, có những trường hợp do người phạm tội hai lần trở lên mà hành vi phạm tội bị "nhảy khung" cao hơn. Vậy, trong trường hợp này, ngoài xét xử bị cáo với khung hình phạt cao hơn thì có áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên hay không. Ví dụ như: người phạm tội thực hiện 02 trộm cắp tài sản: lần 1 là 30 triệu đồng và lần 2 là 25 triệu đồng, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 55 triệu đồng. Vậy trường hợp này, ngoài việc áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 để định tội thì có cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 hay không?

- Như tác giả phân tích thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một trường hợp đặc biệt của phạm tội 02 lần trở lên và có tính nguy hiểm cao hơn nhưng BLHS năm 2015 lại quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt của nhiều tội phạm hơn so với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cũng như hiện nay có 7 điều luật trong BLHS năm 2015 quy định đồng thời phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên cùng là dấu hiệu định

khung hình phạt trong một CTTP tăng nặng,[150] là chưa hợp lý, chưa tương xứng với bản chất của hành vi phạm tội trong trường hợp dấu hiệu định khung hình phạt và phạm tội 02 lần trở lên.

Thứ tư, về các trường hợp tái phạm tội.

- Dấu hiệu "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện tội phạm mới" được quy định là dấu hiệu định tội tại 64 điều luật trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015. Những tội danh này ngoài việc quy định dấu hiệu "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện tội phạm mới" là dấu hiệu định tội trong CTTP cơ bản thì còn quy định định tiết tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt trong CTTP tăng nặng, chỉ riêng tình tiết tái phạm được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tại một điều luật duy nhất là Điều 265 BLHS năm 2015 nhưng điều luật này lại không quy định dấu hiệu "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện tội phạm mới" là dấu hiệu định tội. Như vậy, trong trường hợp các điều luật có quy định tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt nhưng BLHS năm 2015 lại quy định dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội… được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* là dấu hiệu định tội thì tình tiết tái phạm nguy hiểm được áp dụng như thế nào để không vi phạm nguyên tắc một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần đối với người phạm tội tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015? Ngoài ra, BLHS năm 2015 chỉ quy định tình tiết tái phạm được là dấu hiệu định khung hình phạt tại một điều luật duy nhất là Điều 265 BLHS năm 2015 rõ ràng là chưa phù hợp và không khả thi trong thực tiễn áp dụng tình tiết này.

- Tại Điều 53 BLHS năm 2015 chỉ quy định tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm nên trường hợp người phạm tội đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thì có áp dụng tiếp tục tình tiết tái phạm nguy hiểm cho người phạm tội hay không? Mặc dù trường hợp này nguy hiểm hơn so với trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng hiện nay BLHS năm 2015 chưa quy định nên đây cũng là thiết xót cần phải được hoàn thiện.

- Như tác giả phân tích mục 2.2.5 thì trong một số trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là một hình thức đặc biệt của tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm nên khi người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên và thỏa mãn đồng thời các dấu hiệu tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm và phạm tội

---

[150] Bao gồm: điểm b, h khoản 2 Điều 188; điểm b, c khoản 2 Điều 285; điểm c, d khoản 2 Điều 324; điểm c, d khoản 2 Điều 328; điểm b, d khoản 2 Điều 348; điểm a, c khoản 2 Điều 350; điểm b, e khoản 2 Điều 365 BLHS năm 2015.

có tính chất chuyên nghiệp thì có áp dụng đồng thời cả hai tình tiết này đối với người phạm tội hay không? Theo hướng dẫn tại mục 5.2 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP thì hướng dẫn rằng: "Đối với trường hợp phạm tội từ năm lần trở lên mà trong đó có lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết là "phạm tội nhiều lần", "tái phạm" (hoặc "tái phạm nguy hiểm") và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.[151] Vì hiện nay các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chưa được ghi nhận chính thức trong BLHS và mặc dù Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP đã hết hiệu lực thi hành nhưng hầu hết thực tiễn xét xử vẫn áp dụng theo tinh thần của văn bản này. Như tác giả phân tích nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm tại chương 1 thì trong trường hợp khi xác định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có các dấu hiệu bị trùng lặp nhau nhưng vẫn áp dụng đồng thời các tình tiết này đối với người phạm tội thì sẽ không đảm bảo nguyên tắc có lợi đối với người phạm tội và vi phạm các nguyên tắc cơ bản khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

[151] Xem mục 5.2 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được quy định xuyên suốt trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến khi BLHS năm 2015 ra đời. Việc nghiên cứu khái quát lịch sử hình thành của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là căn cứ đúc kết các nền tảng lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng như đánh giá sự phát triển hay kế thừa trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, từ đó tìm ra và học hỏi các kinh nghiệm lập pháp trong định hướng chính sách hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Tại chương 2, ngoài việc nghiên cứu khái quát lịch sử hình thành các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam thì tác giả tập trung phân tích quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm xuyên suốt với các vai trò: là dấu hiệu định tội, là dấu hiệu định khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt tại Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015. Qua việc phân tích các quy định này giúp cho tác giả có cách nhìn tổng quan nhất về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam cũng như đánh giá được những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của các hạn chế, bất cập trong quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm làm căn cứ để tác giả đưa ra các kiến nghị hoàn thiện trong chương 3.

Chương 3

THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM

3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

3.1.1. Kết quả khảo sát thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm[152]

Hiện nay do BLHS quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đa dạng với các vai trò khác nhau nên thực tiễn áp dụng các tình tiết này không có số liệu thống kê cụ thể. Do đó, để đánh giá khách quan và chính xác thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm so với các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung cũng như so sánh giữa các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm với nhau, tác giả tiến hành khảo sát ngẫu nhiên các bản án trong thực tiễn xét xử từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022 trong phạm vi cả nước. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, để đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm so với các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung, tác giả khảo sát ngẫu nhiên 500 bản án[153] có áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 48 năm BLHS 1999 hoặc Điều 52 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội và cho kết quả như sau: 239/500 bản án sử dụng tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ 46%; 141/500 bản án sử dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên chiếm tỷ lệ 27%; 13/500 bản án sử dụng tình phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ 3% và 122/500 bản án sử dụng tình tiết tăng nặng TNHS khác (ví dụ như: phạm tội có tổ chức, xúi giục người chưa thành niên phạm tội, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng...) chiếm tỷ lệ 24%.[154] Dựa vào kết quả khảo sát này, tác giả nhận thấy rằng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được áp dụng phổ biến hơn (chiếm 76%) so với các tình tiết tăng nặng TNHS còn lại (chiếm 24%), trong đó khi so sánh giữa các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm với nhau thì tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm được áp dụng phổ biến

---

[152] Đây là kết quả tác giả tự khảo sát 700 bản án hình sự ngẫu nhiên từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022 trong phạm vi cả nước, trong đó có 500 bản án hình sự áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS và 200 bản án áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

[153] Danh sách các bản án xem tại phụ lục số 07.

[154] Xem phụ lục số 05.

nhất (chiếm tỷ lệ 46%) và tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết được áp dụng hạn chế nhất trong các bản án (Xem phụ lục số 05).

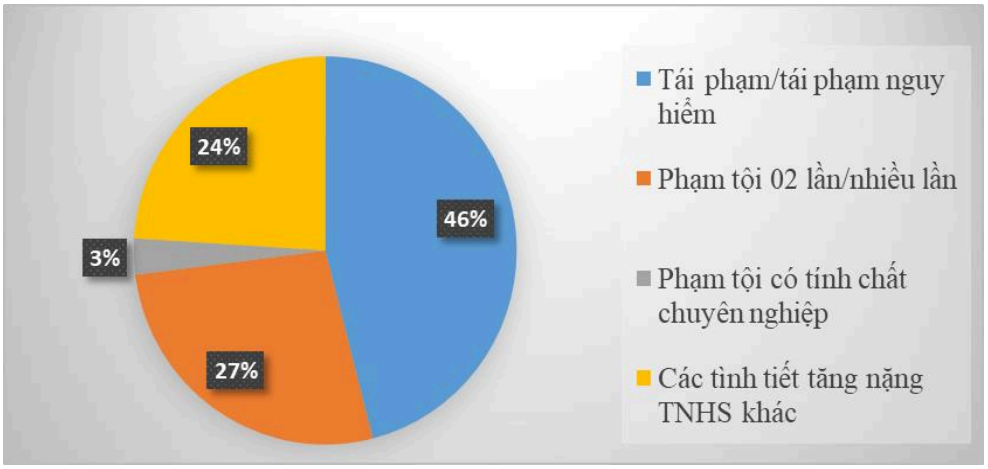

<u>Biểu đồ 1</u>: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong 500 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022.

Thứ hai, để đánh giá thực tiễn áp dụng giữa các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm với nhau (bao gồm các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm), tác giả khảo sát ngẫu nhiên 200 bản án[155] có áp dụng các tình tiết này khi QĐHP. Tuy nhiên, để đạt kết quả khảo sát chính xác, tác giả căn cứ vào tần suất quy định các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt trong từng chương của Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 để lấy số lượng các bản án khảo sát tương ứng cho từng chương tội phạm. Hiện nay, các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 220 điều luật từ chương XIII đến chương XVI, trong đó chương XIII - các tội xâm phạm an ninh quốc gia: không có; chương XIV - các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người: 32 điều luật; chương XV - các tội xâm phạm quyền tự do của con người; quyền tự do, dân chủ của công dân: 6 điều luật; chương XVI - các tội xâm phạm sở hữu: 18 điều luật; chương XVII - các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình: 2 điều luật; chương XVIII - các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: 45 điều luật; chương XIX- các tội phạm về môi trường: 8 điều luật; chương XX - các tội phạm về ma túy: 26 điều luật;

[155] Danh sách các bản án xem tại phụ lục số 08.

chương XXI - các tội xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng: 44 điều luật; chương XXII - các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính: 17 điều luật; chương XXIII - các tội phạm về chức vụ: 12 điều luật; chương XXIV- các tội xâm phạm hoạt động tư pháp: 9 điều luật; chương XXV- các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu: 01 điều luật; chương XXVI - các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh: không có.[156] Từ tần suất quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 2015 như trên thì số lượng bản án dùng để khảo sát trong từng chương như sau: chương XIII: 00/200 bản án; chương XIV: 30/200 bản án; chương XV: 05/200 bản án; chương XVI: 17/200 bản án; chương XVII: 01/200 bản án; chương XVIII: 41/200 bản án; chương XIX: 05/200 bản án; chương XX: 25/200 bản án; chương XXI: 40/200 bản án; chương XXII: 16/200 bản án; chương XXIII: 11/200 bản án; chương XXIV: 08/200 bản án; chương XXV: 01/200 bản án; chương XXVI: 00/200 bản án.[157]

Sau khi tiến hành khảo sát với số lượng 200 bản án tương ứng với từng chương nêu trên, tác giả có kết quả như sau: 103/200 bản án sử dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên chiếm tỷ lệ 51,5% (trong đó 57/103 bản án sử dụng tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt chiếm tỷ lệ 55,34%; 46/103 bản án đóng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt chiếm tỷ lệ 44,66%); 11/200 bản án sử dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ 5,5% (trong đó 7/11 bản án là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt chiếm tỷ lệ 63,63%, 4/11 bản án là dấu hiệu định khung hình phạt chiếm tỷ lệ 36,34%); 86/200 bản án sử dụng tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ 43% (trong đó 54/86 bản án là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt chiếm tỷ lệ 62,8%; 23/86 bản án là dấu hiệu định khung hình phạt chiếm tỷ lệ 26,74%; 9/86 bản án sử dụng dấu hiệu của tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định tội chiếm tỷ lệ 10,46%). Ngoài ra trong số 200 bản án khảo sát thì có 05/200 bản án áp dụng đồng thời tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên, chiếm tỷ lệ 2,5%; 02/200 bản án áp dụng đồng thời tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ 1%; 02/200 bản án áp dụng đồng thời cả 03 tình tiết: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ 1%.

---

[156] Xem Phụ lục số 03.
[157] Xem Phụ lục số 06.

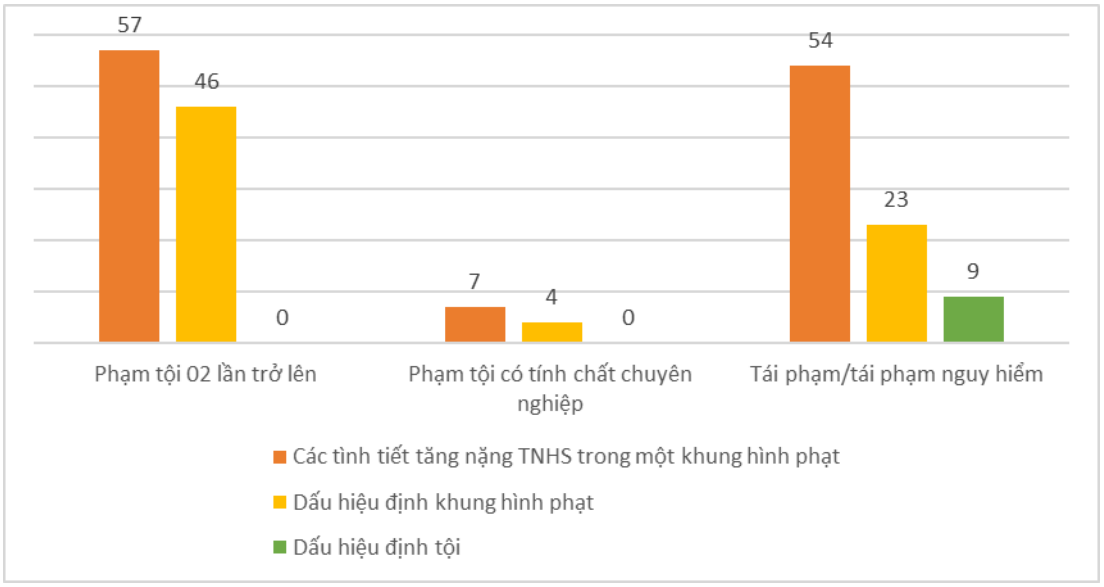

<u>Biểu đồ 2</u>: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong 200 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022.



<u>Biểu đồ 3</u>: Thực tiễn áp dụng đồng thời các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong 200 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022.

Khi khảo sát các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm trong từng chương trong 200 bản án nêu trên, tác giả có kết quả khảo sát như sau:

- *Tình tiết phạm tội 02 lần trở lên*: chương XIII: 1/200 bản án, chiếm tỷ lệ 0,5%; chương XIV: 17/200 bản án chiếm tỷ lệ 8,5%; chương XVI: 2/200 bản án chiếm tỷ lệ 1%; chương XVII: 1/200 bản án chiếm tỷ lệ 0,5%; chương XVIII: 18/200 bản án chiếm tỷ lệ 9%; chương XIX: 2/200 bản án chiếm tỷ lệ 1%; chương XX: 14/200 bản án chiếm tỷ lệ 7%; chương XXI: 23/200 bản án chiếm tỷ lệ 11,5%; chương XXII: 11/200 bản án chiếm tỷ lệ 5,5%, chương XXIII: 11/200 bản án chiếm tỷ lệ 5,5%; chương XIV: 3/200 bản án chiếm tỷ lệ 1,5%.

- *Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*: chương XVI: 6/200 bản án chiếm tỷ lệ 3%; chương XX: 1/200 bản án chiếm tỷ lệ 0,5%; chương XXI: 3/200 bản án chiếm tỷ lệ 1,5%; chương XXII: 01/200 bản án chiếm tỷ lệ 0,5%.

- *Tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm*: chương XIV: 13/200 bản án chiếm tỷ lệ 6,5%; chương XV: 5/200 bản án chiếm tỷ lệ 2,5%; chương XVI: 9/200 bản án chiếm tỷ lệ 4,5%; chương XVIII: 23/200 bản án chiếm tỷ lệ 11,5%; chương XIX: 3/200 bản án chiếm tỷ lệ 1,5%; chương XX: 10/200 bản án chiếm tỷ lệ 5%; chương XXI: 14/200 bản án chiếm tỷ lệ 7%; chương XXII: 4/200 bản án chiếm tỷ lệ 2%; chương XIV: 5/200 bản án chiếm tỷ lệ 2,5%.

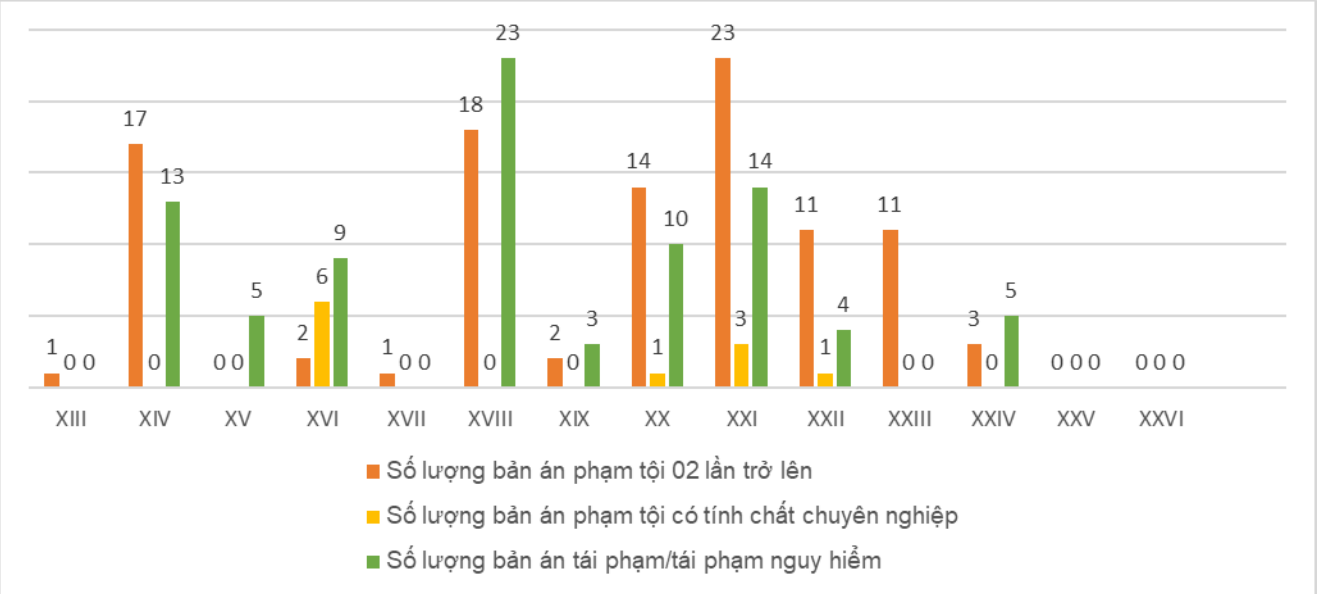

<u>Biểu đồ 4</u>: Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong từng chương của BLHS năm 2015 trong 200 bản án hình sự từ năm 2016 cho đến tháng 06/2022.

Như vậy, dựa trên số liệu khảo sát nêu trên, tác giả đưa ra một số nhận xét về thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như sau:

- Khi so sánh với các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 và Điều 52 BLHS năm 2015 thì các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được áp dụng phổ biến hơn, đặc biệt là tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Điều này cho thấy rằng, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là những tình tiết mà người phạm tội dễ thực hiện và Tòa án thường áp dụng các tình tiết này để QĐHP đối với người phạm tội. Do đó, việc yêu cầu hoàn thiện các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam là rất cần thiết.

- Khi so sánh giữa các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm thì tác giả nhận thấy rằng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được áp dụng phổ biến nhất so với các tình tiết còn lại. Khi áp dụng với vai trò là hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt thì tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được áp dụng phổ biến hơn so với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Bên cạnh đó, đối với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp mặc dù ít được áp dụng phổ biến như phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm nhưng khi áp dụng thì thực tiễn áp dụng tình tiết này với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt nhiều hơn so với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt. Ngoài ra khi khảo sát các tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm trong từng chương trong phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 thì tác giả nhận thấy rằng các tình tiết này không được áp dụng đồng đều ở các chương, cụ thể như tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chỉ được áp dụng tập trung tại chương XVI - các tội phạm xâm phạm sở hữu, tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được áp dụng phổ biến tại chương XXI - các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm được áp dụng phổ biến tại chương XVIII – các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

- Số lượng các bản án áp dụng đồng thời tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tình tiết phạm tội 02 lần trở lên hoặc tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hoặc áp dụng đồng thời cả 03 tình tiết: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội khi QĐHP là khá phổ biến. Điều

này cho thấy rằng, thực tiễn xét xử hầu như cho rằng trường hợp hành vi của người phạm tội nếu thỏa mãn tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nào thì áp dụng tình tiết đó mà không loại bỏ trường hợp các tình tiết này có các dấu hiệu trùng lặp nhau. Điều này dẫn đến hệ quả vi phạm nguyên tắc áp dụng của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và sẽ gây bất lợi cho người phạm tội.

Như vậy nhìn vào kết quả khảo sát nêu trên, tác giả cho rằng mặc dù các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được áp dụng phổ biến và đa dạng các vai trò hơn so với các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các tình tiết này chưa đa dạng các vai trò cũng như chưa đa dạng đối với các loại tội phạm trong các chương trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015. Hạn chế này của thực tiễn cũng xuất phát nguyên nhân phần lớn do quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chưa được hoàn thiện. Do đó, thông qua kết quả khảo sát này cũng đánh giá được một phần thực trạng áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và làm căn cứ để kiến nghị hoàn thiện các tình tiết này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3.1.2. Những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

3.1.2.1. Những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

❖ ***Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.***

Mặc dù tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là tình tiết tặng TNHS và từ BLHS năm 1985 cho đến BLHS năm 2015 nhưng khái niệm của tình tiết này vẫn chưa được quy định chính thức trong BLHS. Như tác giả phân tích trên, hiện nay mặc dù Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP đã hết hiệu lực thi hành nhưng trên thực tiễn xét xử các CQTHTT khi áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với người phạm tội vẫn áp dụng theo tinh thần của văn bản này. Do đó, hiện nay thực tiễn xét xử gặp một số vướng mắc, bất cập nêu sau:

Thứ nhất, thực tiễn áp dụng thiếu thống nhất trong việc xác định "nghề sinh sống" và "nguồn sống chính" trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Theo quy định của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP để xác định "tính chất chuyên nghiệp" thì ngoài dấu hiệu về số lần phạm tội thì còn phải xác định dấu hiệu người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm *"nghề sinh sống"* và lấy kết quả của

việc phạm tội làm *"nguồn sống chính"*. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử việc xác định người phạm tội lấy các lần phạm tội làm "nghề sinh sống" và kết quả phạm tội làm "nguồn sống chính" là rất khó chứng minh và căn cứ xác định là không thống nhất. Thực tiễn có trường hợp người phạm tội có công việc làm ổn định nhưng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và lấy các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội vào mục đích tiêu xài cá nhân thì không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hoặc trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để làm phương tiện đi lại thì không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Cụ thể như sau:

Vụ án thứ nhất:[158]

Nguyễn Thị Lan H (không có nghề nghiệp ổn định) có vay trả góp để lấy vốn mua quần áo để bán, sau đó làm ăn thua lỗ nên vẫn còn nợ số tiền vay 384.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi 64.000.000 đồng). Từ đó, H ở nhà dưỡng thai, không có việc làm, không có thu nhập trả nợ nên H tiếp tục vay trả góp, lấy tiền vay để trả tiền lãi. Số nợ gốc ngày càng tăng lên, nên H vay thêm "vay tính lãi từng ngày". H trực tiếp hoặc thông qua chồng Võ Lê L (nghề nghiệp công nhân) để tiếp cận làm quen với những người cho vay. Thủ đoạn của H là lấy tiền của khoản vay sau trả đủ gốc và lãi cho khoản vay trước để tạo lòng tin. Một số trường chồng H tham gia tích cực như đưa ra thông tin gian dối để vay tiền, hoặc giúp sức như chở H đi vay, sử dụng số tài khoản của L để nhận tiền…Cuối tháng 8/2016, nhưng người cho vay nghi ngờ nên tập trung đòi nợ, H vẫn đưa ra thông tin gian dối để kéo dài thời gian. Do mất khả năng thanh toán, ngày 24/9/2016, H tự tử nhưng được bệnh viện cứu sống. Ngày 20/10/2016, H đến cơ quan Công an trình diện. Với phương thức thủ đoạn gian dối trên H đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của 14 người với số tiền 62.617.144.100 đồng. Võ Lê L đồng phạm chiếm đoạt của 07 người với số tiền 7.294.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, H đã sử dụng để trả nợ vay ngân hàng, mua ô tô và chi tiêu cá nhân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của TAND tỉnh Quảng Trị đã quyết định áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; riêng bị cáo Nguyễn Thị Lan H căn cứ thêm điểm b khoản 1 Điều 52, xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Lan H (tù Chung thân) và Võ Lê L (15 năm tù) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[158] Bản án phúc thẩm số 150/2020/HS-PT ngày 11/06/2020 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng.

Tại bản án hình sự phúc thẩm 150/2020/HS-PT ngày 11/06/2020 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lan H và áp dụng điểm b, g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị Lan H tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Võ Lê L, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST và áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt Võ Lê L (13 năm tù) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Trong bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST và bản án hình sự phúc thẩm 150/2020/HS-PT nêu trên mặc dù đều nhận định bị cáo Nguyễn Thị Lan H và Võ Lê L là đồng phạm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tuy nhiên vì bị cáo Nguyễn Thị Lan H không có nghề nghiệp ổn định khi thực hiện hành vi phạm tội nên cả hai bản án đều áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt đối với Nguyễn Thị Lan H. Riêng bị cáo Võ Lê L tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội có nghề nghiệp là công nhân nên cả ai bản án nêu trên không áp dụng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với Võ Lê L. Như vậy trường hợp này cả hai bản án này đều căn cứ vào bị cáo có "nghề nghiệp ổn định" hay không để xác định yếu tố "nghề sinh sống" "nguồn sống chính" khi áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cho người phạm tội.

Vụ án thứ hai:[159]

Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Công V (nghề nghiệp là công nhân) nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo thực hiện 06 lần phạm tội từ ngày 14/01/2018 đến ngày 12/5/2018. Lần thứ nhất, bị cáo trộm được
10.000.000 đồng, lần thứ hai trộm được 220.000.000 triệu đồng, lần thứ ba trộm được tài sản và tiền có tổng giá trị là 82.928.040 đồng, lần thứ tư trộm được 7.831.000 đồng, vụ thứ năm trộm được 9.600.000 đồng, lần thứ sáu trộm được tài sản và tiền có tổng giá trị 116.875.000 đồng. Tổng giá trị 06 vụ trộm cắp là 447.234.040 đồng. Ngày 13/5/2015, bị cáo V bị phát hiện và bắt giữ. Bản án số 18/2019/HS-ST ngày 31/01/2019 của TAND huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đã nhận định rằng hành vi phạm tội của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có sức khỏe nhưng không chịu lao động mà đã lợi dụng sự sơ hở trong sự quản lý trông coi tài sản của những người bị hại để lén lút trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 và điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo V (10 năm tù) về tội "Trộm cắp tài sản". Như vậy, trường hợp này theo nhận định của

[159] Bản án sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 31/01/2019 của TAND huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

bản án số 18/2019/HS-ST thì mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Trần Công V có nghề nghiệp ổn định nhưng bị cáo lấy các khoản lợi ích thu được từ các lần phạm tội để làm tăng thêm nguồn thu nhập để phục vụ cho mục đích cá nhân nên vẫn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo.

Vụ án thứ ba:[160]

Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, nên trong tháng 10 và tháng 11 năm 2017, Lê Hải T đã thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể là: lần thứ nhất ngày 21/10/2017, T đã trộm chiếc điện thoại Nokia 105 trị giá 293.300 đồng và chiếc điện thoại hiệu Asus Zenphone 6 màu đen trị giá 4.193.000đồng; lần thứ hai ngày 24/10/2017, T trộm một ví da mà đen, bên trong có số tiền 22.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 25/10/2017, T trộm chiếc điện thoại hiệu Nokia 230 và 3 tượng gỗ Pơ Mu trị giá
2.500.000 đồng; lần thứ tư ngày 01/11/2017, T trộm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệ Oppo F1S trị giá 4.193.000 đồng, 02 chiếc điện thoại Nokia 230 màu đen trị giá 1.250.000 đồng; lần thứ năm ngày 10/11/2017, T trộm chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 màu vàng trị giá 7.144.500 đồng và số tiền 4.000.000 đồng; lần thứ sáu ngày 26/11/2017, T trộm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Gateway màu xanh đen trị giá 500.000 đồng và số tiền 511.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản đã hiếm đoạt là: 47.559.800 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 15/3/2018 của TAND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS để QĐHP đối với bị cáo. Bản án phúc thẩm số 04/2018/HSPT ngày 29/5/2018 của TAND tỉnh Quảng Trị nhận định đã nhận định *"Bị cáo T không có nghề nghiệp, đã có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi ra tù vào tháng 3/2017, trong một khoảng thời gian ngắn đã thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản với giá trị gần 50 triệu đồng. Cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình bố mẹ để không xem xét, làm rõ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là thiếu sót. Vì tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận số tiền chiếm đoạt trên bị cáo sử dụng vào tiêu xài cá nhân: ăn uống, sử dụng ma túy, chơi game…"* nên đã giữ nguyên quan điểm của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST tuyên bố bị cáo Lê Hải T phạm tội "Trộm cắp tài sản" tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Như vậy, đối với trường hợp này mặc dù bị cáo Lê Hải T thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị gần 50 triệu đồng và sử dụng số tiền này vào các mục đích tiêu xài cá nhân như: ăn uống, sử dụng ma túy, chơi game,…nhưng cả hai

[160] Bản án phúc thẩm số 04/2018/HSPT ngày 29/5/2018 của TAND tỉnh Quảng Trị.

Bản án sơ thẩm số 10/2018/HSST và Bản án phúc thẩm số 04/2018/HSPT đều không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo T. Trong đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST nhận định cho rằng vì bị cáo T sống phụ thuộc vào gia đình và Bản án phúc thẩm số 04/2018/HSPT bổ sung thêm lý do bị cáo chỉ sử dụng số tiền thu lợi từ việc phạm tội vào mục đích tiêu xài cá nhân nên cả hai bản án cho rằng bị cáo T không lấy các lần phạm tội làm "nguồn sống chính" nên không được áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo. Trong tình huống này, nếu áp dụng theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP thì rất khó xác định đâu là nguồn sống chính của bị cáo T. Bởi vì, bị cáo T ngoài việc sống phụ thuộc vào gia đình (gia đình là nguồn nuôi sống bản thân bị cáo) thì bị cáo T còn dùng các khoản thu được từ việc phạm tội để phục vụ cho nhu cầu cá nhân hàng ngày của mình (như ăn uống, sử dụng ma túy, chơi game, …). Như vậy, các khoản thu lợi được từ việc phạm tội cũng là một trong các nguồn thu nhập phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của bị cáo, cũng là một trong những nguồn sống đối với bị cáo. Tuy nhiên, trường hợp này, yếu tố "sống phụ thuộc vào gia đình" và yếu tố "lấy các khoản thu từ việc phạm tội để tiêu xài cá nhân", yếu tố nào là nguồn sống "chính", yếu tố nào là nguồn sống "phụ", là vấn đề rất khó xác định. Ngoài ra, tác giả cho rằng hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên không thể vì nguyên nhân không xác định được nguồn sống nào là nguồn sống chính của bị cáo mà không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không hợp lý.

Từ việc phân tích ba vụ án nêu trên, tác giả nhận thấy rằng hiện nay các tiêu chí để thực tiễn xét xử xác định dấu hiệu "nghề sinh sống" "nguồn sống chính" theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP là khác nhau: bị cáo có nghề nghiệp ổn định thì không xác định lấy các lần phạm tội là "nghề sinh sống" hoặc "nguồn sống chính" và ngược lại; hoặc không phụ thuộc vào việc bị cáo có nghề nghiệp ổn định hay không, chỉ cần bị cáo lấy các khoản thu được từ những lần phạm tội để phục vụ cho nhu cầu của mình là có thể áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo,…nên việc áp dụng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đồng nhất nhau cho nên cần có văn bản hướng dẫn trong trường hợp này.

Thứ hai, áp dụng không đúng vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Hiện nay mặc dù phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015, tuy nhiên

qua khảo sát tại mục 3.1.1 thì tác giả nhận thấy rằng thực tiễn áp dụng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chủ yếu với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt được quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 hoặc Điều 52 BLHS năm 2015 mà không được áp dụng với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt, cụ thể nêu sau:

Vụ án thứ tư:[161]

Vào khoảng năm 2011, Võ Vũ T biết được Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H Việt Nam (Công ty H Việt Nam) có thỏa thuận cung cấp dịch vụ cho vay tiền trả góp để mua hàng hóa Công ty cổ phần Đ với thủ tục đơn giản, dễ dàng chỉ cần dùng giấy Chứng minh nhân dân (CMND), Giấy phép lái xe (GPLX) thì có thể vay được tiền nên T đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách chỉnh sửa giấy CMND, GPLX của người khác để làm thủ tục ký hợp đồng vay tiền trả góp nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty H. Tại địa bàn tỉnh Hậu Giang bị can T đã thực hiện hai vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty H với tổng số tiền là 15.036.000 đồng, cụ thể là:

Vụ thứ nhất: ngày 05/02/2016, Võ Vũ T đến cửa hàng Đ mua điện thoại di động Samsung MW A5 2016 giá 8.990.000 đồng, T trả trước 2.697.000 đồng, còn lại 6.293.000 đồng T ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp với Công ty H với lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng. Khi cung cấp giấy tờ để làm hợp đồng vay tiền, T sử dụng giấy CMND và GPLX mang tên Dương Ngọc H1 mà T mua ở Campuchia, T thay thế ảnh của mình vào giấy CMND và GPLX và sửa thông tin để vay tiền. Sau khi mua được điện thoại, T mang điện thoại vừa mua được bán và thu số tiền 6.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: ngày 18/02/2017, Võ Vũ T đến cửa hàng T mua điện thoại di động Samsung Note 5 giá 12.490.000 đồng, T trả trước 3.747.000 đồng, còn lại 8.743.000 đồng T ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp với Công ty H. Cũng như thủ đoạn nêu trên, T mua được điện thoại và đem bán lại với số tiền 8.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Tại cáo trạng số 01/QĐ-KSĐT ngày 12/01/2018 của VKSND tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Võ Vũ T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139; điểm b, g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999. Tại Bản án hình sự sơ thẩm 10/2018/HS-ST ngày 03/07/2018 của TAND tỉnh Hậu Giang tuyên bố bị cáo Võ Vũ T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại khoản 1 Điều 139; điểm p khoản

[161] Bản án sơ thẩm 10/2018/HS-ST ngày 03/07/2018 của TAND tỉnh Hậu Giang.

1, khoản 2 Điều 46; điểm b, g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, trong phần nhận định của Bản án này, TAND tỉnh Hậu Giang nhận định rằng: *"Xét thấy bị cáo cố ý phạm tội trên 05 lần về cùng một tội phạm và đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính đã đủ căn cứ để xác định bị cáo* phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. *Lẽ ra bị cáo phải bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 139 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, do VKS chỉ truy tố bị cáo phạm tội tại khoản 1 Điều 139 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội nên vẫn xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 139 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nhưng áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại theo điểm b khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*". Như vậy rõ ràng trong trường hợp này mặc dù hành vi của bị cáo Võ Vũ T thỏa mãn dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tình tiết này được quy định là tại điểm b khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 nhưng TAND tỉnh Hậu Giang không áp dụng vai trò này đối với bị cáo mà áp dụng với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS chung tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo là không phù hợp và không đánh giá đúng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội.

❖ ***Tình tiết phạm tội 02 lần trở lên.***

So với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì phạm tội 02 lần trở lên được Tòa án áp dụng phổ biến hơn với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Tuy nhiên, vì khái niệm phạm tội 02 lần trở lên chưa được ghi nhận chính thức trong BLHS và chưa có văn bản hướng dẫn đầy đủ tình tiết này trong từng nhóm tội phạm cụ thể nên thực tiễn xét xử gặp một số vướng mắc, bất cập nêu sau:

Thứ nhất, áp dụng thiếu thống nhất trong việc xác định như thế nào là "01 lần" phạm tội trong tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong một số nhóm các tội phạm cụ thể.

Hiện nay mặc dù tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định là khá phổ biến và hiện nay một số tội danh đã có văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết này nhưng nội dung hướng dẫn của các văn bản này không thống nhất nhau và những văn bản này hiện nay đã hết hiệu lực thi hành hoặc một số nhóm tội phạm chưa có văn hản hướng dẫn nên thực tiễn xét xử gặp nhiều khó khăn trong việc xác định như thế nào là "01 lần phạm tội" khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội, cụ thể một số nhóm tội phạm nêu sau:

Đối với các tội phạm về ma túy.

Tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP quy định: *"Tình tiết "phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 2 các điều 193, 194, 195, 196, 197, 198, 200 và 201 của BLHS được hiểu là đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần sản xuất trái phép chất ma túy trở lên, hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên, hai lần bán trái phép chất ma túy trở lên…) mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 điều luật tương ứng, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự".*[162] Tuy nhiên thực tiễn xét xử vẫn gặp vướng mắc trong trường hợp có hành vi tàng trữ nhiều lần để bán ma túy một lần hoặc nhiều lần thì việc xác định "01 lần phạm tội" như thế nào khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội. Cụ thể vụ án nêu sau:

Vụ án thứ năm:[163]

Ngày 26/9/2017, Nguyễn Quốc C mua được 6 gói ma túy loại Heroine với giá 300.000 đồng, sau đó C mang ma túy về nhà cất giấu và sử dụng một gói. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn C đến nhà Quốc C và Quốc C bán cho Nguyễn Văn C 1 gói ma túy trọng lượng 0,02 gam với giá 100.000đ. Số ma túy còn lại Quốc C cất giấu t rong nhà mình với mục đích vừa để sử dụng vừa để bán cho con nghiện nhằm thu lợi. Đến 21 giờ 20 phút cùng ngày, Quốc C bị cơ quan điều tra bắt, thu giữ trên người số tiền đã bán ma túy cho Nguyễn Văn C và thu trong nhà Nguyễn Quốc C 4 gói ma túy loại Heroin, tổng trọng lượng là 0,253 g a m .

Tại bản cáo trạng số 89/KSĐT- HS ngày 28/11/2017 của VKSND thị xã Đông Triều truy tố Nguyễn Quốc C về tội: "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, tại bản án HSST số 07/2018/HS-ST ngày 23/1/2018, TAND thị xã Đông Triều thì không áp dụng "phạm tội nhiều lần" tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 đối với Nguyễn Quốc C mà áp dụng khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 xử phạt Nguyễn Quốc C 42 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Như vậy rõ ràng bản cáo trạng số 89/KSĐT-HS và bản án HSST số 07/2018/HS-ST đã áp dụng không thống nhất với nhau về "phạm tội nhiều lần",

---

[162] Xem tại tiểu mục 2.3 Phần I của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 giữa Bộ Công an, VKSNDTC, TANDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999.

[163] Bản án số 07/2018/HS-ST ngày 23/1/2018 của TAND thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Bình.

trong đó VKSND thị xã Đông Triều cho rằng ngoài hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Quốc C còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,253 gam heroine với mục đích để bán nên theo thông tư liên tịch số 17/2007 Nguyễn Quốc C đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm bán trái phép chất ma túy cho người khác thì hành vi này đã có đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, Nguyễn Quốc C bị coi là phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Còn TAND thị xã Đông Triều lại cho rằng, việc Nguyễn Quốc C có hành vi tàng trữ trái phép 0,253 gam heroine với mục đích để bán nhưng chưa kịp bán thì không đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy vì đây không phải là hành vi bán trái phép chất ma túy nên không dấu hiệu để truy tố C theo điểm h khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 và chỉ có ý nghĩa xem xét khi QĐHP theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 .

Theo tác giả, tại thông tư liên tịch số 17/2007 thì "tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác" là một trong các dạng của hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó trong vụ án này, Nguyễn Quốc C đã có hành vi tàng trữ 0,253 gam heroin nhằm bán trái phép cho người khác – tức là đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nên theo tác giả trường hợp phạm tội của Nguyễn Quốc C thuộc điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 là phù hợp với quy định.

Đối với các tội phạm tình dục.

Thực tiễn xét xử cho thấy trong trường hợp người phạm tội liên tiếp thực hiện hành vi giao cấu với nạn nhân từ 02 lần trở lên trong một khoảng thời gian ngắn thì thuộc trường hợp giao cấu nhiều lần hay một lần để áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội vẫn chưa có sự thống nhất.[164] Cụ thể như vụ án sau:

Vụ án thứ sáu:[165]

Ngày 30/12/2013, Huỳnh Quốc V điều khiển xe môtô chở Huỳnh Thị Kiều T đi đến tiệm điện cơ để mua 01 mô tơ bơm nước. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày trên đường về, V chở T vào nhà nghỉ Mỹ Hạnh thuê phòng để nghỉ ngơi. Tại đây, V dùng tay cởi áo và quần của T rồi V tự cởi hết quần áo của mình sau đó cả hai nằm trên giường ôm hôn nhau; rồi V đưa dương vật của mình vào trong âm hộ của

[164]https://plo.vn/thoi-su/yeu-hai-lan-trong-dem-khong-phai-la-pham-toi-nhieu-lan-494270.html, (truy cập ngày 6/3/2022).
https://vtc.vn/phap-luat/yeu-hai-lan-trong-dem-khong-phai-la-pham-toi-nhieu-lan-ar171789.html, (truy cập ngày 6/3/2022).
https://www.tinmoi.vn/yeu-hai-lan-trong-dem-khong-phai-la-pham-toi-nhieu-lan-011320140.html, , (truy cập ngày 6/3/2022).
[165] Bản án số 83/2017/HS-PT ngày 19/7/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

T để thực hiện hành vi giao cấu, sau khi giao cấu được khoảng 5-7 phút thì V xuất tinh vào âm hộ của T. Sau khi quan hệ xong, V và T ôm nhau nằm ngủ sau đó cả hai quan hệ tình dục với nhau thêm 2 lần nữa. Đến 16 giờ cùng ngày, V và T trả phòng và đi về.

Tại bản án HSST số 33/2017/HSST ngày 19/5/2017 của TAND huyện Châu Đức áp dụng khoản 1 Điều 115 BLHS 1999 tuyên phạt bị cáo V 12 tháng tù về tội giao cấu với trẻ em. Tuy nhiên, ngày 1/6/2017, VKSND huyện Châu Đức có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS ngày 01/6/2017 đối với bản án số 33/2017/HSST ngày 19/5/2017 của TAND huyện Châu Đức theo hướng phải áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần" tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999 đối với bị cáo V. Tại bản án HSPT số 83/2017/HS-PT ngày 19/7/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Châu Đức; sửa một phần bản án HSST số 33/2017/HSST ngày 19/5/2017 của TAND huyện Châu Đức theo hướng áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm1999 xử phạt bị cáo V (12 tháng tù) về tội giao cấu với trẻ em.

Như vậy đối với tình huống này các CQTHTT đang không đồng nhất quan điểm khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với các tội phạm về tình dục trong trường hợp người phạm tội có hành vi giao cấu nhiều lần liên tiếp trong cùng một khoảng thời gian. Theo thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT ngày 02/01/1998 của TANDTC, VKSNDTC và Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với tội phạm hiếp dâm, cưỡng dâm, cụ thể là tại điểm c khoản 1 Phần III Phần B của Thông tư quy định: *"Tình tiết "phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 3 Điều 112a, khoản 3 Điều 113a, khoản 2 Điều 114, khoản 2 Điều 201, khoản 2 Điều 137 được hiểu là đã có tất cả từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần hiếp dâm trở lên, hai lần cưỡng dâm trở lên...) và mỗi lần phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành quy định tại khoản 1 Điều luật tương ứng, đồng thời trong các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS."*. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn*: "Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 141, điểm đ khoản 2 Điều 142, điểm b khoản 2 Điều 143, điểm d khoản 2 Điều 144, điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b khoản 2 Điều 146 và điểm b khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự"*.[166] Như vậy, các văn bản này

[166] Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141,142,143,144,145, 146, 147 của BLHS và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

không hướng dẫn trường hợp thực hiện hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm…. liên tiếp nhau về mặt thời gian thì phạm tội 02 lần trở lên được xác định như thế nào nên thực tiễn áp dụng gặp nhiều khó khăn trong việc xác định tình tiết này trong trường hợp giao cấu nhiều lần trong các khoảng thời gian khác nhau hoặc trong cùng một khoảng thời gian. Đối với tình huống nêu trên, tác giả đồng ý với quan điểm của VKSND huyện Châu Đức và TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khi áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần" tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999 đối với bị cáo V bởi vì mặc dù bị cáo V thực hiện giao cấu nhiều lần trong cùng một khoảng thời gian nhưng về bản chất trong từng lần giao cấu của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành một lần phạm tội giao cấu với trẻ em tại Điều 115 BLHS năm1999. Ngoài ra, hiện nay mặc dù đối với các tội phạm tình dục thì BLHS năm 2015 có mở rộng hành vi quan hệ tình dục không chỉ ở dạng giao cấu trái ý muốn mà còn có hành vi quan hệ tình dục khác và tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn hành vi quan hệ tình dục khác là *"hành vi của những người cùng giới tính hay khác giới tính sử dụng bộ phận sinh dục nam, bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, miệng, hậu môn của người khác với bất kỳ mức độ xâm nhập nào"* nhưng cho đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cách xác định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong trường hợp này. Do đó, để đảm bảo áp dụng thống nhất thì cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với các dạng hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn theo quy định hiện hành.

Đối với tội chứa mại dâm.

Hiện nay khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với tội chứa mại dâm thì thực tiễn xét xử áp dụng không thống nhất khi xác định như thế nào là 01 lần chứa mại dâm trong trường hợp chứa mại dâm từ 02 đôi trở lên trong cùng một khoảng thời gian. Mặc dù theo hướng dẫn tại tiểu mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP thì phạm tội 02 lần trở lên bao gồm cả trường hợp "*chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian"* và tại mục 4.2 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn không áp dụng phạm tội 02 lần trở lên trong trường hợp *"chứa mại dâm nhiều người (một nhóm) cùng đến mua bán dâm, nhưng chỉ một người trong số họ hoặc một số người trong số họ hoặc tất cả họ cùng nhau thỏa thuận đứng ra giao dịch với người chứa mại dâm để trả tiền thuê địa điểm, phương tiện một lần và việc mua bán dâm diễn ra*

trong cùng một khoảng thời gian".[167] Tuy nhiên, khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong tội chứa mại dâm thực tiễn vẫn áp dụng không thống nhất, cụ thể là:

Vụ án thứ bảy:[168]

Vào tháng 8/2018 Nguyễn Thị H thuê lại nhà nghỉ 55555 của ông Nguyễn Đình K để kinh doanh hoạt động nhà nghỉ và tổ chức chứa mại dâm. H đã thuê nhân viên là Trần Thị M và Trần Thị Tố O để khi có khách đến có nhu cầu mua dâm thì H gọi cho hai nhân viên đến bán dâm tại nhà nghỉ, H sẽ thu của khách số tiền 500.000 đồng và sẽ trả cho M và O mỗi người 200.000 đồng tiền công một lần bán dâm. Khoảng 20 giờ ngày 25/12/2018, H đi gội đầu, nhờ Trịnh Văn P (bạn trai của H) trông coi và quản lý nhà nghỉ cho H và đến 21 giờ 00 phút thì có Vi Cao M và Phạm Hồng Hà cùng đến nhà nghỉ gặp P và bảo cho 02 vé mua dâm, P hỏi cả hai đã đến đây chơi lần nào chưa, thì M trả lời đã đến đây để chơi (tức mua dâm) một lần rồi, sau đó P bảo M và Hà ngồi đợi còn P gọi điện thoại cho H bảo có khách đến mua dâm giá 500.000đ một người một lượt. H đồng ý và bảo cho khách lên phòng trước tắm giặt để chờ nhân viên đến. Sau đó H đã yêu cầu Trần Thị M và Trần Thị Tố O đến nhà nghỉ để bán dâm cho khách. Khi thấy gái bán dâm đến, M và Hà mỗi người đưa cho P 500.000 đồng và P chỉ dẫn Vi Cao M và Trần Thị M lên phòng 201, còn Phạm Hồng Hà và Trần Thị Tố O lên phòng số 202 của nhà nghỉ để mua bán dâm. Khi các đôi nam nữ đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 241/2019/HSST ngày 29/5/2019 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P phạm tội: "Chứa mại dâm" tại điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015 và các bị cáo đã kháng cáo bản án này.

Bản án hình sự phúc thẩm số 133/2019/HS-PT ngày 24/9/2019 của TAND tỉnh Thái Nguyên nhận định rằng sau khi Vi Cao M và Phạm Hồng Hà đặt vấn đề với P cho 02 vé mua dâm thì P đã thu của M 500.000 đồng, thu của Hà 500.000 đồng và cho Vi Cao M và Trần Thị M thực hiện hành vi mua dâm ở phòng 201; Phạm Hồng Hà và Trần Thị Tố O ở phòng 202 nên theo hướng dẫn tại điểm b mục 4.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP thì Trịnh Văn P và Nguyễn Thị H đã có hành vi chứa mại dâm đối với 02 đôi nam nữ độc lập với nhau trong cùng một khoảng

[167] Mục 4.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.
[168] Bản án phúc thẩm số 133/2019/HS-PT ngày 24/9/2019 của TAND tỉnh Thái Nguyên.

thời gian nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "chứa mại dâm" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015 là đúng pháp luật.

Như vậy trong tình huống trên TAND tỉnh Thái Nguyên đã cho rằng để xác định tính "độc lập" theo hướng dẫn tại tiểu mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP thì các cặp đôi mua dâm tự trả tiền và mua dâm ở các phòng khác nhau. Theo tác giả, mặc dù Vi Cao M và Phạm Hồng Hà thực hiện hành vi mua dâm ở hai phòng khác nhau và tự trả tiền mua dâm nhưng giữa Vi Cao M và Phạm Hồng Hà có quan hệ quen biết bạn bè từ trước và cùng đến mua dâm trong cùng một khoảng thời gian nên không thể xem hành vi mua dâm của Vi Cao M và Phạm Hồng Hà là độc lập được. Do đó, tác giả cho rằng việc căn cứ vào dấu hiệu các cặp đôi mua dâm tự trả tiền mua dâm và thực hiện hành vi mua dâm ở các phòng khác nhau làm yếu tố để xác định tính "độc lập" theo hướng dẫn tại tiểu mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP là không áp dụng đúng tinh thần của Nghị quyết này.

Đối với tội trộm cắp tài sản.

Hiện nay khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với tội trộm cắp tài sản, thực tiễn xét xử áp dụng không thống nhất trong trường hợp xác định như thế nào là 01 phần phạm tội trong trường hợp người phạm tội trong một lần đột nhập đã liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhiều người thì được coi là phạm tội 02 lần trở lên hay phạm tội một lần hay nói cách khác việc phân biệt tội liên tục và phạm tội 02 lần trở lên trong tội trộm cắp tài sản được xác định như thế nào, cụ thể các tình huống nêu sau:

Ngày 11/8/2019, Nguyễn Lê H đi bộ từ nhà đến Bệnh viện Minh Đức và đi lên tầng 4 thì thấy cửa phòng 423 không khóa, bên trong mọi người đã ngủ nên lén lút mở cửa đột nhập vào trong phòng lấy trộm của bà T 01 điện thoại di động trị giá 845.000 đồng; lấy trộm của bà O 01 điện thoại di động trị giá 8.694.000 đồng có gắn ốp lưng bằng nhựa trong, bên trong để 01 tờ tiền mệnh giá 10 đôla Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đôla Đài Loan và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà O là 9.909.200 đồng. H có 3 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Tại Bản cáo trạng số 104/CT- VKSTPBT ngày 29/10/2019 của VKSND TP. Bến Tre đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Lê H. Tại bản án HSST số

106/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của TAND TP. Bến Tre áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo H (1 năm 6 tháng tù) về tội trộm cắp tài sản.[169]

Ngày 11/12/2018, La Hoài G đón xe khách để về xã K thăm người quen. Khi lên xe, G xuống nằm ở hàng ghế phía sau cùng của xe để ngồi. Đến khoảng 3 giờ ngày 12/12/2018, khi xe gần đến xã K nên G xách theo hành lý cá nhân đi ra phía cửa trước xe khách để chuẩn bị xuống xe. Khi đi ngang qua vị trí của T đang nằm ngủ G phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu SONY Xperia Z5 (trị giá 3.894.000 đồng) để trên kệ uống nước thì G lấy điện thoại của T cầm trên tay rồi tiếp tục đi ra vị trí trước xe. Khi đi ngang qua chỗ Đ đang nằm ngủ trên thành giường để 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 (trị giá 4.792.000 đồng), G lấy điện thoại cầm trên tay rồi đi đến cửa trước xe và nói nhà xe cho xuống xe nên tài xế dừng lại để G xuống xe. Sau đó, G bị bắt giữ cùng với hai chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được. Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKSTP-HS ngày 16/10/2019 của VKSND huyện Tuy Phong đã truy tố La Hoài G về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, tại bản án HSST số 120/2019/HS- ST ngày 26/11/2019 của TAND huyện Tuy Phong áp dụng khoản 1 Điều 173 và áp dụng thêm tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với bị cáo.[170]

Như vậy, hai vụ án nêu trên đã áp dụng không thống nhất tình tiết phạm tội 02 lần trở lên khi người phạm tội thực hiện hành vi trộm cắp liên tiếp nhau, trong đó vụ án thứ nhất mặc dù H đã đi vào phòng bệnh số 423 và đã liên tiếp lấy trộm điện thoại của 2 người trên 2 giường bệnh khác nhau (lấy bà T 1 điện thoại trị giá 845.000 đồng và lấy của bà O một điện thoại và một số tờ tiền nước ngoài, tổng trị giá là 9.909.200 đồng) nhưng bản cáo trạng số 104/CT-VKSTPBT và bản án HSST số 106/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 đều không áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo. Điều này có nghĩa rằng, theo quan điểm của VKSND và TAND TP. Bến tre thì trường hợp của H mặc dù khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà T và bà O trên hai giường bệnh khác nhau và thực hiện liên tiếp nhau về mặt thời gian nên chỉ là phạm tội một lần. Tuy nhiên, trong vụ án thứ hai thì mặc dù G đi từ hàng ghế phía sau cùng của xe khách ra phía trước xe và lần lượt lấy trộm chiếc điện thoại của T (trị giá 3.894.000 đồng) và lấy chiếc điện thoại của Đ (trị giá 4.792.000 đồng) nhưng tại bản cáo trạng số 106/CT-VKSTP và bản án HSST số 120/2019/HS-ST đều áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1

[169] Bản án số 106/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của TAND TP. Bến Tre.
[170] Bản án số 120/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của TAND huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Điều 52 BLHS năm 2015 đối với G. Theo quan điểm của tác giả cho rằng, trường hợp thực hiện hành vi phạm tội của H và G trong hai tình huống nêu trên là tương tự như nhau. Trong vụ án của H, H đã bước vào phòng bệnh số 423 của một bệnh viện và cũng rất nhanh chóng, H đi ngang qua hai giường bệnh trong phòng và chiếm đoạt tài sản của bà T và bà O. Mặc dù H chiếm đoạt tài sản của bà T chỉ có trị giá 845.000 đồng nhưng do H đang có án tích về tội trộm cắp tài sản nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, hành vi của H vẫn đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tương tự, trong vụ án của G, G đi từ dãy giường nằm cuối cùng của xe khách đến phía đầu cửa xe để chuẩn bị xuống xe, G cũng đã bước qua hai giường nằm khác nhau và cũng rất nhanh chóng, G đã chiếm đoạt tài sản của hai người khác nhau là chiếm đoạt tài sản của T và Đ. Tác giả cho rằng, khi H và G bước đến mỗi giường để chiếm đoạt tài sản thì mỗi lần đã đủ yếu tố CTTP và khi H và G đã lấy được tài sản trên mỗi giường thì tội phạm đã kết thúc nên đây được tính là một lần thực hiện tội phạm. Khi H và G bước tiếp đến giường của bị hại tiếp theo để chiếm đoạt tài sản thì đây là một lần phạm tội mới. Lần phạm tội sau độc lập với lần phạm tội trước. Mỗi lần phạm tội của H và G đều có đối tượng tác động khác nhau, tại các thời điểm khác nhau mặc dù các thời điểm này cách nhau một khoảng thời gian rất ngắn. Do đó, nên Tòa án cần áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với H gống như trường hợp của G thì mới phù hợp.

Thứ hai, áp dụng thiếu thống nhất tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong trường hợp các hành vi phạm tội dưới mức định lượng quy định để xử lý hình sự.

Hiện nay thực tiễn xét xử gặp vướng mắc trong trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhưng những hành vi phạm tội này đều không đủ định lượng để xử lý hình sự thì khi cộng định lượng tất cả các lần phạm tội để xử lý hình sự thì có áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội hay không? Hoặc trong trường hợp tất cả các lần phạm tội đều đủ định lượng để xử lý hình sự thì khi cộng định lượng để áp dụng định khung hình phạt thì có áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội hay không?

Vụ án thứ tám:[171]

Nguyễn Thanh Tùng là đối tượng không có việc làm ổn định, nghiện chất ma túy, để có tiền chi tiêu cá nhân đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là loại dây cáp viễn thông, cụ thể là từ tháng 8/2020 đến tháng 11/2020, Nguyễn Thanh Tùng đã nhiều lần dùng dao trộm cắp tổng cộng 30,6m dây cáp viễn thông loại VIET-HAN

[171] Bản án số 57/2021/HSST ngày 10/6/2021 của TAND Thành phố Hòa Bình – tỉnh Hòa Bình.

CABLE SCC 200x2x0,5 và 19,1m dây cáp viễn thông loại VIET-HAN CABLE SCC 100x2x0,5 của Trung tâm viễn thông thành phố Hòa Bình, tổng giá trị tài sản bị trộm cắp 6.022.500 đồng. Trong đó lần thứ nhất trộm được 09 mét dây cáp viễn thông trị giá là 1.350.000 đồng; lần thứ hai trộm được 10,4 mét dây cáp viễn thông trị giá 1.560.000 đồng; lần thứ 03 trộm được 19,1m dây cáp viễn thông trị giá 1.432.500 đồng; lần thứ 04 trộm được 5,5m dây cáp viễn thông trị giá 825.000 đồng và lần thứ 05 Tùng trộm được 5,7m dây cáp viễn thông trị giá 855.000 đồng.

Tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 10/6/2021 của TAND Thành phố Hòa Bình – tỉnh Hòa Bình nhận định rằng: *"xét về nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án về tội Cướp giật tài sản và trong vụ án này những lần trộm cắp tài sản của bị can có giá trị dưới 2.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cần áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015"*. Như vậy, trong tình huống này mặc dù bị cáo có 05 lần phạm tội nhưng mỗi lần phạm tội không đủ yếu cấu CTTP tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 nhưng Bản án số 57/2021/HSST vẫn áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo. Tác giả cho rằng là chưa hợp lý.

Tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV của BLHS năm 1999 và Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/04/2019 của TANDTC thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính đã hướng dẫn rằng: "*trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu, nhưng mỗi lần trị giá tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu để truy cứu TNHS theo quy định của BLHS và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời trong các hành vi xâm phạm đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng trị giá tài sản của các lần bị xâm phạm bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS theo quy định của BLHS, thì người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu phải bị truy cứu TNHS về tội phạm tương ứng theo tổng trị giá tài sản của các lần bị xâm phạm, nếu các hành vi xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian*". Do đó trong trường hợp này mặc dù bị cáo Tùng có 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp và mỗi lần phạm tội chưa đủ định lượng để xử lý hình sự nhưng các lần phạm tội này được thực hiện một cách liên tục kế tiếp nhau về mặt thời gian nên TAND được cộng định lượng tất cả các lần phạm tội để truy cứu TNHS đối với bị cáo Tùng. Tuy nhiên, bản chất từng lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Tùng chưa đủ

yếu tố cấu thành "01 lần" phạm tội nên TAND không được áp thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo.

Thứ ba, hành vi của người phạm tội thỏa mãn đồng thời dấu hiệu phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì có áp dụng đồng thời cả hai tình tiết này đối với người phạm tội khi QĐHP hay không?

Hiện nay, thực tiễn xét xử gặp trường hợp người phạm tội thực hiện từ 05 lần phạm tội trở lên nhưng thỏa mãn đồng thời các dấu hiệu của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên thì áp dụng đồng thời cả hai tình tiết này đối với người phạm tội. Tuy nhiên, tác giả cho rằng trong trường hợp này nếu áp dụng đồng thời cả hai tình tiết đối với người phạm tội thì sẽ quá nghiêm khắc và gây bất lợi cho người phạm tội, cụ thể như sau:

Vụ án thứ chín:[172]

Nguyễn Hoàng Bình M và Nguyễn Văn N là đối tượng không nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài, M cùng N rủ nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản cụ thể là: ngày 03/03/2017 M và N trộm cắp chiếc xe máy hiệu Future FI và bán được 4.000.000 đồng; ngày 12/4/2017 M và N trộm chiếc xe máy hiệu Wave RSX và bán với giá 4.000.000 đồng; ngày 13/6/2017 M và N trộm chiếc xe máy hiệu Wave RSX và bán với giá 4.000.000 đồng;….Cùng thực hiện hành vi tương tự, từ tháng 03/2017 đến tháng 9/2017, M và N đã cùng nhau thực hiện 29 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tân Thành với tổng trị giá là 490.335.000 đồng.

Tại Bản án số 86/2018/HSST ngày 07/6/2018 của TAND huyện Tân Thành áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 và điểm b, g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Bình M (11 năm tù) và bị cáo Nguyễn Văn N (10 năm tù).

Như vậy theo tình huống này, mặc dù bị cáo Nguyễn Hoàng Bình M và Nguyễn Văn N thực hiện 29 lần phạm tội, vừa thỏa mãn dấu hiệu của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và và tình tiết phạm tội 02 lần trở lên nên Tòa án áp dụng đồng thời cả hai tình tiết này đối với các bị cáo. Tuy nhiên, tác giả cho rằng trong trường hợp này tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã bao trùm luôn các dấu hiệu của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên nên theo tác giả chỉ cần áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đã thể hiện đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, tác giả cho rằng, bản án số 86/2018/HSST áp dụng đồng thời cả hai tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo M và N là không đúng nguyên tắc

[172] Bản án số 86/2018/HSST ngày 07/6/2018 của TAND huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và gây bất lợi cho người phạm tội khi QĐHP. Như tác giả phân tích thì bản chất của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp đặc biệt của phạm tội 2 lần trở lên cho nên để tránh việc áp dụng trùng lắp thì việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên loại trừ việc áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Hay nói cách khác, tác giả cho rằng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên không cùng đồng thời áp dụng trong cùng một vụ án hình sự đối với người phạm tội.

❖ ***Những hạn chế trong các trường hợp tái phạm tội.***

Hiện nay mặc dù dấu hiệu "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" là dấu hiệu thuộc yếu tố nhân thân của người phạm tội nhưng được quy định là dấu hiệu định tội trong một số tội phạm cụ thể cũng như dấu hiệu này là một trong các điều kiện để áp dụng tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội. Vì đây là dấu hiệu thuộc nhân thân người phạm tội nhưng các văn bản áp dụng dấu hiệu này khi QĐHP đối với người phạm tội còn rất hạn chế nên thực tiễn trong nhiều trường hợp áp dụng không thống nhất dấu hiệu này, cụ thể như sau:

Thứ nhất, thực tiễn áp dụng không thống nhất khi sử dụng dấu hiệu người phạm tội "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt.

Vụ án thứ mười:[173]

Lúc 10 giờ 30 ngày 17/11/2020, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thành N, Đinh Viết Th, Lưu Minh T rủ nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi cờ cá ngựa. K lấy 01 bộ cờ các ngựa, 02 hột xúc xắc và 01 cái chén để đổ xúc xắc làm công công cụ đánh bạc. Cả nhóm thỏa thuận cách thức chơi đánh bạc như sau: Mỗi người lần lượt dùng 02 con xí ngầu đổ vào chén, được bao nhiêu điểm sẽ đi bấy nhiêu ô trên bàn cờ. Khi đá được 01 con ngựa thì thắng số tiền 10.000 đồng, nếu đá được cặp nhất hoặc cặp lục thì thắng số tiền 20.000 đồng, nếu 01 con ngựa lên chuồng thì sẽ thắng số tiền 40.000 đồng, nếu cả 04 con ngựa lên chuồng thì sẽ thắng cuộc và được số tiền 160.000 đồng. Đến 10 giờ 25 phút cùng ngày, khi K, T, Th, N đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị công an xã Phú Xuân phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang với tổng số tiền 860.000 đồng. Ngày

[173] Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2021/HS-ST ngày 15-6-2021 của TAND Huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

05/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với K.

Ngày 26/01/2021, K đi đến nhà bà Đinh Thị Ngọc S tại Khu x, Thị trấn TP thì gặp Trần Hải C, Hồ H, Trần Công K. Tại đây cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh tiến lên được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang, số tiền thu giữ là 1.970.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố bổ sung hành vi đánh bạc của K.

Về nhân thân: Nguyễn Văn K có 01 tiền án vào ngày 22/7/2020, bị TAND huyện Tân Phú xử phạt 25.000.000 đồng về tội Đánh bạc tại bản án số 64/2020/HSST ngày 22/7/2020.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSTP-ĐN ngày 15/4/2021 của VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 và áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2021/HS-ST ngày 15-6-2021 của TAND Huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đồng ý với quan điểm của VKSND huyện Tân Phú khi định tội danh đối với bị cáo K tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 về tội "Đánh bạc". Tuy nhiên, TAND Huyện Tân Phú cho rằng không được áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 đối với K vì nhận định rằng: *"Dấu hiệu có án tích của bị cáo đã được áp dụng để định tội cho lần đánh bạc ngày 17/11/2020, nên không áp dụng để định tội cho lần đánh bạc ngày 26/01/2021. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội từ 02 lần trở lên như VKS đề nghị đối với bị cáo"*. Trong tình huống này, TAND và VKS Huyện Tân Phú không đồng nhất với nhau trong việc sử dụng dấu hiệu "đã bị kết án" của người phạm tội là căn cứ để định tội danh. Tác giả đồng tình với quan điểm của TAND Huyện Tân Phú khi cho rằng dấu hiệu nhân thân đã bị kết án của người phạm tội đã được dùng để xác định tội phạm đánh bạc của K vào ngày 17/11/2020 nên không được tiếp tục sử dụng dấu hiệu này để làm dấu hiệu định tội đối với hành vi đánh bạc vào ngày 26/1/2021. Việc áp dụng này sẽ tránh được việc áp dụng chồng lấn các dấu hiệu nhân thân của người phạm tội trong việc định tội danh khi QĐHP đối với người phạm tội.

Thứ hai, thực tiễn áp dụng chồng lấn tiền án khi người phạm tội "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" trong việc xác định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Vụ án thứ mười một:[174]

Ngày 20/12/2016, sau khi đi hát karaoke Võ Văn C đi bộ về nhà mình ở đường L, phường P, thành phố Huế. Khi đi ngang qua nhà số 8A/332 đường B, phường P, thành phố Huế thì C phát hiện có một xe máy điện để ở hiên nhà, không có ai trông giữ nên đã lợi dụng sơ hở và chiếm đoạt xe máy điện hiệu M133i Model 2014 Techonologi Tai Wan và bán được giá 1.600.000 đồng để sử dụng tiêu xài cá nhân. Tại bản kết luận giám định số 43 ngày 24/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản: Xe máy điện hiệu M133i Model 2014 Techonologi Tai Wancó giá trị 7.000.000 đồng.

Về nhân thân: ngày 28/7/2011, Võ Văn C bị công an thành phố H xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 30/12/2011 bị Công an thành phố H xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; bị cáo có 04 tiền án: ngày 06/12/2011 bị TAND huyện P xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; ngày 05/4/2012 bị TAND thành phố H xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 14/01/2014 bị TAND tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp tái phạm; ngày 18/3/2015 bị TAND thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tại Bản án số 95/2017/HSST ngày 21/4/2017 của TAND TP Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế nhận định rằng hành vi của Võ Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản" có giá trị 7.000.000 đồng, nhưng thuộc trường hợp đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đồng thời, bị cáo đã 05 lần cố ý phạm tội "Trộm cắp tài sản", trong đó 04 lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích, bên cạnh đó, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống cho bản thân, vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 xử phạt Võ Văn C (2 năm 06 tháng tù).

Như vậy trong tình huống trên mặc dù bị cáo Võ Văn C có 05 lần phạm tội "Trộm cắp tài sản", trong đó đó 04 lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích và 01 lần thực hiện hành vi phạm tội mới chưa được kết án nhưng Bản án số 95/2017/HSST sử dụng 04 lần phạm tội đã bị kết án trước đó để áp dụng đồng thời cả hai tình tiết tái phạm nguy hiểm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với

[174] Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/HSST ngày 21/4/2017 của TAND TP Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.

bị cáo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 khi cho rằng những tình tiết là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 cũng không cấm trường hợp một tình tiết vừa áp dụng là dấu hiệu định tội vừa áp dụng là dấu hiệu định khung hình phạt nên cách áp dụng này của Bản án là phù hợp. Tuy nhiên nhìn dưới góc độ lý luận của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, tác giả cho rằng là chưa hợp lý. Bởi vì trong tình huống này hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của hai tình tiết: tái phạm nguy hiểm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhưng tác giả cho rằng không thể sử dụng dấu hiệu thuộc về nhân thân của bị cáo để áp dụng hai lần cho việc QĐHP đối với bị cáo vì sẽ gây bất lợi cho bị cáo. Ngoài ra, trường hợp này phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp đặc biệt của tình tiết tái phạm nguy hiểm nên để tránh việc áp dụng chồng lấn và đảm bảo nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì chỉ cần áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo. Đây cũng là vướng mắc, bất cập phổ biến mà cần hoàn thiện quy định của BLHS năm 2015 để thực tiễn áp dụng thống nhất.

Hiện nay, theo hướng dẫn tại điểm b, mục 7.3 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP thì: *"Trường hợp các tiền án của bị cáo không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm "đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm" vì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì các tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm…"*. Tuy nhiên, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP đã hết hiệu lực thi hành và cho đến nay từ khi BLHS năm 2015 đã có hiệu lực thi hành thì vẫn chưa có nghị quyết nào thay thế. Ngoài ra, tại Điều 3 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn: *""Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" quy định tại khoản 1 các điều 353, 354 và 355 của BLHS là trước đó người phạm tội đã bị kết án trong 01 lần về một hoặc nhiều tội quy định tại Mục 1 Chương XXIII của BLHS, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện một trong những hành vi được liệt kê tại khoản 1 của một trong các điều 353, 354 và 355 của BLHS. Trường hợp ngoài tiền án nêu trên, người phạm tội còn có tiền án khác thì tiền án này được sử dụng để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm, trừ trường hợp các tiền án đều đã được sử dụng để xác định dấu hiệu định tội trong các lần kết án trước đó."*[175].

[175] Xem Điều 3 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2022 Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của BLHS năm trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

Như vậy, có thể thấy việc xác định tiền án là dấu hiệu định tội hay định khung hình phạt trong trường hợp này có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng đến việc QĐHP đối với bị cáo. Thiết nghĩ BLHS năm 2015 đã hiệu lực trong thời gian dài nhưng vẫn chưa có các văn bản hướng dẫn thi hành, vì vậy các CQTHTT cần sớm có hướng dẫn cụ thể để tránh những quan điểm trái chiều trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự; bảo đảm cho các vụ án được giải quyết một cách khách quan, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

3.1.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Các hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có thể xuất phát từ các nguyên nhân nêu sau:

Thứ nhất, xuất phát từ những bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Hiện nay các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm mặc dù được quy định với ba vai trò khác nhau (tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt, dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung hình phạt) trong BLHS năm 2015. Tuy nhiên các vấn đề pháp lý liên quan đến đến các tình tiết này còn nhiều hạn chế, chẳng hạn như:

- Khái niệm và đặc điểm của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chưa được quy định hoặc nội dung quy định chưa rõ ràng, dẫn đến thực tiễn áp dụng thiếu thống nhất các tình tiết này. Như tác giả phân tích, trong số các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì chỉ có tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm được ghi nhận cụ thể khái niệm trong BLHS năm 2015, những tình tiết còn lại cho đến nay vẫn chưa đưa ra khái niệm chính thức trong BLHS mà được áp dụng dựa trên nội dung của các văn bản hướng dẫn, thậm chí một số văn bản hướng dẫn đã hết hiệu lực thi hành nhưng cho đến nay vẫn chưa có văn bản thay thế.

- BLHS năm 2015 chưa quy định các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nên thực tiễn áp dụng gặp nhiều trường hợp hành vi của người phạm tội thỏa mãn đồng thời nhiều tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì trong trường hợp này áp dụng đồng thời các tình tiết này hay chỉ áp dụng tình tiết nào thể hiện đầy đủ các dấu hiệu hành vi phạm tội. Hoặc do BLHS năm 2015 chưa quy định các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nên thực tiễn áp dụng cho thấy trong

nhiều trường hợp một dấu hiệu nhưng được sử dụng hai lần trong một vụ án hình sự để QĐHP nên dẫn đến hệ quả bất lợi đối với người phạm tội là không phù hợp.

- BLHS năm 2015 quy định rất đa dạng vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nhưng quy định này chưa đồng đều và cân đối trong các tội phạm cụ thể nên thực tiễn trong nhiều trường hợp áp dụng không đúng vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Qua đó, không đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà người phạm tội thực hiện.

Thứ hai, hạn chế trong hoạt động bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật, tổng kết thực tiễn, hướng dẫn áp dụng và ban hành án lệ về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" đã nhận định rõ: *"TANDTC có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm"*. Do đó, trên tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW thì công tác tổng kết thực tiễn, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, ban hành án lệ đã có bước chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều hạn chế như sau:

- Chưa ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đối với từng nhóm tội phạm cụ thể, đặc biệt đối với loại tội phạm có nhiều cách thức thực hiện đa dạng và đặc thù, ….

- Chưa tiến hành tổ chức tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm một cách định kỳ, từ đó rút ra những vướng mắc, bất cập và đưa ra các phương án hoàn thiện, khắc phục kịp thời các vướng mắc, bất cập và ban hành các án lệ điển hình làm cơ sở để áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm một cách thống nhất và hiệu quả.

Thứ ba, nguyên nhân do trình độ, năng lực, bản lĩnh nghề nghiệp còn hạn chế của CQTHTT.

Trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước ta tiến hành thực hiện cải cách tư pháp, do vậy việc xây dựng củng cố đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước nói chung và nâng cao chất lượng cho đội ngũ Thẩm phán các TAND nói riêng là một trong những nhiệm vụ tiên quyết. Với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, đặc biệt là Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó yêu cầu đối với công tác cán bộ là: "*Rà soát đội ngũ cán bộ tư pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ tư*

pháp trong sạch, vững mạnh", "Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ" và "Đào tạo đủ số lượng cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực"..., Mặc dù, các TAND đã rất chú trọng việc kiện toàn và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh của đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán nhưng hiện nay trình độ, năng lực của một số cán bộ còn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao cho nên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của Đảng và Nhà nước ta đặt ra. Đặc biệt sự hiểu biết về xã hội, kỹ năng thực thi công vụ không phải thẩm phán nào cũng có, khả năng vận dụng khoa học công nghệ hiện đại trong hoạt động công vụ vẫn còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, một số cán bộ thẩm phán, hội thẩm bản lĩnh chính trị chưa thực sự vững vàng dễ bị lôi kéo, cộng với mức lương dành cho đội ngũ này hiện nay quá thấp nên vì cái lợi trước mắt nhiều trường hợp cố tình làm trái với quy định của pháp luật.

Đối với Hội thẩm nhân dân thì hiện nay nhiều Hội thẩm chỉ đến nghiên cứu kết luận điều tra, bản cáo trạng mà không nghiên cứu hồ sơ vụ án; vì là những người hoạt động kiêm nhiệm nên không phải ai cũng có đủ điều kiện, năng lực để nghiên cứu hồ sơ vụ án, tìm hiểu quy định của pháp luật một cách thấu đáo; do vậy, Hội thẩm dễ rơi vào tình trạng lệ thuộc, thiếu độc lập, khiến cho công chúng nhìn nhận về sự tham gia của Hội thẩm còn mang tính hình thức. Ngoài ra, hiện nay vẫn còn những trường hợp Thẩm phán, Hội thẩm lệ thuộc nhiều vào Kết luận điều tra, bản Cáo trạng, chưa thực sự coi trọng kết quả tranh tụng, những ý kiến trình bày tại phiên tòa, làm cho phán quyết của Tòa án thiếu khách quan. Bên cạnh đó, công tác tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội; hoạt động điều tra, truy tố cũng còn những hạn chế ảnh hưởng đến việc áp dụng pháp luật của Toà án…

Thứ tư, các nguyên nhân khác.

Theo quy định tại Điều 23 BLTTHS năm 2015 thì *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm".* Đây là một nguyên tắc quan

trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Trên thực tế, nguyên tắc này đã được các chủ thể của hoạt động xét xử thực thi khá hiệu quả, đảm bảo hoạt động xét xử của Tòa án được khách quan, đúng pháp luật, hạn chế đến mức tối đa oan sai, thiếu chính xác. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có những biểu hiện của việc làm trái nguyên tắc, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của Tòa án, xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân, gây dư luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân, chẳng hạn như trên thực tế hiện nay Thẩm phán, Hội thẩm áp dụng pháp luật không độc lập, vẫn còn tình trạng "báo án", "tham khảo ý kiến" của thẩm phán với lãnh đạo Toà án, với Tòa án cấp trên, với cấp uỷ... làm cho cơ cấu tổ chức của hệ thống xét xử không còn ý nghĩa; quy trình bổ nhiệm Thẩm phán và quản lý Toà án hiện nay cũng là vấn đề ảnh hưởng đến độc lập xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm, bởi họ chịu sự tác động của mối quan hệ hành chính với chính quyền địa phương, giữa Tòa cấp trên và Tòa cấp dưới...

3.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Mặc dù BLHS đã trải qua nhiều phần sửa đổi, bổ sung nhưng vấn đề nhiều tội phạm và các hình thức của nó vẫn chưa được ghi nhận chính thức trong các BLHS. Điều này dẫn đến việc áp dụng các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm gặp nhiều hạn chế và chưa có sự nhận thức thống nhất khi áp dụng các tình tiết này. Do đó, để có căn cứ rõ ràng trong việc áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì tác giả cho rằng một trong các bước đầu tiên là đưa ra định nghĩa về nhiều tội phạm, hình thức của nhiều tội phạm và các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Dựa vào những nội dung lý luận về nhiều tội phạm và các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm mà tác giả phân tích ở chương 1, tác giả kiến nghị bổ sung điều luật quy định về nhiều tội phạm vào trong BLHS năm 2015, cụ thể như sau:

- Về vị trí quy định: để đảm bảo tính phù hợp về mặt kỹ thuật lập pháp khi quy định chế định tội phạm và khái niệm nhiều tội phạm, tác giả kiến nghị bổ sung khái niệm nhiều tội phạm và đặt ngay sau khái niệm về tội phạm trong Phần chung của BLHS năm 2015.

- Về nội dung:

"Điều 8a:

Nhiều tội phạm là trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn dấu hiệu từ hai cấu thành tội phạm độc lập trở lên và những tội phạm này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS hoặc trong trường hợp đã bị kết án thì chưa được xóa án tích. Nhiều tội phạm bao gồm các hình thức: phạm nhiều tội, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và các trường hợp tái phạm tội".

Ngoài ra, các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm không chỉ được áp dụng với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt mà còn là dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung hình phạt nên để đảm bảo thực tiễn áp dụng thống nhất các tình tiết này, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 về các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung, cụ thể như sau:

- *Nguyên tắc 1: một tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ được áp dụng một lần trong một vụ án hình sự;*

- *Nguyên tắc 2: các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt thì chỉ làm tăng mức hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt.*

- *Nguyên tắc 3: các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội đó.*

Sau khi hoàn thiện khái niệm nhiều tội phạm và nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm vào trong BLHS năm 2015 thì nhằm đảm bảo áp dụng hiệu quả các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong thực tiễn xét xử, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đối với từng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, cụ thể như sau:

3.2.1.1. Phạm nhiều tội

Thứ nhất, kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn phạm nhiều tội được quy định trong BLHS năm 2015.

Phạm nhiều tội là một chế định quan trọng trong pháp luật hình sự Việt Nam nhưng cho đến nay khái niệm về phạm nhiều tội vẫn chưa được ghi nhận chính thức trong các BLHS. Ngoài ra, khi tham khảo BLHS Nhật Bản không chỉ quy định cụ

thể khái niệm "phạm nhiều tội" tại Điều 45[176] mà còn quy định quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội thông qua nguyên tắc thu hút hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội tại Điều 46[177] và việc tăng nặng hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội tại Điều 47.[178] Trong khi đó BLHS Việt Nam, hiện nay vẫn chưa có quy định về định nghĩa phạm nhiều tội, ở BLHS Việt Nam chỉ mới quy định một số vấn đề liên quan đến tình tiết phạm nhiều tội như QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội tại Điều 55 và tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với người dưới 18 tuổi tại Điều 103 BLHS năm 2015. Hoặc tham khảo quy định tại BLHS Liên Bang Nga quy định rõ khái niệm phạm nhiều tội trong BLHS, cụ thể tại Điều 17 quy định: "*Phạm nhiều tội là trường hợp thực hiện từ hai tội phạm trở lên mà do thực hiện bất cứ tội phạm nào người phạm tội không bị kết án, ngoại trừ trường hợp, khi việc thực hiện từ hai tội phạm trở lên được các điều luật của Phần riêng của Bộ luật này quy định với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự"*.[179] So với BLHS Việt Nam thì chỉ quy định QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội mà không quy định khái niệm phạm nhiều tội vào trong BLHS nên thực tiễn áp dụng tình tiết này cũng gặp nhiều khó khăn. Do đó, để đảm bảo áp dụng thống nhất trong trường hợp phạm nhiều tội, tác giả kiến nghị cần ban hành văn bản hướng dẫn khái niệm phạm nhiều tội được quy định trong BLHS năm 2015, cụ thể là: "*Phạm nhiều tội là trường hợp người có hành vi phạm tội thỏa mãn từ hai tội phạm trở lên được quy định trong BLHS và được đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó"*.

Thứ hai, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 103 BLHS năm 2015 về QĐHP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp phạm nhiều tội.

---

[176] Điều 45. Phạm nhiều tội

Phạm nhiều tội là trường hợp một người thực hiện 2 hoặc nhiều tội phạm mà đối với các tội đó chưa có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án khi bản án phạt tù không có lao động bắt buộc hoặc hình phạt nặng hơn của Tòa án được tuyên đối với một tội phạm đã có hiệu lực pháp luật thì chỉ có tội phạm đó và những tội phạm khác được thực hiện trước khi bản án nói trên có hiệu lực pháp luật mới tạo thành trường hợp phạm nhiều tội.

[177] Điều 46. Phạm nhiều tội và việc thu hút hình phạt

1. Khi hình phạt tử hình được tuyên đối với một số các tội phạm đã phạm thì không một hình phạt nào khác có thể được áp dụng trừ tịch thu tài sản.

2. Khi hình phạt tù chung thân có (hoặc không có) lao động bắt buộc được tuyên đối với một trong số các tội đã phạm thì không một hình phạt nào khác có thể được áp dụng trừ phạt tiền, phạt tiền về tội hình sự nhỏ và tịch thu tài sản.

[178] Điều 47. Phạm nhiều tội và việc tăng nặng hình phạt

Trong trường hợp phạm nhiều tội, khi có 2 hoặc nhiều tội bị phạt tù có thời hạn có (hoặc không có) lao động bắt buộc thì mức tối đa của hình phạt chung là mức tối đa của hình phạt được quy định đối với tội nặng nhất trong số các tội phạm, tăng thêm 1/2, nhưng không được vượt tổng số mức tối đa của các hình phạt được quy đinh đối với các tội đã phạm.

[179] Trường ĐH Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

- Về tên gọi: để đảm bảo tính thống khi sử dụng tên gọi tại Điều 55 và Điều 103 về QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội, tác giả kiến nghị sửa đổi tên gọi của Điều 103 từ *"Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội"* thành *"QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội"*.

- Khi đã đưa ra định nghĩa về phạm nhiều tội trong định nghĩa đa tội phạm thì tác giả đề xuất bỏ cụm từ "*khi xét xử cùng một lần*" tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015.

- Vì tại khoản 1 Điều 36 BLHS năm 2015 có quy định mức hình phạt tối đa cải tạo không giam giữ là 03 năm nên cụm từ "*Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm*" tại khoản 1 Điều 103 BLHS là không cần thiết, nên tác giả đề xuất bỏ cụm từ này.

- Quy định rõ nhóm tuổi người phạm tội tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015.

- Xác định cụ thể mức hình phạt chung áp dụng tương ứng với từng nhóm tuổi đối với người phạm tội tại điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015

Từ nội dung trên, tác giả đề xuất sửa đổi Điều 103 BLHS năm 2015 như sau:

"Điều 103. Quyết định hình phạt ~~Tổng hợp hình phạt~~ trong trường hợp phạm nhiều tội[180]

1. ~~Khi xét xử cùng một lần~~ Người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.

~~Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm~~. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi 'khi phạm tội.

2. Đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

[180] Xem thêm Nguyễn Thị Phương Hoa (2019), *Chính sách hình sự của Việt Nam đối với người chưa thành niên phạm tội nhìn từ các chuẩn mực quốc tế và một số kiến nghị*, Hội thảo quốc tế "Tư pháp với người chưa thành niên – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam", tr.140.

a) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi đến trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều này.

b) *Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội*".

3.2.1.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

Thứ nhất, kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn khái niệm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong BLHS năm 2015.

Hiện nay, mặc dù tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 và là trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 nhưng khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vẫn chưa được quy định chính thức trong BLHS năm 2015 mà chỉ được hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP. Theo Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP để xác định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì cần xác định hai nội dung: (1) cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích, (2) người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn

sống chính. Như vậy để xác định "tính chất chuyên nghiệp" trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì phải dựa vào 2 yếu tố: một là dựa vào số lần phạm tội, loại tội phạm thực thiện, hai là tính chất phạm tội trong các lần phạm tội. Tuy nhiên, những quy định này chưa được nhận thức và áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử, cụ thể là:

Về số lần phạm tội, loại tội phạm thực hiện.

Tại mục 5.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP quy định thì người phạm tội phải cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm, không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích. Tuy nhiên nếu hướng dẫn như thế này thì cụm từ "*từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm*" sẽ được hiểu là năm lần trở lên của cùng một tội phạm được quy định trong một điều luật, ví dụ như năm lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, năm lần thực hiện hành vi cướp tài sản. Như vậy, trường hợp người phạm tội thực hiện năm lần trở lên đối với các tội phạm khác nhau nhưng xâm hại đến khách thể có cùng tính chất thì không được xem là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Ví dụ như, A thực hiện ba lần hành vi trộm cắp tài sản tại Điều 173 BLHS năm 2015, hai lần tội cướp giật tài sản Điều 171 BLHS năm 2015 và các tội phạm này chưa bị truy cứu TNHS, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Tuy nhiên, trường hợp này nếu căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP thì vì A thực hiện năm lần với các tội phạm khác nhau nên không được xem là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tác giả cho rằng nếu quy định tất cả các lần phạm tội trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đều cùng một tội phạm là chưa hợp lý. Bởi vì, để xác định *"tính chất chuyên nghiệp"* thông qua loại tội phạm thực hiện thì chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi lặp đi lặp lại nhiều lần đối với các tội phạm có cùng tính chất thì đã thể hiện tính chuyên nghiệp trong cách thức thực hiện tội phạm của người phạm tội. Ví dụ như, người phạm tội thực hiện các hành vi phạm tội phạm khác nhau như: trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cướp tài sản nhưng những hành vi này đều mang tính chất chiếm đoạt tài sản thì cũng được xem là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi xâm hại đến cùng một khách thể loại thì đã thể hiện tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội. Ngoài ra, số lượng bao nhiêu lần thì được coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, cũng là vấn đề cần hoàn thiện. Vấn đề này hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau: có quan điểm cho rằng phạm tội từ 02 lần trở lên thì được xem là lặp đi lặp lại nhiều lần, hoặc có quan điểm cho rằng phải từ 05 lần phạm tội trở lên thì mới được xem là lặp đi lặp lại nhiều lần. Tác giả cho rằng phạm tội 02 lần trở lên không thể xem là phạm tội có tính chất

chuyên nghiệp được, bởi vì quy định này sẽ dẫn đến trùng lặp với tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" và với hai lần phạm tội thì không thể đánh giá hành vi của người phạm tội là chuyên nghiệp hay không. Do đó theo tác giả, tội phạm được lặp đi lặp lại nhiều lần được hiểu là hành vi phạm tội đã được thực hiện nhiều lần, liên tục, lặp đi lặp lại trong một khoản thời gian nhất định, cụ thể hành vi phạm tội đó phải ít nhất 05 lần phạm tội trở lên, không phụ thuộc các hành vi phạm tội này đã bị xét xử hay hết thời hiệu truy cứu TNHS cùng gây thiệt hại cho một khách thể trực tiếp hoặc các khách thể có cùng tính chất được luật hình sự bảo vệ.

Về dấu hiệu tính chất của những lần thực hiện hành vi phạm tội.

Theo quy định của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP để xác định "tính chất chuyên nghiệp" thì ngoài dấu hiệu về số lần phạm tội thì còn phải xác định dấu hiệu người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử việc xác định người phạm tội lấy các lần phạm tội làm "nghề sinh sống" và kết quả phạm tội làm "nguồn sống chính" là rất khó chứng minh. Bởi vì, thực tế có nhiều trường hợp người phạm tội không có nghề nghiệp ổn định mặc dù thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội cùng loại nhưng lại không lấy kết quả phạm tội làm nguồn sống chính như người phạm tội được cha mẹ nuôi dưỡng, chu cấp hoặc việc phạm tội là do sở thích, do được bạn bè rủ rê, … hoặc còn có trường hợp mặc dù người phạm tội có nghề nghiệp ổn định và có nguồn thu nhập chính để nuôi bản thân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội để có thêm nguồn thu nhập phục vụ cho bản thân. Do đó để xác định các dấu hiệu "nghề sinh sống", "nguồn sống chính" là rất khó áp dụng thống nhất trong xét xử và nhiều trường hợp không đánh giá đúng "tính chất chuyên nghiệp" trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Và ngoài ra, theo tác giả không thể xem việc thực hiện hành vi phạm tội là một "nghề nghiệp" được, làm trái đi ý nghĩa của thuật ngữ "nghề nghiệp" nói chung trong xã hội. Do đó, theo tác giả, để xác định tính chuyên nghiệp trong việc phạm tội thì việc xác định yếu tố "nghề sinh sống" và "nguồn sống chính" là không cần thiết. Bởi vì bản chất của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì người phạm tội có hành vi phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần, lấy việc phạm tội như một phương thức để kiếm sống và với mục đích là tìm các nguồn lợi ích vật chất để phục vụ cho bản thân. Do đó, để xác định "tính chuyên nghiệp" trong phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tác giả đề xuất chỉ cần người phạm tội lấy việc phạm tội làm "phương thức kiếm sống" và lấy kết quả của những lần phạm tội làm nguồn thu nhập thường xuyên cho bản thân, có thể là nguồn thu nhập chính

hoặc chủ yếu nhưng là nguồn thu nhập thường xuyên phục vụ cho cuộc sống của bản thân người phạm tội.

Ngoài ra khi xác định yếu tố "nghề sinh sống" và "nguồn sống chính" đối với người phạm tội là người dưới 18 tuổi phạm tội thì không phù hợp với đặc tính tâm sinh lý lứa tuổi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể là:

- Người dưới 18 tuổi là người đang trong giai đoạn phát triển, họ chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất và tâm sinh lý và là người đang trong độ tuổi ăn học, sống phụ thuộc vào cha mẹ, gia đình và là đối tượng chưa có nghề nghiệp ổn định. Do đó, theo quy định của pháp luật, người dưới 18 tuổi là đối tượng mà cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng,[181] là đối tượng được các chủ thể khác thực nghĩa vụ cấp dưỡng.[182]

- Trong các quy định của pháp luật có liên quan thì người dưới 18 tuổi luôn là đối tượng được bảo hộ đặc biệt về mặt pháp lý và là đối tượng bị hạn chế rất nhiều trong việc xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự. Cụ thể như Điều 21 Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi*"; "*Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý*".[183]

- Mặc dù theo quy định của Bộ Luật Lao động năm 2019, người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi vẫn có thể tham gia vào một số quan hệ pháp luật lao động nhưng rất hạn chế.[184] Người dưới 18 tuổi có thể tham gia vào quan hệ pháp luật lao động nhưng do có những hạn chế nhất định về công việc được làm, thời gian lao động, sức khỏe, sự phù hợp với độ tuổi nên dù người dưới 18 tuổi có tham gia vào quan hệ pháp luật lao động thì nguồn thu nhập của họ cũng là không đáng kể và không thể coi việc lao động đó là nghề nghiệp của họ.

- Đối với trường hợp người dưới 18 tuổi là trẻ lang thang, cơ nhỡ, không có cha mẹ hoặc người giám hộ chăm sóc, nuôi dưỡng thì việc người dưới 18 tuổi phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm và lấy kết quả của các lần phạm tội làm

[181] Khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
[182] Điều 110, Điều 112 – Điều 114 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
[183] Khoản 3, khoản 4 Điều 21 Bộ Luật Dân sự năm 2015.
[184] Khoản 1 Điều 3, Điều 143 Bộ Luật Lao động năm 2019.

nguồn cung cấp nhu cầu ăn uống, sinh hoạt hàng ngày thì việc lấy kết quả của các lần phạm tội làm nguồn cung cấp nhu cầu ăn uống sinh hoạt hàng ngày của đối tượng này cũng chỉ là đáp ứng như cầu ăn uống, tồn tại của họ mà không thể coi đây là trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội lấy việc phạm tội như một "nghề nghiệp" để sinh sống được.

Từ các nội dung phân tích nêu trên, tác giả kiến nghị bổ sung văn bản hướng dẫn khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp như sau:

"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là hành vi phạm tội từ 05 lần trở lên xâm phạm đến một hoặc các khách thể khác nhau cùng tính chất, không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích, trong đó người phạm tội lấy việc phạm tội là phương thức kiếm sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn thu nhập.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội."

Thứ hai, kiến nghị bổ sung tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là dấu hiệu định khung hình phạt trong một số tội phạm cụ thể trong BLHS năm 2015.

Hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 36 điều luật của 07 chương trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tiễn cho thấy Tòa án thường sử dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt. Điều này xuất phát một phần từ nguyên nhân tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là là dấu hiệu định khung hình phạt còn hạn chế trong các tội phạm cụ thể. Mặt khác, khi so sánh với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên thì tác giả cho rằng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có tính nguy hiểm cao hơn so với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên cũng như để tránh áp dụng chồng lấn giữa hai tình tiết này thì tác giả kiến nghị bỏ vai trò là tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt của tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đồng thời bổ sung tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tại một số tội phạm cụ thể. Mặc dù tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có tính nguy hiểm cao hơn so với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên nhưng hiện nay BLHS năm 2015 quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là trong các tội

phạm cụ thể với số lượng ít hơn so với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên,[185] tác giả cho rằng là chưa phù hợp. BLHS năm 2015 quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là của 82 điều luật trong 12 chương của BLHS năm 2015, bao gồm các tội phạm mà người phạm tội có khả năng lấy các khoản lợi ích thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập (ví dụ như Điều 188, Điều 189 BLHS năm 2015 …) và các tội phạm mà người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội không phải vì nguồn thu nhập (ví dụ như Điều 236, Điều 238 BLHS năm 2015 …). Trong trường hợp người phạm tội 02 lần trở lên đối với các tội phạm mà người phạm tội có khả năng lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập cho bản thân thì trường hợp này cũng thỏa mãn các dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó, để đảm bảo đánh giá đúng tính nguy hiểm của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp so với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên thì tác giả kiến nghị nên cân nhắc những tội danh nào được BLHS năm 2015 áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là và người phạm tội có khả năng phạm tội nhiều lần và lấy các khoản lợi ích thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập thì bổ sung thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với tội danh đó. Cụ thể như sau:

Đối với chương XVIII BLHS năm 2015 quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thì tác giả cho rằng cùng với tình hình điều kiện kinh tế đất nước ta ngày càng phát triển thì đồng hành theo đó là các tội phạm về kinh tế ngày càng gia tăng và được thực hiện một cách tinh vi, chuyên nghiệp hơn. Do đó, để đảm bảo đánh giá đúng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội trong chương này, bên cạnh việc quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là theo quy định hiện hành, tác giả kiến nghị cần bổ sung thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt của tội vận chuyển trái phép hàng hóa (Điều 189 BLHS năm 2015), tội trốn thuế (Điều 200 BLHS năm 2015).

Đối với chương XX BLHS năm 2015 quy định về các tội phạm túy thì hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chỉ được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt của 02 điều luật là Điều 248, 249 BLHS năm 2015. Trong khi đó, tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" là dấu hiệu định khung hình phạt của 12 điều luật: Điều 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259 BLHS năm 2015 và hầu như các tội phạm này có khả năng mang lại lợi nhuận rất cao cho người phạm tội nên người phạm tội có khả năng thực hiện nhiều lần và sử dụng các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập. Do đó, đối với chương này, tác giả

[185] Tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt của 36 điều luật trong 7 chương của BLHS, trong khi đó tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" là dấu hiệu định khung hình phạt của 82 điều luật trong 12 chương của BLHS.

đề xuất bổ sung thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với các tội danh tại Điều 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 259 BLHS năm 2015. Còn lại Điều 257, 258 BLHS năm 2015 thì người phạm tội không có các khoản lợi ích từ việc phạm tội nên không thể xác định dấu hiệu người phạm tội lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập nên không cần bổ sung tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là đối với các tội danh này.

Đối với chương XXI BLHS năm 2015 quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng thì hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt 08 điều luật.[186] Tuy nhiên, tác giả cho rằng cần bổ sung tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với hai tội danh: tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc (Điều 311 BLHS năm 2015) và tội chứa mại dâm (Điều 327 BLHS năm 2015). Bởi vì, cùng với hành vi môi giới mại dâm thì hành vi chứa mại dâm ngày càng phát triển một cách tinh vi và chuyên nghiệp khó lường, các chủ chứa mại dâm thực hiện hành vi phạm tội không chỉ nhằm mục đích vụ lợi mà còn lấy việc phạm tội làm nguồn thu nhập cho bản thân. Mặt khác, hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tại điểm c khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015. Do đó, để đảm tính thống nhất trong việc quy định các hành vi mại dâm cũng như đảm bảo vấn đề phòng ngừa tội phạm thì tác giả kiến nghị bổ sung phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt vào tội chứa mại dâm tại Điều 327 BLHS năm 2015. Ngoài ra, hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với các hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép hàng giả, hàng cấm,…như tội buôn lậu (điểm c khoản 2 Điều 188 BLHS năm 2015); tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (điểm d khoản 2 Điều 190 BLHS năm 2015); tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (điểm d khoản 2 Điều 191 BLHS năm 2015),…nên để đảm bảo sự đồng bộ trong quy định các tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép các hàng hóa Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành thì tác giả kiến nghị cần bổ sung thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt đối với tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc (Điều 311 BLHS năm 2015).

---

[186] Xem phụ lục số 03.

Đối với chương XXIII BLHS năm 2015 quy định về các tội phạm chức vụ thì hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt 01 điều luật duy nhất là tội môi giới hối lộ tại Điều 365 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy rằng hiện nay Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ đã mở rộng khái niệm như thế nào là người có chức vụ, quyền hạn, theo đó, người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm: (a) Cán bộ, công chức, viên chức; (b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; (c) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (d) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức; (đ) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.[187] Do đó, các tội phạm về tham nhũng không chỉ giới hạn trong lĩnh vực công mà còn điều chỉnh cả trường hợp tham nhũng trong lĩnh vực tư. Ngoài ra, như tác giả phân tích thì tính chuyên nghiệp trong tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp không đồng nghĩa với "nghề nghiệp" của một người và tình trạng hiện nay người có chức vụ, quyền hạn không sống dựa vào thu nhập chính của mình mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để tham ô, nhận hối lộ, …để thu về các khoản tiền lớn hơn rất nhiều so với số tiền lương mà họ thực tế nhận được để phục vụ cho cuộc sống của mình. Chính vì lẽ đó, nhằm góp phần phòng, chống các tội phạm tham nhũng, tác giả kiến nghị bổ sung phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt vào các tội danh nêu sau: tội tham ô tài sản (Điều 353 BLHS năm 2015), tội nhận hối lộ (Điều 354 BLHS năm 2015), tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355 BLHS năm 2015), tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358 BLHS năm 2015). Việc bổ sung này cũng phù hợp với khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp mà tác giả đề xuất hoàn thiện khái niệm của tình tiết này nêu trên.

[187] Khoản 2 Điều 352 BLHS năm 2015.
Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP. Khoản 2 Điều 3 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Thứ ba, không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với các tội có quy định dấu hiệu "vụ lợi" là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt.

Hiện nay BLHS năm 2015 quy định dấu hiệu "vụ lợi" là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt của 13 điều luật,[188] trong đó chỉ có tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS năm 2015) có quy định tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là đối dấu hiệu định khung hình phạt với tội danh này. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, để đảm bảo nguyên tắc những dấu hiệu nào của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được sử dụng là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được sử dụng là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt đối với người phạm tội nữa. Do đó, trong trường hợp này, tác giả kiến nghị bỏ tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là dấu hiệu định khung hình phạt trong tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS năm 2015) và ngoài ra những tội danh nào sử dụng dấu hiệu "vụ lợi" là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được áp dụng thêm tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp với vai trò tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt đối với người phạm tội.

3.2.1.3. Phạm tội 02 lần trở lên

Từ nội dung phân tích những hạn chế trong quy định và thực tiễn áp dụng các vai trò của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện tình tiết này như sau:

Thứ nhất, cần ban hành văn bản hướng dẫn khái niệm tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định trong BLHS năm 2015.

Xuất phát từ nguyên nhân tình tiết phạm tội 02 lần trở lên chưa được quy định khái niệm chính thức trong BLHS năm 2015 dẫn đến hiện nay khi áp dụng tình tiết này, thực tiễn xét xử có nhiều cách hiểu khác nhau. Mặc dù quan điểm phổ biến hiện nay đều cho rằng *"Phạm tội nhiều lần (phạm tội 02 lần trở lên) là trường hợp người phạm tội có từ 02 lần trở lên phạm cùng một loại tội, trong đó mỗi lần đều đã có đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, nay các lần phạm tội đó được xét xử trong cùng một lần"* nhưng vấn đề "người phạm tội có từ 02 lần trở lên phạm cùng một loại tội, trong đó mỗi lần đều đã có đủ yếu tố CTTP" thì cụm từ "từ 02 lần trở lên" này được hiểu là mỗi lần phạm tội có

[188] Điều 162, 177, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230, 348, 356, 357, 359 BLHS năm 2015.

thể bất cứ khoản nào của một điều luật của một tội hay là mỗi lần phạm tội đều phải thuộc một khung hình phạt bị Tòa án áp dụng. Ví dụ như, A đã thực hiện hai lần hành vi trộm cắp tài sản, trong có lần đầu tiên hành vi trộm cắp thỏa mãn CTTP tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 và lần thứ hai hành vi trộm cắp thỏa mãn CTTP tại khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015. Trong lần thứ hai khi người phạm tội thực hiện hành trộm cắp tài sản thì bị phát hiện và bắt giữ. Như vậy, trong trường hợp này, A bị truy cứu TNHS tại khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 nhưng có hai quan điểm cho rằng: một là, không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 vì quan điểm này cho rằng lần phạm tội đầu tiên không thỏa mãn cấu thành tại khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 nên không thỏa mãn điều kiện của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tất cả các lần phạm tội phải bị truy cứu TNHS trong cùng một khung hình phạt của một tội danh; hai là, áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với A vì quan điểm này cho rằng chỉ cần tất cả các lần phạm tội của A đều thỏa mãn dấu hiệu của CTTP cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 thì được xem là phạm tội 02 lần trở lên. Đây là một trong những vướng mắc phổ biến về tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong thực tiễn xét xử. Do đó, cần ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời khái niệm phạm tội 02 lần trở lên để các CQTHTT áp dụng và nhận thức thống nhất về tình tiết này. Theo tác giả, xuất phát từ bản chất của phạm tội 02 lần trở lên là phạm tội từ 02 lần trở lên và mỗi lần phạm tội chỉ cần thỏa mãn các dấu hiệu định tội được mô tả trong CTTP cơ bản thì được xem là một lần phạm tội. Do đó, để hoàn thiện vấn đề này, tác giả đề xuất cần ban hành văn bản hướng dẫn tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định trong BLHS năm 2015 với nội dung sau: *"Phạm tội 02 lần trở lên là trường hợp người phạm tội có từ 02 lần trở lên phạm cùng một loại tội, trong đó mỗi lần đều đã có đủ yếu tố CTTP, chưa bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, nay các lần phạm tội đó được xét xử trong cùng một lần"*. Như vậy, tình tiết phạm tội 02 lần trở lên phải thoả mãn các yếu tố nêu sau: một là, người phạm tội thực hiện hai hành vi độc lập trở lên cùng một loại tội; hai là, mỗi hành vi phạm tội độc lập tách biệt nhất định về thời gian; ba là, mỗi hành vi CTTP và không phụ thuộc vào yếu tố nhân thân và chưa bị truy cứu TNHS, chưa hết thời hạn truy cứu TNHS; bốn là các hành vi phạm tội được đưa ra xét xử cùng một lần trong một vụ án.

Thứ hai, cần ban hành văn bản hướng dẫn cách xác định "01 lần" phạm tội khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong một số nhóm tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS năm 2015.

Như đã phân tích tại mục 2.2 của luận văn, hiện nay thực trạng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong một số tội danh cụ thể của BLHS năm 2015 còn chưa thống nhất đặc biệt trong việc xác định như thế nào là "01 lần" phạm tội khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015), tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145 BLHS năm 2015), tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251 BLHS năm 2015)…. Tác giả cho rằng mặc dù cách xác định như thế nào là "01 lần" phạm tội khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đều phải dựa vào nền tảng lý luận chung về phạm tội 02 lần trở lên nhưng vì phụ thuộc vào tính chất của hành vi phạm tội mà trong một số nhóm tội phạm là khác nhau nên thì cách xác định là khác nhau. Do đó, để có sự thống nhất trong việc xác định số lần thực hiện hành vi phạm tội để từ đó áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với những tội phạm có tính chất đặc trưng, tác giả kiến nghị như sau:

- Đối với tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251 BLHS năm 2015) mặc dù tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đã được hướng dẫn tại TTLT số 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 nhưng văn bản này không mô tả rõ và đây đủ các dạng hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và mặt khác văn bản này đã hết hiệu lực thi hành. Do đó, trên cơ sở hướng dẫn tại mục 3.3 Phần II của TTLT số 17/2007/TTLT-BCA- VKSNDTC- TANDTC – BTP thì tác giả cho rằng cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS năm 2015 như sau*: "Tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS năm 2015 được hiểu là người phạm tội đã có từ hai lần phạm tội mua bán trái phép chất ma túy trở lên, tức là người phạm tội có từ hai lần bán trái phép chất ma túy cho người khác trở lên bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác; từ hai lần mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác trở lên; từ hai lần xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác trở lên; từ hai lần dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép trở lên; từ hai lần dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán… lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác trở lên; từ hai lần tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác trở lên; từ hai lần vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác trở lên) mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố CTTP quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS năm 2015, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS".*

- Đối với tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015): như tác giả phân tích nêu trên thì hiện nay khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên thì thực tiễn xét xử áp dụng không thống nhất khi người phạm tội thực hiện hành vi trộm cắp tài sản kế tiếp nhau về mặt thời gian. Tuy nhiên, tác giả cho rằng cho dù người phạm tội thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản ở các khoảng thời gian khác nhau hoặc liên tiếp nhau về mặt thời gian thì xuất phát từ định nghĩa phạm tội 02 lần trở lên mà tác giả kiến nghị nêu trên thì 01 lần phạm tội trộm cắp tài sản nếu hành vi đó thỏa mãn các dấu hiệu CTTP của tội trộm cắp tài sản, không phụ thuộc vào việc các tội phạm thực hiện liên tiếp hoặc trong các khoảng thời gian khác nhau. Chính vì vậy, tác giả đề xuất cần ban hành văn bản hướng dẫn về việc áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" với nội dung như sau: "*Trộm cắp tài sản thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên" được hiểu là người phạm tội đã có từ hai lần phạm tội trộm cắp tài sản trở lên mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố CTTP quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS và mỗi lần phạm tội được thực hiện tại các thời điểm khác nhau, khi hành vi phạm tội lần thứ nhất đã kết thúc trên thực tế thì người phạm tội lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội lần tiếp theo, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS".*

- Đối với các tội phạm tình dục: cũng tương tự như tội trộm cắp tài sản, tác giả cho rằng cần ban hành văn bản hướng dẫn việc áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" với nội dung: *"Tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại Điều 141, 142, 143, 144, 145 BLHS năm 2015 được hiểu là người phạm tội đã có từ hai lần giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố CTTP và mỗi lần phạm tội được thực hiện tại các thời điểm khác nhau, khi hành vi phạm tội lần thứ nhất đã kết thúc trên thực tế thì người phạm tội lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội lần tiếp theo, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS".*

- Đối với tội chứa mại dâm (Điều 327 BLHS năm 2015) mặc dù theo hướng dẫn tại tiểu mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP thì phạm tội 02 lần trở lên bao gồm cả trường hợp "*chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian"* và tại mục 4.2 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn không áp dụng phạm tội 02 lần trở lên trong trường hợp *"chứa mại dâm nhiều người (một nhóm) cùng đến mua bán dâm, nhưng chỉ một người trong số họ hoặc một số người trong số họ hoặc tất cả họ cùng nhau thỏa thuận đứng ra giao dịch với người chứa mại dâm để trả tiền thuê địa điểm, phương tiện một lần và việc mua bán dâm diễn ra trong cùng một khoảng*

thời gian".[189] Tuy nhiên khi hướng dẫn như trên sẽ phát sinh ra vấn đề là nhiều người trong cùng một nhóm đến thực hiện hành vi mua dâm nhưng một trong số những người này không đứng ra để giao dịch với chủ chứa mại dâm mà tự mỗi người giao dịch và tự trả tiền mua dâm thì có được xem là hành vi chứa mại dâm độc lập hay không? Tác giả cho rằng bản chất cụm từ "độc lập" trong Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP là giữa các khách mua dâm không có mối quan hệ quen biết nhau nhưng cùng đến mua dâm trong cùng một thời điểm, do đó tác giả kiến nghị cần ban hành văn bản hướng dẫn việc áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" đối với tội chứa mại dâm tại Điều 327 BLHS năm 2015 với nội dung nêu sau:

"Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" đối với người chứa mại dâm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- *Chứa mại dâm (không phân biệt tại một địa điểm hay tại các địa điểm khác nhau) một đôi hoặc nhiều đôi mua bán dâm khác nhau từ hai lần trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau (không phân biệt thời gian dài hay ngắn);*

- *Chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên trong cùng một khoảng thời gian nhưng khách mua dâm không có mối quan hệ quen biết.*

- *Chứa mại dâm một người mua bán dâm với hai người trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau".*

Thứ ba, kiến nghị loại bỏ vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" trong Phần các tội phạm cụ thể và chỉ quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 trong BLHS năm 2015.

Như tác giả phân tích thì hiện nay mặc dù tình tiết phạm tội 02 lần trở lên có tính nguy hiểm thấp hơn so với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhưng BLHS năm 2015 là quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt của nhiều tội danh hơn so với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là điều không phù hợp. Ngoài ra, không phải trong mọi trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên thì có tính nguy hiểm cao hơn so với trường hợp thực hiện tội phạm một lần, chẳng hạn như hành vi tham ô tài sản một lần nhưng giá trị tài sản tham ô cao thì trong nhiều trường hợp về bản chất sẽ nguy hiểm hơn rất nhiều so với trường hợp tham ô tài sản nhiều lần cho nên điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015 áp dụng phạm tội từ 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt đối với người phạm tội là không phù hợp. Mặt khác, phạm tội

[189] Mục 4.1 mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP.

có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp đặc biệt của phạm tội 02 lần trở lên và có tính nguy hiểm cao hơn nên để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cũng như đảm bảo nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì tác giả cho rằng việc áp dụng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp sẽ nên loại trừ việc áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Hiện nay, mặc dù phạm tội có tính chất chuyên nghiệp có tính nguy hiểm cao hơn phạm tội 02 lần trở lên nhưng BLHS năm 2015 lại quy định phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tình tiết phạm tội 02 lần trở lên cùng là dấu hiệu định khung hình phạt trong một CTTP tăng nặng tại 7 điều luật trong BLHS năm 2015.[190] Do đó, để đảm bảo đánh giá đúng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội và tránh tình trạng áp dụng chồng lấn các tình tiết này với nhau tác giả kiến nghị chỉ nên quy định phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 và loại bỏ vai trò dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết phạm tội 02 lần trở lên.

Thứ tư, những trường hợp do phạm tội 02 lần trở lên mà hành vi cấu thành khung nặng hơn theo yếu tố định lượng thì chỉ áp dụng khung nặng hơn mà không áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội.

Hiện nay một số văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với một số tội phạm cụ thể quy định nếu trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội của cùng một tội mà mỗi lần chưa bị truy cứu TNHS thì được cộng định lượng tất cả các lần phạm tội để xác định khung hình phạt áp dụng cho người phạm tội và đồng thời cho phép áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt đối với người phạm tội. Tác giả cho rằng việc hướng dẫn nêu trên đã vi phạm nguyên tắc tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 là một tình tiết chỉ được áp dụng một lần trong quá trình xác định TNHS đối với người phạm tội cũng như sẽ dẫn đến việc chồng lấn dấu hiệu của các tình tiết này đối với người phạm tội khi QĐHP. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc áp dụng tại khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 cũng như đảm bảo nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, tác giả đề xuất bổ sung văn bản hướng dẫn áp dụng trong trường hợp này như sau: "*Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi phạm tội mà những hành vi phạm tội này đã được cộng định lượng của tất cả các lần phạm tội để làm dấu hiệu định*

[190] Bao gồm: điểm b, h khoản 2 Điều 188; điểm b, c khoản 2 Điều 285; điểm b, c khoản 2 Điều 285; điểm c, d khoản 2 Điều 324; điểm c, d khoản 2 Điều 328; điểm b, d khoản 2 Điều 348; điểm a, c khoản 2 Điều 350; điểm b, e khoản 2 Điều 365 BLHS năm 2015.

tội hoặc định khung hình phạt thì không áp dụng thêm tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt cho người phạm tội".

3.2.1.4. Tái phạm tội

Dựa trên những phân tích bất cập trong quy định và vướng mắc trong thực tiễn áp dụng khi áp dụng các trường hợp tái phạm tội, tác giả đưa ra một số kiến nghị nêu sau:

Thứ nhất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 53 BLHS năm 2015 về tái phạm và tái phạm nguy hiểm.

- Hiện nay mặc dù tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm được quy định chính thức trong BLHS năm 2015 nhưng tình tiết này chỉ bao gồm tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm nên trường hợp người phạm tội đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thì áp dụng tình tiết tái phạm hay tái phạm nguy hiểm cho người phạm tội. Mặc dù trường hợp này nguy hiểm hơn so với trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng hiện nay BLHS năm 2015 chưa quy định trường hợp này. Ngoài ra, khi tham khảo quy định tại Điều 18 của BLHS Liên Bang Nga thì BLHS Liên Bang Nga đã quy định rõ điều kiện và nội dung các trường hợp tái phạm tội bao gồm tái phạm, tái phạm nguy hiểm và tái phạm đặc biệt nguy hiểm.[191] Đây cũng là điểm tiến bộ nổi bật mà pháp luật hình sự Việt Nam cần học hỏi khi quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Do đó, tác giả đề xuất sửa đổi Điều 53 BLHS năm 2015 về tái phạm, tái phạm nguy hiểm như sau:

"Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm và tái phạm đặc biệt nguy hiểm

1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

[191] Điều 18 BLHS Liên Bang Nga quy định: *"1. Tái phạm là trường hợp người có tiền án về hành vi phạm tội do cố ý trước đó cố ý thực hiện tội phạm. 2. Những trường hợp tái phạm sau được gọi là nguy hiểm: a) khi người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng và đang bị kết án phạt tù từ hai lần trở lên do cố ý phạm tội nghiêm trọng; b) khi người phạm tội rất nghiêm trọng, nếu trước đó đã bị kết án phạt tù do phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. 3. Những trường hợp tái phạm sau được coi là đặc biệt nguy hiểm: a) khi người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng và đang bị kết án phạt tù nếu trước đó đã hai lần bị kết án phạt tù do phạm tội rất nghiêm trọng; b) khi người thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, nếu trước đó đã hai lần bị kết án phạt tù do phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đã bị kết án do phạm tội đặc biệt nghiêm trọng".*

a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b) Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý";

3. Tái phạm đặc biệt nguy hiểm là trường hợp đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý".

Thứ hai, kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn khi sử dụng dấu hiệu "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" là dấu hiệu định tội của một số tội phạm cụ thể.

Hiện nay, dấu hiệu *"đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới"* được quy định là dấu hiệu định tội thông dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội… được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* tại 66 điều luật trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015. Những tội danh này ngoài việc quy định dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội… được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* là dấu hiệu định tội trong CTTP cơ bản thì còn quy định định tiết tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt trong CTTP tăng nặng, chỉ riêng tình tiết tái phạm được quy định là tại một điều luật là Điều 265 BLHS năm 2015 nhưng điều luật này lại không quy định dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội… được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* là dấu hiệu định tội. Tác giả cho rằng trong trường hợp các điều luật có quy định tình tiết tái phạm nguy hiểm là dấu hiệu định khung hình phạt nhưng BLHS năm 2015 lại quy định dấu hiệu *"đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội… được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* là dấu hiệu định tội thì để tránh việc áp dụng hai lần đối với người phạm tội thì dấu hiệu này không được dùng thêm lần nữa để áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội. Do đó, tác giả đề xuất cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng đối với trường hợp sử dụng dấu hiệu "*đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội… được quy định trong BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* làm dấu hiệu định tội, cụ thể như sau: "*Trường hợp người phạm tội có nhiều tiền án khi thực hiện hành vi phạm tội thì tiền án nào đã được sử dụng làm điều kiện để xác định dấu hiệu định tội thì tiền án đó không được dùng để áp dụng thêm tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" cho người phạm tội. Những tiền án còn lại chưa được dùng để định tội danh*

thì có thể được dùng để xác định thêm tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" là dấu hiệu định khung hình phạt đối với người phạm tội".

Thứ ba, việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp loại trừ việc áp dụng tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Từ nội dung so sánh tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" và tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp tại mục 2.2.5, thì trong trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm từ 05 lần trở lên, trong đó có những lần người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích thì nếu người phạm tội bị áp dụng đồng thời cả hai tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" và tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp sẽ bị trùng lặp nhau về mặt nội dung. Cụ thể là trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm từ 05 lần trở lên, trong đó có những lần người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà thỏa mãn các dấu hiệu tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì trong trường hợp này tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp sẽ bao gồm luôn các dấu hiệu của tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm". Và ngược lại, trong trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm từ 05 lần trở lên trong đó có những lần người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà thỏa mãn các dấu hiệu tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm và người phạm tội lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống, lấy các khoản thu được từ việc phạm tội làm nguồn sống cho bản thân thì trường hợp này tình tiết "tái phạm, tái phạm nguy hiểm" sẽ trở thành tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Để đảm bảo nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì tác giả đề xuất trường hợp người phạm tội cố ý thực hiện hành vi phạm từ 05 lần trở lên, trong đó có những lần người phạm tội đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà thỏa mãn các dấu hiệu của phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì không áp dụng thêm tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" với vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt đối với người phạm tội.

Thứ tư, kiến nghị bỏ dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết "tái phạm" tại Điều 265 và bổ sung tình tiết "tái phạm đặc biệt nguy hiểm" là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 2015.

Hiện nay, tình tiết tái phạm ngoài được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 thì tình tiết này còn được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tại 01 điều luật duy nhất là điểm k khoản 2 Điều 265 – tội tổ chức đua xe trái phép BLHS năm 2015. Điều này không đảm bảo tính đồng bộ và khả thi trong quy định các dấu hiệu định khung

hình phạt "tái phạm" trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 cũng như khi so sánh tính nguy hiểm của hành vi phạm tội trong trường hợp tái phạm và tái phạm nguy hiểm thì rõ ràng tình tiết tái phạm nguy hiểm có tính nguy hiểm cao hơn và hiện nay tình tiết "tái phạm nguy hiểm" đang được quy định phổ biến là dấu hiệu định khung hình phạt trong các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015. Do đó, tác giả kiến nghị loại bỏ dấu hiệu dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết "tái phạm" tại điểm k khoản 2 Điều 265 BLHS năm 2015. Mặt khác, trong phần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 53 BLHS năm 2015 về tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm, tác giả có kiến nghị bổ sung tình tiết "tái phạm đặc biệt nguy hiểm" là một trong các hình thức tái phạm tội. Do đó, để đảm bảo tính đồng bộ trong quy định và tương xứng với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội giữa "tái phạm nguy hiểm" và "tái phạm đặc biệt nguy hiểm", tác giả kiến nghị bổ sung tình tiết "tái phạm đặc biệt nguy hiểm" là dấu hiệu định khung hình phạt của 101 điều luật mà hiện nay tình tiết "tái phạm nguy hiểm" được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 2015.[192]

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm

Để nâng cao hiệu quả áp dụng hiệu quả các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì ngoài việc hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm như tác giả phân tích tại mục 3.2.1 thì cần thực hiện một số các giải pháp như sau:

Thứ nhất, cần tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng, tổng kết thực tiễn và ban hành án lệ về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Bên cạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền cần ban hành các văn bản hướng dẫn có giá trị áp dụng chung như ban hành Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Thông tư liên ngành hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, cụ thể như sau:

- Hiện nay các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được quy định trong BLHS năm 2015 không chỉ với vai là tình tiết tăng nặng TNHS có giá trị trong một khung hình phạt mà còn được áp dụng với vai trò là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt nên khi áp dụng các tình tiết này để tránh chồng lấn

[192] Xem Phụ lục số 03.

các vai trò với nhau thì ngoài việc cần ban hành văn bản hướng dẫn nội dung các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm (phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, và các trường hợp tái phạm khác…) thì cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng các tình tiết này trong các vai trò khác nhau. Chẳng hạn như trong trường hợp cộng dồn định lượng để áp dụng khung hình phạt nặng hơn đối với người phạm tội thì không được áp dụng thêm tình tiết tăng nặng TNHS "phạm tội 02 lần trở lên" đối với người phạm tội hoặc trường hợp dấu hiệu nhân thân "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" được sử dụng làm dấu hiệu định tội thì không áp dụng thêm tình tiết "tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" đối với người phạm tội nữa khi QĐHP,…Hướng dẫn này sẽ đảm bảo nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng mà tác giả đã kiến nghị hoàn thiện mặt lý luận của các tình tiết này.

- Cần sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn quy định của BLHS năm 2015 có liên quan đến các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm *như các văn bản hướng dẫn về: án treo, miễn TNHS, miễn hình phạt, QĐHP dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, …. thì không được áp dụng phương pháp đối trừ giữa tình tiết tăng nặng TNHS và tình tiết giảm nhẹ TNHS* nhằm đảm bảo hiệu quả nguyên tắc một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần trong vụ án hình sự.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm được mặc dù được quy định phổ biến trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 nhưng với tính chất tội phạm khác nhau nên cách thức thực hiện tội phạm cũng khác nhau và do đó tác giả cho rằng cần ban hành văn bản hướng dẫn cách xác định "01 lần" phạm tội khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong một số tội phạm cụ thể có tính chất đặc trưng như: các tội phạm xâm phạm sở hữu, các tội phạm ma túy, các tội phạm tình dục,…

- Ngoài ra cùng với việc hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì đòi hỏi TANDTC cần tổ chức thường xuyên và định kỳ công tác tổng kết thực tiễn, xây dựng các án lệ điển hình về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đặc biệt là các tình tiết còn nhận thức và áp dụng chưa thống nhất trong thực tiễn xét xử nhằm mục đích đánh giá tổng quan tình hình áp dụng pháp luật cũng như khắc phục kịp thời những thiếu sót, hạn chế trong quá trình áp

dụng và tránh tình trạng áp dụng tùy tiện, nhận thức không thống nhất dẫn đến việc áp dụng sai bản chất pháp lý của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Thứ hai, cần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thì không chỉ cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hình sự Việt Nam mà còn phải nâng cao năng lực chuyên môn của các CQTHTT. Nếu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam là cơ sở cho việc áp dụng pháp luật thì CQTHTT là chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng để có thể vận dụng những quy định vào thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, để có thể vận dụng tốt pháp luật vào cuộc sống, cũng như là nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật thì cần phải tiến hành cải thiện bộ máy của CQTHTT. Cụ thể là cần phải đổi mới, xây dựng hợp lý cơ cấu của cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát và Tòa án một cách phù hợp, độc lập, phát huy tính tập thể dân chủ trong việc tiến hành các hoạt động tố tụng đảm bảo cho việc xét xử đạt hiệu quả cao đặc biệt trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, bản lĩnh nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức của cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân một cách định kỳ và có trọng tâm kết hợp công tác thanh tra, kiểm tra, kỷ luật, xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ cố tình sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp nhằm xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh và bảo vệ công lý.

Tăng cường chăm lo đời sống đối với cán bộ trong CQTHTT cụ thể như quan tâm đến công tác tiền lương, thưởng, tăng thu nhập cho lực lượng cán bộ Tòa án cũng như cán bộ thực hiện hoạt động tư pháp tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể yên tâm công tác, áp dụng đúng các quy định của pháp luật mà không phải lo lắng quá nhiều đến cuộc sống mưu sinh, áp lực thi đua khen thưởng góp phần đẩy lùi các vấn đề tiêu cực trong hoạt động xét xử như nhận hối lộ, tham nhũng...

Thứ ba, đảm bảo hoàn thiện các thủ tục tố tụng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Về mặt các thủ tục tố tụng, cũng đòi hỏi phải có những thay đổi để hoàn thiện hệ thống, trình tự, thủ tục tố tụng, nhằm tạo ra cơ chế hoạt động, làm việc có hiệu quả. Bên cạnh đó giảm bớt những thủ tục không cần thiết, tinh gọn thủ tục giúp cho cơ chế hoạt động giải quyết được dễ dàng hơn, dễ quản lý, kiểm soát hơn. Từ đó, góp phần làm cho việc giải quyết của Tòa án hay các cơ quan khác được hiệu quả, phù hợp hơn. Đây là một giải pháp kịp thời để rút kinh nghiệm, tổng kết những vấn đề còn vướng mắc khi áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong thực tế xét xử.

Ngoài ra, việc ra bản án đối với người phạm tội ngoài mục đích buộc họ phải gánh chịu hậu quả do mình gây ra thì còn mục đích phòng ngừa những người khác phạm tội nên để nâng cao chất lượng phòng ngừa, tác giả cho rằng cần tăng cường xử lưu động các vụ án có áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nhằm mục đích răn đe, cảnh báo và tuyên truyền cho người dân không thực hiện hành vi phạm tội cũng như đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội thì không tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nữa.

Thứ tư, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Ngoài những giải pháp đã được trình bày ở trên thì giải pháp tuyên truyền cũng là một trong những giải pháp hiệu quả, tác động vào nhận thức của cộng đồng xã hội về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm cũng như trách nhiệm và hậu quả phải gánh chịu đối với các tình tiết này. Thực tế cho thấy việc không có hiểu biết về vị trí và vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong việc QĐHP dẫn đến hệ quả đánh giá không chính xác về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội dẫn đến các hậu quả áp dụng sai hoặc áp dụng không đúng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Ngoài ra, khi không có sự hiểu biết về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm sẽ gây ra sự thiếu cảnh giác, cũng như là không biết được hậu quả, cũng như trách nhiệm mà mình phải gánh chịu nên mục đích phòng ngừa, răn đe tội phạm cũng bị giảm sút hiệu quả.

Thứ năm, tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Đối với biện pháp này, cần phải xây dựng một cơ chế giám sát, kiểm tra hiệu quả việc thực thi pháp luật hình sự, cũng như là giám sát việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Một mặt đồng thời phải vừa hoàn

thiện pháp luật về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, mặt khác cần phải hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả áp dụng đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật được thực hiện một cách nghiêm minh. Quá trình kiểm tra, giám sát cần được thực hiện một cách có hiệu quả, hợp lý và toàn diện từ nhiều phía. Các cơ quan nhà nước phải thường xuyên, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật hình sự và hiệu quả áp dụng ngay trong cơ quan, đơn vị mà mình quản lý. Ngoài ra, cơ quan nhà nước còn phải giám sát các chuyên đề về hiệu quả áp dụng của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Giám sát hoạt động pháp luật trong từng vụ việc cụ thể, để có thể nhanh chóng phát hiện, sửa chữa những thiếu sót, tạo kinh nghiệp pháp luật để áp dụng trong tương lai. Từ những phân tích trên, ta có thể thấy được việc phân tích, kiểm tra giám sát hiệu quả áp dụng pháp luật cũng đóng vai trò quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Vì thế, đòi hỏi các cơ quan cũng phải tuân thủ và chuẩn bị cho mình những phương pháp thích hợp để tiến hành việc giám sát, đánh giá việc thực thi pháp luật nói chung và việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, tác giả đã giải quyết được các nội dung nêu sau:

Thứ nhất, tác giả đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm: thông qua việc tự thống kê các bản án có sử dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi QĐHP, tác giả đánh giá được tầm quan trọng của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm so với các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 và Điều 52 BLHS năm 2015 cũng như giữa các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm với nhau. Kết quả khảo sát thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một trong các căn cứ để tác giả đưa ra các giải pháp nhằm áp dụng hiệu quả các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Thứ hai, thông qua việc phân tích một số bản án điển hình, tác giả đưa ra một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và tìm ra những nguyên nhân của những vướng mắc này làm căn cứ để để đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Thứ ba, từ những bất cập trong quy định pháp luật hình sự Việt Nam và những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng cũng như tham khảo kinh nghiệm lập pháp của pháp luật nước ngoài về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và một số giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

KẾT LUẬN

Các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là một trong các căn cứ ảnh hưởng đến việc đánh giá tính nguy hiểm của hành vi phạm tội và QĐHP đối với người phạm tội. Mặc dù các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm đã được quy định từ trước khi ban hành BLHS năm 1985 và cho đến khi BLHS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung tiến bộ về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Mặt khác, thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm còn gặp nhiều vướng mắc, áp dụng không thống nhất cũng như chưa phát huy tối đa hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Để đưa ra được những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, luận án đã nghiên cứu các vấn đề nêu sau:

Thứ nhất, nghiên cứu khái quát một số vấn đề lý luận về nhiều tội phạm như khái niệm về nhiều tội phạm, các dấu hiệu pháp lý của nhiều tội phạm, các hình thức biểu hiện của nhiều tội phạm. Ngoài ra, tác giả phân tích làm rõ một số dấu hiệu đặc trưng các hình thức của nhiều tội phạm, phân biệt các hình thức của nhiều tội phạm và các trường hợp phạm một tội phức tạp và mối liên hệ giữa nhiều tội phạm và TNHS trong khoa học pháp luật hình sự Việt Nam.

Thứ hai, trên nền tảng lý luận về nhiều tội phạm, tác giả nghiên cứu một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Trong phần này, tác giả đã tiếp cận và phân tích quan điểm của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự ở Việt Nam và nước ngoài về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ đó, tác giả đưa ra một số vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến nhiều tội phạm như: khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

Thứ ba, nghiên cứu khái quát sự phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm từ năm 1945 cho đến khi ban hành BLHS năm 2015. Qua đó, tác giả đánh giá được quy định pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, đặc biệt là quy định trong BLHS năm 2015 đã có sự phát triển, kế thừa và ngày càng được hoàn thiện.

Thứ tư, phân tích quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm và những hạn chế, bất cập trong quy định của

BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Trong phần này, Luận án tập trung phân tích quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể, đặc biệt phân tích vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm thể hiện ở ba góc độ: là dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt. Từ đó, tác giả đưa ra một số bất cập, hạn chế trong quy định của BLHS năm 2015 về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, làm căn cứ để đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

Thứ năm, nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm; đưa ra một số vướng mắc và nguyên nhân của các vướng mắc này trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm. Các vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm có thể xuất phát từ hạn chế trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm hoặc từ nhận thức của người áp dụng pháp luật cũng như những hạn chế trong các biện pháp bảo đảm thực hiện hiệu quả các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm trong thực tế.

Cuối cùng từ các nội dung phân tích nêu trên, tác giả đưa ra các giải pháp bảo đảm thực thiện hiệu quả các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, cụ thể như sau:

Kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, cụ thể là*: "Nhiều tội phạm là trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn dấu hiệu từ hai cấu thành tội phạm độc lập trở lên và những tội phạm này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS hoặc trong trường hợp đã bị kết án thì chưa được xóa án tích. Nhiều tội phạm bao gồm các hình thức: phạm nhiều tội, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên và các trường hợp tái phạm tội"*. Ngoài ra, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 52 BLHS năm 2015 về các nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm nói riêng cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS nói chung, cụ thể là:

- *Nguyên tắc 1: một tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm chỉ được áp dụng một lần trong một vụ án hình sự;*

- *Nguyên tắc 2: các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm khi đóng vai trò là các tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt thì chỉ làm tăng mức hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt.*

- *Nguyên tắc 3: các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội đó.*

Ngoài ra, đối với từng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, tác giả có các kiến nghị như sau:

- *Đối với tình tiết phạm nhiều tội:*

+ Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn khái niệm phạm nhiều tội trong BLHS năm 2015.

+ Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 103 BLHS năm 2015 về QĐHP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp phạm nhiều tội.

- *Đối với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp:*

+ Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn khái niệm phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong BLHS năm 2015.

+ Kiến nghị bổ sung tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là dấu hiệu định khung hình phạt trong một số tội phạm cụ thể trong BLHS năm 2015.

+ Kiến nghị không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với các tội có quy định dấu hiệu "vụ lợi" là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt.

- *Đối với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên.*

+ Kiến nghị cần ban hành văn bản hướng dẫn khái niệm tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định trong BLHS năm 2015.

+ Kiến nghị bổ sung văn bản hướng dẫn cách xác định "01 lần" phạm tội khi áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên trong một số nhóm tội phạm cụ thể như: tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251 BLHS năm 2015); tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015); các tội phạm tình dục và đối với tội chứa mại dâm (Điều 327 BLHS năm 2015).

+ Kiến nghị loại bỏ vai trò là dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015 và chỉ quy định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS trong một khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

+ Kiến nghị những trường hợp do phạm tội 02 lần trở lên mà hành vi cấu thành khung nặng hơn theo yếu tố định lượng thì chỉ áp dụng khung nặng hơn mà không áp dụng thêm tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với người phạm tội.

- *Đối với trường hợp tái phạm tội:*

+ Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 53 BLHS năm 2015 về tái phạm và tái phạm nguy hiểm.

+ Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn khi sử dụng dấu hiệu "đã bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" là dấu hiệu định tội của một số tội phạm cụ thể.

+ Kiến nghị việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp loại trừ việc áp dụng tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

+ Kiến nghị bỏ dấu hiệu định khung hình phạt của tình tiết "tái phạm" tại Điều 265 và bổ sung tình tiết "tái phạm đặc biệt nguy hiểm" là dấu hiệu định khung hình phạt trong BLHS năm 2015.

Ngoài ra, tác giả đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm, bao gồm:

- Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng, tổng kết thực tiễn và ban hành án lệ về các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.
- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng.
- Đảm bảo hoàn thiện các thủ tục tố tụng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.
- Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Minh Trâm (2021), Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội thảo quốc tế *"Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên",* Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh chủ trì, tr.397-tr.425

2. Nguyễn Thị Minh Trâm (2021), Bàn về một số tình tiết tăng nặng TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội thảo quốc tế *"Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên",* Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh chủ trì, tr.357-tr.377.

3. Nguyễn Thị Minh Trâm (2021), Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp nhiều tội phạm theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tạp chí Khoa học Pháp lý 8/2021.

4. Nguyễn Thị Minh Trâm (2021), Bàn về một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4 năm 2022, tr 41 – 50.

5. Tạp chí Tòa án nhân dân, bài viết *"Một số ý kiến về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)"* (có xác nhận đăng bài).

6. Tạp chí Giáo dục và xã hội, bài viết *"Một số ý kiến về dấu hiệu "đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới" theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)"* (có xác nhận đăng bài).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật:

1. BLHS Việt Nam năm 1985 được sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992 và 1997.

2. BLHS Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

3. BLHS Việt Nam năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

5. Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 3/4/2019 của TANDTC về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính.

6. Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 TANDTC về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính.

7. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

8. Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.

9. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm Phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999.

10. Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249.

11. Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của BLHS năm 2015.

12. Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS năm 2015.

13. Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

14. Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ công an, Bộ tư pháp về việc

hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật Hình sự năm 1999.

15. Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 giữa Bộ Công an, VKSNTC, TANDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999.

16. Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền.

B. <u>Tài liệu tham khảo</u>

❖ ***<u>Tài liệu Tiếng Việt</u>***

17. Bùi Công Bằng (2020), *Phạm tội 02 lần trở lên theo Luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống tội phạm,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

18. Lê Cảm (2001), "Chế định đa (nhiều) tội phạm và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 6.

19. Lê Cảm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung),* NXB Hồng Đức.

20. Nguyễn Anh Chung (2019), "Một số vấn đề về tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" trong thực tiễn áp dụng pháp luật", *Tòa án nhân dân*, số 19.

21. Trần Thị Mỹ Dung (2006), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Luật Hình sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

22. Nguyễn Hải Dũng (2005), *"*Về việc áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, phạm tội đối với nhiều người trong một số tội phạm của BLHS năm 1999", *Tạp chí Kiểm sát,* số 2.

23. Trần Đức Dương (2012), "Trao đổi về bài viết "cần áp dụng là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng hay tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* số 5.

24. Lê Văn Đệ (2003), *Chế định nhiều tội phạm – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia.

25. Nguyễn Thanh Hải (2014), "Về áp dụng "tình tiế định khung", "tình tiết phạm tội nhiều lần" trong các tội xâm phạm sở hữu", *Tòa án nhân dân*, số 19.

26. Phạm Hồng Hải (2001), "Một vài ý kiến về chế định tái phạm, TPNH theo quy định của BLHS năm 1999", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 2.

27. Đinh Xuân Hiền (2002), "Bàn thêm về tình tiết phạm tội nhiều lần", *Tạp chí Kiểm sát*, số 03.

28. Nguyễn Thị Phương Hoa – Phan Anh Tuấn (Đồng chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Những điểm mới của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NXB Hồng Đức.

29. Trần Văn Hùng (2015), "Về áp dụng "tình tiết định khung", "tình tiết phạm tội nhiều lần" trong các tội xâm phạm sở hữu", *Tòa án nhân dân*, số 04.

30. Đỗ Thanh Huyền (2007), "Bàn về phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* số 8.

31. Phan Thị Thu Lê (2019), *Các tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật hình sự Việt Nam,* Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

32. Vũ Thành Long (2006), "Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất "chuyên nghiệp", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 20.

33. Vũ Thành Long (2006), "Áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần", *Tạp chí Kiểm sát*, số 21.

34. Đỗ Ngọc Lợi (2013), "Xác định hành vi chiếm đoạt của các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 4.

35. Hoàng Quảng Lực (2019), "Bảo đảm công bằng trong chính sách hình sự đối với trường hợp phạm nhiều tội hoặc phạm tội nhiều lần", *Tạp chí Kiểm sát,* số 4.

36. Uông Chu Lưu (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Nguyễn Đức Mai (2012), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 – Phần chung,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

38. Dương Tuyết Miên (2003), "Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS theo BLHS năm 1999", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* số 1.

39. Đàm Trung Mộc (1961), *Hình luật giảng tập*, (Trung tâm huấn luyện tu nghiệp công an cảnh sát trung cấp Sài Gòn).

40. Trần Thành Nam (2017), *Một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm trong Luật hình sự Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

41. Tạ Thị Ngân (2012), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong Luật hình sự Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

42. Lê Thị Ngọc (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tái phạm theo Luật hình sự Việt Nam*.

43. Cao Thị Oanh (2008), *Phân hóa trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam,* Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

44. Vũ Văn Phong (2006), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

45. Đỗ Ngọc Quang (1995), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

46. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Tìm hiểu TNHS đối với các tội phạm về tham nhũng trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội

47. Đinh Văn Quế (1999), *Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

48. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, NXB Chính trị quốc gia.

49. Đinh Văn Quế (2009), *Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

50. Đinh Văn Quế (2010), *"*Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* số 4.

51. Bùi Kiến Quốc (2000), "Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS trong BLHS Việt Nam", *Tạp chí Luật học,* số 6.

52. Đinh Văn Quế (chủ nhiệm đề tài) (2009), *Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong công tác xét xử của Tòa án và một số kiến nghị*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, TANDTC.

53. Hồ Sĩ Sơn (2008), "Những hạn chế trong các quy định của BLHS năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS và hướng khắc phục", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 16.

54. Võ Hồng Sơn (2015), "Về áp dụng tình tiết định khung và tình tiết phạm tội nhiều lần trong các tội xâm phạm sở hữu", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 10.

55. Nguyễn Thị Bảo Tâm (2012), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội nhiều lần theo Luật hình sự Việt nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

56. Trần Mạnh Toàn (2011), *Các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội,* Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

57. Nguyễn Trung Thành (2002), *Phạm tội có tổ chức trong Luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống tội phạm,* Đại học Luật Hà Nội.

58. Ngô Trang Thảo (2020), *Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong các tội xâm phạm sở hữu theo Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

59. Vũ Hồng Thiêm (2008), *"*Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong giải quyết hình phạt - tồn tại và giải pháp*", Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10.*

60. Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu pháp luật hình sự Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

61. Lê Thị Thúy (2015), *Phạm nhiều tội trong pháp luật hình sự Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ, Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

62. Đào Thị Kiều Vân (2017), *Định tội đanh trong trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam – từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai,* Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

63. Trịnh Tiến Việt (2004), "Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự trong BLHS 1999 và một số kiến nghị", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* số 13.

64. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận định tội danh*, NXB Khoa học xã hội.

65. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

66. Trường đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần Chung,* Lê Cảm, NXB Hồng Đức.

67. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập 1*, NXB Pháp lý, Hà Nội.

68. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội.

69. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong công tác xét xử của Tòa án và một số kiến nghị*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

70. Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế (2002), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần Chung),* Võ Khánh Vinh, NXB Hồng Đức.

71. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, NXB Công an nhân dân.

72. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *BLHS Liên Bang Nga*, NXB Công an nhân dân.

73. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (tập 1)*, Nguyễn Ngọc Hòa, NXB Công an nhân dân – Hà Nội.

74. Trường Đại học Luật TP.HCM (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung),* Trần Thị Quang Vinh, NXB Hồng Đức.

75. Trường Đại học Luật TP.HCM (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

76. Trường Đại học Luật TP. HCM (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

77. Trường Kiểm sát Hà Nội (2011), *Giáo trình Hình luật XHCN Phần chung,* NXB Công an nhân dân - Hà Nội.

78. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, NXB Công an nhân dân.

❖ ***Tài liệu nước ngoài***

79. A.B. Shnitenkov (2014), *Множественность преступленийв уголовном праве*, Оренбургский институт, Московский государственный юридический университет имени О.Е. Кутафина.

80. A. Zelinskiy (2000), *Criminology*, Kharkiv: Rubikon.

81. A. Dolgovaya (1999), *Criminology*, Publishing house NORMA-INFRA-M, Moscow.

82. Austin Lovegrove (2004), *Sentencing the mutiple offender: Judicial Practice anh Legal Principle*, Australian Institute of Criminology.

83. “Aggravating Factor Law and legal Definition”, [https://definitions.uslegal.com/a/aggravating-factor] (truy cập ngày 20/11/2021).

84. Dosaeva Glera Suleimanovna (2017), *Multiple Crimes*, Doctor of Law, Russian State University of Justice.

85. Jakub Drápal (2021), *Sentencing multiple conviction offenders*, Faculty of Law, Charles University

86. [https://journals.sagepub.com/doi/abs/10.1177/1477370821996903] (truy cập ngày 20/11/2021).

87. Henry Campbell Black (2011), *Từ điển luật Black's Law Dictionary (tái bản lần thứ 6)*, West Publishing (https://en.wikipedia.org/wiki/Aggravation_(law), https://en.wikipedia.org/wiki/Black's_Law_Dictionary) (truy cập ngày 20/11/2021).

88. Michael D. Maltz (2001), *Recidivism*, Acedemic Press Inc, Orlando, Florida.

89. McKean and Randsford (2004), *Current strategies for reducing recidivism*, Centre for Impact Research, Chicago Community Organizing Capacity Building Initiative.

90. Oirat Nurashovich Rakhimberlin (2015), *The Issues of the Professional Crime Prevention in the Republic of Kazakhstan*, Journal of Advanced Research in Law and Economics (Volume VI, Summer).

91. R. Scott (2018), *Reducing recidivism via college-in-prison: Thoughts on data collection, methology, and the question of purpose,* Series Critical Education, Vol. 9.

92. Sebuggwawo (2010), *Community service and recidivism: A study of the legal and institutional framework in Kampala district,* Master’s Thesis, Uganda: Makerere University.

93. Stacy Barrett, “Aggravating Factors in Criminal Sentences”, [https://www.criminaldefenselawyer.com/resources/aggravating-factors-in-criminal-sentences.html] (truy cập ngày 20/11/2021).

94. Từ điển pháp luật WEX của trường Luật Cornell Law School, “Aggravating Circumstances”, [https://www.law.cornell.edu/wex/aggravating_circumstances] (truy cập ngày 20/11/2021).

95. Tomas Girdenis (2009), *The Concept of Multiple Offenses: Theoretical and Practical Problems*, Đại học Mykolas Romeris, Khoa Luật - Bộ môn Luật Hình sự.

96. [https://ojs.mruni.eu/ojs/societal-studies/article/view/1385] (truy cập ngày 10/11/2021).

97. V.P Malkôv (1982), *The plurality of crimes and its forms in the Soviet criminal law*, Kazan University Publishing House, No.174.

98. V.P Malkôv (2006), *Multiple Crimes*, Kazan University Publishing House, No.140.

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC ĐIỀU LUẬT QUY ĐỊNH TÌNH TIẾT PHẠM TỘI NHIỀU LẦN, PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP, TÁI PHẠM, TÁI PHẠM NGUY HIỂM LÀ DẤU HIỆU ĐỊNH KHUNG HÌNH PHẠT TRONG BLHS NĂM 1985

Chương	Tên Chương	Phạm tội nhiều lần	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	Tái phạm	Tái phạm nguy hiểm
I	Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	2 điều luật: khoản 2 Điều 88; khoản 2 Điều 97.	1 điều luật: Điểm a khoản 2 Điều 97.	0	5 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 94; điểm d khoản 2 Điều 95; điểm d khoản 2 Điều 96; điểm đ khoản 2 Điều 97; điểm c khoản 2 Điều 99.
II	Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người	5 điều luật: Điểm c khoản 2 Điều 112; Điểm c khoản 3 Điều 112a; Điểm b khoản 2 Điều 113; Điểm b khoản 3 Điều 113a; Điểm a khoản 2 Điều 114.	0	0	5 điều luật: điểm g khoản 1 Điều 101; điểm c khoản 2 Điều 109; điểm c khoản 2 Điều 112; điểm c khoản 2 Điều 113; điểm d khoản 2 Điều 115.
III	Các tội xâm phạm	0	0	0	0

	những quyền tự do dân chủ của công dân				
IV	Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa	2 điều luật: Điểm d khoản 2 Điều 134a; Điểm b khoản 2 Điều 137a.	4 điều luật: Điểm a khoản 2 Điều 129; Điểm a khoản 2 Điều 131; Điểm a khoản 2 Điều 132; Điểm b khoản 2 Điều 134.	0	7 điều luật: điểm đ khoản 2 Điều 129; điểm c khoản 2 Điều 130; điểm d khoản 2 Điều 131; điểm đ khoản 2 Điều 132; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm c khoản 2 Điều 135.
V	Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân, gia đình và các tội phạm đối với người chưa thành niên	0	1 điều luật: Điểm a khoản 2 Điều 149.	0	2 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 148; điểm d khoản 2 Điều 149.
VI	Các tội xâm phạm sở hữu của công dân	1 điều luật: Điểm d khoản 2 Điều 156.	11 điều luật: Điểm a khoản 2 Điều 151; Điểm a khoản 2 Điều 152; Điểm b khoản 2 Điều 153; Điểm a khoản 2 Điều 154;	0	9 điều luật: điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm d khoản 2 Điều 152; điểm b khoản 2 Điều 153; điểm d khoản 2 Điều 154; điểm d khoản 2 Điều 155; điểm b khoản 2 Điều 156; điểm d

			Điểm a khoản 2 Điều 155; Điểm a khoản 2 Điều 157		khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 158; điểm d khoản 2 Điều 160.
VII	Các tội phạm về kinh tế	12 điều luật: Khoản 2 Điều 170; Điểm b khoản 2 Điều 185b; Điểm b khoản 2 Điều 185c; Điểm b khoản 2 Điều 185d; Điểm b khoản Điều 185đ; Điểm b khoản 2 Điều 185e; Điểm b khoản 2 Điều 185g; Điểm b khoản 2 Điều 185h; Điểm b khoản 2 Điều 185i; Điểm b khoản 2 Điều 185k; Điểm b khoản 2 Điều 185m; Điểm b khoản 2 Điều 185n.	Điểm a khoản 2 Điều 165; Điểm a khoản 2 Điều 166; Điểm b khoản 2 Điều 167; Điểm a khoản 3 Điều 185b; Điểm a khoản 3 Điều 185đ.	0	5 điều luật: điểm e khoản 2 Điều 165; điểm đ khoản 2 Điều 166; điểm đ khoản 2 Điều 167; điểm d khoản 2 Điều 172; điểm b khoản 2 Điều 173.
VIII	Các tội xâm phạm an toàn, trật tự công	3 điều luật:	1 điều luật:	0	4 điều luật:

	cộng và trật tự quản lý hành chính	Điểm b khoản 2 Điều 202; Điểm a khoản 2 Điều 202a; Điểm a khoản 2 Điều 202b	Điểm a khoản 2 Điều 201.		khoản 2 Điều 200; điểm c khoản 2 Điều 201; khoản 2 Điều 202; khoản 2 Điều 203.
IX	Các tội phạm về chức vụ	6 điều luật: Điểm b khoản 2 Điều 221; Điểm b khoản 2 Điều 221a; Điểm c khoản 2 Điều 224; Điểm đ khoản 2 Điều 226; Điểm đ khoản 2 Điều 227; Điểm c khoản 2 Điều 228a.	0	0	0
X	Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	0	0	0	0
XI	Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân	1 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 272.	0	0	0
XII	Các tội phá hoại hòa bình, chống loài	0	0	0	0

	người và tội phạm chiến tranh				
TỔNG SỐ		**6**	**32**	**18**	**37**

(Nguồn: Tác giả tự thống kê)

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC ĐIỀU LUẬT QUY ĐỊNH TÌNH TIẾT PHẠM TỘI NHIỀU LẦN, PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP, TÁI PHẠM, TÁI PHẠM NGUY HIỂM LÀ DẤU HIỆU ĐỊNH KHUNG HÌNH PHẠT TRONG BLHS NĂM 1999

Chương	Tên Chương	Phạm tội nhiều lần	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	Tái phạm	Tái phạm nguy hiểm
XI	Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	0	0	0	0
XII	Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người	8 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 111; điểm c khoản 3 Điều 112; điểm b khoản 2 Điều 113; điểm b khoản 3 Điều 114; điểm a khoản 2 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 2 Điều 119; điểm a khoản 2 Điều 121.	2 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 119; điểm b khoản 2 Điều 120.	0	7 điều luật: điểm p khoản 1 Điều 93; điểm i khoản 2 Điều 111; điểm đ khoản 2 Điều 112; điểm g khoản 2 Điều 113; điểm d khoản 2 Điều 114; điểm đ khoản 2 Điều 116; điểm h khoản 2 Điều 120.
XIII	Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân	2 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 123; điểm c	0	1 điều luật: điểm đ khoản	0

		khoản 2 Điều 125.		2 Điều 125.	
XIV	Các tội xâm phạm sở hữu	1 điều luật: điểm a khoản 2 Điều 142.	6 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 133; điểm b khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 135; điểm b khoản 2 Điều 136; điểm b khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 2 Điều 139.	0	10 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 133; điểm c khoản 2 Điều 134; điểm c khoản 2 Điều 135; điểm c khoản 2 Điều 136; điểm c khoản 2 Điều 137; điểm c khoản 2 Điều 138; điểm c khoản 2 Điều 139; điểm đ khoản 2 Điều 140; điểm d khoản 2 Điều 142; điểm e khoản 2 Điều 143.
XV	Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình	0	0	0	0
XVI	Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	8 điều luật: điểm k khoản 2 Điều 153; điểm đ khoản 2 Điều 154; khoản 2 Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 169; điểm b khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 2 Điều 171; điểm b khoản 2	4 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 153; điểm d khoản 2 Điều 155; điểm b khoản 2 Điều 156; điểm b khoản 2 Điều 157.	1 điều luật: khoản 2 Điều 161.	8 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 153; điểm e khoản 2 Điều 154; điểm e khoản 2 Điều 155; điểm c khoản 2 Điều 156; điểm c khoản 2 Điều 157;

		Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 176.			điểm đ khoản 2 Điều 158; điểm g khoản 2 Điều 160; điểm d khoản 2 Điều 164.
XVII	Các tội phạm về môi trường	0	0	0	0
XVIII	Các tội phạm về ma túy	8 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 193; điểm b khoản 2 Điều 194; điểm b khoản 2 Điều 195; điểm b khoản 2 Điều 196; điểm a khoản 2 Điều 197; điểm b khoản 2 Điều 198; điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b khoản 2 Điều 201.	1 điều luật: điểm a khoản 3 Điều 193.	1 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 192.	7 điều luật: điểm k khoản 2 Điều 193; điểm p khoản 2 Điều 194; điểm g khoản 2 Điều 195; điểm g khoản 2 Điều 196; điểm h khoản 2 Điều 197; điểm đ khoản 2 Điều 198; điểm k khoản 2 Điều 200
XIX	Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng	6 điều luật: điểm a khoản 2 Điều 228; điểm c khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 2 Điều 254; điểm d khoản 2 Điều 255; điểm a khoản 2 Điều 256; điểm a khoản 3 Điều 256.	5 điều luật: điểm a khoản 2 Điều 248; điểm a khoản 2 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 250; điểm d khoản 2 Điều 251; điểm c	2 điều luật: điểm g khoản 2 Điều 206; điểm g khoản 2 Điều 207.	17 điều luật: khoản 3 Điều 206; khoản 3 Điều 207; điểm d khoản 2 Điều 221; điểm đ khoản 2 Điều 230; điểm c khoản 2 Điều 231; điểm đ khoản 2 Điều 232; điểm đ khoản 2 Điều 233; điểm đ khoản 2

			khoản 2 Điều 255.		Điều 236; điểm đ khoản 2 Điều 238; điểm e khoản 2 Điều 245; điểm c khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 2 Điều 249; điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm đ khoản 2 Điều 252; điểm đ khoản 2 Điều 253; điểm e khoản 2 Điều 254; điểm đ khoản 2 Điều 255.
XX	Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	4 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 257; điểm b khoản 2 Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 267; khoản 2 Điều 275.	0	1 điều luật: khoản 2 Điều 273.	3 điều luật: điểm đ khoản 2 Điều 257; điểm d khoản 2 Điều 267; điểm c khoản 2 Điều 268.
XXI	Các tội phạm về chức vụ	10 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 278; điểm c khoản 2 Điều 279; điểm c khoản 2 Điều 280; điểm b khoản 2 Điều 281; điểm b khoản 2 Điều 282; điểm b khoản 2 Điều 283; điểm c khoản 2 Điều 284; điểm d khoản 2	0	0	1 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 280.

		Điều 289; điểm d khoản 2 Điều 290; điểm a khoản 2 Điều 291.			
XXII	Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	0	0	0	0
XXIII	Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân	0	0	0	0
XXIV	Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh	0	0	0	0
TỔNG SỐ		**47**	**18**	**6**	**53**

(Nguồn: Tác giả tự thống kê)

PHỤ LỤC SỐ 03

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC ĐIỀU LUẬT QUY ĐỊNH TÌNH TIẾT PHẠM TỘI 02 LẦN TRỞ LÊN, PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP, TÁI PHẠM, TÁI PHẠM NGUY HIỂM LÀ DẤU HIỆU ĐỊNH KHUNG HÌNH PHẠT TRONG BLHS NĂM 2015

Chương	Tên Chương	Phạm tội 02 lần trở lên	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	Tái phạm	Tái phạm nguy hiểm
XIII	Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	0	0	0	0
XIV	Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người	14 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 134; điểm d khoản 2 Điều 141; điểm đ khoản 2 Điều 142; điểm b khoản 2 Điều 143; điểm đ khoản 2 Điều 144; điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b khoản 2 Điều 146; điểm b khoản 2 Điều 147; điểm e khoản 2 Điều 150; điểm e khoản 2 Điều 151; điểm d khoản 2 Điều 152; điểm đ khoản 2 Điều 153; điểm đ khoản 2 Điều 154; điểm a khoản 2 Điều 155.	5 điều luật: điểm a khoản 3 Điều 150, điểm b khoản 3 Điều 151, điểm a khoản 3 Điều 152, điểm a khoản 3 Điều 153, điểm a khoản 3 Điều 154.	0	13 điều luật: điểm p khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm i khoản 2 Điều 141; điểm g khoản 2 Điều 142; điểm g khoản 2 Điều 143; điểm e khoản 2 Điều 144; điểm e khoản 2 Điều 146; điểm g khoản 2 Điều 147; điểm e khoản 3 Điều 150; điểm g khoản 3 Điều 151; điểm b khoản 2 Điều 152; điểm đ khoản 3

					Điều 153; điểm đ khoản 3 Điều 154.
XV	Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân	6 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 157; điểm c khoản 2 Điều 158; điểm c khoản 2 Điều 159; điểm c khoản 2 Điều 163; điểm c khoản 2 Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 165.	0	0	0
XVI	Các tội xâm phạm sở hữu	1 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 177.	7 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 168, điểm b khoản 2 Điều 169, điểm b khoản 2 Điều 170, điểm b khoản 2 Điều 171, điểm b khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 174, điểm b khoản 2 Điều 175.	0	10 điều luật: điểm h khoản 2 Điều 168; điểm i khoản 2 Điều 169; điểm e khoản 2 Điều 170; điểm i khoản 2 Điều 171; điểm c khoản 2 Điều 172; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 2 Điều 175; điểm đ khoản 2 Điều 177; điểm g khoản 2 Điều 178.
XVII	Các tội xâm phạm	1 điều luật:	0	0	1 điều luật:

	chế độ hôn nhân và gia đình	điểm b khoản 2 Điều 187			điểm d khoản 2 Điều 187.
XVIII	Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	12 điều luật: điểm h khoản 2 Điều 188; điểm e khoản 2 Điều 189; điểm d khoản 2 Điều 200; điểm a khoản 2 Điều 204; điểm a khoản 2 Điều 216; điểm a khoản 2 Điều 217; điểm d khoản 2 Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 225; điểm v khoản 2 Điều 226; điểm b khoản 2 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 231; điểm b khoản 2 Điều 233.	11 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 188, điểm d khoản 2 Điều 190, điểm d khoản 2 Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 193, điểm b khoản 2 Điều 194, điểm b khoản 2 Điều 195, điểm b khoản 2 Điều 198, điểm b khoản 2 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 214, điểm b khoản 2 Điều 215.	0	22 điều luật: điểm i khoản 2 Điều 188; điểm g khoản 2 Điều 189; điểm l khoản 2 Điều 190; điểm l khoản 2 Điều 191; điểm m khoản 2 Điều 192; điểm c khoản 2 Điều 193; điểm c khoản 2 Điều 194; điểm c khoản 2 Điều 195; điểm c khoản 3 Điều 196; điểm đ khoản 2 Điều 200; điểm e khoản 2 Điều 202; điểm g khoản 2 Điều 203; điểm d khoản 2 Điều 209; điểm d khoản 2 Điều 210; điểm d khoản 2 Điều 211; điểm d khoản 2 Điều 212; điểm đ khoản 2 Điều 213; điểm e khoản 2 Điều 214; điểm e khoản 2 Điều 215; điểm c khoản 2 Điều 228; điểm o khoản 2 Điều 232; điểm i khoản 2 Điều 234.

XIX	Các tội phạm về môi trường	2 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 236; điểm b khoản 2 Điều 238.	0	0	6 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 236; điểm e khoản 2 Điều 238; điểm c khoản 2 Điều 243; điểm k khoản 2 Điều 244; điểm đ khoản 2 Điều 245; điểm d khoản 2 Điều 246.
XX	Các tội phạm về ma túy	12 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 248; điểm b khoản 2 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 250; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 252; điểm b khoản 2 Điều 253; điểm b khoản 2 Điều 254; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 256; điểm b khoản 2 Điều 257; điểm b khoản 2 Điều 258; điểm b khoản 2 Điều 259.	1 điều luật: điểm a khoản 3 Điều 248.	0	13 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 247; điểm i khoản 2 Điều 248; điểm o khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 2 Điều 250; điểm q khoản 2 Điều 251; điểm o khoản 2 Điều 252; điểm i khoản 2 Điều 253; điểm h khoản 2 Điều 254; điểm h khoản 2 Điều 255; điểm đ khoản 2 Điều 256; điểm k khoản 2 Điều 257; điểm k khoản 2 Điều 258; điểm c khoản 2 Điều 259.
XXI	Các tội xâm phạm an toàn công cộng,	7 điều luật:	8 điều luật:	1 điều luật:	28 điều luật:

	trật tự công cộng	điểm b khoản 2 Điều 285; điểm b khoản 2 Điều 290; điểm a khoản 2 Điều 296; điểm c khoản 2 Điều 324; điểm c khoản 2 Điều 327; điểm d khoản 2 Điều 328; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều Điều 329.	điểm c khoản 2 Điều 285, điểm c khoản 2 Điều 290, điểm c khoản 2 Điều 291, điểm a khoản 2 Điều 321, điểm a khoản 2 Điều 322, điểm b khoản 2 Điều 323, điểm d khoản 2 Điều 324, điểm c khoản 2 Điều 328.	điểm k khoản 2 Điều 265	điểm d khoản 3 Điều 265; điểm k khoản 2 Điều 266; điểm đ khoản 2 Điều 282; điểm e khoản 2 Điều 285; điểm đ khoản 2 Điều 286; điểm c khoản 2 Điều 287; điểm e khoản 2 Điều 289; điểm g khoản 2 Điều 290; điểm đ khoản 2 Điều 291; điểm c khoản 2 Điều 293; điểm c khoản 2 Điều 294; điểm e khoản 2 Điều 297; điểm g khoản 2 Điều 303; điểm h khoản 2 Điều 304; điểm i khoản 2 Điều 305; điểm h khoản 2 Điều 306; điểm g khoản 2 Điều 309; điểm h khoản 2 Điều 311; điểm i khoản 2 Điều 317; điểm e khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 2 Điều 321; điểm d khoản 2 Điều 322; điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm h khoản 2 Điều 324; điểm đ khoản 2 Điều 325; điểm h khoản 2 Điều 326;

					điểm h khoản 2 Điều 327; điểm g khoản 2 Điều 328.
XXII	Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	7 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 330; điểm c khoản 3 Điều 337; điểm a khoản 2 Điều 340; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm b khoản 2 Điều 348; điểm b khoản 2 Điều 349; điểm a khoản 2 Điều 350.	3 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 348, điểm c khoản 2 Điều 349, điểm c khoản 2 Điều 350.	0	7 điều luật: điểm đ khoản 2 Điều 330; điểm e khoản 2 Điều 341; điểm d khoản 2 Điều 342; khoản 2 Điều 346; điểm e khoản 2 Điều 348; điểm e khoản 2 Điều 349; điểm đ khoản 2 Điều 350.
XXIII	Các tội phạm về chức vụ	10 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 353; điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b khoản 2 Điều 357; điểm b khoản 2 Điều 358; điểm b khoản 2 Điều 361; điểm đ khoản 2 Điều 364; điểm e khoản 2 Điều 365; điểm a khoản 2 Điều 366.	1 điều luật: điểm b khoản 2 Điều 365.	0	1 điều luật: điểm c khoản 2 Điều 366.
XXIV	Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	8 điều luật: điểm a khoản 2 Điều 370; điểm b khoản 2 Điều 371; điểm a khoản 2 Điều 372; điểm a khoản 2 Điều 373;	0	0	1 điều luật: điểm d khoản 2 Điều 388.

		điểm a khoản 2 Điều 374; điểm a khoản 2 Điều 379; điểm a khoản 2 Điều 381; điểm a khoản 3 Điều 382.			
XXV	Các tội xâm phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu	1 điều luật: điểm đ khoản 2 Điều 397.	0	0	0
XXVI	Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh	0	0	0	0
TỔNG SỐ		**81**	**36**	**1**	**102**

(Nguồn: Tác giả tự thống kê)

PHỤ LỤC SỐ 04

BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐIỀU LUẬT QUY ĐỊNH DẤU HIỆU "ĐÃ BỊ KẾT ÁN VỀ TỘI NÀY …CHƯA ĐƯỢC XÓA ÁN TÍCH MÀ CÒN VI PHẠM" LÀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI TRONG BLHS NĂM 1985, BLHS NĂM 1999 VÀ BLHS NĂM 2015

Chương	BLHS năm 1985	BLHS năm 1999	BLHS năm 2015
XIII	0	01 Điều luật: Khoản 1 Điều 131.	0
XIV	0	06 Điều luật: Khoản 1 Điều 137; Khoản 1 Điều 138; Khoản 1 Điều 139; Khoản 1 Điều 140; Khoản 1 Điều 142; Khoản 1 Điều 143.	0
XV	0	0	0
XVI	0	16 Điều luật: Điểm a, c khoản 1 Điều 153; Điểm a, c khoản 1 Điều 154; Khoản 1 Điều 155; Khoản 1 Điều 156; Khoản 1 Điều 158; Điểm a khoản 1 Điều 159; Khoản 1 Điều 161; Khoản 1	6 Điều luật: Điểm b khoản 1 Điều 172; Điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm b khoản 1 Điều 174; Khoản 1 điều 175; Khoản 1 Điều 177; Điểm b khoản 1 Điều 178.

		Điều 162; Khoản 1 Điều 164; Khoản 1 Điều 167; Khoản 1 Điều 168; Khoản 1 Điều 171; Khoản 1 Điều 173; Khoản 1 Điều 175; Khoản 1 Điều 177; Khoản 1 Điều 178.	
XVII	0	01 Điều luật: Khoản 1 Điều 188.	0
XVIII	0	0	18 Điều luật: Điểm a khoản 1 Điều 188; Điểm a khoản 1 Điều 189; Điểm e khoản 1 Điều 190; Điểm e khoản 1 Điều 191; Điểm a khoản 1 Điều 192; Điểm a khoản 1 Điều 195; Khoản 1 Điều 197; Điểm a khoản 1 Điều 198; Điểm d khoản 1 Điều 199; Khoản 1 Điều 200; Khoản 1 Điều 201; Điểm c khoản 1 Điều 202; Điểm c khoản 1 Điều 209; Điểm a khoản 1 Điều 217a; Điểm đ khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm m khoản 1 Điều 232; Điểm c khoản 1 Điều 234.
XIX	0	15 Điều luật:	05 Điều luật:

		Khoản 1 Điều 207; Khoản 1 Điều 209; Khoản 1 Điều 214; Khoản 1 Điều 215; Khoản 1 Điều 217; Khoản 1 Điều 233; Khoản 1 Điều 242; Khoản 1 Điều 243; Khoản 1 Điều 245; Khoản 1 Điều 247; Khoản 1 Điều 248; Khoản 1 Điều 249; Điểm c khoản 1 Điều 253.	Điểm b, d, e, g khoản 1 Điều 235; Khoản 1 Điều 242; Điểm g khoản 1 Điều 243; Điểm e khoản 1 Điều 244; Điểm c khoản 1 Điều 245.
XX	0	04 Điều luật: Khoản 1 Điều 259; Khoản 1 Điều 270; Khoản 1 Điều 272; Khoản 1 Điều 273.	07 Điều luật: Điểm b khoản 1 Điều 247; Điểm a khoản 1 Điều 249; Điểm a khoản 1 Điều 250; Điểm a khoản 1 Điều 252; Điểm a khoản 1 Điều 253; Điểm a khoản 1 Điều 254; Khoản 1 Điều 259.
XXI	0	03 Điều luật: Điểm c khoản 1 Điều 278; Điểm c khoản 1 Điều 279; Khoản 1 Điều 280.	19 Điều luật: Khoản 1 Điều 266; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 274; Khoản 1 Điều 275; Khoản 1 Điều 276; Khoản 1 Điều 278; Điểm d khoản 1 Điều 286; Điểm đ khoản 1 Điều 287; Khoản 1 Điều 293; Khoản 1 Điều 294; Điểm a khoản 1 Điều 296; Điểm a khoản 1 Điều 297; Khoản 1 Điều 306;

			Điểm d khoản 1 Điều 316; Khoản 1 Điều 318; Khoản 1 Điều 320; Khoản 1 Điều 321; Điểm đ khoản 1 Điều 322; Điểm đ khoản 1 Điều 326.
XXII	0	0	05 Điều luật: Khoản 1 Điều 332; Khoản 1 Điều 340; Khoản 1 Điều 343; Khoản 1 Điều 345; Khoản 1 Điều 346.
XXIII	0	0	03 Điều luật: Điểm b khoản 1 Điều 353; Điểm a khoản 1 Điều 354; Điểm b khoản 1 Điều 355.
XXIV	0	0	01 Điều luật: Khoản 1 Điều 388.
XXV	0	0	0
XXVI	0	0	0
Tổng số	**0**	**46**	**64**

(Nguồn: Tác giả tự thống kê)

PHỤ LỤC SỐ 05

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NĂNG TNHS TRONG 500 BẢN ÁN HÌNH SỰ TỪ NĂM 2016 ĐẾN THÁNG 6/2022 TRONG PHẠM VI CẢ NƯỚC

STT	Các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại Điều 48 năm BLHS 1999 hoặc Điều 52 BLHS năm 2015	Số lượng bản án hình sự	Tỷ lệ (%)
1	Phạm tội có tổ chức	10	2
2	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp	12	2,4
3	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội	1	0,2
4	Phạm tội có tính chất côn đồ	22	4,4
5	Phạm tội vì động cơ đê hèn	7	1,4
6	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng	26	5,2
7	Phạm tội 02 lần trở lên	153	30,6
8	Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm	218	43,6
9	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên	11	2,2
10	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức	7	1,4

	hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác		
11	Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội	1	0,2
12	Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội	1	0,2
13	Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội	3	0,6
14	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội	19	3,8
15	Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm	6	1,2
16	Xâm phạm tài sản Nhà nước	3	0,6
TỔNG		**500 Bản án**	**100%**

(Nguồn: Tác giả tự thống kê)

PHỤ LỤC SỐ 06

SỐ LƯỢNG BẢN ÁN HÌNH SỰ KHÁO SÁT TRONG 200 BẢN ÁN TRONG TỪNG CHƯƠNG CỦA BLHS NĂM 2015 TỪ NĂM 2016 ĐẾN THÁNG 6/2022 TRONG PHẠM VI CẢ NƯỚC

Theo phụ lục số 03, hiện nay BLHS năm 2015 có 220 Điều luật quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là dấu hiệu định khung hình phạt. Từ số điều luật được quy định trong từng chương, tác giả đưa ra số lượng bản án hình sự dùng để khảo sát trong từng chương như sau:

Chương	**Số điều luật quy định các tình tiết tăng nặng TNHS liên quan đến nhiều tội phạm là dấu hiệu định khung hình phạt (Điều)**	**Tỷ lệ % của từng chương trong tổng số 14 chương (%)**	**Số bản án thực tế khảo sát (bản án)**
Chương XIII	0	0,0	0
Chương XIV	32	14,5	30
Chương XV	6	2,7	5
Chương XVI	18	8,2	17
Chương XVII	2	0,9	1
Chương XVIII	45	20,5	41
Chương XIX	8	3,6	5

Chương XX	26	11,8	25
Chương XXI	44	20,0	40
Chương XXII	17	7,7	16
Chương XXIII	12	5,5	11
Chương XIV	9	4,1	8
Chương XV	1	0,5	1
Chương XVI	0	0,0	0
TỔNG	**220**	**100**	**200**

PHỤ LỤC SỐ 07

TỔNG HỢP 500 BẢN ÁN ÁP DỤNG TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TNHS TẠI ĐIỀU 48 BLHS NĂM 1999 VÀ ĐIỀU 52 BLHS NĂM 2015 TỪ NĂM 2016 ĐẾN THÁNG 6/2022 TRONG PHẠM VI CẢ NƯỚC

STT	SỐ BẢN ÁN	NGÀY	TÒA ÁN	TỘI DANH	CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TNHS
1.	49/2016/HSST	26/09/2016	TAND Huyện Hóc Môn – TP.HCM	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
2.	770/2016/HSPT	27/07/2016	TAND TP. Hà Nội	Tội cướp giật tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
3.	14/2016/HSST	15/06/2016	TAND Huyện Triệu Phong – Tỉnh Quảng Trị	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
4.	01/2016/HSST	27/01/2016	TAND Huyện Tân Hưng – Tỉnh Long An	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
5.	716/2016/HSPT	27/12/2016	TAND cấp cao tại Hà Nội	Tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng	Phạm tội nhiều lần
6.	113/2016/HSST	30/5/2016	TAND Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

7.	05/2016/HSST	28/12/2016	TAND tỉnh Bắc Kạn	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
8.	08/2016/HSST	08/12/2016	TAND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
9.	30/2016/HSST	12/12/2016	TAND huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Tội huỷ hoại tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
10.	19/2016/HSST	24/11/2016	TAND huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
11.	24/2016/HSST	16/12/2016	TAND huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
12.	26/2016/HSST	23/12/2016	TAND huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
13.	113/2016/HSPT	210/9/2016	TAND tỉnh Thừa Thiên Huế	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
14.	13/2016/HSST	17/06/2016	TAND huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	Tội cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
15.	405/2016/HSST	08/11/2016	TAND TP. Hà Nội	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Phạm tội nhiều lần
16.	15/2016/HSST	23/03/2016	TAND tỉnh Đồng Tháp	Tội tham ô tài sản	Phạm tội nhiều lần

17.	08/2016/HSPT	15/03/2016	TAND tỉnh Kon Tum	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
18.	35/2016/HSST	11/11/2016	TAND tỉnh Bắc Ninh	Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
19.	28/2016/HSST	09/9/2016	TAND tỉnh Hòa Bình	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
20.	36/2016/HSST	28/11/2016	TAND tỉnh Hòa Bình	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
21.	22/2016/HSST	17/06/2016	TAND huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
22.	44/2017/HSST	08/09/2017	TAND huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội nhiều lần
23.	84/2017/HSST	14/12/2017	TAND huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Tội tổ chức đánh bạc	Phạm tội nhiều lần
24.	97/2017/HSST	15/11/2017	TAND Q. Phú Nhuận, TP. HCM	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
25.	154/2017/HSST	29/12/2017	TAND Q. 3, TP. HCM	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
26.	50/2017/HSST	21/04/2017	TAND Q. 3, TP. HCM	Cướp giật tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

					hiểm
27.	220/2017/HSST	27/12/2017	TAND huyện Củ Chi, TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
28.	25/2017/HSST	05/12/2017	TAND huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
29.	140/2017/HSST	09/11/2017	TAND huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
30.	123/2017/HSST	28/12/2017	TAND huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội	Tội đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
31.	148/2017/HSST	27/12/2017	TAND TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
32.	139/2017/HSST	22/12/2017	TAND TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
33.	83/2017/HSST	13/07/2017	TAND TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
34.	171/2017/HSST	30/11/2017	TAND TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Tội hủy hoại tài sản	Phạm tội nhiều lần
35.	87/2017/HSST	08/08/2017	TAND TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

36.	212/2017/HSST	07/12/2017	TAND Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
37.	190/2017/HSST	26/10/2017	TAND Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
38.	198/2017/HSST	09/11/2017	TAND Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
39.	290/2017/HSST	09/11/2017	TAND tỉnh Đồng Nai	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội nhiều lần
40.	61/2017/HSST	16/5/2017	TAND huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
41.	280/2017/HSST	10/08/2017	TAND TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
42.	436/2017/HSST	25/12/2017	TAND TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
43.	413/2017/HSST	14/12/2017	TAND TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
44.	394/2017/HSST	22/11/2017	TAND TP. HCM	Tội cướp giật tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
45.	365/2017/HSST	22/9/2017	TAND TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

46.	13/2017/HSST	12/9/2017	TAND huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng	Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
47.	133/2017/HSST	14/11/2017	TAND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
48.	149/2017/HSST	14/12/2017	TAND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
49.	46/2017/HSST	28/9/2017	TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
50.	06/2017/HSST	16/11/2017	TAND TX. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
51.	27/2017/HSST	29/11/2017	TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Trộm cắp tài sản	Xúi giục người chưa thành niên phạm tội
52.	156/017/HSPT	13/11/2017	TAND tỉnh Khánh Hòa	Cướp tài sản	Phạm tội đối với người già
53.	268/2017/HSST	27/11/2017	TAND TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
54.	114/2017/HSST	28/9/2017	TAND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Cướp giật tài sản	Xúi giục trẻ em phạm tội
55.	489/2017/HSPT	18/9/2017	TAND TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

56.	19/2017/HSST	08/08/2017	TAND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần; Xúi giục người chưa thành niên phạm tội
57.	421/2017/HSST	15/12/2017	TAND TP. HCM	Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức	Phạm tội có tổ chức
58.	52/2017/HSST	14/9/2017	TAND Q. 2, TP.Hồ Chí Minh	Tổ chức đánh bạc	Xúi giục người chưa thành niên phạm tội
59.	233/2017/HSST	18/7/2017	TAND Q. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	Cố ý gây thương tích	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
60.	65/2017/HSST	27/10/2017	TAND tỉnh Thanh Hóa	Hiếp dâm trẻ em	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
61.	34/2017/HSPT	27/11/2017	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần
62.	604/2017/HSPT	07/12/2017	TAND cấp cao tại TP. HCM	Hiếp dâm trẻ em	Xúi giục người chưa thành niên phạm tội
63.	20/2017/HSST	22/6/2017	TAND huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Hiếp dâm trẻ em	Cố tình thực hiện tội đến cùng; Phạm tội đối với trẻ em
64.	50/2017/HSST	30/11/2017	TAND huyện Ân Thi, tỉnh	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Xâm phạm tài sản Nhà nước

			Hưng Yên		
65.	278/2017/HSST	14/12/2017	TAND TP.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
66.	93/2017/HSST	19/12/2017	TAND huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội nhiều lần và xâm phạm tài sản Nhà nước
67.	19/2017/HSST	25/7/2017	TAND huyện Đăk Tô, tỉnh Kom Tum	Hủy hoại tài sản	Xâm phạm tài sản Nhà nước
68.	74/2017/HSST	30/11/2017	TAND TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
69.	52/2017/HSST	17/11/2017	TAND huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
70.	10/2017/HSST	01/11/2017	TAND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
71.	30/2017/HSST	27/6/2017	TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Làm nhục người khác	Phạm tội đối với trẻ em
72.	406/2017/HSST	06/12/2017	TAND TP.Hồ Chí Minh	Giết người	Xúi giục người chưa thành niên phạm tội
73.	271/2017/HSST	01/08/2017	TAND TP. HCM	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội nhiều lần
74.	253/2017/HSST	24/7/2017	TAND TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

				túy	hiểm
75.	232/2017/HSST	24/10/2017	TAND Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
76.	107/2017/HSST	13/12/2017	TAND huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
77.	44/2017/HSST	21/9/2017	TAND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
78.	30/2017/HSST	24/8/2017	TAND tỉnh Thừa Thiên Huế	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội nhiều lần
79.	66/2017/HSST	27/12/2017	TAND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Trốn khỏi nơi giam	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
80.	283/2017/HSST	19/12/2017	TAND TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
81.	41/2017/HSST	25/8/2017	TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
82.	164/2017/HSST	24/11/2017	TAND TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
83.	166/2017/HSST	11/12/2017	TAND TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
84.	75/2017/HSST	31/8/2017	TAND Q. Ngô Quyền, TP.	Cưỡng đoạt tài sản	Phạm tội nhiều lần

			Hải Phòng		
85.	195/2017/HSST	05/12/2017	TAND Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
86.	339/2017/HSST	12/12/2017	TAND Q. 8, TP. HCM	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
87.	144/2017/HSST	25/12/2017	TAND huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
88.	74/2017/HSST	30/11/2017	TAND huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	Cướp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
89.	133/2017/HSST	24/10/2017	TAND TP. Hải Phòng	Tàng trữ vũ khí quân dụng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
90.	139/2017/HSST	14/12/2017	TAND huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
91.	52/2017/HSST	14/9/2017	TAND Q. 2, TP.Hồ Chí Minh	Tổ chức đánh bạc	Xúi giục người chưa thành niên phạm tội
92.	04/2017/HSST	11/5/2017	TAND huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	Hủy hoại rừng	Xâm phạm tài sản Nhà nước
93.	37/2017/HSST	24/11/2017	TAND huyện Vĩnh Thuận,	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần và tái phạm

			tỉnh Kiên Giang		
94.	34/2017/HSST	30/6/2017	TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội	Cướp giật tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
95.	70/2017/HSST	14/12/2017	TAND huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
96.	76/2017/HSST	16/11/2017	TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
97.	83/2017/HSST	15/11/2017	TAND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
98.	54/2017/HSST	30/08/2017	TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
99.	31/2017/HSST	22/11/2017	TAND huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội nhiều lần
100.	124/2017/HSST	09/11/2017	TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
101.	78/2018/HS-ST	13/09/2018	TAND TP. Hải Phòng	Hiếp Dâm người dưới 16t	Phạm tội 02 lần trở lên
102.	21/2018/HS-ST	12/06/2018	TAND Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

103.	117/2018/HS-ST	27/11/2018	TAND Huyện Hoài Đức - Hà Nội	Hiếp Dâm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
104.	19/2018/HS-ST	27/09/2018	TAND Huyện Cần Đước LA	Hiếp Dâm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
105.	18/2018/HS-ST	22/08/2018	TAND Thị xã ngã bảy tỉnh Hậu Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
106.	179/2018/HS-ST	23/11/2018	TAND Tỉnh Nghệ An	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
107.	81/2018/HS-ST	15/11/2018	TAND Tỉnh Đồng Nai	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
108.	167/2018/HSPT	28/5/2018	Tòa án nhân dân Tỉnh Đăk Lăk	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
109.	34/2018/HS-ST	30/10/2018	TAND Tỉnh Khánh Hòa	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
110.	30/2018/HS-ST	19/09/2018	TAND Tỉnh Tuyên Quang	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
111.	21/2018/HS-ST	12/06/2018	TAND Thị Xã Gò Công	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

					hiểm
112.	73/2018/HS-PT	24/08/2018	TAND Tỉnh Phú Yên	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
113.	120/2018/HSST	22/11/2018	TAND Tỉnh Hải Phòng	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
114.	312/2018/HSST	26/11/2018	TAND Tỉnh Đồng Nai	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
115.	105/2018/HSST	26/4/2018	TAND TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đăk Lăk	Trộm cắp tài sản	Phạm tội nhiều lần
116.	172/2018/HSST	28/11/2018	TAND Tỉnh An Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
117.	51/2018/HS-PT	11/05/2018	TAND Tỉnh Khánh Hòa	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
118.	102/2018/HSPT	31/08/2018	TAND Tỉnh Khánh Hòa	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
119.	90/2018/HS-PT	05/10/2018	TAND Tỉnh Hải Dương	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
120.	157/2018/HSPT	22/08/2018	TAND Tỉnh Kiên Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

121.	146/2018/HSPT	26/07/2018	TAND Tỉnh Kiên Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
122.	45/2018/HS-PT	30/08/2018	TAND Tỉnh Hưng Yên	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
123.	69/2018/HS-PT	30/08/2018	TAND Tỉnh Tây Ninh	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
124.	109/2018/HSPT	28/05/2018	TAND Tỉnh Đồng Nai	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
125.	33/2018/HS-PT	12/06/2018	TAND Tỉnh Vĩnh Long	Cố ý gây thương tích	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
126.	38/2018/HS-PT	09/04/2018	TAND Tỉnh Khánh Hòa	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
127.	79/2018/HS-PT	29/03/2018	TAND Tỉnh Kiên Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
128.	31/2018/HS-PT	12/04/2018	TAND Tỉnh Quảng Bình	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
129.	312/2018/HSST	27/11/2018	TAND Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Hội	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
130.	230/2018/HSST	27/09/2018	TAND Q. Nam Từ Liêm, TP.	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Hà Hội		hiểm
131.	62/2018/HS-ST	05/12/2018	TAND Thị Xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
132.	37/2017/HS-ST	12/06/2018	TAND Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
133.	210/2018/HS-ST	23/11/2018	TAND TP Cà Mau	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
134.	527/2018/HS-ST	24/12/2018	TAND TP Thái Nguyên	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
135.	70/2018/HS-ST	28/12/2018	TAND Thị Xã Tân Châu, tỉnh An Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
136.	11/2018/HS-ST	05/10/2018	TAND huyện Dăk Tô, tỉnh Kon Tum	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
137.	14/2018/HS-ST	30/10/2018	TAND huyện Dăk Tô, tỉnh Kon Tum	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
138.	213/2018/HS-ST	26/11/2018	TAND TP. Lạng Sơn	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
139.	31/2018/HS-ST	30/11/2018	TAND Huyện An Lão, tỉnh	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Hải Phòng		hiểm
140.	07/2019/HS-ST	20/11/2018	TAND Huyện DăkRông, tỉnh Quảng Trị	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
141.	21/2018/HS-ST	28/11/2018	TAND Huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
142.	61/2018/HS-ST	01/11/2018	TAND huyện Chiêm Hóa, Tỉnh Tuyên Quang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
143.	55/2018/HS-ST	22/11/2018	TAND TP Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
144.	62/2018/HS-ST	29/11/2018	TAND Huyện Dăk Song, tỉnh Đắk Nông	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
145.	133/2018/HSST	25/10/2018	TAND Tỉnh Bình Định	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
146.	27/2018/HS-ST	30/11/2018	TAND Huyện An Minh, Tỉnh Kiên Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
147.	117/2018/HSST	29/11/2018	TAND TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

148.	98/2018/HS-ST	07/11/2018	TAND Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
149.	112/2018/HSST	21/11/2108	TAND Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
150.	51/2018/HS-ST	23/11/2018	TAND Huyện Đắk Milk, tỉnh Đắk Nông	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
151.	332/2018/HS-STST	14/09/2018	TAND TP. Hà Nội	Giết người	Cố tình tình thực hiện hiện tội phạm tới cùng; Phạm tội đối với người dưới 16t, phụ nữ có thai và người đủ 70t trở lên
152.	83/2018/HS-ST	20/11/2018	TAND Tỉnh Thanh Hóa	Giết người	Cố tình thực hiện tội phạm tới cùng
153.	42/2018/HSST	18/12/2018	TAND Tỉnh Hòa Bình	Giết người	Phạm tội đối với người dưới 16t, phụ nữ có thai và người đủ 70t trở lên
154.	114/2018/HS-ST	30/11/2018	TAND Tỉnh Điện Biên	Giết người	Phạm tội đối với người dưới 16t, phụ nữ có thai và người đủ 70t trở lên

155.	08/2018/HSPT	24/12/2018	TANDCC tại Đà Đà Nẵng	Giết người	Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh che dấu tội phạm
156.	83/2018/HS-ST	17/11/2018	TAND Tỉnh Lạng Sơn	Giết người	Cố tình phạm tội đến cùng
157.	13/2018/HS-ST	04/05/2018	TAND Tỉnh Tây Ninh	Giết người	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lê thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc mặt
158.	43/2018/HS-ST	11/09/2018	TAND Tỉnh Thái Nguyên	Giết người	Phạm tội đối với người dưới 16t, phụ nữ có thai và người đủ 70t trở lên
159.	48/2018/HS-ST	01/8/2018	TAND Tỉnh Kiên Giang	Giết người	Phạm tội có tính côn đồ
160.	71/2018/HS-ST	22/11/2018	TAND Huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Cố ý gây thương tích	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
161.	698/2018/HS-PT	17/12/2018	TANDCC tại TP HCM	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

162.	98/2018HS-PT	30/11/2018	TAND TP. Hải Phòng	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
163.	298/2018/HS-PT	19/9/2018	TAND Tỉnh Đắk Lắk	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
164.	08/2018/HS-ST	05/05/2018	TAND Huyện Đồng Hòa, tỉnh Phú Yên	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
165.	280/2018/HS-PT	20/11/2018	TANDCC Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
166.	182/2018/HS-ST	24/05/2018	TAND TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
167.	244A/2018/HS-PT	29/10/2018	TAND Tỉnh Đồng Nai	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
168.	123/2018/HSST	08/05/2018	TAND Q. Long Biên, TP. Hà Nội	Tàng trữ trái phép chất ma túy.	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
169.	531/2018/HSST	25/12/2018	TAND TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
170.	189/2018/HS-PT	10/09/2018	TAND Tỉnh Đồng Nai	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
171.	44/2018/HS-ST	23/03/2018	TAND Q. Lê Chân, TP. Hải	Tàng trữ trái phép chất ma	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Phòng	túy	hiểm
172.	96/2018/HS-PT	30/05/2018	TAND TP. Đà Nẵng	Cướp giật tài sản	Phạm tội đối với người dưới 16t, phụ nữ có thai và người đủ 70t trở lên; Phạm tội 02 lần trở lên
173.	60/2018/HS-PT	23/04/2018	TAND TP. Đà Nẵng	Hủy hoại tài sản	Phạm tội có tính côn đồ
174.	21/2018/HSST	11/04/2018	TAND huyện Ba Vì, TP. Hà Nội	Cướp giật tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
175.	122 /2018/HSST	03/10/2018	TAND huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Tàng trữ, lưu hành tiền giả	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
176.	21/2018/HS-ST	17/04/2018	TAND huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
177.	51/2018/HS-ST	25/07/2018	TAND Tỉnh Thanh Hóa	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
178.	38/2018/HS-ST	30/08/2018	TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
179.	26/2018/HS-ST	19/10/2018	TAND huyện Krong Ana, tỉnh Đắk Lăk	Cố ý gây thương tích	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội

180.	10/2018/HS-ST	05/04/2018	TAND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
181.	24/2018/HSST	22/03/2018	TAND TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
182.	09/2018/HSST	29/05/2018	TAND huyện Hương Sơn, tỉnh hà Tỉnh	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
183.	01/2018/HS-ST	02/01/2018	TAND huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
184.	34/2018/HSST	10/5/2018	TAND Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
185.	12/2018/HSST	05/01/2018	TAND huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính côn đồ
186.	04/2018/HS-ST	13/03/2018	TAND huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
187.	06/2018/HS-ST	16/01/2018	TAND Q. Lê Chân, TP. Hà Nội	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
188.	150/2018/HSST	05/09/2018	TAND huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
189.	14/2018/HSST	19/01/2018	TAND TP. Hải Dương, Tỉnh	Môi giới mại dâm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			hải Dương		hiểm
190.	07/2018/HS-ST	09/04/2018	TAND tỉnh Hải Dương	Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
191.	68/2018/HS-ST	03/10/2018	TAND Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
192.	01/2018/HS-ST	28/12/2018	TAND tỉnh Nam Định	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
193.	20/2018/HS-ST	28/05/2018	TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
194.	57/2018/HSST	21/05/2018	TAND Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	Cướp giật tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
195.	13/2018/HS-ST	24/08/2018	TAND tỉnh Quảng Trị	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
196.	32/2018/HS-ST	13/06/2018	TAND huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
197.	20/2018/HS-ST	11/10/2018	TAND huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội

198.	11/2018/HS-ST	19/04/2018	TAND tỉnh Hải Dương	Gây rối trật tự công cộng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
199.	40/2018/HSPT	18/09/2018	TAND tỉnh Bắc Ninh	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
200.	07/2018/HSST	24/05/2018	TAND huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
201.	213/2019/HS-PT	25/04/2019	TANDCC Tại TP.HCM	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
202.	216/2019/HSPT	25/04/2019	TANDCC Tại TP.HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
203.	314/2019/HSPT	11/6/2019	TANDCC Tại TP.HCM	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
204.	152/2019/HS-PT	10/6/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Tổ chức đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
205.	341/2019/HSPT	12/6/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
206.	255/2019/HSPT	26/04/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
207.	293/2019/HS-PT	24/05/2019	TANDCC Tại TP.HCM	Giết Người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

208.	113/2019/HS-PT	17/04/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
209.	135/2019/HS-PT	26/04/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
210.	65/2019/HS-PT	19/03/2021	TANDCC Tại Đà Nẵng	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
211.	114/2019/HSPT	13/03/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
212.	33/2019/HSPT	24/01/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
213.	21/2019/HS-PT	7/01/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
214.	176/2019/HS-PT	21/11/2019	TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
215.	253/2019/HS-PT	29-10-2019	TAND Tỉnh Quảng Nam	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
216.	359/2019/HS-ST	27/09/2019	TAND TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
217.	561/2019/HS-PT	25/09/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Cướp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

					hiểm
218.	245/2019/HS-PT	11/9/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
219.	233/2019/HS-PT	23/04/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên
220.	312/2019/HS-PT	11/6/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội có tổ chức Phạm tội 02 lần trở lên
221.	167/2019/HS-PT	25/06/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội có tổ chức; Phạm tội 02 lần trở lên
222.	251/2019/HSPT	11/10/2019	TAND Tỉnh Đồng Tháp	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm; Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên
223.	291/2019/HS-PT	23/05/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Làm, lưu hành tiền giả	Phạm tội có tổ chức; Phạm tội 02 lần trở lên

224.	375/2019/HS-PT	28/06/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội 02 lần trở lên
225.	326/2019/HSPT	31/05/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
226.	323/2019/HSPT	30/05/2020	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
227.	315/2019/HSPT	28/05/2018	TANDCC Tại Hà Nội	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
228.	260/2019/HSPT	08/05/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
229.	142/2019/HSPT	08/05/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
230.	194/2019/HS-PT	16/04/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
231.	64/2019/HS-PT	19/03/2020	TANDCC Tại Đà Nẵng	Tổ chức đánh bạc, đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
232.	70/2019/HS-PT	28/03/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
233.	69/2019/HS-PT	28-03-2020	TANDCC Tại Đà Nẵng	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
234.	101/2019/HSPT	10/4/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên;

235.	126/2019/HSPT	18/03/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
236.	56/2019/HSPT	28/02/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Cướp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
237.	87/2019/HS-PT	07/03/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
238.	130/2019/HSPT	19/03/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
239.	25/2019/HS-PT	07/01/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
240.	99/2019/HSST	02/04/2019	TAND TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
241.	191/2019/HSST	11/6/2019	TAND TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
242.	6/2019/HS-ST	20/05/2019	TAND Tỉnh Nam Định	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
243.	168/2019/HSST	22/05/2019	TAND TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
244.	102/2019/HSPT	20/02/2019	TAND TP. HCM	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
245.	24/2019/HS-ST	24/12/2019	TAND Tỉnh Phú Yên	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
246.	63/2019/HS-PT	19/03/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội
247.	38/2019/HSPT	09/01/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên;

					Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
248.	166/2019/HS-PT	25/06/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên ; Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
249.	41/2019/HS-PT	10/01/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Giết người	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên
250.	278/2019/HSPT	16/05/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Giết người	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên
251.	119/2019/HS-PT	18/04/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Giết người	Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội
252.	208/2019/HS-ST	25/11/2019	TAND Huyện Củ Chi, TP. HCM	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
253.	83/2019/HS-ST	31/05/2019	TAND Huyện Củ Chi, TP. HCM	Cướp giật tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
254.	178/2019/HSST	18/10/2019	TAND Q. 12 TP. HCM	Cướp giật tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên

255.	57/2019/HS-PT	29/01/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Tham ô tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
256.	804/2019/HSPT	18/12/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
257.	670/2019/HSPT	30/10/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
258.	806/2019/HSPT	02/12/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
259.	563/2019/HSPT	27/12/2019	TANDCC Tại TP.HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
260.	706/2019/HSPT	18/11/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
261.	579/2019/HSPT	27/09/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
262.	809/2019/HSPT	19/12/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
263.	01/2019/HS-PT	23/12/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
264.	369/2019/HSPT	19/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
265.	769/2019/HSPT	28/11/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
266.	808/2019/HSPT	04/12/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
267.	663/2019/HSPT	28/10/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên

268.	713/2019/HSPT	19/11/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
269.	770/2019/HSPT	28/11/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Giết người	Phạm tội 02 lần trở lên
270.	353/2019/HSP	11/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
271.	384/2019/HSPT	25/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
272.	406/2019/HSPT	28/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Cướp giật tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
273.	371/2019/HSPT	20/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
274.	374/2019/HSPT	20/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
275.	401/2019/HSPT	27/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
276.	416/2019/HSPT	29/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
277.	377/2019/HSPT	21/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
278.	563/2019/HSPT	25/09/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
279.	389/2019/HSPT	15/07/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
280.	693/2018/HSPT	12/12/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
281.	394/2019/HSPT	26/11/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
282.	91/2019/HSPT	18/06/2019	TAND Huyện Củ Chi TP.	Cướp tài sản và trộm cắp tài	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			HCM	sản	hiểm
283.	836/2019/HSPT	25/12/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
284.	854/2019/HSPT	30/12/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
285.	630/2019/HSPT	21/10/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
286.	837/2019/HSPT	25/12/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
287.	826/2019/HSPT	24/12/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
288.	05/2019/HSPT	23/12/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
289.	04/2019/HS-PT	23/12/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
290.	812/2019/HSPT	05/12/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
291.	527/2019/HSPT	17/09/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

292.	792/2019/HSPT	16/12/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
293.	745/2019/HSPT	26/11/2019	TANDCC Tại Hà Nội	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
294.	389/2019/HSPT	25/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Cướp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
295.	826/2019/HSPT	16/12/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
296.	400/2019/HSPT	26/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
297.	364/2019/HSPT	18/11/2019	TANDCC Tại Đà Nẵng	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
298.	320/2019/HSPT	13/06/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
299.	581/2019/HSPT	27/09/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Cướp giật tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
300.	402/2019/HSPT	17/07/2019	TANDCC Tại TP. HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

301.	72/2020/HSPT	12/06/2020	TAND Tỉnh Bắc Giang	Tội hiếp dâm	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác
302.	79/2020/HSST	07/07/2020	TAND Q. Bình Thạnh, TP. HCM	Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
303.	104/2020/HSST	19/11/2020	TAND TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
304.	15A/2020/HSST	21/04/2020	TAND huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
305.	211/2020/HSST	25/09/2020	TAND Q. Bình Tân, TP. HCM	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
306.	46/2020/HSST	24/06/2020	TAND huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang	Tội trộm cắp tài sản	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội
307.	15/2020/HSST	31/01/2020	TAND TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Tội trộm cắp tài sản	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội

308.	82/2020/HS-PT	28/09/2020	TAND Tỉnh Hậu Giang	Tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
309.	384/2020/HSPT	05/06/2020	TAND TP. Hà Nội	Tội tổ chức đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
310.	48/2020/HS-PT	30/11/2020	TAND Tỉnh Yên Bái	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
311.	389/2020/HSPT	08/06/2020	TAND TP. Hà Nội	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
312.	113/2020/HSST	30/09/2020	TAND TP. Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Tội cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
313.	16/2020/HSST	07/05/2020	TAND huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	Tội tổ chức đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
314.	122/2020/HSST	26/10/2020	TAND huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Tội mua bán trái phép chất ma tuý và tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
315.	35/2020/HSST	27/11/2020	TAND TP. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	Tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
316.	183/2020/HSST	31/12/2020	TAND Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
317.	49/2020/HSST	23/07/2020	TAND huyện Ba Vì, TP. Hà	Tội tàng trữ trái phép chất	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Nội	ma túy	hiểm
318.	210/2020/HSST	29/12/2020	TAND huyện Hóc Môn, TP. HCM	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
319.	07/2020/HSST	05/05/2020	TAND Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Tội vận chuyển hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
320.	51/2020/HSST	16/06/2020	TAND Tỉnh Khánh Hòa	Tội giết người	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người từ đủ 70 tuổi trở lên
321.	07/2020/HSST	03/06/2020	TAND huyện Mỹ Tú, Tỉnh Sóc Trăng	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội vì động cơ đê hèn
322.	564/2020/HS-PT	27/11/2020	TANDCC Tại Hà Nội	Tội mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
323.	112/2020/HSST	13/10/2020	TAND TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
324.	150/2020/HSPT	11/06/2020	TAND TP. Đà Nẵng	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

325.	75/2020/HSPT	25/02/2020	TAND TP. HCM	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
326.	83/2020/HSST	27/11/2020	TAND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
327.	53/2020/HSPT	17/06/2020	TAND Tỉnh Khánh Hòa	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; Tái phạm
328.	161/2020/HSST	04/08/2020	TAND TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Tội cưỡng đoạt tài sản	Phạm tội vì động cơ đê hèn
329.	81/2020/HSPT	19/05/2020	TAND TP. Đà Nẵng	Tội giết người và tội cố ý gây thương tích	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
330.	386/2020/HSST	23/12/2020	TAND Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
331.	85/2020/HSPT	16/11/2020	TAND Tỉnh Sóc Trăng	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
332.	30/2020/HSST	27/04/2020	TAND TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm nguy hiểm
333.	61/2020/HSPT	19/05/2020	TAND Tỉnh Thanh Hóa	Tội giết người và tội cố ý	Cố tình thực hiện tội phạm đến

				gây thương tích	cùng
334.	134/2020/HSST	29/05/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
335.	724/2020/HSPT	24/11/2020	TAND TP. HCM	Tội giết người	Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm
336.	59/2020/HSST	23/12/2020	TAND huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật hoặc khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác
337.	269/2020/HSST	18/09/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
338.	36/2020/HSST	02/07/2020	TAND huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang	Tội cướp giật tài sản	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật hoặc

					khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác
339.	300/2020/HSST	30/11/2020	TAND Q. Long Biên, TP. Hà Nội	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
340.	79/2020/HSPT	18/09/2020	TAND Tỉnh Vĩnh Long	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật hoặc khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác
341.	251/2020/HSST	08/09/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
342.	76/2020/HSST	29/05/2020	TAND Q. Hà Đông, TP. Hà	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Nội		hiểm
343.	41/2020/HSST	15/12/2020	TAND thị xã Ngã Năm, Tỉnh Sóc Trăng	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
344.	338/2020/HSST	21/12/2020	TAND Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	Tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
345.	407/2020/HSPT	21/07/2020	TAND TP. HCM	Tội giết người	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật hoặc khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác
346.	51/2020/HSST	02/10/2020	TAND huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh	Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép	Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội
347.	126/2020/HSST	28/05/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP.	Tội mua bán trái phép chất	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Hà Nội	ma túy	hiểm
348.	306/2020/HSST	29/10/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tội mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
349.	64/2020/HSST	15/09/2020	TAND TP. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
350.	233/2020/HSST	21/08/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
351.	34/2020/HSST	10/08/2020	TAND huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
352.	35/2020/HS-PT	23/11/2020	TAND Tỉnh Tuyên Quang	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
353.	88/2020/HSST	13/05/2020	TAND Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tội mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
354.	133/2020/HSPT	24/11/2020	TAND Tỉnh Quảng Bình	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên
355.	60/2020/HSPT	10/06/2020	TAND Tỉnh Quảng Bình	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc

					người đủ 70 tuổi trở lên
356.	173/2020/HSST	28/08/2020	TAND thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên
357.	85/2020/HS-PT	16/11/2020	TAND Tỉnh Sóc Trăng	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
358.	30/2020/HSST	12/05/2020	TAND huyện Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên
359.	383/2020/HSPT	31/07/2020	TAND TP. Hà Nội	Tội mua bán người	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên
360.	05/2020/HSPT	06/02/2020	TAND Tỉnh An Giang	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên
361.	323/2020/HSST	29/10/2020	TAND Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
362.	456/2020/HSPT	18/08/2020	TAND TP. HCM	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội có tổ chức

363.	41/2020/HSST	18/09/2020	TAND huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh	Tội vận chuyển hàng cấm	Phạm tội có tổ chức
364.	139/2020/HSST	11/08/2020	TAND Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội có tổ chức
365.	117/2020/HSST	15/07/2020	TAND TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự	Phạm tội có tổ chức
366.	518/2020/HSPT	09/09/2020	TAND TP. HCM	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tổ chức
367.	13/2020/HSPT	14/02/2020	TAND Tỉnh Điện Biên	Tội bắt, giữ người trái pháp luật và cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác	Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội
368.	142/2020/HSST	16/12/2020	TAND TP. Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Tội cướp tài sản	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
369.	10/2020/HSST	24/12/2020	TAND Tỉnh Lai Châu	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
370.	24/2020/HSST	21/05/2020	TAND huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tội cố ý làm hư hỏng tài sản	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
371.	03/2020/HSST	09/01/2020	TAND Tỉnh Cà Mau	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến

					cùng
372.	746/2020/HSPT	27/11/2020	TAND TP. HCM	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
373.	61/2020/HSPT	20/02/2020	TAND Tỉnh Thanh Hóa	Tội cố ý gây thương tích	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
374.	02/2020/HSST	08/01/2020	TAND Tỉnh Cà Mau	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
375.	161/2020/HSPT	26/09/2020	TAND Tỉnh Bình Dương	Tội xâm phạm chỗ ở của người khác	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
376.	56/2020/HSST	21/12/2020	TAND Tỉnh Yên Bái	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
377.	19/2020/HSST	01/12/2020	TAND Tỉnh Sơn La	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
378.	477/2020/HSPT	25/09/2020	TAND TP. Hà Nội	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
379.	582/2020/HSPT	28/09/2020	TAND TP. HCM	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
380.	03/2020/HSST	19/02/2020	TAND huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng	Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục	Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ

				khác với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi	được, người khuyết tật hoặc khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác
381.	432/2020/HSPT	04/09/2020	TAND TP. HCM	Tội hủy hoại tài sản	Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội
382.	579/2020/HSPT	18/08/2020	TAND TP. Hà Nội	Tội cướp tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
383.	10/2020/HSPT	07/01/2020	TAND TP. HCM	Tội làm nhục người khác	Phạm tội có tính chất côn đồ
384.	56/2020/HSST	16/12 /2020	TAND huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	Tội cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
385.	16/2020/HSST	11/05/2020	TAND huyện Phú Riềng Bình Phước	Tội cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
386.	106/2020/HSPT	08/12/2020	TAND tỉnh Bình Phước	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội có tính chất côn đồ
387.	04/2020/HSST	24/04/2020	TAND huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định	Tội chống người thi hành công vụ	Phạm tội có tính chất côn đồ

388.	82/2020/HSST	11/09/2020	TAND huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	Tội cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
389.	02/2020/HSST	13/01/2020	TAND huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	Tội cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
390.	79/2020/HSST	07-7-2020	TAND Q. Bình Thạnh, TP.HCM	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
391.	104/2020/HSST	19/11/2020	TAND TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
392.	15A/2020/HSST	21/04/2020	TAND huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
393.	48/2020/HSPT	09/09/2020	TAND Tỉnh Thái Bình	Tội Đánh bạc.	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
394.	60/2020/HS-PT	20/02/2020	TAND Tỉnh Đắk Lắk	Tội cưỡng đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
395.	384/2020/HSPT	05/06/2020	TAND TP. Hà Nội	Tội tổ chức đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
396.	112/2020/HSST	13/10/2020	TAND TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	Tội cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
397.	150/2020/HSPT	11/06/2020	TAND TP. Đà Nẵng	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài	Phạm tội 02 lần trở lên

				sản	
398.	75/2020/HSPT	25/02/2020	TAND TP. HCM	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
399.	54/2020/HSST	01/09/2020	TAND huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
400.	303/2020/HSST	12/08/2020	TAND TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Tội cố ý gây thương tích và sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan, tổ chức	Phạm tội có tính chất côn đồ
401.	02/2021/HS-ST	20/01/2021	TAND Tỉnh Hậu Giang	Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Phạm tội 02 lần trở lên
402.	30/2021/HS-ST	27/04/2021	TAND huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
403.	141/2021/HSPT	31/03/2021	TAND TP.HCM	Cướp giật tài sản	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội
404.	579/2021/HSPT	30/12/2021	TAND TP.HCM	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
405.	153/2021/HSPT	29/12/2021	TAND Tỉnh Bình Định	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên

406.	103/2021/HSPT	02/02/2021	TAND TP.HCM	Tội giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
407.	203/2021/HSST	24/12/2021	TAND Q. Tây Hồ, TP.Hà Nội	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
408.	121/2021/HSPT	24/12/2021	TAND Tỉnh Hải Dương	Tội làm nhục người khác	Phạm tội 02 lần trở lên
409.	217/2021/HSPT	24/12/2021	TAND Tỉnh Thanh Hóa	Tội đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
410.	126/2021/HSPT	23/12/2021	TAND TP. Đà Nẵng	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
411.	320/2021/HSPT	23/12/2021	TAND Tỉnh Đắk Lắk	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
412.	69/2021/HS-PT	20/01/2021	TAND TP.HCM	Giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
413.	308/2021/HS-PT	13/07/2021	TAND TP. Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội
414.	82/2021/HS-PT	15/12/2021	TAND Tỉnh Quảng Bình	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
415.	116/2021/HS-PT	14/12/2021	TAND Tỉnh Hải Dương	Tội đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
416.	61/2021/HS-ST	14/12/2021	TAND Q. Bình Thủy, TP.	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Cần Thơ		hiểm
417.	30/2021/HSST	06/4/2021	TAND Tỉnh Kiên Giang	Giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
418.	113/2021/HS-PT	14/12/2021	TAND Tỉnh Long An	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
419.	113/2021/HS-PT	13/12/2021	TAND Tỉnh Quảng Bình	Tội trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
420.	15/2021/HS-ST	09/12/2021	TAND huyện Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
421.	161/2021/HS-PT	22/12/2021	TAND Tỉnh Hà Tĩnh	Cố ý gây thương tích	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội
422.	50/2021/HSST	08/12/2021	TAND huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
423.	48/2021/HS-ST	07/12/2021	TAND Tỉnh Tuyên Quang	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm nguy hiểm
424.	75/2021/HS-ST	07/12/2021	TAND huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
425.	42/2021/HS-ST	30/09/2021	TAND thị xã Đông Hòa, Tỉnh	Cố ý gây thương tích hoặc	Phạm tội vì động cơ đê hèn

			Phú Yên	gây tổn hại sức khỏe người khác	
426.	56/2021/HS-ST	03/12/2021	TAND huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
427.	288/2021/HS-PT	12/05/2021	TAND TP.HCM	Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	Phạm tội có tổ chức
428.	108/2021/HS-ST	03/12/2021	TAND huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
429.	73/2021/HS-PT	03/12/2021	TAND Tỉnh An Giang	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
430.	100/2021/HS-ST	02/12/2021	TAND TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
431.	03/2021/HS-ST	08/01/2021	TAND huyện Minh Hóa, Tỉnh Quảng Bình	Cố ý gây thương tích	Phạm tội có tính chất côn đồ
432.	156/2021/HSST	02/12/2021	TAND TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
433.	19/2021/HSST	02/12/2021	TAND Tỉnh Sơn La	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
434.	335/2021/HS-PT	23/09/2021	TAND TP. Đà Nẵng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Có hành động xảo quyệt hoặc

					hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm
435.	114/2021/HS-ST	02/12/2021	TAND Q. Cái Răng, TP. TP.Cần Thơ	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
436.	172/2021/HS-ST	02/12/2021	TAND TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
437.	25/2021/HSST	23/3/2021	TAND TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Bắt giữ người trái pháp luật	Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội; Tái phạm nguy hiểm
438.	43/2021/HS-ST	02/12/2021	TAND huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
439.	153/2021/HS-PT	01/12/2021	TAND Tỉnh Bình Dương	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
440.	47/2021/HS-ST	01/12/2021	TAND huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
441.	46/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
442.	13/2021/HS-PT	27/5/2021	TAND Tỉnh Quảng Trị	Cố ý gây thương tích	Phạm tội vì động cơ đê hèn
443.	88/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện Đắk R'lấp, Tỉnh	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy

			Đắk Nông		hiểm
444.	24/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện Ngân Sơn, Tỉnh Bắc Kạn	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
445.	11/2021/HS-ST	01/03/2021	TAND Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ	Đe dọa giết người	Phạm tội vì động cơ đê hèn
446.	52/2021/HS-ST	11/8/2021	TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế	Giết người	Phạm tội với người từ đủ 70 tuổi trở lên; Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được
447.	86/2021/HS-ST	10/09/2021	TAND Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Trộm cắp tài sản	Có hành động xảo quyệt nhằm che dấu tội phạm
448.	34/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
449.	202/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
450.	87/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện Chiêm Hóa, Tỉnh Tuyên Quang	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
451.	41/2021/HS-ST	24/6/2021	TAND huyện Bắc Tân Uyên,	Bắt, giữ người trái pháp luật	Có hành động xảo quyệt nhằm

			Tỉnh Bình Dương		trốn tránh tội phạm
452.	10/2021/HS-ST	30/11/2021	TAND huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
453.	47/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND Tỉnh Bắc Kạn	Vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
454.	21/2021/HS-ST	29/3/2021	TAND huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	Cố ý gây thương tích	Phạm tội có tính chất côn đồ; Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được
455.	66/2021/HSST	29/11/2021	TAND huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông	Tội đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
456.	80/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
457.	64/2021/HSST	29/11/2021	TAND huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
458.	162/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND TP. Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
459.	35/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

460.	13/2021/HS-PT	27/05/2021	TAND Tỉnh Quảng Trị	Cố ý gây thương tích	Phạm tội vì động cơ đê hèn
461.	40/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
462.	119/2021/HSST	29/11/2021	TAND TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
463.	68/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
464.	65/2021/HSST	29/11/2021	TAND huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
465.	200/2021/HS-PT	29/11/2021	TAND Tỉnh Thanh Hóa	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
466.	92/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND TP. Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm nguy hiểm và phạm tội 02 lần trở lên
467.	58/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND Tỉnh Lào Cai	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
468.	91/2021/HS-ST	29/11/2021	TAND huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
469.	104/2021/HS-ST	26/11/2021	TAND huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

470.	154/2021/HS-ST	26/11/2021	TAND TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Mua bán và vận chuyển trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
471.	135/2021/HS-ST	26/11/2021	TAND TP. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
472.	46/2021/HSST	26/11/2021	TAND TP. Hà Giang, Tỉnh Hà Giang	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
473.	135/2021/HS-ST	25/11/2021	TAND Q. Tân Bình, TP.HCM	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
474.	04/2021/HS-ST	09/3/2021	TAND huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị	Cố ý gây thương tích	Phạm tội vì động cơ đê hèn
475.	58/2021/HSST	25/11/2021	TAND huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
476.	101/2021/HS-PT	25/11/2021	TAND Tỉnh Hải Dương	Gây rối trật tự nơi công cộng	Phạm tội 02 lần trở lên
477.	05/2021/HS-ST	31/03/2021	TAND huyện Kiên Lương, tỉnh Kiện Giang	Tội trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
478.	53/2021/HS-ST	30/08/2021	TAND Tỉnh Hà Giang	Giết người	Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng
479.	04/2021/HS-ST	25/11/2021	TAND huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên

480.	43/2021/HS-PT	24/11/2021	TAND Tỉnh Lào Cai	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
481.	105/2021/HS-ST	24/11/2021	TAND Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
482.	47/2021/HS-PT	19/5/2021	TAND Tỉnh Đắk Nông	Cố ý gây thương tích	Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm
483.	158/2021/HSST	24/11/2021	TAND TP, Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
484.	68/2021/HSST	24/11/2021	TAND huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
485.	64/2021/HS-ST	24/11/2021	TAND huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
486.	31/2021/HS-PT	07/7/2021	TAND Tỉnh Hà Nam	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
487.	341/2021/HS-ST	23/11/2021	TAND TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
488.	102/2021/HS-ST	23/11/2021	TAND Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Cướp, cướp giật và trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
489.	54/2021/HS-PT	13/09/2021	TAND Tỉnh Phú Yên	Chống người thi hành công	Cố tình thực hiện tội phạm đến

				vụ	cùng
490.	68/2021/HS-ST	04/06/2021	TAND huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	Cố ý làm hư hỏng tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
491.	72/2021/HS-ST	23/11/2021	TAND huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
492.	61/2021/HSST	23/11/2021	TAND huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm
493.	186/2021/HS-ST	23/11/2021	TAND thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
494.	150/2021/HS-ST	22/11/2021	TAND thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
495.	82/2021/HS-ST	28/09/2021	TAND Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	Mua bán và vận chuyển trái phép chất ma túy	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
496.	378/2021/HS-PT	28/09/2021	TAND TP. Đà Nẵng	Trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
497.	41/2021/HS-ST	09/07/2021	TAND huyện Hàm Yên, Tỉnh Tuyên Quang	Hủy hoại tài sản	Phạm tội có tính chất côn đồ
498.	28/2021/HS-ST	09/3/2021	TAND thị xã Tân Uyên, Tỉnh	Mua bán trái phép chất ma	Phạm tội có tính chất chuyên

			Bình Dương	túy	nghiệp
499.	82/2021/HS-ST	28/9/2021	TAND Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	Mua bán và vận chuyển trái phép chất ma túy	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
500.	14/2021/HSST	11/3/2021	TAND TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

(Nguồn: Tác giả tự thống kê)

PHỤ LỤC SỐ 08

TỔNG HỢP 200 BẢN ÁN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TNHS LIÊN QUAN ĐẾN NHIỀU TỘI PHẠM TỪ NĂM 2016 ĐẾN THÁNG 06/2022 TRONG PHẠM VI CẢ NƯỚC

STT	Số Bản án	Ngày	Tòa án	Tội danh	Các tình tiết tăng nặng TNHS
1	24/2017/HSST	12/09/2017	TAND thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Chứa mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
2	91/2017/HSST	28/12/2017	TAND Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.	Phạm tội 02 lần trở lên, Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và Tái phạm/Tái phạm nguy hiểm
3	149/2017/HSST	11/08/2017	TAND TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Môi giới hối lộ	Phạm tội 02 lần trở lên
4	05/2018/HS-ST	23/3/2018	TAND tỉnh Đắk Nông	Chứa mại dâm và môi giới mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
5	12/2018/HS-ST	12/06/2018	TAND huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Buôn bán hàng cấm và vận chyển hàng cấm	Phạm tội 02 lần trở lên

6	17/2018/HS-ST	19/6/2018	TAND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
7	29/2018/HS-ST	23/05/2018	TAND huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Tội cướp giật tài sản.	Phạm tội 02 lần trở lên, Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và Tái phạm/Tái phạm nguy hiểm
8	23/2018/HSST	27/9/2018	TAND huyện T, Tỉnh Kiên Giang	Không tố giác tội phạm	Phạm tội 02 lần trở lên
9	23/2018/HS-ST	26/11/2018	TAND huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	Vận chuyển hàng cấm	Phạm tội 02 lần trở lên
10	28/2018/HS-ST	30/05/2018	TAND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Phát hành trái phép hóa đơn	Phạm tội 02 lần trở lên
11	32/2018/HS-ST	31/10/2018	TAND thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	Vận chuyển hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
12	33/2018/HSST	06/11/2018	TAND huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Trộm cắp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
13	37/2018/HSST	07/06/2018	TAND Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Chống người thi hành công vụ	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
14	47/2018/HSST	27/3/2018	TAND quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

15	50/2018/HSST	25/06/2018	TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
16	53/2018/HS-ST	26/06/2018	TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
17	55/2018/HSST	22/08/2018	TAND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
18	63/2018/HS-ST	13/8/2018	TAND huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Chứa mại dâm	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
19	64/2018/HS-ST	30/07/2018	TAND TP. Hải Phòng	Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
20	64/2018/HS-ST	31/10/2018	TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
21	70/2018/HS-ST	14/11/2018	TAND huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
22	70/2018/HSST	15/11/2018	TAND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	Chống người thi hành công vụ	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
23	76/2018/HS-PT	29/05/2018	TAND tỉnh Thừa Thiên Huế	Trộm cắp tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

24	86/2018/HSST	07/6/2018	TAND huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
25	89/2018/HS-ST	15/11/2018	TAND TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
26	93/2018/HS-ST	25/10/2018	TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội tàng trữ hàng cấm	Tái phạm nguy hiểm
27	102/2018/HSPT	06/11/2018	TAND tỉnh Hải Dương	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
28	164/2018/HSST	28/6/2018	TAND quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Chứa mại dâm và môi giới mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
29	167/2018/HSPT	30/08/2018	TAND tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm	Phạm tội 02 lần trở lên
30	193/2018/HSST	15/08/2018	TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nhận hối lộ	Phạm tội 02 lần trở lên
31	206/2018/HSST	28/09/2018	TAND quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Cướp tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
32	253/2018/HSST	23/7/2018	TAND Thành phố HCM	Mua bán trái phép chất ma	Tái phạm hoặc Tái phạm

				túy	nguy hiểm
33	702/2018/HSPT	18/12/2018	TAND cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhận hối lộ và đưa hối lộ	Phạm tội 02 lần trở lên
34	01/2019/HS-ST	22/1/2019	TAND thị xã G, Tỉnh Bạc Liêu	Giả mạo trong công tác	Phạm tội 02 lần trở lên
35	02/2019/HS-ST	29/01/2019	TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Vận chuyển hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
36	04/2019/HS-ST	30/01/2019	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Vận chuyển hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
37	04/2019/HS-ST	28/6/2019	TAND huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
38	06/2019/HSST	28/01/2019	TAND huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk	Hiếp dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
39	06/2019/HS-ST	10/5/2019	TAND huyện LT, tỉnh Hòa Bình	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội 02 lần trở lên
40	07/2019/HS-ST	12/04/2019	TAND tỉnh Yên Bái	Mua bán người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
41	07/2019/HS-ST	03/9/2019	TAND huyện Tân Hưng, tỉnh Long An	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
42	10/2019/HS-ST	25/01/2019	TAND Thành phố Hải Phòng	Trốn thuế	Tái phạm hoặc Tái phạm

					nguy hiểm
43	10/2019/HS-ST	25/06/2019	TAND huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang	Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản	Phạm tội 02 lần trở lên
44	13/2019/HS-ST	21/02/2019	TAND TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
45	14/2019/HS-ST	04/09/2019	TAND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Bắt giữ người trái pháp luật	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
46	15/2019/HSST	27/02/2019	TAND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Trốn khỏi nơi giam	Phạm tội 02 lần trở lên
47	16/2019/HS-PT	22/02/2019	TAND tỉnh Đắk Nông	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
48	18/2019/HS-ST	31/01/2019	TAND huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	Trộm cắp tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
49	21/2019/HS-ST	06/09/2019	TAND tỉnh Trà Vinh	Hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Phạm tội 02 lần trở lên
50	23/2019/HS-ST	22/04/2019	TAND tỉnh Hưng Yên	Chống người thi hành công vụ	Phạm tội 02 lần trở lên
51	23/2019/HS-ST	26/07/2019	TAND huyện Hưng Nguyên, tỉnh	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm nguy hiểm

			Nghệ An		
52	24/2019/HS-ST	11/06/2019	TAND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Trốn khỏi nơi giam	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
53	25/2019/HS-ST	26/02/2019	TAND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
54	26/2019/HS-ST	17/10/2019	TAND tỉnh Tuyên Quang	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
55	27/2019/HS-PT	20/03/2019	TAND tỉnh Bến Tre	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
56	29/2019/HS-ST	22/08/2019	TAND huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
57	32/2019/HS-ST	06/3/2019	TAND thành phố Hải Dương	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
58	33/2019/HS-ST	20/3/2019	TAND quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của CQ, TC	Phạm tội 02 lần trở lên
59	37/2019/HS-ST	16/5/2019	TAND tỉnh Quảng Ninh	Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng	Phạm tội 02 lần trở lên
60	38/2019/HS-ST	14/10/2019	TAND huyện P, Thành phố Cần	Sản xuất, buôn bán hàng	Tái phạm hoặc Tái phạm

			Thơ	giả	nguy hiểm
61	41/2019/HS-ST	15/11/2019	TAND huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
62	44/2019/HS-PT	09/04/2019	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Chống người thi hành công vụ	Phạm tội 02 lần trở lên
63	45/2019/HS-ST	02/07/2019	TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và cưỡng đoạt tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
64	46/2019/HS-ST	30/12/2019	TAND tỉnh Hòa Bình	Giết người	Phạm tội 02 lần trở lên
65	51/2019/HS-PT	27/02/2019	TAND tỉnh Quảng Nam	Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
66	52/2019/HS-PT	27/02/2019	TAND tỉnh Quảng Nam	Vận chuyển trái phép hàng hóa quá biên giới	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
67	53/2019/HS-PT	28/06/2019	TAND tỉnh Bên Tre	Vận chuyển hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
68	53/2019/HSPT	08/10/2019	TAND tỉnh Thái Bình	Tiêu thụ tài sản do người	Phạm tội 02 lần trở lên

				khác phạm tội mà có	
69	55/2019/HSST	27/11/2019	TAND huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
70	56/2019/HS-ST	05/3/2019	TAND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội 02 lần trở lên
71	59/2019/HS-PT	05/08/2019	TAND tỉnh Đắk Nông	Hủy hoại rừng	Phạm tội 02 lần trở lên
72	64/2019/HS-PT	04/4/2019	TAND tỉnh An Giang	Chứa mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
73	64/2019/HS-ST	31/05/2019	TAND huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
74	66/2019/HS-ST	22/10/2019	TAND huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
75	81/2019/HS-ST	31/07/2019	TAND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chống người thi hành công vụ	Phạm tội 02 lần trở lên
76	86/2019/HS-ST	28/08/2019	TAND tỉnh Quảng Ninh	Mua bán người dưới 16 tuổi	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
77	87/2019/HS-PT	27/12/2019	TAND TP. Hải Phòng	Trốn thuế	Phạm tội 02 lần trở lên
78	89/2019/HS-PT	20/9/2019	TAND tỉnh Quảng Bình	Chứa mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
79	90/HS-ST	08/5/2019	TAND huyện Bình Chánh, Thành	Môi giới mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên

			phố HCM		
80	91/2019/HS-PT	04/10/2019	TAND tỉnh Đăk Nông	Trộm cắp tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
81	99/2019/HS-PT	07/10/2019	TAND tỉnh An Giang	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
82	113/2019/HSPT	25/11/2019	TAND tỉnh Lâm Đồng	Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
83	118/2019/HSST	16/8/2019	TAND thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
84	122/2019/HSST	24/10/2019	TAND quận Tân Bình, Thành phố HCM	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
85	123/2019/HSST	29/11/2019	TAND TP. Hải Phòng	Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước	Phạm tội 02 lần trở lên
86	127/2019/HSST	26/08/2019	TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng giả là thực phẩm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
87	129/2019/HSST	30/11/2019	TAND tỉnh Sơn La	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
88	151/2019/HSST	23/08/2019	TAND quận Hai Bà Trưng, Thành	Sản xuất, buôn bán hàng	Phạm tội 02 lần trở lên

			phố Hà Nội	giả là lương thực, thực phẩm	
89	204/2019/HSST	27/11/2019	TAND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Vi phạm quy định kế toán gây hậu quả nghiêm trọng	Phạm tội 02 lần trở lên
90	277/2019/HSST	30/09/2019	TAND quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Lưu hành tiền giả	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
91	285/2019/HSPT	21/05/2019	TAND cấp cao tại Thành phố hồ chí minh	Hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Phạm tội 02 lần trở lên
92	293/2019/HSPT	18/4/2019	TAND Thành phố Hà Nội	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội 02 lần trở lên
93	299/2019/HSPT	09/07/2019	TAND TP. Hồ Chí Minh	Bắt giữ người trái pháp luật	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
94	304/2019/HSST	26/06/2019	TAND TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Làm nhục người khác	Phạm tội 02 lần trở lên
95	321/2019/HSPT	31/7/2019	TAND Thành phố HCM	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
96	332/2019/HSPT	07/08/2019	TAND TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
97	338/2019/HSST	12/09/2019	TAND TP. Hồ Chí Minh	Hiếp dâm người dưới 16	Phạm tội 02 lần trở lên

				tuổi	
98	386/2019/HSPT	09/07/2019	TAND cấp cao tại Hà Nội	Mua bán người	Phạm tội 02 lần trở lên
99	01/2020/HS-ST	15/01/2020	TAND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Vi phạm quy định bảo vệ động vật	Phạm tội 02 lần trở lên
100	01/2020/HS-ST	21/01/2020	TAND huyện Đức Huệ, tỉnh Long An	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
101	02/2020/HS-PT	02/01/2020	TAND tỉnh Sóc Trăng	Buôn bán hàng cấm và vận chuyển hàng cấm	Phạm tội 02 lần trở lên
102	02/2020/HS-ST	06/03/2020	TAND huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	Trốn khỏi nơi giam	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
103	03/2020/HS-ST	10/01/2020	TAND tỉnh Phú Yên	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
104	03/2020/HS-ST	13/05/2020	TAND huyện I, tỉnh Kon Tum	Hủy hoại rừng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
105	04/2020/HS-PT	09/01/2020	TAND tỉnh Bắc Ninh	Chứa mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
106	04/2020/HS-ST	28/04/2020	TAND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
107	05/2020/HS-PT	16/01/2020	TAND tỉnh Quảng Bình	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên

108	05/2020/HS-ST	27/02/2020	TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
109	05/2020/HSST	17/04/2020	TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	Trốn khỏi nơi giam	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
110	12/2020/HS-PT	27/02/2020	TAND tỉnh Quảng Trị	Tham ô tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
111	22/2020/HS-ST	22/05/2020	TAND tỉnh Lào Cai	Mua bán người	Phạm tội 02 lần trở lên
112	27/2020/HS-ST	29/05/2020	TAND Quận 2, TP Hồ Chí Minh	Trộm cắp tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
113	22/2020/HS-ST	30/07/2020	TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng	Trốn thuế	Phạm tội 02 lần trở lên
114	22/2020/HS-ST	26/8/2020	TAND huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
115	22/2020/HS-ST	11/9/2020	TAND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
116	27/2020/HSST	15/09/2020	TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
117	30/2020/HS-ST	29/04/2020	TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Dâm ô với người dưới 16 tuổi	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
118	30/2020/HS-PT	22/09/2020	TAND tỉnh Lào Cai	Cho vay lãi nặng trong	Phạm tội 02 lần trở lên

				giao dịch dân sự và Đánh bạc	
119	31/2020/HS-ST	29/12/2020	TAND huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau	Lưu hành tiền giả	Phạm tội 02 lần trở lên
120	39/2020/HS-ST	27/11/2020	TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
121	42/2020/HS-ST	05/08/2020	TAND huyền Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
122	47/2020/HS-ST	29/10/2020	TAND tỉnh Yên Bái	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
123	49/2020/HS-ST	11/11/2020	TAND huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Tham ô tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
124	51/2020/HS-ST	29/6/2020	TAND thị xã HM, tỉnh Nghệ An	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
125	53/2020/HS-ST	17/7/2020	TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Tàng trữ trái phép chất ma túy	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
126	54/2020/HS-ST	20/05/2020	TAND TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
127	56/2020/HS-ST	04/05/2020	TAND Thành phố Cà Mau, tỉnh	Trốn khỏi nơi giam	Tái phạm hoặc Tái phạm

			Cà Mau		nguy hiểm
128	59/2020/HS-PT	10/02/2020	TAND TP. Hà Nội	Mua bán trái phép chất ma túy	Tái phạm nguy hiểm
129	65/2020/HS-PT	16/7/2020	TAND tỉnh Cà Mau	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
130	74/2020/HS-ST	18/09/2020	TAND TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên
131	74/2020/HS-ST	27/11/2020	TAND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Bắt người trái pháp luật	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
132	82/2020/HS-ST	23/9/2020	TAND thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
133	88/2020/HS-ST	27/11/2020	TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Đe doạ giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
134	102/2020/HSST	23/12/2020	TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Công nhiên chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
135	105/2020/HSPT	29/9/2020	TAND tỉnh Hải Dương	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Phạm tội 02 lần trở lên
136	113/2020/HSST	26/11/2020	TAND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	Cố ý gây thương tích và cướp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

137	116/2020/HSPT	28/12/2020	TAND tỉnh Bình Phước	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
138	124/2020/HSPT	30/12/2020	TAND tỉnh Đắk Nông	Chứa mại dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
139	128/2020/HSST	08/9/2020	TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
140	137/2020/HSPT	09/09/2020	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự	Phạm tội 02 lần trở lên
141	145/2020/HSST	15/12/2020	TAND quận Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
142	159/2020/HSPT	06/12/2020	TAND tỉnh Bình Dương	Buôn bán hàng cấm	Phạm tội 02 lần trở lên
143	177/2020/HSST	21/11/2020	TAND tỉnh Nghệ An	Hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Phạm tội 02 lần trở lên
144	179/2020/HSST	28/12/2020	TAND tỉnh Thanh Hóa	Hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Phạm tội 02 lần trở lên
145	273/2020/HSST	30/11/2020	TAND quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Vi phạm quy định bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
146	290/2020/HSPT	28/9/2020	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Sử dụng trái phép vật liệu nổ	Phạm tội 02 lần trở lên

147	298/2020/HSPT	18/06/2020	TANSD Thành phố Hồ Chí Minh	Nhận hối lộ	Phạm tội 02 lần trở lên
148	340/2020/HSST	28/8/2020	TAND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
149	347/2020/HSPT	22/12/2020	TAND tỉnh Thanh Hóa	Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức	Phạm tội 02 lần trở lên
150	666/2020/HSPT	08/09/2020	TAND Thành phố Hà Nội	Cưỡng dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
151	01/2021/HSST	07/01/2021	TAND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
152	01/2021/HS-ST	12/01/2021	TAND huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
153	02/2021/HS-ST	20/01/2021	TAND tỉnh Hậu Giang	Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Phạm tội 02 lần trở lên

154	02/2021/HSST	29/01/2021	TAND huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Hiếp dâm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
155	04/2021/HS-ST	18/01/2021	TAND quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	Cưỡng dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
156	04/2021/HS-PT	09/3/2021	TAND tỉnh Hà Giang	Không chấp hành án	Phạm tội 02 lần trở lên
157	06/2021/HSST	06/01/2021	TAND Thành phố H	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
158	06/2021/HS-ST	25/01/2021	TAND tỉnh Kon Tum	Nhận hối lộ và đưa hối lộ	Phạm tội 02 lần trở lên
159	06/2021/HS-PT	26/05/2021	TAND tỉnh Tây Ninh	Hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
160	08/2021/HSST	01/03/2021	TAND thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Bắt, giữ người trái pháp luật	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
161	09/2021/HS-PT	22/01/2021	TAND tỉnh B	Tham ô tài	Phạm tội 02 lần trở lên
162	10/2021/HS-ST	04/06/2021	TAND huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên

163	12/2021/HS-ST	28/01/2021	TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Công nhiên chiếm đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
164	14/2021/HS-ST	09/03/2021	TAND TP. Đà Nẵng	Giết người	Tái phạm nguy hiểm
165	14/2021/HS-ST	11/3/2021	TAND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
166	14/2021/HS-ST	28/09/2021	TAND tỉnh Đồng Tháp	Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép	Phạm tội 02 lần trở lên
167	17/2021/HS-ST	03/02/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép	Phạm tội 02 lần trở lên
168	17/2021/HS-ST	20/05/2021	TAND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
169	19/2021/HS-ST	09/4/2021	TAND thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Sử dụng mạng máy tính … thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
170	19/2021/HS-ST	26/04/2021	TAND thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Cố ý gây thương tích	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
171	21/2021/HS-ST	31/5/2021	TAND huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Vi phạm quy định tham gia GTĐB	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
172	24/2021/HS-PT	21/01/2021	TAND cấp cao tại Hà Nội	Tổ chức, môi giới cho	Phạm tội 02 lần trở lên

				người khác trốn đi nước ngoài	
173	24/2021/HS-PT	28/01/2021	TAND tỉnh Đắk Lắk	Chứa mại dâm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
174	24/2021/HS-ST	26/4/2021	TAND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
175	25/2021/HS-ST	27/05/2021	TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Buôn bán hàng cấm	Tái phạm nguy hiểm
176	28/2021/HS-ST	28/4/2021	TAND tỉnh Lai Châu	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
177	29/2021/HS-ST	09/04/2021	TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Trốn thuế	Phạm tội 02 lần trở lên
178	29/2021/HS-ST	25/03/2021	TAND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Hiếp dâm, cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
179	32/2021/HS-ST	05/03/2021	TAND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Trộm cắp tài sản	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
180	32/2021/HS-PT	30/3/2021	TAND Thành phố Đà Nẵng	Làm giả con dấu, tài liệu của CQ, TC	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp
181	37/2021/HS-ST	30/6/2021	TAND huyện Đắk R'Lấp tỉnh	Làm giả, sử dụng tài liệu	

			Đắk Nông	giả của cơ quan, tổ chức	
182	39/2021/HS-ST	12/05/2021	TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Cố ý gây thương tích và Hành hạ con, cháu	Phạm tội 02 lần trở lên
183	41/2021/HS-PT	14/06/2021	TAND tỉnh Quảng Ngãi	Lưu hành tiền giả	Phạm tội 02 lần trở lên
184	45/2021/HS-ST	11/6/2021	TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình	Mua bán trái phép chất ma túy	Phạm tội 02 lần trở lên
185	53/2021/HS-PT	18/5/2021	TAND tỉnh Long An	Đánh bạc	Phạm tội 02 lần trở lên
186	55/2021/HS-PT	02/6/2021	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
187	56/2021/HS-ST	09/09/2021	TAND huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Trốn thuế	Tái phạm nguy hiểm
188	57/2021/HS-ST	25/08/2021	TAND huyện đắk r'lấp, tỉnh đắk nông	Hiếp dâm	Phạm tội 02 lần trở lên
189	61/2021/HS-PT	08/11/2021	TAND tỉnh An Giang	Tham ô tài sản	Phạm tội 02 lần trở lên
190	63/2021/HS-ST	25/08/2021	TAND huyện An Dương, TP. Hải Phòng	Cố ý gây thương tích	Phạm tội 02 lần trở lên

191	65/2021/HS-ST	26/04/2021	TAND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Vận chuyển hàng cấm	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
192	71/2021/HS-PT	28/06/2021	TAND tỉnh Long An	Bắt người trái pháp luật và gây rối trật tự công cộng	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
193	75/2021/HS-ST	15/6/2021	TAND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
194	82/2021/HS-ST	19/4/2021	TAND quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Gây rối trật tự công cộng	Phạm tội 02 lần trở lên
195	87/2021/HS-ST	27/05/2021	TAND thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm	Phạm tội 02 lần trở lên
196	92/2021/HS-PT	24/3/2021	TAND tỉnh Đắk Lắk	Đánh bạc	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm
197	117/2021/HSPT	22/04/2021	TAND tỉnh Đồng Tháp	Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép	Phạm tội 02 lần trở lên
198	220/2021/HSPT	15/4/2021	TAND cấp cao tại TP.HCM	Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức	Phạm tội 02 lần trở lên
199	233/2021/HSPT	29/04/2021	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm

					nguy hiểm
200	299/2021/HSPT	13/07/2021	TAND cấp cao tại Hà Nội	Giết người	Tái phạm hoặc Tái phạm nguy hiểm

(Nguồn: tác giả tự thống kê)